NĂM THỨ MƯỜI HAI • # 136 • AUGUST 2000

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL: (714) 839-8746 • FAX: (714) 839-8215

TRIẾT HỌC ĐI VỀ ĐÂU?

LÊ ĐÌNH THÔNG

ÔNG TÁM

NGUYỄN VĂN THÀ

CHIỀU LÊN HỘI QUÁN

NGUYỄN LÊ HỒNG HƯNG

Phát Hành Đầu Tháng 8, 2000

HOÀI LINH VIDEO 1

VUI NHẤT - LẠ NHẤT - HẤP DẪN NHẤT

ĐỆ NHẤT DANH HÀI HOÀI LINH SẼ TẠO NHỮNG TRÀNG CƯỜI NGHIÊNG NGỬA CHO QUÝ VỊ
TRONG NHỮNG VỞ HÀI KỊCH ĐẶC SẮC CHƯA TỪNG TRÌNH DIỄN TỪ TRƯỚC ĐẾN NAY.
VỚI SỰ GÓP MẶT CỦA NHỮNG CA SĨ TRÚ DANH HÀNG ĐẦU TẠI HẢI NGOẠI

Mời Quý Vị Nhớ Đón Mua

Thế Giới Nghệ Thuật

Hân hạnh giới thiệu

HOÀI LINH VIDEO IN TORONTO

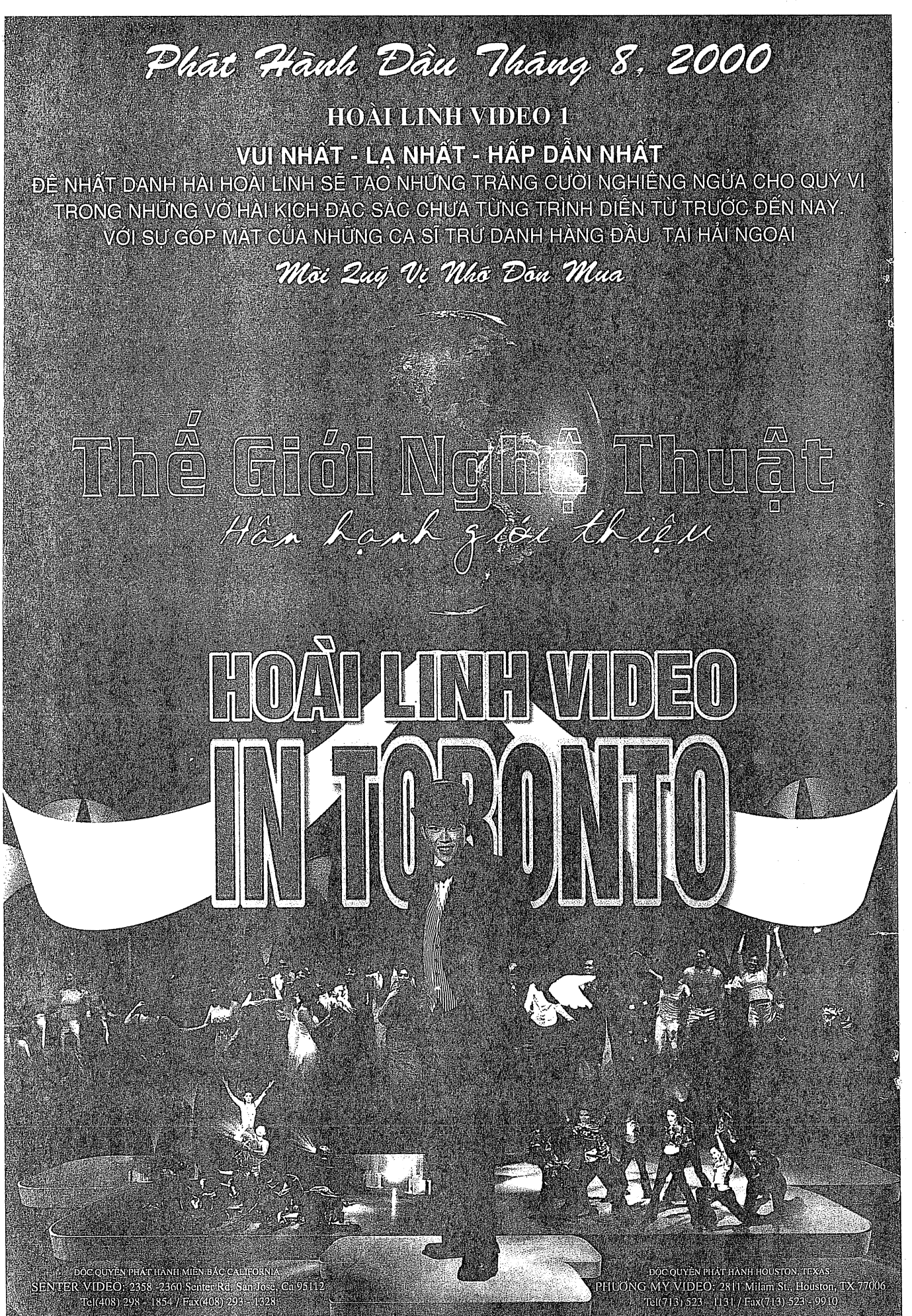

ĐỘC QUYỀN PHÁT HÀNH MIỀN BẮC CALIFORNIA:
SENTER VIDEO: 2358 -2360 Senter Rd. San Jose, Ca 95112
Tel(408) 298 - 1854 / Fax(408) 293 - 1328

ĐỘC QUYỀN PHÁT HÀNH HOUSTON, TEXAS:
PHƯƠNG MY VIDEO: 2811 Milam St., Houston, TX 77006
Tel(713) 523 - 1131 / Fax(713) 523 - 9910

THẾ GIỚI NGHỆ THUẬT ENTERTAINMENT INC. - HOÀI LINH VIDEO / 14541 BUSHARD ST. WESTMINSTER, CA 92683 - USA / TEL. (714) 863 - 1348

Hàng triệu người Việt Nam trong và ngoài nước theo dõi

VIDEO PARIS BY NIGHT

Nhưng chỉ có 3000 khán giả tại California được dự kiến tận mắt hình ảnh và âm thanh sống động của PARIS BY NIGHT SHOW lúc quay hình với hàng ngàn chuyên viên kỹ thuật, nhà designer, nhà vẽ kiểu mẫu, vũ công, v.v...

Thúy Nga

Paris by Night

Show

Long Beach

KHÁNH LY - NHƯ QUỲNH
HOÀNG LAN - LƯU BÍCH
MỸ HUYỀN - THIÊN KIM - BẢO HÂN
PHI NHUNG - NINH CẤT LOAN CHÂU
LYNDA TRANG ĐÀI - NGỌC ÁNH
TRÚC LAM - TRÚC LINH
TUẤN NGỌC - ĐƠN HỒ

NGUYỄN HƯNG - THẾ SƠN
TRẦN ĐỨC - MẠNH ĐÌNH
MẠNH QUỲNH - TRƯỜNG VŨ
TRANG THANH LAN
KỲ DUYÊN - NGUYỄN NGỌC NGẠN
HỒNG ĐÀO - QUANG MINH
LAY MINH - TOMMY NGÔ v.v...

ngày 17 tháng 9 năm 2000

Chương trình sẽ được trực tiếp thu hình tại Đại Hí Viện

LONG BEACH TERRACE THEATER

Để tránh trường hợp mua không được vé - Chỗ ngồi không tốt
XIN LIÊN LẠC ĐỂ ĐẶT VÉ TRƯỚC TẠI TRUNG TÂM THÚY NGA

(714) 894-5811

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....
Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....
Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.
Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... ĐT. / *Phone:*.....
Địa chỉ / *Address:*.....
Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me:*
□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #*.....

Gửi Bulk Rate	□ 1 năm / 1 year US$50.00	□ 2 năm / 2 years US$90.00
Gửi First Class:	□ 1 năm / 1 year US$64.00	□ 2 năm / 2 years US$120.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA	□ 1 năm / 1 year US$68.00	□ 2 năm / 2 years US$130.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*	□ 1 năm / 1 year US$90.00	□ 2 năm / 2 years US$170.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	□ 1 năm / 1 year US$106.00	□ 2 năm / 2 years US$196.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 15 tháng Giêng 1998. / *Effective from January 15, 1998.*
(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*
(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*
(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*
(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE, CA 92840 USA. TEL. (714) 839-8746 FAX (714) 839-8215

"Đôi Mắt Là Cửa Sổ Của Tâm Hồn"

ThanhThảo đã được Bác Sĩ Michael Rose điều chỉnh thị giác bằng phương pháp LAZIK và nay đã có thị giác toàn hảo. Cuộc sống của Thanh Thảo đã có nhiều thay đổi tốt đẹp hơn từ ngày không còn bị lệ thuộc vào kính cận và contact lenses.

Nếu quý vị muốn có thị giác toàn hảo và khỏi phải lệ thuộc vào kính mắt hoặc contact lenses, xin hãy đến với những bác sĩ chuyên nghiệp. ***Bác sĩ Michael Rose*** và ***Bác sĩ Marc Rose*** là hai bác sĩ chuyên ngành về phương pháp ***LAZIK*** với trên 10 năm kinh nghiệm và đã hoàn tất trên 20,000 cuộc giải phẫu Laser và điều chỉnh thị giác. ***Bác sĩ Michael Rose*** là vị bác sĩ thứ nhì được chứng nhận được phép áp dụng phương pháp giải phẫu ***LAZIK*** tại miền Nam California.

SOUTH COAST LASER CENTER

3420 Bristol Street, Ste. 700
Costa Mesa, CA 92626
(714) 957-0272

ROSE EYE MEDICAL GROUP

3325 North Broadway
Los Angeles *(Lincoln Heights)*, CA 90031
Tel: 1-888-LASER-03

Để được tham khảo miễn phí, xin gọi:

(714) 957-0272

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA

NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

(714) 531-2773

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

* CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.
* HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.

* *Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*
* *Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT
* TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG
* LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI
* NHA KHOA THẨM MỸ
* NHA KHOA NHI ĐỒNG

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

Thuyết trình và Hội thảo về

TỰ DO NHÂN QUYỀN VÀ VI PHẠM NHÂN QUYỀN

"Không gì quý hơn độc lập tự do" chỉ là một khẩu hiệu tuyên truyền
"Xây dựng một chế độ dân chủ gấp triệu lần chế độ dân chủ từ sản Tây phương"
chỉ là một đại ngôn vô lối.
"Nước độc lập mà không có tự do hạnh phúc thì độc lập cũng chẳng có ý nghĩa gì"
chỉ là một lời giả nhân giả nghĩa.
Nói *"dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh"* nhưng thực tế thì:
dân nghèo, nhà nước mạnh, xã hội bất công và chế độ man rợ.

Xin mời các bạn tham dự buổi thuyết trình và hội thảo của

CÂU LẠC BỘ VĂN HÓA VIỆT NAM
để nghe L.S. Nguyễn Hữu Thống nói về:
Tự Do Nhân Quyền và Những Vi Phạm Nhân Quyền ở Việt Nam
Chủ Nhật 27 - 8 - 2000, từ 2 giờ đến 5 giờ chiều
Tại Hội trường Đài phát thanh Little Saigon Radio
15781 Brookhurst St., #100
Westminster , CA 92683
Tel: (714) 918-4444

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

* Video: **LỄ PHONG CHÂN PHƯỚC**
ANDRÊ PHÚ YÊN
Vị Tử Đạo tiên khởi Việt Nam

* **CD-ROM: 300 NGÔI CHÙA NỔI TIẾNG VIỆT NAM**
Hơn 2200 ảnh màu và tóm tắt lịch sử của 300 ngôi chùa nổi tiếng nhất.

* **ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA: Từ Bi và Kẻ Thù**
do PHƯƠNG DUNG tổng hợp những bài giảng hay nhất của Đức Đạt Lai Lạt Ma.

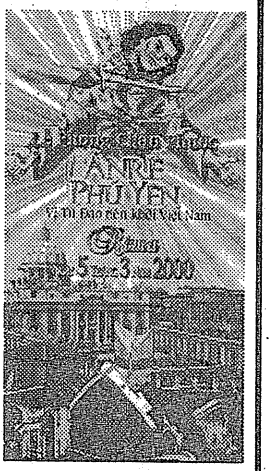

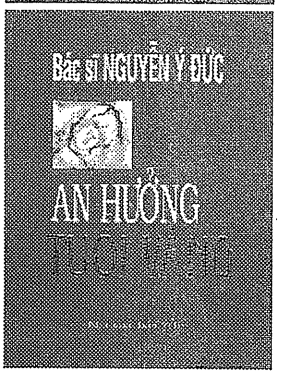

* **AN HƯỞNG TUỔI VÀNG**
của Bác sĩ NGUYỄN Ý ĐỨC
sách Y học với những hướng dẫn cần thiết dành cho người lớn tuổi.

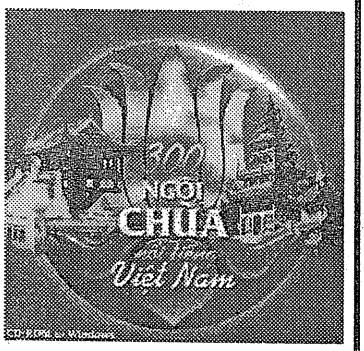

SÁCH TUYỂN CHỌN - MỚI XUẤT BẢN / TÁI BẢN

- Loanh quanh những nẻo đường (bút ký) Tác giả: Trần Doãn Nho $10.00
- Lời kinh xưa, Buổi sáng này, Nguyễn Duy Nhiên $10.00
- Chuyện lành, Nguyễn Văn Thông $12.00
- Tuyệt thư (bút ký), Nguyên Hương $10.00
- Nhan sắc (tập truyện), Dương Nghiễm Mậu $10.00
- Người nữ tu huyền chức (truyện dài), J.Ngọc $16.00
- Về miền sâu thẳm (nghệ thuật Nhật Bản), Đồng Vọng $12.00
- Giọt sương trên lưới nhện (tuyển tập truyện tình), Lê Bảo Trần $16.00
- Cuối đoạn đường tình (truyện dài), Cao Xuân Lý Mùa hạ hai mươi, Hoàng Hải Thủy $8.00
- An sinh xã hội, Medicare và phụ cấp an sinh (SSI), Nguyễn Trọng Liệu $10.00
- Bé xé ra to hay Vụ án của thế kỷ, Nguyễn Trọng Liệu $10.00
- Phong thủy dẫn giải và thực hành (2 tập), Đoàn Văn Thông $28.00
- Câu chuyện của Rampa, Trần Viết Anh Thi dịch $15.00
- Cõi người trong văn chương bình dân, Huỳnh Văn Phú $10.00
- Hương nước hồn quê, Toan Ánh $12.00
- Mạnh Tử truyện (2 tập), Tào Nghiêu Đức $29.00
- 100 truyện ngắn hay Trung Quốc (3 tập) $38.00
- Khang Hy đại đế (2 tập), Nhị Nguyệt Hà $32.00
- Nhà văn Việt Nam thế kỷ 20 (4 tập), Ngô Văn Phú $68.00
- Nhà thờ đức bà Paris (2 tập), Victor Hugo $20.00
- Trung Quốc nhất tuyệt $36.00
- Yêu đương chuyện của muôn đời $24.00
- Những gương mặt văn xuôi trẻ cuối thế kỷ 20 $16.00
- Lịch sử văn học Trung Quốc (2 tập) $40.00
- Tôn Tử truyện (2 tập), Tào Nghiêu Đức $24.00
- Tiếng xưa $15.00
- Sự tái sinh của các Lạt Ma Tây Tạng, Phương Dung $22.00
- Chuyện thâm cung dưới triều đại Hồ Chí Minh, Việt Thường $18.00

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
www.tuluc.com

THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 839-8746
Fax: (714) 839-8215
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:

Phát hành & Quảng cáo:
Phan Mỹ Sương

Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
Lê Tất Luyện: 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương 01 39 84 00 84
Tr. T. Diệu Tâm: 01 45 70 72 35
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61- 8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

Hình bìa: tranh Ngọc Dũng
Trình bày bìa: Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp
Minh họa: Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thá i Hò a, Đinh Cườ ng
Hí họa: Babui, Etcetera
Ảnh: Anh Thành, tư liệu

MỤC LỤC

Số 136 . Tháng Tám 2000

KINH TẾ - CHÍNH TRỊ

16 Việt Mỹ ký hiệp định thương mại... - **Ngô Nhân Dụng**
24 Quan hệ Việt Mỹ đã bình thường chưa? - **Bùi Văn Phú**
26 Phỏng vấn ông Lữ Phương - **Phan Dũng/RFA**
29 25 năm nhìn lại: sự giàu nghèo của người Việt Nam tỵ nạn... - **Huy-Lực Bùi Tiên Khôi**

VĂN HÓA - LỊCH SỬ

37 Người Việt sống chung - **BS Trần Minh Tùng**
43 Vấn đề trọng đại của nghìn năm tới - **Trần Ngọc Ninh**
73 Vài nét về nghề trồng lúa tại khu vực Á châu gió mùa - **Thúc Nguyên**
91 Công cuộc nghiên cứu Việt Sử tại Bắc Mỹ - **Trần Anh Tuấn**

TRIẾT HỌC - PHÁP LUẬT

33 Triết học đi về đâu - **Lê Đình Thông**
60 Giáo lý nhà Phật và án lệ tử hình - **Nguyễn Phúc Bửu Tập**
66 Tất cả nét đẹp của vũ trụ - **Trịnh Xuân Thuận**
68 Vụ án Pinochet làm rung chuyển luật pháp quốc tế - **Nguyễn Văn Thành**

VĂN

78 Ông Tám - **Nguyễn Văn Thà**
89 Nhớ Ngọc Dũng - **Bùi Bảo Trúc**
97 Chiều lên hội quán - **Nguyễn Lê Hồng Hưng**
101 Vợ chồng - **Khả Vi**
106 Thơ thương quê, người nhớ nước - **Nguyễn Hữu Nhật**

THƠ

77. Hình như ta đã vấn vương - **Nguyễn Sông Núi.** 83.Trăng nước chơi vơi - **Đỗ Thị Kênh G.** 87. Vẽ dấu mòn thành thơ - **Nguyễn Văn Cường.** 95. Thơ tình cuối năm 2012 - **Du Tử Lê.** 99. Ngũ Hành Sơn lộ thượng ngẫu hứng, Hương giang ngạn độc ẩm - **Trần Hồng Châu.** 103. Quà tặng - **Trần Mộng Tú**

MỤC THƯỜNG LỆ

7 Bạn đọc viết
9 Tòa soạn và Bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
10 Thư trị sự - **Phan Mỹ Sương**
11 Tin Việt Nam
48 Sổ tay
53 Đời sống quanh ta - **Thanh Thảo, Trần Quán Niệm, Ngô Nhân Dụng, NV**
114 Chân trời Văn học Nghệ thuật - **Anh Thành, Hoàng Trọng Thụy, VĐ, NV**
119 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**

Pirate

Tòa soạn vừa nhận được bức thư sau đây của giáo sư Nguyễn Đình Hòa, và nghĩ rằng đây là một điều nên phổ biến để mọi người, nhất là giới chữ nghĩa, được biết, nên xin phép Giáo sư được đăng lại trên trang báo này.

*

Mồng 4 tháng 7 năm 2000

Kính gởi Ông Mai Lý Quảng, Giám-đốc

Nhà Xuất-bản Thế-giới

46 Trần Hưng-Đạo

Hà-nội, Việt-nam

Thưa Ông:

Năm 1994, Nhà Xuất-bản Thế-giới của Ông đã tự-tiện in lại một cuốn tự điển Việt-Anh của tôi nhan đề *Vietnamese-English Student Dictionary* mà không có sự ưng thuận của tôi. Việc in lại sách như thế theo luật-pháp gọi là kiểu "pirate", động-từ này có nghĩa là (1) "ăn cướp" và (2) "tự ý tái bản [sách...] không được phép của tác giả" (*Từ điển Anh-Việt hiện đại = Modern English-Vietnamese Dictionary* [Hanoi: Viện Ngôn-ngữ-học, 1975], tr.1242); "dùng hoặc tái bản bất hợp pháp (các tư liệu đã được in hoặc ghi âm, được bảo vệ bản quyền), nhất là để kiếm lời" (*Từ điển Anh-Việt = English-Vietnamese Dictionary* [Saigon: Viện ngôn-ngữ-học 1993], tr.1276. Đây là một trường-hợp vi-phạm tác quyền một cách nặng-nề và trắng-trợn: năm 1994 sách được sắp chữ lại từ 675 trang thành 850 trang, và bài tựa của tôi bằng Anh-ngữ còn được dịch sang Việt-ngữ. Lần này nhà xuất bản của Ông cho in lại thành cỡ bỏ túi, bán (tại Nam California) với giá tám (8) Mĩ-kim. Tái bản 1998 này không dịch bài Tựa của tôi, nhưng người sắp chữ bài Tựa nguyên-tác bằng Anh-ngữ đã phạm nhiều lỗi sơ-đẳng về tiếng Anh. Riêng nội dung cuốn từ-điển cũng có những lỗi chính-tả làm cho chính tác-giả được nêu tên rành rành trên trang bìa (Ph. D. Nguyễn Đình Hoà [sic]) và trang tít phải xấu-hổ với đồng-nghiệp và sinh-viên cũ cũng như người tra cứu.

Tôi viết thư này không phải vì động-cơ tiền-bạc, mà chỉ vì muốn tránh sự ngộ nhận: tôi sợ người ta ở trong nước cũng như ở hải- ngoại có thể hiểu lầm là tôi đã "làm chuyện tư-túi điều-đình với một nhà xuất bản quốc-doanh bên Việt-nam để in lại sách, hầu kiếm chút tiền còm." Tôi thông báo việc này tới những đồng-nghiệp giáo-chức trong ngành Ngữ-học và Từ-điển-học khắp năm châu cũng là với mục-đích làm sáng-tỏ sự việc, chứ không có ác-ý nào cả.

Trân-trọng kính chào Ông.

Giáo-sư Tiến-sĩ Nguyễn Đình-Hòa

Bản sao kính gửi

Viện Ngôn-ngữ-học (VN)

Hội Ngôn-ngữ-học (VN)

Trung-tâm Từ-điển-học (VN)

Linguistic Society of America (Mĩ)

Dictionary Society of North America (Mĩ và Canada)

Những Khi Bướm Lượn...

Báo *Thế Kỷ 21* số 135 có mấy bài đặc sắc, đọc rất thích, như các truyện Bún Ốc Anh Bảo và Ba Thằng Bạn Của Tôi. Một bài nữa cũng rất hay nhưng thuộc loại khác, là Những Khi Bướm Lượn của giáo sư Nguyễn Đức Tường, mà qua bài viết, người đọc có thể thấy tác giả là nhà toán học tài ba. GS Tường thỉnh thoảng có cộng tác với TK 21, nhưng bài vở đóng góp đều là truyện ngắn. Đây là lần đầu tiên ông viết về khoa học, nhưng với một văn phong bay bướm, giống như cái nhan đề *Những khi bướm lượn...*

Về thuyết hỗn độn, vật lý gia Joseph Ford của viện kỹ thuật Georgia được xem là một trong những người tiền phong, một kẻ khởi xướng. Ông tuyên bố con người đang làm một cuộc cách mạng mới về khả năng nhận định thiên nhiên, trong đó, tiên định và hài hòa (determinism and order) bị thay thế bằng hỗn độn và loạn xạ (chaos and random). Tuy nhiên, thuyết toán học KAM (viết tắt tên của ba nhà toán học Kolmogorov-Arnold-Moser) đã giúp duy trì phần nào cái vị trí trật tự của địa cầu ta đang sống, và sự vững chắc của Thái Dương Hệ sẽ còn bền vững khá lâu (vài ngàn tỉ năm?). Thuyết này là một công trình bắt nguồn từ những khảo cứu của Henri Poincare, một toán gia lỗi lạc của thế giới, khi ông nghiên cứu về sự bất khả tích-phân (non-integrable) của những hệ thống thiên thể nào có hơn ba thành phần như Trời /Trăng/Đất và những hành tinh lân cận.

Khi thuyết KAM cho thấy rằng trái đất không thể nào tự dưng đi lạc quỹ đạo của nó trong Thái Dương Hệ, người ta thở phào nhẹ nhõm, "hú viá!" Mấy tỉ năm về trước, một thiên thể đi lạc quỹ đạo chạm phải quả đất một cú như trời giáng, và hậu quả cũng như kết quả là chị Hằng mặt rỗ mới được khai sinh! Chị Hằng có ý nghĩa gì? Ngoài việc là đề tài cho mấy cụ ngày xưa làm thơ thưởng hoa vịnh nguyệt, soi sáng ban đêm, chị Hằng có lẽ còn đóng góp cho sự bắt nguồn của sự sống chúng ta. Thủy triều là do sức hút của mặt trăng tạo nên. Chúng ta là thành quả may mắn của "tai nạn, rủi ro, ngẫu nhiên, và bền vững."

Địa cầu chúng ta, sau khi bị đụng một phát xiểng niểng như vậy mà vẫn cứ "ngựa quen đường cũ" chạy đều trong quỹ đạo, không hề hấn gì! Đó có lẽ nhờ ông Newton và thuyết KAM! (Cũng có thuyết cho rằng chuyện chạm trán nẩy lửa này không xẩy ra, và trái đất cũng như mặt trăng đã được tạo thành cùng một thời điểm 4.6 tỉ năm trước).

Sự sống và con người trên quả đất và mối lương duyên của trái đất/ trăng/mặt trời tùy thuộc vào sự bền vững của Thái Dương Hệ. Từ yếu tố vững chãi bền bỉ này, sự sống mới có cơ hội nẩy sinh. Sự sống là một tiến trình ngẫu nhiên, phản tiên định, và có tính cách may rủi (contingency and chance) tùy nhiều điều kiện thuận tiện. Vật lý Newton là một tương quan phổ quát làm chuẩn cho sự vững chãi của thiên thể trong vũ trụ, giữ được cán cân thăng bằng và hoá giải những hiện tượng nào có tính chất stochastic motion - di chuyển lộn xộn theo tính toán của hai ông Poincare và Painlevé trong bài toán hóc búa được biết đến là N-body Problem.

Henri Poincare cũng được biết đến qua "Poincare conjecture" và đây là một trong những bài toán topology nổi tiếng nhất chưa có lời giải. Những thuyết vật lý mới sử dụng topology trong mục đích đi đến một sự thống nhất cho vật lý đã đưa đến những khám phá, tương quan mới bất ngờ trong ngành vũ trụ học. Giả sử Poincare hay Gauss hay Cartan sống trong thời điểm này thì ắt các ông đã có nhiều đóng góp quý giá hơn khi tài toán của các ông được áp dụng trong lãnh vực vật lý liên quan đến vũ trụ học, đòi hỏi rất nhiều kiến thức toán cao cấp đi ra ngoài giới hạn ba chiều.

Poincare đúng là một thiên tài toán học. Xin gửi đến độc giả một phát biểu triết lý sâu sắc của ông: "Nếu thiên nhiên không đẹp thì thiên nhiên không đáng cho chúng ta biết, và nếu thiên nhiên không đáng biết, thì cuộc đời chúng ta sẽ trở thành vô giá trị."

Một phó thường dân như tôi suy ngẫm và không thể không tự hỏi: Một thiên nhiên thế nào thì được xem là đẹp? Và thế nào là đẹp?

Nguyễn Hùng Vũ
(Chino Hills, CA)

Về Bài Thơ Viếng Đền Thờ Đức Trần Hưng Đạo của Ông Hồ

Trong bài "Lột trần huyền thoại Hồ Chí Minh" của ông Trần Gia Phụng đăng trong Thế Kỷ 21 số 135 tháng 6-2000, ở đoạn nói về sự vô lễ, cách bất kính của ông Hồ lúc viếng đền thờ Đức Trần Hưng Đạo, có viết bài thơ thất ngôn bát cú của ông Hồ để dẫn chứng; rất tiếc chỉ trích có bốn câu (theo tôi, lại không đúng nguyên văn) nên không nói hết sự tự cao tự đại, sự vô lễ xúc phạm của ông Hồ đến bậc vĩ nhân của lịch sử dân tộc Việt mà suốt trên sáu thế kỷ (1300-1948) nhân dân Việt nam tôn kính, xưng tụng như một vị thánh. Bài thơ đó tôi biết và đã thuộc nằm lòng do thân sinh tôi cùng bạn hữu ông viết lại vào khoảng năm 1948, 1949, nguyên văn như sau:

Thơ viếng đền thờ
Hưng Đạo Vương

Bác anh hùng, tôi cũng anh hùng,
Tôi, bác cùng chung nghiệp kiếm cung.
Bác thắng quân Nguyên thanh kiếm bạc
Tôi trừ giặc Pháp ngọn cờ hồng.
Bác đưa một nước qua nô lệ
Tôi dắt năm châu đến đại đồng.
Bác có linh thiêng cười một tiếng
Rằng tôi cách mạng đã thành công.
Hồ Chí Minh

Lúc ở tù tại trại cải tạo Tiên Lãnh - Quảng Nam, trong biệt giam tôi có họa lại bài thơ trên vào dịp tết Nguyên đán năm 1982, cốt lật tẩy cái bản tánh ác độc, gian manh, quỷ quyệt của ông Hồ, đọc cho mấy ông bạn tù già cùng phòng tôi nghe chơi để quên đi nỗi buồn xa gia đình, nỗi hận mất nước mà an tâm vui vẻ đón xuân tù. Nhân đây xin chép lại bài họa mong quí

độc giả *Thế Kỷ 21* thông cảm và chia xẻ tâm trạng chúng tôi lúc bấy giờ.

Tội Đồ Dân Tộc

Chính mi tên giặc đại gian hùng
*Dám sánh đức Trần hỡi Nguyễn Cung? **
Tổ quốc Ngài phò, thanh kiếm bạc
Giang sơn mi phá ngọn cờ hồng.
Ngài trừ Nguyên giặc dân no ấm
Mi bợ Liên Xô xác ngập đồng.
Mi chính tội đồ dân tộc Việt
Còn gì lấp liếm để khoe công.

(trại tù Tiên Lãnh 1982)

* Tên cúng cơm Hồ Chí Minh

Tiện đây tôi thành thật rất tâm đắc với ông Trần Gia Phụng về bài "lột trần huyền thoại Hồ Chí Minh"; rất cảm phục cái tâm ông đối với quốc gia dân tộc.

Xin cảm ơn Ông và kỳ vọng vào những bài viết kế tiếp của Ông.

Phạm Cây Trâm
(Arlington - Texas)

Tên người: cần gọi cho đúng

Thế Kỷ 21 số 135 có mấy chuyện lạ liên quan đến tên người:

1. Truyện "Ba thằng bạn của tôi," tên tác giả ở ngoài bìa và phần Mục lục là Trần Ngọc Tuấn, nhưng truyện lại đăng với tên Hoàng Ngọc Tuấn. Theo văn phong (bắc kỳ) thì chắc là truyện của Trần Ngọc Tuấn.

2. Bài "Vụ án Pinochet..." của Nguyễn Văn Thành cứ nhắc đi nhắc lại tên bà Thatcher là Baroness Thatcher. Baroness chỉ là tước hiệu của bà Thatcher. Tên bà thường được biết là Margaret Thatcher hay đầy đủ hơn là Margaret Hilda Thatcher.

Lê Mạnh Hòa *(Internet)*

Ông tinh ý lắm, tên tác giả của "Ba thằng bạn của tôi" đúng là **Trần Ngọc Tuấn**. *Cám ơn ông đã chỉ ra chỗ lầm lẫn này. Nhân đây chúng tôi xin gửi lời xin lỗi đến tác giả Trần Ngọc Tuấn và quý độc giả. Cũng xin cám ơn ông về tên đúng của bà Thatcher.*

Mán, Man, Hmong, Human ...

Trong bài "Vấn đề trọng đại nhất của nghìn năm tới" của Trần Ngọc Ninh, *Thế Kỷ 21* số 135, trang 43, có đề cập đến tên của các bộ tộc Mán Mường, v.v... tất cả đều có nghĩa là *người*, và gắn liền với ngữ tộc "môn," mà ông cho là nguồn gốc ở "chân núi Himalaya." Dường như một trong những nguồn gốc của tiếng Việt cũng đến từ hệ "môn Khmer."

Điều tôi xin được mạn phép nêu lên là: những chữ tương tự như "Mán" và "Hmong," nghĩa là "người," cũng có nghĩa ấy trong các ngôn ngữ Germanique ("man" tiếng Anh là rõ nhất, nhưng "humain" "homme" cũng gần đâu đó). Nguồn gốc của các chữ này trong ngôn ngữ Tây Âu lại đến từ căn Ấn Âu "ghyom," có nghĩa là... đất! Nó cho ra *Humus* trong La Tinh cũng có nghĩa là đất, cùng với *Homo* có nghĩa là người. Lần lên tới căn Ấn Âu cho thấy cái nguồn gốc ở "chân núi Himalaya" của ngữ tộc "Môn" có nhiều hy vọng chính xác, và các tiếng nói đến từ ngữ tộc này chẳng qua cũng là anh em với các tiếng nói Tây Phương?

Một nhận xét khác: trong tiếng Do Thái, chữ chỉ "người" là Adam, cũng đồng căn với Adama, là... đất!

Trùng hợp kỳ lạ, quý vị nghĩ sao ?

Ngoài ra, những thắc mắc về chữ "Hà" và "Giang" khi gọi các sông ngòi (tại sao Hoàng Hà lại là "Hà" mà Dương Tử Giang lại gọi là "giang"?), trong Thế Kỷ 21 số 135, trang 47, cũng bài trên, tác giả có đề nghị một trả lời cho thắc mắc ấy.

Nguyễn Hoài Vân
(Vitré, Pháp quốc)

Bàn thêm về Truyền thống

Trang Bạn Đọc Viết của *Thế Kỷ 21* đối với tôi rất thú vị, tôi thường đọc nó trước tiên. Nói theo kiểu trong nước, đó là nơi "giao lưu" của nhiều ý kiến khác nhau. Người ta trình bày ý kiến của mình một cách thoải mái dễ dàng, không phải tốn nhiều công sức và chịu trách nhiệm nặng nề như khi viết hẳn một bài.

Trong "tinh thần" thoải mái dễ dàng ấy, tôi xin góp vài ý với ông Lê Đình Vương về truyền thống Việt Nam ông nêu lên trong số báo 135. Ông có vẻ nghi ngờ không biết con người Việt Nam hiện nay là cái gì, vì qua bao biến cố, con người ấy ắt phải biến đổi, "màu sắc cổ truyền" chắc không còn. Tôi không nghĩ là có một cái gọi là cổ truyền bất biến nơi đặc tính của mỗi dân tộc, mà chỉ có một số tính chất chung do nòi giống, thổ ngơi, khí hậu... tạo nên, và có thể biến dạng ít nhiều theo các hoàn cảnh mới. Ví như mỗi cá nhân con người trời

sinh có một cá tính, sự giáo dục và môi trường có thể làm biến dạng cá tính ấy, nhưng tự căn bản thì tính cách mỗi người suốt đời không thay đổi. Và cái mà chúng ta thường gọi là truyền thống của một dân tộc thiết tưởng do văn hóa - tức là những gì người ta chế ra, bày đặt ra - bồi đắp nên rất nhiều, chứ không đương nhiên là "cá tính trời sinh" của dân tộc ấy. Mà những cái chế ra thì tất nhiên phải thay đổi theo thời gian, chứ làm sao mà bất biến cho được!

Sự tin tưởng như sau khi chết rồi đi về đâu cũng là một món dễ thay đổi lắm. Mỗi tôn giáo tin một kiểu. Không có tôn giáo nào cả thì nghĩ là về với ông bà cũng rất tiện, đối với người Việt Nam vốn không thích siêu hình thì lại càng tiện. Vì thế nên lối nói "về với ông bà" thành rất phổ biến nơi người Việt Nam. Tôi đồng ý với ông Vương là ông Hồ Chí Minh mượn cái quen thuộc phổ biến ấy, chỉ bẻ quẹo một chút xíu đi về địa chỉ của mấy ông đồng đảng Marx, Lenin. Cũng được thôi, có sao đâu, "tự do tín ngưỡng" mà. Có điều là phải thành thật. Nếu dùng cái đó như là một "mánh" chính trị thì tự thâm tâm, tôi rất coi khinh. Cả đời toàn thủ đoạn, giả dối, đến lúc gần chết cũng phải tỏ được một chút gì chân thành chứ?

Phạm Thành Tín
(Houston, TX)

Đính chính: Trong Thế Kỷ 21 số 135, bài *Lạm bàn về một bộ sách văn học* của Đặng Trần Huân, khi nói tới truyền hình có nêu chương trình *Who Wants to Marry a Multimillionaire* đã ghi sai từ *want* thiếu chữ S và từ *multimillionaire* thừa một chữ N. Kính xin quý độc giả sửa lại giùm.

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Phan Lạc Tiếp, Tâm Thanh, Nguyễn Văn Thành, Đỗ Thì Kênh G, Hoàng Xuân Sơn, Trần Hồng Châu, Nguyễn Phúc Bửu Tập, Lê Nguyễn Thái Thuận, Trần Vấn Lệ, Phạm Cây Trâm, Phạm Thị Quang Ninh, Bảo Phúc, Trần Thị Mộng Tú, Nguyễn Văn Cường, Nguyễn Hữu Nhật, Vũ Ký, Thanh Thảo, Trần Quán Niệm, Nguyễn Đạt, Trần Anh Tuấn, Lê Đình Thông, Thụ Nguyễn, Nguyễn Đức Thái, Nguyễn Gia Tiến.

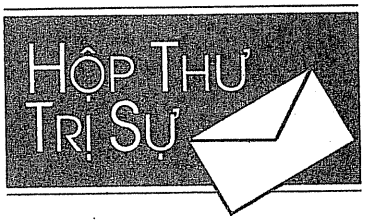

Độc giả mới và độc giả gia hạn

Minh Q.Le (Monterey Park CA), Thai Thanh (Winter Haven FL), Thanh Dan Doan (Springfield VA), Healey Library (Boston MA), Dan Duffy (Chapel Hill NC), Diep Van Phan (San Francisco CA), Xuyen Mai (Mankato MN), Ho Manh Son (St.Petersburs FL), Chu Xuan Vien (Fairfax VA), Tien Nguyen (Cupertino CA), Pham Huan (Agoura CA), Tran Van Quang (Westminster CA),Vu Thi An (Dallas TX), Le Van Duc (Van Nuys Ca), Nguyen Xuan Hieu (Rch Sta Margarita CA),Tran Huynh Minh (Tustin CA), Do Linh (Houston Tx), Thanh Minh (Monroe LA), Do Huu Thuan (Anaheim CA), Lac Toi Nguyen (Annamdale VA), Le Khac Ngoc Tuy (San Jose CA), Nguyen Nga My (Gahanna OH), Phan Hong Dieu (Chicago IL), Phan Thanh Nguyen (San Diego CA), Nguyen Duy Kien (Germany), Nguyen Minh Thong (Germany), Danny Bui (Santa Ana CA), Hoang Chau (Houston TX), Thien Tu Pham (Arlington TX), Vu Trong Tien (Stockton CA), Nguyen Giao (Aklahoma City OK), Nguyen Van Hien (Goleta CA), Khai Doan (Riverside CA), Toan Khanh Tran (Tulsa Ok), Vinh Ha (Canada), Tran Oanh (GERMANY), Tran Vui (San Diego CA), Radio Free Asia Lib. (Washington DC), Huynh Loc (San Diego CA), Pham Cong Hien (Lake Wood CA), Nguyen Nguyen Phuong (Denver CO), Quang Tuan Nguyen (Fairfax VA).

Độc giả thay đổi địa chỉ

Quach Trieu N (Falls Church VA), Bui Phung Mai (Fair Oaks CA), Tam Le (Irvine CA), Dr Tuan V. Nguyen (AUSTRALIA), Ha Thanh Binh (Alameda CA), Lien Huong Hanlon (Pearland TX).

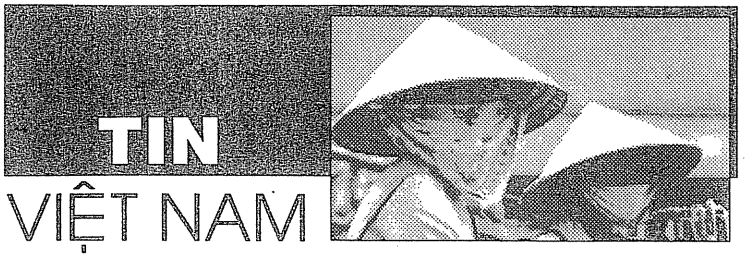

VIỆT NAM BẮT ĐẦU "CHƠI" CHỨNG KHOÁN

CỔ NHUẾ *

Sau nhiều lần đình hoãn, có lẽ vào ngày 20-7 Thứ Năm tuần này, thị trường chứng khoán Việt Nam bắt đầu mở cửa.

Đây là một khúc quanh quan trọng cho nền kinh tế Việt Nam. Mở thị trường chứng khoán, Hà Nội đã đốt sạch những chương quan trọng nhất trong cuốn *Tư bản luận* của Karl Marx, trong đó Marx chửi bới thậm tệ lối làm ăn ngồi mát ăn bát vàng 'tiền đẻ ra tiền' của bọn buôn tiền bán bạc.

Tuy nhiên, Hà Nội phải cho phép công ty rao bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán để vét sạch tiền tiết kiệm của người dân đồng thời tiến nhanh tiến mạnh về hướng... tư bản chủ nghĩa.

Bài thời sự này xin trình bày sơ lược về bước chập chững nhưng rất sôi động của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Vạch áo cho người xem lưng

Thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ khai trương tại khu nhà B, số 45-57 Bến Chương Dương, Quận 1, Sài Gòn. Đây là giấc mơ của các nhà tư bản đỏ tại Hà Nội đã để lộ ra vào tháng 11-96, khi thành lập uỷ ban Chứng khoán Nhà nước.

Từ đó đến nay, Hà Nội ráo riết chuyển những gánh nợ nặng nề của các công ty quốc doanh từ nhà nước sang người dân bằng cái gọi là "cổ phần hóa" các công ty. Vốn của công ty phải được chia ra thành những cổ phần thì mới có thể niêm yết (list) trên thị trường chứng khoán được.

Cho đến nay, đã có khoảng 600 công ty trong nước được cổ phần hoá. Riêng trong năm 2000, sẽ có thêm 302 công ty quốc doanh nằm trong 44 tỉnh và thành phố phải cổ phần hoá. Con số ấy kể là khá lớn, bởi vì ngay tại Úc cũng chỉ có ngót 3 ngàn công ty được niêm yết tại ASX (tức Australia Stock Exchange).

Nhìn kỹ vào 600 tên tuổi công ty đã được cổ phần hoá ở Việt Nam, người ta không tìm ra trên 10 phần trăm có số vốn hoạt động ở mức 10 tỷ đồng (tức chưa được $100 ngàn Mỹ kim).

Theo quy định của Hà Nội, công ty muốn bán cổ phiếu tại thị trường chứng khoán phải có số vốn ít nhất là 10 tỷ đồng Việt Nam. Khi bắt đầu ra luật, Hà Nội từng đặt mức vốn lên đến 20 tỷ đồng, nhưng con số công ty đủ điều kiện ấy chỉ... lác đác như lá mùa đông. Thế nên, Hà Nội phải hạ xuống còn 10 tỷ đồng mà vẫn không tìm được nhiều công ty.

Cho đến gần ngày mở cửa chợ chứng khoán — như chữ của người dưới phố Sài Gòn — chỉ có hai công ty được niêm yết. Đó là công ty cơ điện lạnh REE và công ty vật liệu viễn thông Sacom. Còn nhiều công ty khác đủ điều kiện niêm yết, nhưng vẫn giữ thái độ 'chờ và xem'. Thí dụ công ty xây dựng Bình Chánh (BCCI) hay công ty Viconship Sài Gòn. Họ e ngại vấp váp trong những bước đầu tại thị trường chứng khoán và rối bù vì trăm ngàn thứ luật lệ ở trong đó.

Giám đốc công ty Cơ khí Xăng dầu tại Việt Nam e ngại: "Với chúng tôi, thị trường chứng khoán còn nhiều điều mới lạ lắm, phải tìm hiểu, nghiên cứu nhiều..." Đúng hơn, như lời tiến sỹ Lê Văn Châu, nguyên chủ tịch uỷ ban Chứng khoán Nhà nước của Hà Nội nói với báo Lao Động (15.6.2000): "Phần đông công ty ở Việt Nam sợ "vạch áo cho người xem lưng." Thế là họ đứng ngoài sân chơi.

Quá nhiều luật chơi và vừa trèo vừa run

Cũng như tại các quốc gia khác, muốn mua bán cổ phiếu tại Việt Nam, người dân phải thuê một công ty môi giới (Broker) đại diện cho mình. Chỉ có nhân viên của công ty môi giới này được quyền trực tiếp mua bán tại sàn của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán. Con số môi giới tại Úc lên đến hàng ngàn, trong đó có một số người Việt Nam làm việc.

Trong khi đó, cho đến nay tại Việt Nam, chỉ có sáu công ty 'rưỡi' được nhà nước cho hành nghề môi giới này mà thôi. Đó là Công ty Bảo Việt, Sài Gòn, Thăng Long, Đệ Nhất, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển và Ngân hàng Á châu.

Sáu công ty này lo cho

người Việt trong nước. Riêng người nước ngoài thì do HongKong Bank đứng làm môi giới. Chữ trong nước gọi họ là "công ty chứng khoán."

Mua bán cổ phiếu thì phải qua môi giới chuyên nghiệp: ấy là điều thường tình. Tuy nhiên, chơi chứng khoán tại Việt Nam không được cái thú đứng tim khi giá cổ phiếu tăng dzoọt như hỏa tiễn. Thí dụ mới nhất là công ty Q-Vis trong đó có phần hùn của tỉ phú Kerry Packer. Trong tuần rồi Q-Vis lên thị trường chứng khoán ASX tại Úc: giá khởi đầu là $1 một cổ phiếu. Chỉ trong vài giờ, cổ phiếu Q-Vis dzoọt lên $2.40 làm cho dân đầu tư sướng rên mé đìu hiu.

Tuy nhiên, e sợ thị trường chứng khoán Việt Nam không dzoọt mà lại tụt lùi như diều đứt giây, nên nhà nước ra cái lệnh khá 'quái gở' cho dân chơi chứng khoán. Đó là chỉ được buôn bán cổ phiếu trong... khuôn khổ.

Ví dụ, nhà nước ra lệnh không ai được mua hay bán cổ phiếu vượt trên (hay sụt dưới) 5 phần trăm giá đương thời — thì dân chơi phải răm rắp tuân lệnh. Làm thế, nhà nước Việt Nam tưởng sẽ giữ cho thị trường chứng khoán trong nước khỏi bị sụp đổ, nhưng sẽ biến cuộc chơi "đỏ đen" này thành buồn chán.

Nói khác, sáng ra thấy giá cổ phiếu của một công ty Việt Nam là 10 ngàn đồng, thì cầm chắc người bán sẽ không dám nâng giá lên khỏi 10 ngàn 500 đồng và người mua cũng không được phép dìm giá dưới 9.500 đồng.

Cà phê chứng khoán

Các quan chức bàn giấy tại Hà nội những tưởng có thể vận dụng nền kinh tế tập trung chỉ huy bấy lâu nay vào bảng giá lên xuống tại thị trường chứng khoán. Có thể vì sợ tù tội, người dân không dám vượt qua 5 phần trăm mức giá do nhà nước ràng buộc. Nhưng sẽ sinh ra một thị trường chứng khoán khác không ai kiểm soát được. Đó là thị trường chứng khoán *đen*.

Chưa gì đã mọc lên những quán cà phê 'chứng khoán' tại Sài gòn.

Trung tâm Giao dịch Chứng khoán bến Chương Dương chưa mở cửa, trong quán cà phê chứng khoán đã rao bán cổ phiếu với giá... hỏa tiễn. Cổ phiếu của công ty Sacom cao hơn niêm yết 60% và cổ phiếu của REE cao hơn 30 phần trăm...

Người Sài Gòn đặt tên cho những quán cà phê này là "thị trường chứng khoán thứ ba." Hai thị trường chính thức là Trung tâm Giao dịch ở bến Chương Dương và thị trường OTC (tức Over the Counter để mua bán cổ phiếu của các công ty không đủ điều kiện niêm yết). Nổi tiếng tại thị trường chứng khoán "thứ ba" là quán cà phê mang tên rất... chứng khoán: *Index House*. Vô hình trung, giá cổ phiếu tại quán Index House trở thành một thứ bảng giá bán chính thức cho thị trường chứng khoán Việt Nam.

Ngày 7.6 — khi chợ ở bến Chương Dương còn im thin thít — tại quán này người ta đã nhộn nhịp mua cổ phiếu (chưa phát hành) của công ty Bông Bạch Tuyết với giá 400 ngàn một cổ phiếu. Nghĩa là gấp 3 lần giá do nhà nước quy định. Cùng ngày, cổ phiếu của công ty Sacom được rao bán ở mức 165 ngàn — đã gấp rưỡi lần giá sẽ niêm yết. Trong khi đó, giá cổ phiếu của ngân hàng Housing Bank bị thị trường đen dìm xuống chỉ còn 50 ngàn mà thôi.

Vì mới bước đầu, thị trường chứng khoán Việt Nam chỉ mở cửa mỗi tuần ba ngày: thứ Hai, Tư và Sáu. Trong ngày mở cửa, không phải lúc nào, cổ phiếu cũng được sang tay như tại Australian Stock Exchange (ASX) của Úc hoặc như tại Hoa Kỳ. Mỗi ngày, nhà nước Hà Nội chỉ cho phép sang tay cổ phiếu ba lần: 9 giờ sáng, 11 giờ trưa và 3 giờ chiều.

Luật chơi bất nhất

Tại Úc, thoạt đầu giá cổ phiếu do công ty môi giới ấn định trong phút đầu tiên tung lên thị trường chứng khoán. Sau đó, giá trồi sụt tùy theo quy luật 'thuận mua vừa bán'. Trong khi đó, ở Việt Nam, quan lớn ngồi trong phòng lạnh ra lệnh công ty phải cho giá. Tiếc một nỗi, quan chức hành chính lại cho giá tùy theo... thời tiết nóng lạnh tại Hà Nội.

Nghị định 44 về Cổ phần hóa định giá mỗi cổ phiếu là 100 ngàn đồng. Nhưng bốn nghị định sau đó, tức nghị định số 48 về chứng khoán và thị trường chứng khoán lại bỏ mất một con dzê-rô: giá cổ phiếu cho mọi công ty lúc niêm yết chỉ còn... 10 ngàn đồng mà thôi.

Nhà nước Hà Nội chặt đầu chặt chân tất cả công ty cho vừa một giá giả tạo 10,000 đồng một cổ phiếu. Điều này có thể che dấu tình trạng làm ăn lỗ lã cho một số công ty quốc doanh. Nhưng dân cà phê ở thị trường chứng khoán "thứ ba" (tức thị trường đen) rất nhạy cảm. Họ nâng giá cổ

phiếu công ty khấm khá và vất bỏ cổ phiếu công ty thua lỗ. Cuối cùng, giá mua bán tại quán cà phê sẽ quyết định thực giá của cổ phiếu ở bến Chương Dương. Hiện nay, giới từng buôn bán vàng đang chạy qua buôn bán chứng khoán.

Mở thị trường chứng khoán còn là cửa ngỏ để thu hút vốn từ ngoại quốc đổ vào Việt Nam. Tuy nhiên, Hà Nội e ngại người nước ngoài mua đứt hết công ty Việt Nam nên vào tháng 6/99 đã cho phép tổng số người nước ngoài được mua bán cổ phiếu chiếm 30 phần trăm dân chơi ở Bến Chương Dương — nhưng sau đó nói lại người nước ngoài chỉ được quyền nắm giữ 20 phần trăm tổng số cổ phiếu của từng công ty mà thôi.

Dù bị phiền hà, một số công ty ngoại quốc đang rục rịch niêm yết cổ phiếu của mình lên thị trường chứng khoán Việt Nam. Trong đó có công ty bảo hiểm Prudential. Prudential đã hợp tác với công ty Dragon Capital của Anh quốc lập thành một quỹ đầu tư tại Việt Nam. Số vốn của quỹ đầu tư này khoảng 10 triệu Mỹ kim. Bước đầu, Prudential sẽ mua cổ phần của công ty cơ điện lạnh REE và hai công ty đồ hộp Hạ Long, Long An khác.

Tiết lộ bí mật quốc gia

Mở thị trường chứng khoán tại Việt Nam, nhà cầm quyền Hà Nội đã tiến tới một bước nữa trên con đường — không phải xã hội chủ nghĩa - mà là tư bản chủ nghĩa.

Khi toà nhà số 45-57 tại bến Chương Dương Sài Gòn mở cửa, cũng có nghĩa là Hà Nội phải trình bày minh bạch thực chất của nền kinh tế Việt Nam cùng với những biến động của nó. Rồi ra, ngày ngày người dân trong nước sẽ thấy tổng sản lượng quốc gia (GDP) nước mình bao nhiêu. Hôm nay lãi suất ngân hàng lên xuống bao nhiêu? Chỉ số tiêu dùng trong nước (Consumer Price Index) tăng giảm thế nào? Con số thất nghiệp hiện thời là bao nhiêu phần trăm?

Tất cả những điều trên từng là "bí mật quốc gia," rồi ra sẽ phải trưng ra giữa chợ chứng khoán cả.

** Tác giả Cổ Nhuế là một chuyên viên đang định cư ở Úc.*

HT QUẢNG ĐỘ CẢM ƠN NHỮNG NGƯỜI ĐỀ CỬ NGÀI VÀO GIẢI NOBEL HÒA BÌNH

Mặt khác, cũng theo tin của Phòng Thông Tin Phật Giáo tại Paris, HT Quảng Độ đã gửi thư cảm ơn các Nhân sĩ trong và ngoài nước, các Đoàn thể trong Cộng đồng Người Việt Hải ngoại cùng GHPGVNTN Hải ngoại đã vận động cho Nhân quyền Việt Nam qua việc kêu gọi đề cử Hòa thượng làm ứng viên Giải Nobel Hòa bình.

Tính cho đến nay đã có trên 300 Nhân sĩ quốc tế, Giáo sư Đại học, cũng như các Thượng Nghị sĩ, Dân biểu các Quốc hội Hoa Kỳ, Liên hiệp Âu châu, Quốc hội Úc, Pháp, Anh, Đức, Nhật, trong có hai Giải Nobel Hòa bình, viết thư về Viện Nobel ở Na Uy đề cử Hòa thượng Thích Quảng Độ, Viện trưởng Viện Hóa Đạo, GHPGVNTN, làm ứng viên Giải Nobel Hòa bình năm 2000.

Gần đây, nhiều tuần báo quốc tế, như *Asiaweek, Courier International, Le Point...,* viết bài ca tụng Hòa thượng cùng với Đức Dalai Lama là hai nhân vật Phật giáo nổi tiếng nhất. Những bài viết đặt dưới các tiêu đề "Người Giữ Lửa cho Lương tri Phật giáo Việt Nam," "Một nhà Sư Việt Nam cho Giải Nobel Hòa bình," "Thích Quảng Độ, Thánh Gandhi của Việt Nam."

Trong Thư cảm ơn, Hòa thượng nói lên cảnh "cá chậu chim lồng" và nhấn mạnh: "Tôi vô cùng áy náy trước cuộc vận động của quý liệt vị nhằm đề cử tôi làm ứng viên giải Nobel Hoà bình. Tự biết mình không xứng.

Tuy nhiên, nghĩ thêm sâu, tôi thấy phải khiêm nhường nhận lãnh sự tin cậy của quý liệt vị. Vì thiết nghĩ, tôi chỉ là nơi gởi gắm và qua tôi, quý liệt vị hướng đến đất nước Việt Nam trước tiên. Như vậy, sự vinh danh kia khi có cơ duyên trở thành hiện thực, sẽ là sự vinh danh toàn thể dân tộc Việt Nam nghèo khó, khổ đau suốt 55 năm ròng.

Đặc biệt những người tù, đã hay đang bị giam cầm oan ức, vì dám biểu tỏ ôn hoà lòng tin vào lẽ phải hoặc bảo vệ tín ngưỡng, tôn giáo của mình. Sự vinh danh ấy còn là cơ hội hy hữu cho thế giới chú tâm giải quyết nỗi khổ đau trầm thống trong cuộc sống thiếu nhân quyền của dân tộc chúng ta."

PHÁI ĐOÀN QUÂN SỰ CAO CẤP HÀ NỘI SANG LÀO

Nguồn tin từ Việt Nam hôm Chủ Nhật 16 tháng Bảy cho hay một phái đoàn quân sự cao cấp CSVN do thứ trưởng Quốc phòng trung tướng Lê Văn Dũng cầm đầu, đã hoàn tất chuyến viếng thăm kéo dài một tuần tại Lào nhằm thảo luận các biện

pháp hợp tác giữa quân đội hai bên.

Chuyến đi của phái đoàn Lê Văn Dũng diễn ra một tuần lễ sau khi một nhóm khoảng 100 kháng chiến quân Lào đã đánh chiếm đồn quan thuế và di trú biên giới sát với lãnh thổ Thái Lan chỉ cách một dòng sông sáng sớm ngày 3-7-2000 tại làng Wang Tao thuộc tỉnh Paksé. Trong thời gian lưu lại Lào, phái đoàn này đã gặp thủ tướng cộng sản Lào Sisavath Keobounphanh, các viên chức lãnh đạo cao cấp khác cùng giới chỉ huy quân đội Lào. Theo nguồn tin trên thì hai bên đã bàn về vấn đề xây dựng quân đội cùng là tình hình nội bộ, khu vực và thế giới.

Nếu tình hình không nghiêm trọng và ở trong tầm đối phó của cộng sản Lào, phái đoàn của Dũng đã không ở lâu như vậy trên đất Lào.

Tình hình Lào trong thời gian gần đây đã gây nhiều sự chú ý của giới quan sát quốc tế sau một loạt các vụ nổ và tấn công của thành phần kháng chiến người Hmong và các tổ chức chống chính quyền người Lào nhắm vào các nơi công cộng tại Vạn Tượng cũng như các địa điểm ở sát biên giới Thái Lan.

Có tin cho biết Hà Nội đã tăng cường sự hiện diện quân sự của họ ở Lào bằng cách đưa thêm một số đơn vị quân đội vào nước này và cung cấp cho quân đội Lào các phương tiện như bệnh viện dã chiến cùng xe cơ giới.

Trong khi Trung Cộng cố gia tăng ảnh hưởng và sự hiện diện tại Cam Bốt cũng như Lào không ngoài mục đích hất cẳng CSVN, Hà Nội cho thấy có những nỗ lực trái ngược lại, không lúc nào có ý định để hở cạnh sườn bên trái.

CSVN LẠI NGHĨ TỚI CHUYỆN ĐÁNH THUẾ LƯU HÀNH XE

Số xe gắn máy hiện nay đã cài chật đường phố Sài Gòn và các thành phố lớn khác như Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng. Nhà nước CSVN nay lại hâm nóng lại một dự án có từ năm ngoái: đánh thuế lưu hành xe gắn máy và xe hơi để lấy tiền phát triển hệ thống giao thông công cộng.

Theo một bản tin của tờ Tuổi Trẻ, nhằm giải quyết tình trạng kẹt xe quá nghiêm trọng cũng như giảm thiểu số tai nạn lưu thông đứng hàng đầu thế giới, Bộ Giao Thông Vận Tải CSVN lại đề nghị với nhà nước trung ương đánh thuế lưu hành xe tự động nhắm vào xe hơi du lịch và xe gắn máy, hầu nhờ đó có tiền phát triển hệ thống xe buýt.

Theo nguồn tin trên, Bộ Giao Thông Hà Nội muốn đánh thuế hàng năm 200,000 đồng cho xe gắn máy và 2 triệu đồng cho xe hơi.

Hồi năm ngoái, dư luận đã rất xôn xao về dự định này nên chuyện đánh thuế lưu hành đã bị xếp lại. Nhiều lý do.

Thứ nhất, dân chúng đã phải đóng nhiều thứ gián tiếp cho nhu cầu giao thông công chánh trên thuế xăng, lệ phí trước bạ xe cộ, lệ phí cầu đường thu ở các trục lộ, nay lại phải đóng thêm thứ tiền này nữa, là một gánh nặng cho đại đa số dân chúng vốn đi quá cơ cực với lợi tức ít ỏi. Bên cạnh đó, sự nhiêu khê của việc thu lệ phí, đóng lệ phí, kiểm soát v.v... sẽ đẻ thêm ra nhiều tệ trạng nhũng nhiễu, và làm sao kiểm sát hàng chục triệu chiếc xe. Có nhiều người kêu ca như một cái xe cũ chỉ đáng giá năm hay sáu trăm ngàn mà phải đóng 200,000 đồng là quá đáng.

Lê Trung Tính, phó giám đốc Trung Tâm Quản Lý và Điều Hành Vận Tải Hành Khách Công Cộng, trong một cuộc phỏng vấn với tờ Tuổi Trẻ nhìn nhận sự khó khăn trong việc thu thuế lưu hành xe nhưng cho rằng "Vấn đề chính là không có vốn để phát triển vận tải hành khách công cộng, do đó không còn khả năng nào khác hơn là lập quĩ phát triển vận tải hành khách công cộng." Nói khác quan điểm của Bộ trên là nhất định phải đánh thuế lưu hành xe.

Có thể, giai đoạn đầu, sẽ đánh thuế lưu hành xe hơi trước rồi sau đó sẽ tính tới việc thu thuế xe gắn máy, theo báo Tuổi Trẻ.

CAI TÙ GIAO CHÌA KHÓA CHO TÙ GIỮ

Đây là một chuyện lý tưởng của thời Nghiêu Thuấn thái bình bên Trung Quốc hồi mấy nghìn năm về trước. Không những người đi ngoài đường thấy của rơi không thèm nhặt, mà nếu có ai chẳng may phạm tội, nhà tù không cần phải khóa. Thời nay, quan cai ngục tỉnh Đắc Lắc giao chìa khóa cho can phạm. Còn gì lý tưởng, thái bình hơn.

Theo tin của báo chí trong nước, ngày 21-7, khi thông báo kết quả của một cuộc kiểm tra về tình trạng bắt bớ, giam cầm và xét xử tại tỉnh Đắc Lắc, đại diện ngành Kiểm Sát của tỉnh này cho

biết: "Tình trạng thực thi các quy định về bắt bớ, giam giữ đã không được thực hiện nghiêm minh trong một thời gian dài tại các trại giam tội phạm trong tỉnh, nhất là ở các trại giam cấp huyện. Cá biệt nhất là trường hợp xảy ra tại huyện Krông Búk: Công an đã giao toàn bộ chìa khóa các phòng giam cho... can phạm quản lý."

Không thấy tin tức của tỉnh Đắc Lắc nói gì đến sự trừng phạt các quan công an hoặc có tù nhân nào xổng chuồng, hoặc ít nhất, nếu là tù nhiều lương tâm, đi lang thang nhậu nhẹt một hồi rồi quay lại nhà tù....tự khóa cửa lấy.

CŨNG CHUYỆN HIẾM THẤY: NHÀ BÁO RA TÒA SĂN TIN BỊ BẮT

Theo tin của tờ Lao Động ra ngày 25-7-2000, sáng ngày 20-7, Tòa án thị xã Sóc Trăng đã mở phiên tòa lưu động công khai, xét xử vụ án "Xâm phạm quốc kỳ" tại địa điểm chùa Năm Ông, phường 8, thị xã Sóc Trăng.

Vào khoảng 8:30, ký giả Nguyễn Thanh Sơn, của báo địa phương Sóc Trăng đến chụp ảnh bị cáo đang đứng trước vành móng ngựa.

Đang thẩm vấn, thấy nhà báo Sơn bấm máy, ông thẩm phán Hồng Thanh Hồng - chủ tọa phiên toà - nói to vào micro: "Ê, ở đâu mà vô đây chụp ảnh?" Trên 200 người đến chứng kiến phiên tòa cười ồ! Lập tức, nhà báo Nguyễn Thanh Sơn bị lực lượng công an bảo vệ khống chế, bắt giữ ngay tại phiên toà để "làm việc" về hành vi "chụp ảnh mà không xin phép."

Mặc dù đã xuất trình thẻ nhà báo, nhưng nhà báo Thanh Sơn vẫn bị giữ lại hết phiên xét xử. Sau phiên tòa, ông chủ tọa Hồng Thanh Hồng đã nói với nhà báo Sơn rằng: "Nếu lần sau có chụp ảnh thì phải xin phép trước." (!?)

LŨ LỤT CÙNG LÚC TỪ BẮC ĐẾN NAM

Nửa năm đầu năm ngoái và năm trước đó, Việt Nam đã bị hạn hán nặng nề kéo dài tại miền Bắc và miền Trung.

Năm nay, ngược lại, mưa lũ rất sớm gây nhiều thiệt hại kinh tế cho miền Bắc và cả miền Nam, nơi vẫn được tiếng mưa gió hiền hòa.

Trên miền Bắc, báo Lao Động cho hay mưa lớn đã gây nhiều trở ngại lưu thông trên nhiều trục lộ của tỉnh Hà Giang, vì đường ngập nước, có đoạn bị lở, ba nhà của dân trong thị xã đã bị sập và vùi trong đất.

Các tỉnh Bắc Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên bị các cơn mưa trong các ngày 20-24 tháng 7 gây nhiều thiệt hại.

Tỉnh Tuyên Quang có 43 nhà bị ngập nước, hai đoạn trên quốc lộ 2 bị ngập từ nửa thước đến 0.8 mét, một số phố xá trong thị xã ngập hơn một mét nước, hơn 100 mẫu lúa và hoa màu bị ngập.

Tỉnh Bắc Giang có khoảng 7,000 mẫu lúa bị ngập. Các con đê Lục Nam, tả Thương bị nứt khiến cơ quan thủy lợi phải huy động 383 máy bơm đến để chống lụt.

Tỉnh Thái Nguyên có 650 nhà trong thị xã bị ngập sâu trong nước, dân chúng phải đi tản, 4 ngôi nhà đã sập và 1 người chết, 3 người bị thương.

Có 17 gia đình ở khu vực đồi Yên Ngựa, phường Quang Trung phải di tản gấp vì sợ núi lở.

Vì mưa lớn và kéo dài nhiều ngày, mực nước trên sông Hồng có khu vực đã gần đến mức báo động 3, sông Thái Bình cũng mấp mé ở mức báo động 3, sông Cầu tại Đáp Cầu đã vượt mức báo động 3.

Tỉnh Vĩnh Phúc có 33 căn nhà bị ngập nước khiến 150 người không nơi trú ngụ. Hai thiếu niên bị thiệt mạng và hai người khác mất tích khi làm việc ngoài đồng thì bị nước lũ đổ tới không trở tay kịp.

Trong khi đó, mực nước sông Cửu Long tiếp tục dâng lên cao hơn nhất là khu vực Đồng Tháp Mười, khu Tứ giác Long Xuyên nhưng cường độ không còn mạnh như mấy ngày trước.

Cơ quan khí tượng địa phương nói ngày 29-7 mực nước sông Tiền tại Tân Châu và sông Hậu tại Châu Đốc có thể vượt mức báo động 3 và tiếp tục cao hơn nữa. Rất nhiều nơi đã cố gắng gặt lúa non dù còn cả tháng nữa lúa mới chín với hy họng vớt vát được phần nào. Gần 49,000 mẫu lúa hè-thu của tỉnh Long An (chiếm 43% diện tích trồng lúa của tỉnh) ngập trong nước từ 0.2 đến 0.4 mét nước, trong đó có thể bị mất trắng hơn 14,000 mẫu với sản lượng khoảng 50,000 tấn thóc. Một số nơi trồng mía, dân chúng cũng vội vã đốn mía non.

Những tin tức mấy ngày qua cho hay đã có khoảng 350,000 mẫu ruộng trong tổng số 1.3 triệu mẫu của khu vực này ngập trong nước. Dân chúng cố gắng gặt lúa non để tránh lũ nên phẩm chất bị mất rất nhiều.

VIỆT MỸ KÝ HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI VÀ TRUNG QUỐC CHUẨN BỊ VÀO WTO

NGÔ NHÂN DỤNG

Hiệp định Thương mại Việt Mỹ ký ngày 20 tháng Bẩy, sẽ giảm thuế nhập cảng hàng Việt Nam, theo Quy chế Mậu dịch bình thường (NTR), mà mỗi năm Quốc hội Mỹ sẽ xét lại. Vào tháng Năm vừa qua, Hạ viện Mỹ thông qua một Hiệp định Thương mại khác, để Trung Quốc hưởng quy chế NTR vĩnh viễn, mở cửa vào Tổ chức Mậu dịch Thế giới sau 14 năm chờ đợi. Hai biến cố đó sẽ tạo những ảnh hưởng giống nhau trong hai nước cộng sản đang thay đổi. Mậu dịch tự do sẽ thúc đẩy quá trình đổi mới nhanh hơn, sẽ thay đổi cơ cấu kinh tế và dẫn đến những thử thách lớn cho cơ cấu chính trị.

Các lãnh tụ Ba Đình lo lắng

Hiệp định Việt-Mỹ đã sẵn sàng từ tháng Bẩy năm ngoái, bị hoãn ký một năm nay vì nội bộ đảng Cộng Sản chưa thống nhất. Nguyên nhân khiến hai phe bất đồng ý kiến không phải là do quan điểm, các thành viên Bộ Chính trị chắc đồng ý với nhau về hậu quả bản hiệp định đối với nền kinh tế Việt Nam, và đều lo mở cửa giao thương sẽ làm suy yếu quyền hành của Đảng. Nhưng họ trì hoãn, vì nếu ký năm ngoái thì uy thế các ông Trần Đức Lương, Phan Văn Khải, Nguyễn Tấn Dũng, v.v. sẽ được tiếng, trì hoãn đến năm sau thì phe ông Lê Khả Phiêu mới đóng vai chủ động.

Trong thời gian trì hoãn một năm qua, ông Phiêu đã củng cố uy quyền của ông. Ông cũng tìm cách tạo "uy tín trên trường ngoại giao" bằng một chuyến đi Bắc Kinh bí mật, rồi được Tổng thống Pháp mời sang thăm như một quốc khách. Khi ký Hiệp định Thương mại, một viên chức Hà Nội còn nói chuyến đi Pháp của ông Phiêu có ảnh hưởng quyết định tới việc ký kết này, không nói rõ ảnh hưởng gì.

Nhưng việc ký kết có phải là một thắng lợi của phe "Thực tế" trong Đảng, chống lại phe "Thủ cựu" hay không? Không chắc, vì bên nào thắng hay bại còn tùy thuộc việc sắp xếp nhân sự khác trước kỳ Đại hội Đảng dự trù vào tháng Ba năm 2001. Sau khi ký rồi, việc thi hành hiệp định cũng do phe nhóm ông Lê Khả Phiêu quyết định.

Khi Hiệp định Thương mại được phê chuẩn, hơn một trăm xí nghiệp quốc doanh ở Việt Nam sẽ hưởng lợi. Hàng Việt Nam xuất cảng sang Mỹ sẽ bị đánh thuế quan trung bình dưới 3% thay vì 40% như hiện nay. Với suất thuế mới đó họ có thể cạnh tranh với hàng Trung Quốc và các nước Á châu khác trong thị trường tiêu thụ Mỹ, lớn nhất thế giới.

Khi có thể cạnh tranh với quần áo Indonesia và Thái Lan, Công ty may mặc Thăng Long nay mai sẽ bán nhiều sang Mỹ, thay vì bán 90% sang Âu châu và Nhật Bản như hiện nay. Trước đây Thăng Long phải bán hàng cho những tay trung gian ở Hồng Kông để tái xuất cảng sang Mỹ với nhãn hiệu mới, nay họ có thể bán trực tiếp. Hãng giầy Nike, qua các nhà thầu Đài Loan và Nam Hàn đang sử dụng 50 ngàn công nhân Việt Nam, nay mai sẽ mượn đến 100 ngàn người, vì có thể bán thêm sang Mỹ. Nhiều công ty thời trang may mặc, giầy dép của Mỹ sẽ qua Việt Nam đặt hàng, nhiều công nhân Việt Nam sẽ có việc làm. Nếu việc thi hành Hiệp định đứng đắn, nay mai sẽ tới các vụ đầu tư lâu dài và nhiều tiền hơn, các công ty chế tạo máy móc, điện tử, điện thoại, microchip, máy vi tính, v.v. Số xuất cảng từ Việt Nam sang Mỹ sẽ tăng gấp đôi ngay trong năm đầu tiên, lên gần 800 triệu Mỹ kim, và hai năm sau có thể lên hàng tỷ. Năm ngoái kim ngạch xuất cảng của Việt Nam tăng 23% nhờ giá dầu thô tăng gấp đôi trên thế giới, nhưng trong vài năm tới giá dầu sẽ

xuống. Nhờ bản Hiệp định Thương mại Việt-Mỹ, ngoại tệ lại chảy thêm vào Việt Nam.

Nhưng tại sao khi ký Hiệp định rồi không thấy một người nào trong Bộ Chính trị Cộng Sản Việt Nam lên tiếng tự khen ngợi một "thành công" của đảng đối với Mỹ? Chỉ thấy hai Nghị sĩ cựu chiến binh Mỹ ở Việt Nam John McCain (Cộng Hòa) và John Kerry (Dân Chủ) cùng Tổng thống Clinton ca ngợi bản Hiệp định. Ông Kerry nói: Việt Nam là "nơi nước Mỹ có cơ hội lớn lao về lâu về dài."

Cơ hội nào? Nước Mỹ mỗi năm nhập cảng số hàng hóa lớn gấp 100 lần con số hàng xuất cảng của Việt Nam đi khắp thế giới (chỉ có 12 tỷ Mỹ kim.) Hàng xuất cảng của Mỹ thêm sang Việt Nam trong năm đầu sẽ đóng góp thêm khoảng 50 triệu Mỹ kim vào GDP của nước Mỹ, nhỏ hơn số thương vụ của một công ty thường ở Quận Cam. Nhưng nước Mỹ có những quyền lợi không kinh tế khác ở vùng Đông Nam Á. Nếu có cơ hội, chắc đó là những cơ hội lâu dài, khi Việt Nam thay đổi thực sự, hội nhập vào kinh tế toàn cầu. Trong lễ ký kết, ông Clinton không quên nói ông hy vọng "giao thương sẽ bành trướng cùng nhịp bước với quyền con người."

Có lẽ đó là lý do khiến các lãnh tụ cộng sản ở Việt Nam im lặng, trong khi đa số dân chúng nghe tin ký Hiệp định thì vui mừng. Có mặt hàng ở Sài Gòn khan hiếm vì nhiều người lo mua sẵn chờ bán sang Mỹ! Hãng tin Reuters kể một người lái xe ôm ở Hà Nội nói: "Biến cố thật là vĩ đại, không phải ngày nào cũng xẩy ra!" Nhiều người Việt còn khen ngợi ông Vũ Khoan là đã làm được việc! Nhận xét đó nguy hiểm cho ông Vũ Khoan. Từ nay ông ta có thể bị gắn nhãn hiệu "thân Mỹ," có thể còn bị kết tội "đem bán Đảng cho tư bản Mỹ!" Các lãnh tụ ở Hà Nội im lặng vì còn gờm gờm nhìn nhau coi ai tuyên bố câu gì trước. Trong lòng họ đều chia sẻ một mối lo: không biết cái Hiệp định Thương mại Việt-Mỹ này sẽ ảnh hưởng gì tới địa vị, quyền lợi của họ, ảnh hưởng nhanh cỡ nào tới hệ thống độc quyền kinh tế, chính trị của Đảng. Sự im lặng từ Hà Nội khiến cho người ngoài thấy đảng Cộng Sản chưa thống nhất để đổi mới thật sự.

Ông Peter Ryder, chủ tịch Phòng Thương mại Mỹ ở Hà Nội nói rằng Hiệp định Thương mại Việt-Mỹ là một cơ hội thăng tiến cho giới tư doanh Việt Nam và các xí nghiệp ngoại quốc làm ăn ở Việt Nam. Nghe vậy cũng đủ cho các lãnh tụ ở Ba Đình lo ngại!

Một mối lo trực tiếp nằm trong tầm nhìn của các lãnh tụ là sau khi phê chuẩn Hiệp định, mỗi năm Quốc hội Mỹ lại đem tình trạng nhân quyền ở Việt Nam ra mổ sẻ, trước khi gia hạn tái tục quy chế Mậu dịch Bình thường, mà trước đây gọi là Tối huệ quốc, (MFN). Các người tranh đấu cho quyền con người ở Việt Nam, ở nước ngoài cũng như ở trong nước mỗi năm sẽ có một cơ hội chính thức để lên tiếng. Đó là tình cảnh Cộng Sản Bắc Kinh đã trải qua hơn mười năm ròng, nay đến lượt Hà Nội sắp phải chịu.

Việc thi hành Hiệp định thương mại Mỹ Việt sẽ chuẩn bị cho Việt Nam gia nhập Tổ chức Mậu dịch Thế giới, và cũng gặp những vấn đề tương tự như khi Trung Quốc vào WTO. Trong phần dưới đây chúng tôi tóm tắt những khó khăn của Trung Quốc trong những năm sắp tới để suy ra những vấn đề tương tự ở Việt Nam.

Thử thách sắp tới của Trung Quốc

Trung Quốc đã ký Hiệp định thương mại với Mỹ tháng Mười Một năm ngoái, mặc dù hai nước lúc đó đang gay go về các vấn đề thả bom Tòa Đại sứ quán Trung Quốc ở Beograd cũng như vụ Đài Loan. Thỏa hiệp này tiếp theo các thỏa hiệp với Nhật Bản và Âu châu, sẽ đưa Trung Quốc vào Tổ chức WTO. Như bà Barshefsky, Đại diện Thương mại chính phủ Mỹ nhận định, nếu Trung Quốc không có mặt trong Tổ chức Mậu dịch Thế giới thì tổ chức đó không thể gọi là "thế giới" được. Hiển nhiên, trong tình trạng "bán khai" hiện nay Trung Quốc đã đứng hàng thứ 11 trong mậu dịch quốc tế. Năm 2020 Trung Quốc sẽ lên hàng thứ nhì.

Nhìn từ nội địa Trung Quốc khác, việc gia nhập WTO là một cơ hội, có thể tạo ra một bước nhẩy vọt thật cho 1.3 triệu dân Trung Hoa. Ước tính lợi tức theo đầu người sẽ tăng gấp năm lần trong 20 năm. Nhưng giới lãnh đạo Bắc Kinh sẽ phải đối phó với nhiều hệ quả khó khăn. Giới lãnh đạo Trung Quốc vận động vào WTO chứng tỏ họ lựa chọn đổi mới, nhất định đổi mới chứ không phải đổi mới nửa chừng, đổi mới một cách có ý thức chứ không phải vì "thế lực ngoại lai" nào ép buộc. Trong khi đó, tổ chức WTO cũng sẽ phải thích ứng với sự có mặt của nước hội viên mới mà dân số là hơn một phần năm nhân loại, trong lúc chính cái tổ chức này cũng đang bị khắp nơi chống đối, cần tự điều chỉnh. Và Hoa Kỳ

cùng các nước Liên hiệp Âu châu thì phải chuẩn bị đối phó với cả hai vấn đề trên.

Tham dự WTO là Bắc Kinh sẽ phải tuân theo các "luật chơi" mới. Những luật chơi của tổ chức này dựa trên cơ cấu thị trường tự do cạnh tranh; và cũng dựa trên tinh thần trọng pháp (the rule of law) tức là nền tảng của chế độ dân chủ tự do. Trong lịch sử nước Trung Hoa chưa bao giờ người ta sống hoàn toàn với những luật chơi đó, bây giờ sẽ phải thay đổi, nghĩ và sống theo lối mới. Và sự thay đổi nào cũng đau đớn, tự nhiên sẽ gây ra các phản ứng chống đối từ bên trong. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc sẽ phải đối phó với các vấn đề đó.

Một thay đổi trông bên ngoài tưởng là khó khăn nhưng lại dễ dàng thực hiện nhất khi Trung Quốc tham dự vào WTO là việc cắt giảm thuế quan trên nhiều món hàng nhập cảng, dựa trên các hiệp định song phương với Mỹ, với Liên hiệp Âu châu, và các quy tắc của Tổ chức Mậu dịch Thế giới. Nông phẩm nhập cảng vào Trung Hoa đang bị đánh thuế 31% sẽ giảm xuống còn 14%, cạnh tranh với nông sản nội địa dễ dàng, ảnh hưởng đến lợi tức của 600 triệu nông dân, nhiều nông dân sẽ phải chuyển ngành.

Hàng ngoại quốc sản xuất với phương pháp tân tiến, do các cơ xưởng có hiệu năng, năng suất lao động cao hơn, sẽ bán rẻ hơn hàng nội địa, bắt các xí nghiệp quốc doanh phải cải thiện mới đủ sức cạnh tranh. Chính việc cải tổ cơ cấu để các xí nghiệp quốc doanh có khả năng cạnh tranh mới là vấn đề khó khăn nhất. Nhưng chính phủ Bắc Kinh cho thấy họ đã chuẩn bị trước thách đố này.

Những chuẩn bị ở Trung Quốc

LÃNH VỰC QUỐC DOANH:

Trong những năm qua Trung Quốc đã thay đổi với một bản lộ trình rõ rệt. Giới lãnh đạo tỏ ra quyết tâm cổ phần hóa và tư hữu hóa các doanh nghiệp nhà nước, mở cửa thị trường vốn trong nước và khích lệ đầu tư nước ngoài. Nhiều doanh nghiệp nhà nước ở tình trạng phá sản, máy móc thiết bị cũ, hàng xấu chất đầy kho, công việc thiếu hiệu năng, trong nhiều lãnh vực hàng ứ đọng không bán được, cảnh giảm phát đã diễn ra như ở Việt Nam. Vì thế Trung Quốc đã cải tổ cơ cấu vi mô. Muốn các xí nghiệp có động cơ tự cải thiện thì không những phải có "củ cà rốt" tức là cho họ thêm quyền tự trị và cho được hưởng lợi nếu làm ăn giỏi, mà còn phải sử dụng cây roi, là chấm dứt dần dần cơ chế bao cấp, đặt các xí nghiệp quốc doanh vào tình thế phải cạnh tranh không có cơ quan chủ quản nào bảo vệ, không được ngân hàng nào nâng đỡ nữa.

Cơ cấu kinh tế vi mô Trung Quốc đã thay đổi rất nhiều. Lãnh vực tư đang phát triển, ngày nay sản xuất 33% sản lượng toàn quốc, lãnh vực quốc doanh nay chỉ còn 37%. Các xí nghiệp tư bớt bị guồng máy hành chính và các ngân hàng nhà nước kỳ thị. Trước đây các ngân hàng đặt ưu tiên cho các doanh nghiệp nhà nước vay. Đem tiền cho các cán bộ quốc doanh bất lực và tham nhũng sử dụng thì cũng giống như vứt tiền qua cửa sổ, mà tiền ngân hàng là tiền của quốc dân. Ông Chu Dung Cơ đã thay đổi cơ cấu Ngân hàng Trung ương, bãi bỏ cấp tỉnh thay bằng cấp vùng như hệ thống Quỹ Dự trữ Liên bang ở Mỹ. Nhờ thế các giám đốc ngân hàng ở địa phương được tách ra khỏi áp lực của chính quyền và tỉnh ủy, nói cách khác, tách những quyết định kinh tế, tài chánh ra khỏi mạng lưới ảnh hưởng chính trị! Cuộc cải tổ mà ông Chu Dung Cơ bắt đầu đang có kết quả. Ông Dou Jian Zhong, chủ tịch Citic cho biết trong hai năm qua thủ tục cho vay đã thay đổi nhiều. Các ngân hàng bắt đầu cấp tín dụng theo các tiêu chuẩn kinh tế, khả năng sinh lợi nhuận, chứ không lệ thuộc áp lực của cán bộ địa phương. Số tiền họ cho các xí nghiệp quốc doanh vay đang giảm đi so với số tín dụng cấp cho các xí nghiệp tư và xí nghiệp liên doanh với ngoại quốc. Tân chủ tịch Ngân hàng Kiến thiết, một trong bốn ngân hàng lớn nhất, cho biết đang đề nghị nhiều cải tổ mới cho được Ngân hàng Trung ương Bắc Kinh ban hành để các ngân hàng tự do làm việc theo đúng tiêu chuẩn thị trường hơn. Vị tân chủ tịch 48 tuổi đã làm việc hơn 10 năm ở nước ngoài, đa số là ở New York.

NGÂN HÀNG:

Sau khi tách các ngân hàng thương mại khỏi ảnh hưởng cấp ủy đảng địa phương, các ngân hàng sẽ dần dần được tự do ấn định lãi suất. Ông Xie Ping, Tổng Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Tài chính của Ngân hàng Trung ương nói: "Cần cổ võ thị trường hóa lãi suất. Sẽ bãi bỏ sự kiểm soát lãi suất cho vay, rồi đến lãi suất gửi tiền ký thác." Hiện nay, khi các ngân hàng cho vay phải theo lãi suất chính phủ ấn định, với khoảng du di 10%. Tiền vốn là một tài nguyên chung của xã hội, cần được phân bổ vào những dự án hy vọng sinh lợi cao nhất, dự án nhiều may rủi (risk)

thì phải trả lãi cao, ít may rủi thì vay với lãi suất thấp. Khi ngân hàng bị hạn chế với mức trần lãi suất họ sẽ không muốn cho các xí nghiệp có nhiều may rủi vay tiền, mà chỉ cho các xí nghiệp an toàn vay, thí dụ, doanh nghiệp nhà nước. (Ở Đại Hàn thời 1960-70 đã áp dụng mức lãi suất trần cứng rắn, hậu quả là các xí nghiệp nhỏ và trung không thể phát triển, tiền vốn đổ vào các đại công ty. Tình trạng ưu đãi các Chaebol là một lý do gây ra cuộc khủng hoảng năm 1997.)

Ngân hàng ở Trung Quốc là một hệ thống lãng phí tài nguyên nhất thế giới. Bốn ngân hàng thương mại lớn nhất hiện có 25% các món nợ không thể đòi lại. Hai phần ba tín dụng được trao cho các xí nghiệp làm ăn kém hiệu quả nhất, 300 ngàn doanh nghiệp nhà nước chỉ đóng góp cho một phần ba Tổng sản lượng Quốc nội. Còn những xí nghiệp mới, năng nổ, những công ty loại "đótcom" xin vay không được, họ phải đi vay các ngân hàng ngoại quốc dám chấp nhận may rủi! Giới lãnh đạo Bắc Kinh đã nhìn thấy, và quyết định thay đổi. Nhưng sau khi Trung Quốc gia nhập WTO, sự thay đổi đó có thành công hay không tùy thuộc khả năng các ngân hàng của nhà nước có cạnh tranh nổi với các ngân hàng ngại quốc để tồn tại hay không. Một viên chức ngân hàng nói: "Mối lo lớn nhất của nhà nước là nếu các ngân hàng được tự do trả tiền lãi cao thì các người có tiền tiết kiệm sẽ bỏ các ngân hàng chính phủ." Mặt khác, nếu không chịu nhẩy xuống nước thì không bao giờ biết bơi! Chính phủ Bắc Kinh dự trù lập bốn công ty đầu tư để "mua lại" các món nợ khó đòi của bốn ngân hàng lớn. Sau đó các ngân hàng này bắt đầu với tình trạng tài chánh lành mạnh, trước khi phải cạnh tranh gắt gao với người ngoài.

Bắc Kinh sẽ dần dần cho các ngân hàng được tự do ấn định lãi suất, bắt đầu với các trương mục và khoản vay nợ dùng ngoại tệ, rồi tiến sang các giao dịch dùng nhân dân tệ. Nhiều công ty liên doanh với ngoại quốc đang được phép đầu tư vào các cổ phần "A" vẫn dành riêng cho người bản xứ, con số ngày càng cao hơn. Các viên chức cao cấp cũng nói trong

tương lai sẽ mở cửa cho việc đổi tiền tự do trong thị trường vốn, mà hiện nay chỉ việc giao dịch thương mại mới được đổi tự do.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN:

Một cuộc cải tổ tương tự đang bắt đầu với các thị trường chứng khoán. Trong tháng Sáu, Chủ tịch Giang Trạch Dân đã đọc một diễn văn trước các chính khách và học giả quốc tế để ca tụng vai trò cần thiết của thị trường chứng khoán trong việc canh tân kinh tế Trung Hoa, khiến nhiều người kinh ngạc. Thị trường chứng khoán là nơi mua, bán các cổ phần, tạo ra tính lưu hoạt, dễ mua, dễ bán. Nhờ các cổ phần có tính lưu hoạt, các xí nghiệp dễ gây vốn mới hơn vì người mua cổ phiếu biết khi cần họ có thể thay đổi ý kiến dễ dàng. Giá cổ phần biểu hiện mỗi ngày trên thị trường cũng là một tín hiệu cho thấy giới đầu tư thẩm lượng khả năng quản lý xí nghiệp của ban giám đốc. Giá cổ phần lên giống như lời khen tặng cho các xí nghiệp làm ăn giỏi, là lời cảnh cáo bắt các xí nghiệp yếu kém phải cải thiện. Khi giá cổ phần lên, xí nghiệp càng dễ gọi thêm vốn bằng cách phát hành cổ phiếu mới.

Trong quá khứ, chính phủ Trung Quốc vẫn đặt ưu tiên cho các doanh nghiệp nhà nước trong việc đăng ký các cổ phần. Vào giữa năm 2000, trong số 976 công ty ghi danh trên thị trường chứng khoán mới chỉ có 11 công ty tư nhân. Chính phủ Bắc Kinh đang khuyến khích nhiều xí nghiệp quốc doanh ghi tên và đã có 100 xí nghiệp đang xin gia nhập.

Nhưng dự tính quan trọng nhất là thiết lập thị trường chứng khoán mới với các điều kiện ghi danh hoàn toàn dựa trên tiêu chuẩn thương mại, phi chính trị. Cải tổ này là một nhượng bộ mới cho các doanh nhân, một bước lùi của giới cán bộ kinh tế đảng. Dự án mở thị trường mới chú trọng đến các công ty kỹ thuật cao, giống như thị trường Nasdaq của Mỹ - mới mở chi nhánh ở Nhật. Đến đầu năm 2001 những luật lệ mới về mua bán chứng khoán sẽ được đưa ra để tiến tới thị trường mới này. Luật lệ hiện nay bắt các công ty muốn ghi tên phải có ba năm làm ăn có lời, ngăn trở những công ty mới, kỹ thuật cao, mà trong nhiều năm đầu tiên thường không có lời. Hệ thống kế toán, luật bắt công khai hóa các kết quả tài chánh (disclosure) sẽ minh bạch hơn. Các điều kiện ưu đãi doanh nghiệp nhà nước sẽ giảm đi để cho tư doanh được ghi tên trên thị trường chứng khoán.

Hiện nay thị trường chứng khoán Trung Quốc tập trung ở Thượng Hải và Thẩm Quyến, nhưng đã có đến 49 triệu người Trung Hoa tham dự việc mua, bán, trị giá tổng cộng các chứng khoán khoảng 500 tỷ mỹ kim, đứng hàng thứ ba ở Á châu sau Nhật Bản và Hồng Kông. Điều này cho thấy dân Trung Hoa quả nhiên không sợ trò may rủi! Ông Zhou Xiao Chuan đứng đầu Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho biết trong thị trường mới sẽ có mua bán cả các đê ri va ti như hứa phiếu (option) và lai phiếu (futures) lấy cổ phiếu làm căn bản, đó là các loại chứng phiếu mới và nhiều may rủi nhất! Hiện Trung Quốc có cần đến các loại chứng phiếu tối tân để chia sẻ may rủi hay không, chưa biết, nhưng việc lập thêm thị trường mới cũng có mục đích cho nhiều công ty được ghi danh mà khỏi thông qua chính phủ trung ương và các tỉnh như hiện nay.

ĐẦU TƯ:

Một bước đổi mới Bắc Kinh khác đang thực hiện là mở cửa thị trường vốn cho người ngoại quốc tham dự. Các công ty ngoại quốc sẽ được đóng vai cố vấn phát hành (underwriter) cho trái phiếu nhà nước, cũng sẽ được tham dự vào các quỹ đầu tư nội địa. Các liên doanh ngoại quốc sắp được ghi tên trên thị trường chứng khoán với những cổ phần tính bằng nhân dân tệ (loại A), thay vì chỉ được tham dự vào loại cổ phần tính bằng ngoại tệ (loại B, thường tính ra đô la Mỹ hay đô la Hồng Kông.) Nhưng việc thu hút vốn nước ngoài chỉ đạt được nếu Trung Quốc cũng có những luật lệ giống nước ngoài. Thí dụ phải công bố tình trạng tài chánh minh bạch (transparency.) Người nước ngoài chỉ tham dự nếu quyền lợi các cổ đông thiểu số được luật pháp bảo vệ, không bị phe đa số lũng đoạn. Hiện nay các cổ phần đăng ký ở Trung Quốc do nhà nước làm chủ 90%. Ngoài ra, nhân dân tệ phải được hoán chuyển tự do theo luật định thì người nước ngoài mới yên tâm đầu tư, các công ty Trung Quốc mới dễ dàng ghi tên trên các thị trường ngại quốc để dễ gây vốn.

Trung Quốc đang lấy Đài Loan và Ấn Độ làm gương. Đài Loan cho phép người ngoại quốc mua cổ phần bản xứ với giới hạn. Nhưng khi Trung Quốc mở cửa, họ không những chỉ bán cổ phần cho người ngoại quốc lấy thêm vốn, mà còn được học hỏi phương pháp quản lý các quỹ đầu tư vào chứng khoán. Khi lãnh vực tư doanh ở Trung Hoa phát triển mạnh hơn, người ngoại quốc sẽ được liên doanh với

các quỹ đầu tư của tư nhân, giúp cho thị trường vốn càng thêm năng động và tạo ra các cơ hội đầu tư lớn hơn. Việc gia nhập WTO sẽ mở cửa cho các nhà môi giới chứng khoán ngoại quốc vào hoạt động. Bắc Kinh cũng có thể mô phỏng một biện pháp khác của Đài Loan, là chính phủ mua một số cổ phần của các công ty ghi danh để bảo vệ quyền của các cổ đông thiểu số. Luật lệ sẽ bắt các công ty, kể cả công ty nhà nước, bầu các thành viên độc lập trong Ban Quản trị để tránh tình trạng lũng đoạn của một số cổ đông. Dự luật mới về công ty ở Trung Quốc cuối năm nay sẽ ghi rõ quyền của các cổ đông thiểu số kiện ban Quản đốc các công ty, đó sẽ là một tiến bộ lớn giúp thị trường chứng khoán có hiệu năng và bớt bị lạm dụng.

Nước Trung Hoa thì đang cần rất nhiều vốn mới. Không những họ cần phải canh tân hạ tầng cơ sở, từ giao thông vận tải đến dịch vụ tài chánh, viễn thông; Bắc Kinh còn cần tiền để nuôi sống các quỹ hưu bổng, an sinh xã hội mà việc cải tổ cơ cấu xí nghiệp sẽ khiến nhu cầu đó mỗi ngày một lớn hơn. Dưới chế độ bao cấp, quỹ hưu bổng và an sinh xã hội là do các xí nghiệp quốc doanh phụ trách. Từ trợ cấp nhà ở, giáo dục vườn trẻ đến bậc đại học, cho tới trợ cấp tai nạn lao động, lương hưu, trước đây là trách nhiệm của các xí nghiệp. Hệ thống đó thiếu hiệu quả, thiếu linh động và tạo ra nhiều bất công, vì các xí nghiệp lo bảo vệ quyền lợi cán bộ công nhân viên của họ. Khi tháo bỏ hệ thống này, các xí nghiệp được tự do chuyên chú vào các hoạt động thuần túy kinh tế, gánh nặng an sinh sẽ phải chuyển cho các cơ cấu mới chưa thành hình, đó là một mối lo lớn của giới lãnh đạo ở Bắc Kinh.

Hiện nay thành phần già trong dân số chiếm khoảng 10%, 20 năm nữa sẽ lên 16%, và năm 2030 sẽ thành 22%. (Tại các nước Tây phương thành phần người già hiện có 18.6% và trong một thế kỷ nữa mới tăng gấp đôi.) Đến năm 2050 sẽ có khoảng 400 triệu người trên 60 tuổi ở Trung Quốc. Trong một thế hệ nữa mỗi người Trung Hoa đi làm sẽ phải trích 38% lương bổng để nuôi các người già, năm 2050 sẽ phải trích 50% số lương. Vì vậy phải thiết lập những quỹ hưu bổng có khả năng sinh lợi, mai sau còn nuôi các cụ! Muốn vậy, việc thu hút vốn ngoại quốc và học hỏi cách quản lý quỹ hưu bổng của nước ngoài là một nhu cầu cấp bách ngay bây giờ. Với thị trường vốn năng động và hữu hiệu hơn, khi các doanh nghiệp nhà nước được đem bán cho tư nhân, thu tiền vào công quỹ, gánh nặng của hệ thống hưu bổng sẽ vợi bớt, đó cũng là nhu cầu cấp bách khiến chính phủ Bắc Kinh mở cửa cho người ngoại quốc tham dự vào thị trường vốn. Muốn vậy, các luật lệ về đầu tư sẽ phải thay đổi cho phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế.

Trên đây mới chỉ là một phần của những khó khăn mà giới lãnh đạo Bắc Kinh phải giải quyết khi gia nhập Tổ chức Mậu dịch Thế giới. Phần khó khăn hơn nữa là làm cách nào để giới lãnh đạo các địa phương tập sống theo tập tục mới, để thi hành những hiệp định thương mại và tuân thủ các quy tắc của tổ chức WTO. Hàng rào ngăn cách các tỉnh phải được giảm bớt, chính quyền địa phương sẽ phải tập sống theo các tiêu chuẩn của WTO không khác chính quyền trung ương, đó cũng là một thử thách lớn phải hàng thập niên mới thay đổi được. Chúng ta sẽ thấy những vụ kiện, các công ty ngoại quốc kiện các chính quyền địa phương vì ưu đãi các xí nghiệp địa phương, trái với những hiệp định thương mại. Cán bộ và dân chúng sẽ tập "sống theo luật lệ thành văn," the rule of law, chứ không phải theo ý kiến của cấp chỉ huy nữa. Đó cũng là một hiện tượng mới mẻ ở nhiều nơi.

Xây Vạn lý Trường thành mới

Việc tham gia vào tổ chức WTO tạo ra tình huống mới. Tất nhiên, nhiều người đang sống yên lành trong cơ cấu cũ không muốn thay đổi. Tranh chấp giữa những người muốn cải tổ nhanh và bên muốn đi chậm sẽ mạnh hơn sau khi Trung Quốc vào WTO. Việc cải thiện cả hệ thống doanh nghiệp và ngân hàng già nửa thế kỷ cũng khó khăn như việc thống nhất lục quốc của Tần Thủy Hoàng đời xưa, cũng vất vả và gây nhiều xáo trộn, thay đổi cả đời sống xã hội, và cần nhiều thời gian.

Trong năm qua Bắc Kinh quyết định thay đổi "luật chơi" kinh tế cho phù hợp với những quy tắc của tổ chức Tổ chức Mậu dịch Thế giới. Phụ trang Kinh tế Tuần báo của tờ China Daily trích lời Bộ trưởng Thương mại Thạch Quảng Sinh nói: "Chúng ta sẽ thực hiện nhanh chóng việc thay đổi luật lệ về xuất, nhập cảng, về các cơ quan ngoại thương, ..."

Chính sách mới của Bắc Kinh sẽ cho phép các công ty ngoại quốc được đối xử ngang hàng với các công ty nội địa, như họ đã bắt các xí nghiệp quốc doanh phải cạnh tranh ngang hàng với các công ty tư doanh, ngân hàng nhà

nước cấp tín dụng sẽ không ưu đãi các doanh nghiệp nhà nước nữa. Những luật lệ cũ sẽ được bãi bỏ như: các công ty ngoại quốc kinh doanh ở Trung Quốc sẽ không bị bắt buộc phải xuất cảng một tỷ lệ sản phẩm của họ, không phải giữ một số ngoại tệ dự trữ định sẵn; cũng không bị hạn chế hoạt động trong một số thành phố hay tỉnh nữa. Những điều khoản này cũng có trong Hiệp định thương mại Việt-Mỹ. Ngành viễn thông và tin học cũng sẽ thay đổi, cho phép các công ty ngoại quốc đầu tư.

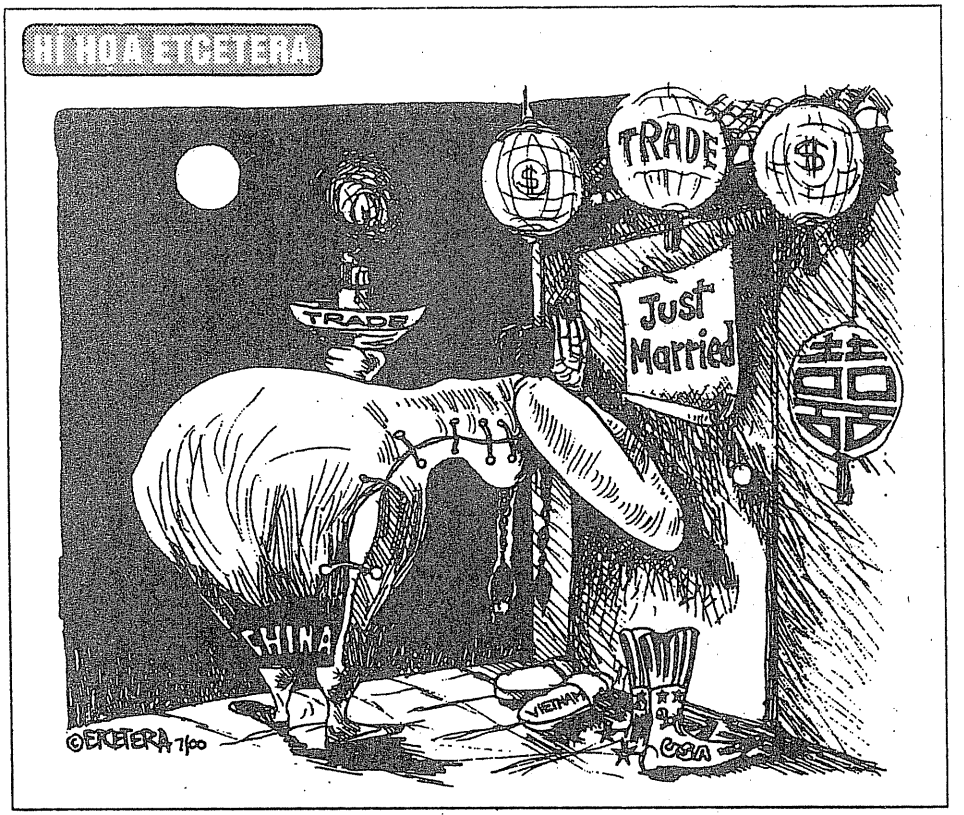

Thử thách lớn nhất là cải tổ cả hệ thống luật pháp. Bài báo trên China Daily viết rằng Bắc Kinh sẽ làm sao để các luật lệ về kinh doanh trở thành minh bạch, công khai. Ở những xứ chậm tiến, nhiều nghị định, thông tư về luật lệ, thủ tục thi hành được nhà nước giữ bí mật, loan báo các công ty quốc doanh hay các xí nghiệp được ưu đãi trước khi thông báo cho người ngoài. Bắt các cơ quan nhà nước phải làm cho luật lệ minh bạch, công khai là giảm bớt quyền của các quan chức chính phủ, nhờ thế các nhà kinh doanh được tự do, được đối xử bình đẳng hơn. Điều này cũng ghi rõ trong Hiệp định thương mại Việt-Mỹ, nhấn mạnh tính bình đẳng giữa doanh nghiệp nhà nước và tư doanh Việt Nam cũng như ngoại quốc.

Hệ thống tư pháp ở Trung Hoa sẽ thay đổi vì việc thi hành các điều khoản của Tổ chức WTO với các thủ tục pháp lý phổ biến ở các nước dân chủ trọng pháp, với quyền tư pháp độc lập và chuyên nghiệp. Hiện Trung Quốc dự trù sẽ thay đổi 170 đạo luật để phù hợp với các điều kiện của WTO. Để phù hợp với chiều hướng mới, những quy tắc về hành nghề luật sư ở Trung Quốc sẽ thay đổi. Một viên chức Bộ Tư pháp ở Bắc Kinh mới tuyên bố rằng trong tương lai các luật sư sẽ tuân theo các quy tắc nghề nghiệp do Luật sư đoàn đặt ra, không còn do Bộ Tư pháp ấn định nữa. Tân Hoa Xã phổ biến bài thuyết trình của viên chức trên, nói rằng "Việc gia nhập WTO sẽ gây nhiều vấn đề cho các ngành hoạt động, trong đó có nghề luật sư." Cải tổ tư pháp cũng là một Vạn lý Trường thành nữa.

Cần thay đổi thể chế

Bắc Kinh sẽ làm thế nào để tránh được các hậu quả cụ thể tức thời và lâu dài khi phải tuân thủ các luật lệ của tổ chức WTO?

Khi các xí nghiệp quốc doanh phải cạnh tranh ngang hàng với tư doanh, nhất là với các công ty ngoại quốc, hàng triệu công nhân viên sẽ mất việc. Khi xí nghiệp tư doanh phát triển, họ sẽ thu hút, sử dụng nhân lực này, nhưng

trong thời gian chuyển tiếp sẽ có nhiều người thiếu, đói. Hiện nay ở Trung Hoa có đến 100 triệu nông dân lang thang đến các thành phố tìm việc làm tạm từng ngày một. Mai mốt đạo quân thất nghiệp này sẽ tăng lên. Những công nhân viên đó có chịu đựng trong im lặng hay không? Họ có được phép phản đối không, hay là sẽ bị đàn áp như đã xảy ra ở Tứ Xuyên trước đây?

Muốn tránh được các xáo trộn xã hội đó, chính quyền Bắc Kinh phải lựa chọn một trong hai đường: đối phó bằng các biện pháp công an quen thuộc của một chế độ độc tài, hoặc chấp nhận luật chơi dân chủ, cho phép các ý kiến bất đồng được lên tiếng. Các biện pháp độc tài sẽ tạo ra thêm nhiều bất mãn và xáo trộn, nhất là khi đảng Cộng Sản đang lái nền kinh tế quốc dân sang hướng thị trường, gọi đúng tên là kinh tế tư bản. Nhiều công nhân sẽ đặt câu hỏi về vai trò của đảng Cộng Sản, khi chính cái đảng này lại đang đi trên đường tư bản hóa.

Đó là thử thách lớn nhất của Bắc Kinh kể từ khi Đặng Tiểu Bình bãi bỏ chế độc độc quyền kinh tế mà Mao Trạch Đông đặt ra. Cởi trói kinh tế mà không đồng thời thay đổi cơ cấu chính trị sẽ mang lại những rủi ro khó lường, có thể phá hoại ngay cả những thành quả kinh tế mới đạt được. Kinh tế thị trường thường phát triển song song với chế độ dân chủ, vì khi người dân tập quen sống với một hệ thống kinh tế mở, thông tin trong suốt, thì khó bắt họ sống trong một xã hội khép kín về các lãnh vực khác. Khi thấy trong đời sống kinh tế có những luật lệ rõ ràng, nhưng hợp đồng bắt các bên phải tôn trọng, người dân sẽ thấy nhu cầu sống theo luật (pháp trị), thay vì sống theo ý kiến của "người trên" (nhân trị.) Nếu trì hoãn cải cách chính trị thì những đau đớn do cải cách kinh tế gây ra có thể nổ bùng vì bị đè nén mà không có cơ hội phát biểu tự do.

Chiến dịch chống tham nhũng của chính phủ Bắc Kinh là một thí dụ cho thấy các giải pháp cũ không trả lời được những vấn đề mới. Chủ tịch Giang Trạch Dân mới hô hào chỉnh đốn Đảng với chiến dịch "Ba đại biểu." Đảng phải đại biểu cho thành phần kinh tế và văn hóa tiến bộ nhất, và đại biểu cho quyền lợi cơ bản của đại đa số người Trung Hoa. Ông nói, Đảng cần có những cán bộ tốt, giác ngộ cao với tiêu chuẩn đạo đức cao. Nhưng một cựu Tổng biên tập báo Nhân Dân, ông Wang Ruoshui nhận xét, nhắm vào chuyện cải tạo tư tưởng là vô ích, chỉ biến vấn đề tham nhũng từ một vấn đề pháp lý thành một vấn đề đạo đức. Những tay tham nhũng sẽ mừng lắm, họ thấy mình chỉ có vấn đề về tư tưởng thôi. Cứ đi dự các lớp chỉnh huấn sẽ giải quyết được hết, tất nhiên vẫn hơn là đi ở tù.

Trong khi đó xã hội Trung Hoa đang thay đổi. Phong trào Pháp Luân công chứng tỏ xã hội này đang trống rỗng, thiếu một nội dung tinh thần khi tư tưởng Mác Lenin Mao không còn giá trị gì nữa. Các lãnh tụ già nua trong Thường vụ Bộ Chính trị, tuổi trung bình là 68 tuổi, chưa nhìn thấy khoảng trống này. Đó mới là vấn đề lớn nhất của Trung Hoa.

Vì vậy, trong khi cải cách các luật lệ kinh tế cho thông thoáng, tự do hơn, đảng Cộng Sản Trung Quốc phải bắt đầu những cải tổ chính trị, điều đó sẽ không thể tránh được. Đó cũng là con đường tốt nhất cho nước Trung Hoa khi chọn hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu. Trong dăm mười năm nữa, nước Trung Hoa sẽ thay đổi, và Việt Nam có thể nhìn vào đó để rút lấy bài học cho mình.●

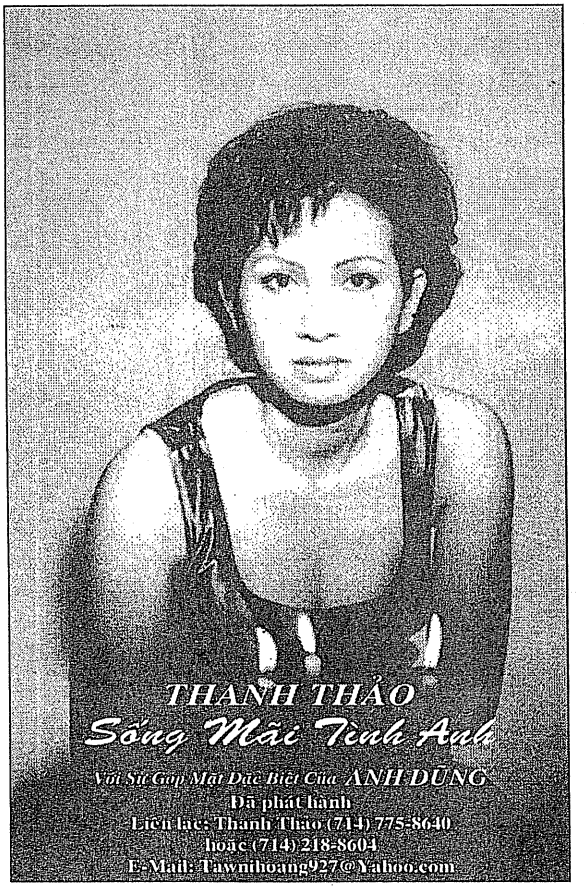

Với hiệp định thương mại được ký kết

QUAN HỆ MỸ - VIỆT ĐÃ BÌNH THƯỜNG CHƯA?

BÙI VĂN PHÚ

So với các nước như Nam Hàn, Thái Lan hay Indonesia thì Việt Nam còn là một nước chưa phát triển và không phải là một thị trường có sức tiêu thụ cao. Nhưng vì hai quốc gia đã gắn liền với nhau bởi những định mệnh của lịch sử qua một cuộc chiến nên mỗi lần Hoa Kỳ và Việt Nam xích lại gần với nhau, âm hưởng của nó đều mang những ý nghĩa rộng lớn cho những người lãnh đạo cũng như dân cư của các quốc gia hai bên bờ Thái Bình Dương. Những mốc thời gian đánh dấu sự cải thiện quan hệ giữa hai cựu thù đều được đón nhận trong hy vọng lạc quan, từ việc bãi bỏ cấm vận vào năm 1994, chính thức bang giao vào năm 1995 và tuần này là việc ký kết bản hiệp định thương mại giữa hai quốc gia.

Với tiến trình như thế Hoa Kỳ tỏ ra muốn tiến tới quan hệ bình thường về mọi mặt một cách nhanh chóng nhưng phía Việt Nam còn tỏ ra e dè. Việc ký kết bản hiệp định thương mại là dấu chỉ cho thấy phía Việt Nam chưa muốn có những quan hệ bình thường nhanh chóng với Mỹ. Bản hiệp định đã được hai bên đồng ý từ tháng Bảy năm ngoái và sẵn sàng để ký kết nhưng Bộ Chính Trị của Đảng Cộng Sản đình hoãn đến cả năm.

Tuần trước Việt Nam gửi Bộ Trưởng Thương Mại Vũ Khoan qua Mỹ để yêu cầu làm sáng tỏ một số vấn đề và sau đó hai bên đã đồng ý bản hiệp định. Tổng thống Bill Clinton dù đang bận rộn với những vấn đề hòa bình của Do Thái và Palestine cũng dành thời giờ cho buổi lễ ký kết diễn ra tại Vườn Hồng trong Tòa Bạch Ốc vào chiều ngày 13 tháng Bảy vừa qua. Giới hành pháp và lập pháp Hoa Kỳ đa số bày tỏ sự ủng hộ cho bản hiệp định được Quốc Hội phê chuẩn trong năm nay. Với những nỗ lực như thế của chính quyền Clinton, việc viếng thăm Việt Nam của một tổng thống Mỹ trong năm nay là điều mọi người đang trông đợi.

Bản hiệp định sẽ giúp hàng hóa Việt Nam nhập cảng vào Hoa Kỳ được hưởng thuế xuất thấp, chỉ 3% so với 40% như hiện tại. Các mặt hàng Việt Nam sẽ ào ạt vào Mỹ gồm đồ may mặc, cây trái, gia vị và các sản phẩm nông nghiệp khác như trà và cà phê. Các nhà đầu tư ước tính chỉ số nhập cảng hàng Việt vào Hoa Kỳ sẽ tăng từ 600 triệu Mỹ kim lên gấp đôi trong vòng một hai năm tới. Ngược lại sản phẩm Hoa Kỳ xuất cảng qua Việt Nam cũng được hưởng mức thuế thấp tương tự. Mức đầu tư của Hoa Kỳ vào Việt Nam hiện đứng sau Đài Loan, Nam Hàn, Nhật Bản và chỉ bằng một phần sáu mức đầu tư của Singapore vào Việt Nam.

Quan trọng nhất là việc Việt Nam đồng ý mở cửa các khu vực đầu tư do nhà nước độc quyền nắm giữ - trên 70% các dự án - như lãnh vực ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ và viễn thông. Trong tiến trình cải tiến cấu trúc kinh tế sắp tới Việt Nam cũng phải có những bộ luật đáp ứng được nhu cầu đầu tư của nước ngoài. Các dự án đầu tư phải được công khai, minh bạch và giới đầu tư ngoại quốc phải được đối xử tương xứng như giới đầu tư trong nước. Đây là vấn đề mấu chốt mà một số thành phần lãnh đạo trong nước tỏ ra dè dặt trong việc đẩy mạnh mối quan hệ với Hoa Kỳ, nhất là thành phần quân đội vì hiện nắm giữ nhiều công ty quốc doanh.

Mở cửa thị trường giao thương với Hoa Kỳ cùng lúc hình thành một thị trường chứng khoán, Việt Nam có đang trở thành một nước theo kinh tế thị trường như Thái Lan, Singapore hay Nam Hàn và mối quan hệ Hoa Kỳ-Việt Nam có bình thường hay không?

Trên nhiều phương diện, 25 năm sau khi

chiến tranh chấm dứt, quan hệ hai nước đã bình thường. Nhưng vì Việt Nam - cũng như Trung Quốc - còn là những quốc gia cộng sản nên mối quan hệ vẫn còn có những điều không được bình thường. Lấy Trung Quốc làm thí dụ. Hoa Kỳ và Trung Quốc đã thiết lập quan hệ ngoại giao hơn hai mươi năm trước nhưng mãi đến gần đây hai nước mới đạt được một hiệp định thương mại với quy chế quan hệ thương mại bình thường vĩnh viễn (PNTR) dành cho Trung Quốc - nước gọi là Most Favored Nation, MFN, bây giờ là Permanent Normal Trade Relations. Hiệp định thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc mới được Hạ Viện Hoa Kỳ chấp thuận và còn đang chờ Thượng Viện phê chuẩn. Đối với những nước không cộng sản trong vùng như Thái Lan, Indonesia hay Nam Hàn thì quan hệ thương mại bình thường với Hoa Kỳ không bao giờ là vấn đề được đưa ra quốc hội bàn luận hằng năm như thế.

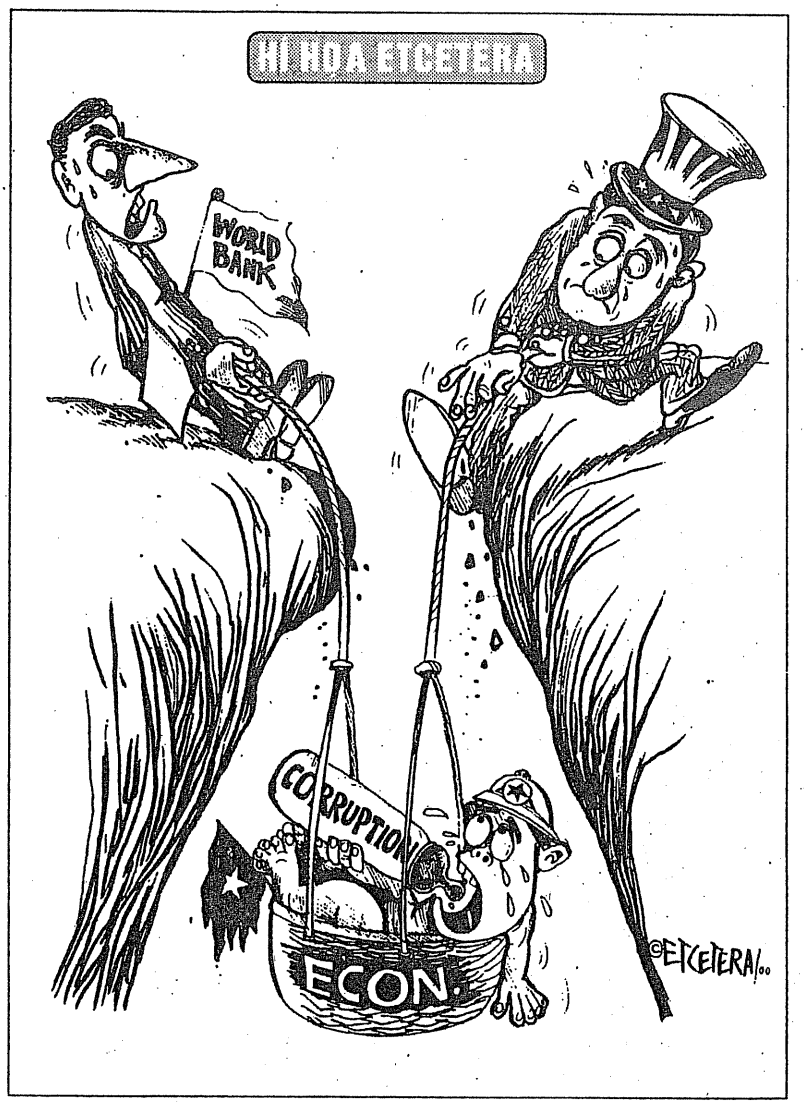

Quan hệ thương mại Hoa Kỳ-Việt Nam cũng đi theo tiến trình tương tự như với Trung Quốc, nhưng được rút ngắn hơn. Hoa Kỳ và Việt Nam chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao vào tháng Bảy năm 1995, đến tháng 9-1996 hai bên bắt đầu mở ra những cuộc thảo luận bàn về một hiệp ước thương mại. Chỉ năm năm sau ngày có bang giao hai nước đã ký kết một hiệp định thương mại.

Tuy nhiên qui chế quan hệ thương mại bình thường của Việt Nam bị ràng buộc bởi luật Jackson-Vanik và phải được đem ra quốc hội thảo luận gia hạn từng năm một. Trong tương lai sau khi Việt Nam gia nhập WTO, Hoa Kỳ đã đồng ý hỗ trợ việc này - Việt Nam sẽ được hưởng PNTR. Jackson-Vanik là một đạo luật có từ thời chiến tranh lạnh ràng buộc tự do di dân từ các nước cộng sản với việc giao thương với Hoa Kỳ. Trong những năm qua Việt Nam đã đáp ứng đòi hỏi của Hoa Kỳ giải quyết các vấn đề liên quan đến ODP, con lai, HO, ROVR. Như thế điều kiện Jackson-Vanik chỉ là lý do Hoa Kỳ dùng để buộc Việt Nam cải tổ theo kinh tế thị trường.

Chỉ khi nào Hoa Kỳ đối xử với Việt Nam đồng đều như các quốc gia khác trong vùng thì khi đó quan hệ hai nước mới gọi là hoàn toàn bình thường.●

Đài Á Châu Tự Do

PHỎNG VẤN ÔNG LỮ PHƯƠNG

Về việc ký kết Hiệp định Thương mại Mỹ Việt

PHAN DŨNG
thực hiện, ngày 14 tháng Bảy 2000

Lữ Phương tên thật là Lê Văn Phương, sinh năm 1938 tại Hà Nam Ninh. Di cư vào Nam năm 1954, cuối thập niên 60 bỏ vào khu theo tổ chức ngoại vi của cộng sản Hà Nội là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, và giữ chức Thứ trưởng văn hóa của tổ chức này. Sau năm 1975, ông làm việc tại Bộ văn hóa.

Từ năm 1979, ông bắt đầu viết bài phê phán những sai lầm của đảng cộng sản Việt Nam. Trong bài viết tựa đề là "Đàm thoại về chủ nghĩa xã hội Mácxít," Lữ Phương nhận định rằng, chủ nghĩa xã hội chẳng qua chỉ là một huyễn tượng chẳng bao giờ thành sự thật. Ông còn gay gắt lên án đặc tính phi nhân bản của chế độ chuyên chế vô sản và phát biểu rằng, dù có tuyên bố bao nhiêu lần chăng nữa thì lãnh đạo đảng cộng sản vẫn không thể chứng minh bằng lý thuyết lẫn thực tế điều mà họ vẫn tự hào là sự vượt trội của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và "cái mô hình nhà nước xã hội chủ nghĩa đã không tạo ra được bất cứ chút dân chủ nào cho bất cứ ai, kể cả giai cấp công nhân."

Hiện nay, ông Lữ Phương đã về hưu và sống tại Sài Gòn.

*

Hỏi: Chiều ngày 13 tháng 7 tại Washington, Hoa Kỳ và Việt Nam ký bản hiệp định thương mại Mỹ-Việt, ông nhận định ra sao về sự kiện này?

Đáp: Đây là cung cách của giới lãnh đạo Hà Nội ấy mà. Họ õng ẹo thế thôi, rồi cuối cùng cũng phải ký vì mình đang hội nhập vào thế giới như hiện nay, thì làm sao họ có thể cưỡng lại được. Anh em chúng tôi ở Việt Nam đều đoán trước là họ õng ẹo vậy thôi. Thí dụ như nhường cho Trung Quốc ký trước, ngoài ra còn nhiều vấn đề mà Hà Nội chưa chuẩn bị như tính cạnh tranh, nó ghê gớm lắm. Ký mà lơ mơ mà chưa chuẩn bị thì sẽ có thể gặp những thay đổi bất lợi. Cho nên sau thời gian nghĩ đi nghĩ lại, họ cũng phải ký thôi.

Hỏi: Là một người hiện sống trong nước và thường xuyên theo dõi thời cuộc, thì ảnh hưởng của giới lãnh đạo Bắc Kinh tới mức nào, đối với quyết định của lãnh đạo Hà Nội trong việc ký bản hiệp định thương mại với Hoa Kỳ?

Đáp: Theo những thông tin mà tôi biết, thì Hà Nội vùng vằng giữ lắm. Họ gặp nhiều khó khăn trước khi đặt bút ký vào bản hiệp định. Bởi vì để có được bản hiệp định, các chuyên viên của ông Phan Văn Khải đã phải làm việc ba bốn năm để chuẩn bị mọi mặt trước khi ký. Nhưng mà cuối cùng rồi thì bị bác đi. Những tin tức trước đó mà tôi biết được cũng rất có ý nghĩa. Thí dụ trường hợp ông Lê Khả Phiêu đã có những chuyến đi bí mật qua Bắc Kinh nhằm đề nghị Trung Quốc quan hệ với Việt Nam một cách đặc biệt. Thí dụ, ông Phiêu đề nghị ba điểm: thứ nhất là bây giờ còn mấy nước Xã Hội Chủ Nghĩa, còn không nhiều, nhưng ông ấy đề nghị là mỗi năm các nước này gặp một lần như một hình thức quốc tế nào đó; thứ hai là đề nghị Trung Quốc cố vấn cho Việt Nam trong những vấn đề chống diễn biến hòa bình, trong đó có vấn đề quan hệ với Mỹ và đề nghị thứ ba là giúp đỡ Việt Nam trong vài công trình như xây dựng khu gang thép Thái Nguyên.

Nhưng theo tôi biết, dựa trên những nguồn tin đáng tin cậy trong nội bộ đảng nói ra thì ba đề nghị trên đều bị Bắc Kinh bác bỏ. Hoàn toàn bị bác. Trung Quốc họ bác bỏ, nói thẳng ra là Giang Trạch Dân không chấp nhận những đề nghị này (*Cười*). Như vậy cho thấy lãnh đạo Hà Nội tìm cách chống trả lại vừa bên ngoài về ý thức hệ lẫn lực lượng để mà cưỡng lại xu thế hiện nay trên thế giới. Nhưng mà rốt cuộc thì chính Bắc Kinh chống lại việc này. Vì chính Trung Quốc ký vào WTO trước, cho nên mưu toan của Hà Nội hoàn toàn thất bại. Tôi còn nghe nói là nội bộ đảng cộng sản có nhiều cuộc đấu tranh căng thẳng tới mức độ mà hình như chính cựu tổng bí thư đảng là ông Đỗ Mười kết án rằng, ký cái hiệp định này với Mỹ có nghĩa là phản quốc. Bởi vì họ cho rằng tất cả những điều kiện, những điều khoản của bản hiệp định hoàn toàn bất lợi cho Việt Nam. Cuối cùng thì hai phe, hai lực lượng trong đảng ngang ngửa với nhau, đi tới tình trạng một nửa muốn ký, một nửa không muốn ký. Nhưng cuối cùng thì phải ký. Tôi nghĩ rằng đây là những mưu toan thất bại. Những cái mưu toan muốn níu kéo lại, chống đối lại cái xu thế của thế giới là mưu toan thất bại.

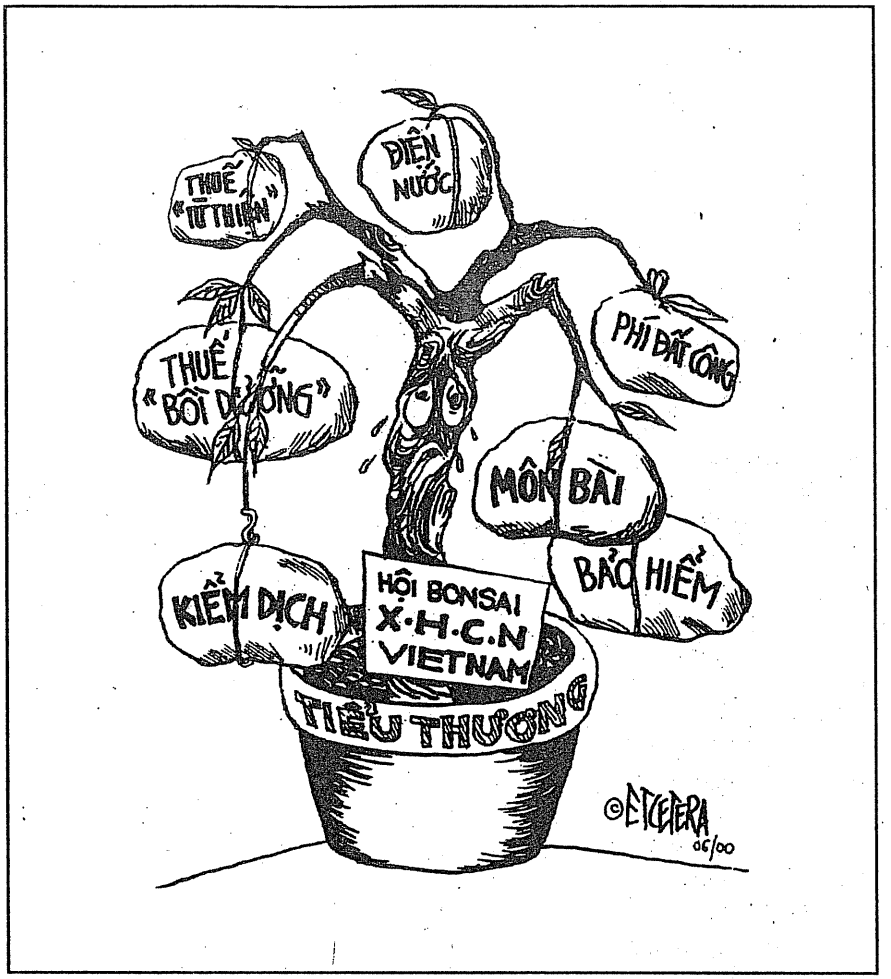

Hỏi: Lý do nào khiến tổng bí thư của đảng cộng sản Việt Nam Lê Khả Phiêu lại muốn lội ngược giòng với trào lưu tất yếu như lời ông vừa phát biểu, trào lưu mà chính lãnh đạo Trung Quốc là ông Giang Trạch Dân cũng phải nhìn nhận. Bằng chứng là ông Giang Trạch Dân đã từ chối đề nghị tập hợp các nước cộng sản còn sót lại theo đề nghị của ông Phiêu?

Đáp: Có nhiều lý do, trong đó có lý do về lịch sử, về ý thức hệ và về thực lực. Hà Nội biết rằng không còn cách nào khác hơn là phải gia nhập vào cuộc cạnh tranh của thế giới. Nhưng vì sức yếu, chưa chuẩn bị gì cả mà lại rất sợ hãi, cho nên là họ dục dặc. Cái cuộc thay đổi tại Việt Nam rất là khó khăn. Tiến một bước lại lùi một bước. Rồi lại tiến thêm vì sức ép của thực tế, nó đẩy thì phải đi tới. Đi tới rồi lại dục dặc, lại tìm cách phá, tìm cách cản trở sự phát triển. Nhưng rốt cuộc lại nó không cưỡng lại được vì không còn con đường nào khác cả. Tôi cho rằng đó là đặc tính hết sức quan trọng của Việt Nam, trong quá khứ lịch sử hay trong tương lai cũng vậy thôi.

Hỏi: Như vậy, việc Hà Nội ký bản hiệp định thương mại với Mỹ, liệu đây có phải là dấu

hiệu rõ ràng cho thấy, phe thủ cựu trong đảng đã phải nhượng bộ trước trào lưu của thế giới và đồng thời phải nhượng bộ với phe khác trong đảng muốn thay đổi Việt Nam theo xu thế của thời đại?

Đáp: Đúng vậy. Lịch sử của đảng cộng sản Việt Nam nó là như vậy. Ví dụ từ trước năm 86 cho tới bây giờ đều thế cả. Tức là nó do cái thực tế, nó đưa ra một cái lý thuyết, một cái mô hình phi thực hoàn toàn, ảo tưởng, không thể thực hiện được gây ra những cái tác hại, những hậu quả xấu xa cho đời sống người dân và cho chính bản thân những kẻ cầm quyền. Vì thế, thực tế và sức ép của các nơi nó ép phải thay đổi. Nhưng phải nói ngay, sự thay đổi này là giới lãnh đạo bị động, bị đẩy phải thay đổi, chứ họ không có ý thức là tự mình phải thay đổi. Điều này trái với nhiều nước trên thế giới, khi họ nhìn thấy xu thế mới, họ đã tự thay đổi, tự ý mình thay đổi mặc dù là có những cái thiệt hại nhất thời, nhưng mà nghĩ về lâu dài, về tương lai thì họ thay đổi. Còn mấy ông lãnh đạo Hà Nội bây giờ thì họ không nghĩ như vậy, họ lúc nào cũng tính ăn sổi, tính cái chuyện trước mắt. Tức là khôn vặt đó. Mình cứ cấu, cứ véo, mình được người ta cho mà mình còn muốn hơn người ta, muốn lên mặt dậy dỗ người ta. Thái độ đó tưởng là khôn nhưng rốt cuộc là ngu. Thế cho nên họ cứ bị động, bị thực tế đẩy tới thế phải thay đổi.

Hỏi: Nhìn một cách tổng quát về mặt xã hội, kinh tế và đặc biệt là về mặt tiến tới một xã hội dân chủ, một xã hội dân sự cho Việt Nam, thì theo nhận định của ông, bản hiệp định thương mại Mỹ-Việt có lợi hay có hại?

Đáp: Về lâu về dài thì bản hiệp định có lợi cho Việt Nam. Bởi vì nó sẽ buộc những người cầm quyền hiện nay, và những nhà kinh doanh phải thẳng thắn chấp nhận cuộc cạnh tranh với kinh tế thế giới. Việt Nam trước tới nay vẫn quen cái thói bao cấp, quen cái thói lãnh đạo từ trên xuống dưới, thí dụ những ưu tiên cho lãnh vực quốc doanh hay các xí nghiệp do quân đội quản lý chẳng hạn. Quân đội thì họ dựa thế súng ống để họ làm kinh tế. Còn công an, các đoàn thể của đảng này kia đó, thì họ dựa vào đảng để làm kinh tế. Còn giới tư doanh thì bị chèn ép, không có điều kiện kinh doanh đàng hoàng, không có sân chơi bình đẳng, cho nên họ dùng những thủ đoạn vặt vãnh, mua chuộc, đối phó. Lối làm ăn kiểu này khó thích ứng với thế giới. Bây giờ thì họ gặp một cuộc cạnh tranh đòi hỏi những sự bình đẳng một cách cụ thể, tức là không thể dùng một thứ quyền lực nào để chèn ép nữa. Vì vậy, theo nhận định của tôi, nếu Việt Nam vượt qua được những khó khăn lúc đầu, thì về lâu về dài, khi có đủ nội lực, Việt Nam sẽ có lợi. Bản hiệp định sẽ gây khó khăn cho nhà nước, cho một số lãnh vực kinh tế quốc doanh, nhưng về đường dài thì sẽ có lợi cho kinh tế Việt Nam. Cái lợi không phải do người khác đem đến cho mình mà do thái độ mình chấp nhận một cuộc chơi để mình mạnh hơn lên.

Hỏi: Việc mạnh hơn cho Việt Nam về mặt lâu dài như vậy, liệu có đồng thời củng cố cái chế độ độc đảng hiện nay tại Việt Nam không?

Đáp: Tôi nghĩ là khó xảy ra điều đó lắm. Bởi vì khi cái nền cái móng mà nó đã thay đổi rồi, thì trên thượng tầng, về ý thức hệ, về chính trị v.v... là rất khó giữ nguyên. Vấn đề đặt ra là cái sự chuyển động nó như thế nào. Thí dụ vấn đề dân chủ hóa, trong quá trình Việt Nam hội nhập với thế giới, tôi nghĩ rằng sẽ không có đột biến. (*Cười*) Giới lãnh đạo họ khôn ngoan, họ có bản lãnh, họ kềm không để cho nới ra đâu. Họ kềm, rồi từ từ đến một lúc nào đó, thì nó có thể có những đột biến mà mình không biết trước được. Nhưng chắc chắn là Hà Nội bây giờ họ đang rất sợ. Thí dụ trước đại hội đảng kỳ này, họ đang xiết lại rất nhiều trong lãnh vực tư tưởng, chính trị chẳng hạn. Họ xiết lại rất dữ. Khi họ chấp nhận mở rộng giao lưu, mở rộng kinh tế thì nội bộ họ xiết chặt lại. Cách của họ là vậy đó, nên mình không thể hình dung được là có sự song song với việc mở kinh tế với chính trị. Có khi ngược lại. Có khi trong một giai đoạn nào đó, họ có thể mở mặt này mà xiết mặt khác. Nhưng về lâu dài, cũng như qui luật mà tôi nói hồi nãy, họ sẽ không thể nào giữ được nguyên vẹn, nghĩa là cách độc quyền lãnh đạo như hiện nay.

Hỏi: Theo sự ghi nhận của ông, phản ứng của dân chúng Việt Nam ra sao trước việc Hà Nội và Washington ký kết bản hiệp định?

Đáp: Những người muốn đất nước đổi mới thực sự thì đón nhận tin này, cũng không phải vui mừng ghê gớm, mà thấy đó là một sự cần thiết cho đất nước phát triển. Tôi thấy ít có người chống lại lắm. Chỉ có những người cán bộ trong đảng hay đưa ra lý luận này nọ ở trong đảng thì họ cảnh giác. Nhưng tôi thấy số đó không nhiều. Riêng dân làm ăn thì thấy đây là một cái lợi để mà mình làm ăn với Mỹ.

25 NĂM NHÌN LẠI: SỰ GIÀU NGHÈO CỦA NGƯỜI VIỆT NAM TỴ NẠN TẠI HOA-KỲ

HUY-LỰC BÙI TIÊN KHÔI

Hai mươi lăm năm đã trôi qua, kể từ ngày người tỵ-nạn Việt Nam đầu tiên đặt chân trên đất nước Hoa Kỳ. Họ đã sinh sống làm ăn ra sao, người Việt Nam chúng ta ở trong nước cũng như hải ngoại đều quan tâm đến vấn-đề nầy.

Đại đa số người Việt Nam tỵ nạn đến Hoa Kỳ với hai bàn tay trắng và với một tấm lòng dũng cảm quyết xây dựng cuộc đời mới trong tự-do và hạnh phúc. Nền kinh-tế Hoa Kỳ thời bấy giờ, năm 1975, còn ở trong tình trạng suy thoái thời kỳ hậu chiến Việt Nam, với số lương tối thiểu là 2.10 đô la một giờ, so với lương tối thiểu hiện nay được ấn định là 5.15 đô la một giờ. Năm 1975, 5% người Hoa Kỳ có lợi tức hàng năm cao nhất là 40,000 đô la hoặc nhiều hơn. Nếu năm 1975 có một người Việt Nam nào đến Mỹ khởi sự đi làm với số lương 40,000 đô la một năm, người Việt tỵ nạn nầy đã nằm trong thành phần 5% của dân Mỹ thượng thặng. Đến năm 1999, lợi tức hàng năm cao nhất của 5% người Hoa Kỳ thượng thặng là 151,000 đô la hoặc nhiều hơn. Năm 1975 hầu như không có một người Việt tỵ nạn nào có lợi tức hàng năm 40,000 đô la, nhưng đến nay đã có một số người Mỹ gốc Việt tỵ nạn có lợi tức hàng năm là 151,000 đô la hoặc nhiều hơn trong năm 1999. So sánh với năm 1975, ngày nay người Hoa Kỳ đã giàu có thịnh vượng hơn nhiều, và người Mỹ gốc Việt đã hội nhập nhanh chóng vào đời sống kinh-tế Hoa Kỳ cùng góp phần phát-triển sung túc thịnh vượng trong tự-do và hạnh phúc.

Bảng kê lợi tức hàng năm của 5% người Hoa Kỳ có số thu nhập cao nhất, từ năm 1950 đến nay. (Xem sơ đồ 1)

Năm 1975, số người Mỹ có tài sản được gọi là tỷ phú có thể đếm được trên đầu ngón của một bàn tay, nhưng đến năm 1982 Hoa Kỳ có 13 tỷ phú và đến năm nay, năm 2000 có 267 người Mỹ tỷ phú. Người tỷ phú đầu tiên của Hoa Kỳ là ông John D. Rockefeller, ông giàu có nhờ kỹ-nghệ dầu hỏa, tài sản hơn 1 tỷ đô la của ông vào năm 1913, tính ra bằng 17 tỷ đô la ngày nay, vẫn còn thua xa những nhà tỷ phú hiện đại như Bill Gates có 85 tỷ đô la, Paul Allen 40 tỷ đô la và Warren Buffett 31 tỷ đô la.

Để có một ý-niệm rõ rệt về sự phát-triển nền kinh-tế Hoa Kỳ mà người Việt đã sinh sống và góp phần xây dựng trong 25 năm qua, chúng ta phải mượn chỉ số trung bình kỹ-nghệ Dow Jones (The Dow Jones Industrial Average, viết tắt là DJIA) mà các kinh-tế gia đều đồng ý là thước đo chính xác nhất thị trường chứng khoán, khuôn mặt chính của nền kinh-tế tài-chánh Hoa Kỳ.

Chỉ số DJIA thành lập ngày 26-5-1896, bằng cách tính giá trung-bình cổ phiếu của 12 công-ty lớn nhất tiêu biểu nền kinh-tế Hoa Kỳ thời bấy giờ. Hiện nay chỉ số DJIA được tính trên giá cổ phiếu của 30 công-ty lớn trong đó có hai công-ty mới với kỹ-thuật cao là Microsoft (thành lập năm 1975) và Intel (thành lập năm 1968).

Năm 1932, Hoa Kỳ bước vào một giai-đoạn khủng hoảng kinh tế trầm trọng, chỉ số DJIA sụt thấp xuống chỉ còn 41.22 vào ngày 8-7-1932. Phải trải qua hơn 40 năm, chỉ số DJIA mới lên đến 1000 vào ngày 14-11-1972. Những năm 1973, 1974 Hoa Kỳ bước vào tình trạng kinh-tế suy thoái sau cuộc chiến Việt

Bảng kê lợi tức hàng năm của 5% người Hoa-kỳ có số thu nhập cao nhất, từ năm 1950 đến nay

1950	1960	1970	1975	1980	1990	1999
8,615 đô la	13,516 đô la	24,250 đô la	40,000 đô la	55,000 đô la	102,358 đô la	151,000 đô la phỏng tính

Tài liệu: U.S Census Bureau

Nam, chỉ số DJIA thấp nhất trong năm 1973 chỉ còn 783.56 và thấp nhất trong năm 1974 là 570.01. Khi người Việt Nam tỵ nạn đầu tiên đến Hoa Kỳ vào năm 1975, tuy nền kinh-tế Hoa Kỳ vẫn còn trong tình-trạng suy thoái, nhưng chỉ số DJIA bắt đầu tăng tiến. Chỉ số DJIA cao nhất trong năm 1975 là 888.85 và ngày cuối cùng của năm 1975 chỉ số DJIA lúc đóng cửa là 852.41, trong năm 1975 chỉ số này đã gia tăng 38.32%.

Bảng chỉ số DJIA trong những năm tiêu biểu từ 1932 đến nay

Năm	Chỉ số DJIA cao nhất trong năm	Chỉ số DJIA thấp nhất trong năm	Chỉ số DJIA ngày cuối cùng của năm (trừ hai năm 1999 và 2000)
1932	89.9	40.56	59.93
1972	1042.44	882.75	1020.02
1973	1067.2	783.56	850.86
1974	904.02	570.01	616.24
1975	888.85	619.13	852.41
1980	1005.2	729.95	963.99
1985	1570.87	1178.67	1546.47
1990	3024.26	2344.09	2633.66
1993	3818.92	3219.25	3754.09
1995	5266.69	3794.4	5117.12
1997	8340.14	6315.84	7908.25
1998	9457.94	7379.7	9181.42
1999			12-23-1999: 11405.76
2000			01-14-2000: 11722.98

Từ năm 1975 đến ngày 14-1-2000, trong vòng 25 năm, chỉ số DJIA đã gia tăng 1300%, đưa Hoa Kỳ lên một quốc gia kỹ-thuật cao với kỹ-nghệ điện-toán mạng lưới siêu lộ truyền-thông phát triển bậc nhất, một quốc-gia giàu mạnh nhất với hơn 7.1 triệu người triệu phú và 267 người tỷ phú. Tổng số tài sản của 400 người giàu nhất Hoa Kỳ (từ ông Barry Porter hãng điện thoại Global Crossing 625 triệu đô la đến ông Bill Gates hãng Microsoft 85 tỷ đô la) là 1,000 tỷ đô la, lớn hơn tổng sản lượng nội địa (gross domestic product) của nước Trung Hoa với dân số hơn một tỷ người. Nền kinh tế Hoa Kỳ phát-triển vững mạnh nhanh chóng, tạo ra những người giàu có nhanh chóng. Những năm đầu của thế-kỷ 20, John D. Rockefeller đã cần 25 năm làm việc ngày đêm để trở thành tỷ phú; ngày nay Gary Winnick chỉ mất một năm rưỡi đầu tư 15 triệu đô la vào công ty Global Crossing đã trở tỷ phú sau 18 tháng. Có sáu người Hoa Kỳ trở thành tỷ-phú khi chưa đầy 30 tuổi hoặc mới vừa bước vào tuổi 30, trong đó có Jerry Yang, người Mỹ gốc Á châu, một trong những sáng lập viên của công ty Yahoo, đã trở thành tỷ-phú khi 28 tuổi.

Người Hoa Kỳ rất thích những con số, và giai cấp xã-hội giàu nghèo ở Hoa Kỳ được tính toán phân chia bằng những con số.

Theo quyển sách "Money" của tác-giả Andrew Hacker và theo tạp chí Forbes, một tạp chí nghiên cứu kinh-tế tài chánh có giá trị bậc nhất tại Hoa Kỳ trong hơn 83 năm qua, thành phần giàu nghèo được tính trên hai tiêu chuẩn:

1. Lợi tức hàng năm của một gia-đình (household).
2. Tài sản hiện có của một gia-đình.

Giai cấp dựa trên những con số tại Hoa Kỳ hiện nay: (xem sơ đồ 3).

Giai cấp những con số tại Hoa-kỳ hiện nay:

Giai cấp	Lợi tức hàng năm	Tài sản hiện có
Giàu siêu hạng (superrich)	từ 10 triệu đô la trở lên	từ 100 triệu đô la trở lên
Giàu (rich)	từ 1-10 triệu đô la	từ 10 triệu-100 triệu đô la
Thượng trung-lưu (upper-middle)	từ 75,000-1 triệu đô la	từ 500,000-10 triệu đô la
Trung-lưu (Middle)	từ 35,000-75,000 đô la	từ 55,000-500,000 đô la
Hạ trung-lưu (lower-middle)	từ 15,000-35,000 đô la	từ 10,000-55,000 đô la
Nghèo (poor)	từ 0-15,000 đô la	từ 0-10,000 đô la

Thành phần trung lưu tại Hoa Kỳ chiếm đa số với gần 34% dân số (gần 34 triệu gia-đình) kế đến thành phần hạ trung-lưu với tỷ-lệ 29% dân số (29 triệu gia-đình). Hai thành phần này chiếm đến gần 63% dân số, họ là mục tiêu chính cho các cuộc vận động tranh cử chức vụ Tổng-thống Hoa Kỳ. Hoa Kỳ có 20% dân số (20 triệu gia-đình) nằm trong giai cấp nghèo, một số đông trong thành phần nầy được hưởng trợ cấp xã-hội.

Nhà kinh-tế học John Maynard Keynes đã từng phát biểu: "Phát minh vĩ đại nhất, kỳ diệu nhất trong mấy ngàn năm văn minh của

nhân loại là cổ phiếu." Trong 10 năm nay giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Hoa Kỳ tăng tiến quá tốt đẹp, đưa đến 17% dân số hiện nay ở trong thành phần sung túc thượng trung-lưu (17 triệu gia-đình). Theo thống-kê nghiên cứu của tổ hợp Spectrum: thuộc thành phần giàu và giàu siêu hạng tại Hoa Kỳ hiện nay có khoảng 150,000 gia-đình và trong 10 năm tới nền kinh tế Hoa Kỳ vẫn tăng trưởng tốt đẹp như trong thập niên vừa qua, số người thuộc thành phần giàu tại Hoa Kỳ có thể sẽ gia tăng đến nửa triệu gia-đình.

Dựa trên những con số lợi tức hàng năm và tài sản hiện có để phân chia thành phần giàu nghèo tại Hoa Kỳ, tôi và một nhóm cựu sinh-viên tốt nghiệp về ngành thống kê học đã làm việc ròng rã trong bốn tháng để tổ chức một cuộc thăm dò nghiên cứu sự giàu nghèo của hơn một triệu người Việt Nam tỵ nạn tại Hoa Kỳ. Theo đúng khoa thống kê học, đầu tiên chúng tôi chọn lựa một cách vô tư thật tình cờ trên 10000 số điện thoại của gia-đình Việt Nam. Tiếp theo chúng tôi loại bỏ hơn một nửa số điện thoại vì đã bị cắt đứt, số điện thoại không sử dụng được. Chúng tôi đã tiếp xúc qua 4875 số điện thoại còn lại để hoàn tất cuộc thăm dò nghiên cứu. Trong 4875 gia-đình chúng tôi tiếp xúc được một số rất đông đã ngại ngùng từ chối, một số khác không biết rõ tình trạng tài chính trong gia-đình. Cuối cùng chúng tôi được 250 gia-đình hoàn toàn tự nguyện hợp tác trong cuộc thăm dò nghiên cứu này, gồm:

- 100 gia-đình ở tiểu bang Texas.
- 100 gia-đình ở tiểu bang California.
- 50 gia-đình ở các tiểu bang khác.

250 gia-đình nầy đủ mọi thành phần xã hội, có thể tiêu-biểu cho cộng đồng người Việt Nam tại Hoa Kỳ. Chúng tôi đã tham khảo với các giáo sư đại học về ngành thống kê và thăm dò nghiên cứu, đều đồng ý rằng tỷ số sai biệt của phúc trình nầy là 4%.

Sau đây là kết quả cuộc thăm dò nghiên cứu:

1. Ông Bà đã ở Hoa Kỳ được mấy năm:
- 10 năm trở xuống: 23%
- 10 năm đến 20 năm: 45%
- Từ 20 năm trở lên: 32%

2. Nghề nghiệp chính của Ông Bà:
- Bác sĩ, kỹ sư, nghề chuyên môn với bằng đại học bốn năm: 22%
- Cán sự, kỹ thuật, dịch vụ: 46%
- Công nhân lao động: 26%
- Tự mở tiệm, buôn bán, tự làm ăn: 6%

3. Lương bổng, lợi tức của Ông, Bà trong năm 1999:
- Từ 0 - 15,000 đô la: 43%
- Từ 15,000 - 35,000 đô la: 31%
- Từ 35,000 - 75,000 đô la: 18%
- Từ 75,000 - một triệu đô la: 8%
- Từ một triệu - 10 triệu đô la trở lên:
- Từ 10 triệu đô la trở lên:

4. Tổng số lương bổng, lợi tức của tất cả mọi người đang sống trong gia đình, trong nhà của Ông Bà, trong năm 1999:
- Từ 0 - 15,000 đô la: 31%
- Từ 15,000 - 35,000 đô la: 34%
- Từ 35,000 - 75,000 đô la: 23%
- Từ 75,000 - một triệu đô la: 12%
- Từ một triệu - 10 triệu đô la:
- Từ 10 triệu đô la trở lên:

5. Tài sản của gia-đình Ông Bà hiện có, gồm nhà, bất động sản, cửa tiệm, cơ sở đầu tư, chương mục ngân-hàng, cổ phiếu:
- Từ 0 - 10,000 đô la: 27%
- Từ 10,000 - 55,000 đô la: 36%
- Từ 55,000 - 500,000 đô la: 25%
- Từ 500,000 - 10 triệu đô la: 12%
- Từ 10 triệu - 100 triệu đô la:
- Từ 100 triệu đô la trở lên:

Từ kết quả cuộc thăm dò nghiên cứu nầy, chúng tôi áp dụng hai tiêu chuẩn đã minh-định thành phần giàu nghèo tại Hoa Kỳ để xếp hạng thành phần giàu nghèo của cộng-đồng Việt Nam. Một gia-đình được liệt kê vào thành phần nào phải hội đủ hai tiêu chuẩn ấy. Ví dụ: gia-đình ông Nguyễn Việt Nam tài sản hiện có là 80,000 đô la (thành phần trung-lưu), nhưng tổng-số lợi tức của mọi người trong gia-đình trong năm 1999 chỉ có 30,000 đô la (thành phần hạ trung-lưu); chung cuộc kết luận chúng tôi xếp ông vào thành phần hạ trung-lưu.

Thành phần giàu nghèo của cộng-đồng Việt Nam tại Hoa Kỳ hiện nay (xem Sơ đồ 4)

Thành phần giàu nghèo của cộng-đồng Việt-nam tại Hoa-kỳ hiện nay

Thành phần giàu nghèo	Tỷ lệ % của người Việt-nam
Nghèo (Poor)	31%
Hạ trung-lưu (lower-middle)	34%
Trung-lưu (middle)	23%
Thượng trung-lưu (upper-middle)	12%

Thành phần đông nhất của người Việt Nam tại Hoa Kỳ thuộc vào giới hạ trung-lưu chiếm 34% dân số trong cộng đồng Việt Nam. Bảng thăm dò nghiên cứu tiết lộ một điểm lý thú

nhất là có 10% người Việt thuộc thành phần hạ trung-lưu nầy có tài sản trên 55,000 đô la, nghĩa là tài sản của giới trung-lưu trong xã-hội Hoa Kỳ. Điều này giải thích một cách chính xác rằng, tuy lợi tức người Việt thấp hơn người bản xứ, nhưng người Việt tiết kiệm để dành tiền nhiều hơn, tích lũy tài-sản nhanh hơn. Dù mới chỉ đến Hoa Kỳ trong 25 năm trở lại đây, nhưng đã có 23% người Việt tiến vào giới trung-lưu và 12% người Việt ở vào giới thượng trung-lưu trong xã hội Hoa Kỳ. Những con số này đã chứng minh thêm một cách chính xác khoa học về những lời tuyên bố trước đây cuả các nhà xã-hội học rằng, chưa có một nhóm di dân nào hội nhập nhanh chóng vào đời sống Hoa Kỳ bằng người tỵ nạn Việt Nam. Dầu người Việt Nam đa số đến Hoa Kỳ với hai bàn tay trắng hoặc rất ít tiền bạc, nhưng chúng ta đã thành công nhờ ba yếu tố:

1. Đức tính kiên nhẫn ý chí nghị lực, chịu khó làm việc cần cù, chấp nhận gian khổ bất kể ngày đêm.

2. Tính ham học hỏi, thông minh, bắt kịp nhanh chóng vào công việc làm ở hãng xưởng, công tư sở, thành công tại các đại học.

3. Giá trị truyền thống gia-đình của người Việt Nam vẫn ràng buộc liên kết một cách mạnh mẽ, đồng cam cộng khổ, dìu dắt tiến lên để vượt qua những khó khăn trở ngại trong đời sống tại Hoa Kỳ.

Bảng so sánh thành phần giàu nghèo của người Hoa Kỳ và người Việt Nam tại Hoa Kỳ (Xem sơ đồ 5)

có thể kết luận có khoảng 60 gia-đình Việt Nam thuộc thành phần giàu trở lên. Một người Việt Nam ở thành phố Nữu Ước có tài sản trên 100 triệu đô la, tài sản của thành phần giàu siêu hạng, nhưng lợi tức hàng năm dưới 10 triệu đô la nên vẫn chưa có thể xếp vào loại giàu siêu hạng của xã hội Hoa Kỳ.

Trong số 7,100,000 người Hoa Kỳ có tài sản từ một triệu đô la trở lên, có khoảng 10 ngàn người Việt Nam (chỉ tính riêng tài sản và không kể lợi tức hàng năm). Mười ngàn người Việt Nam triệu phú nầy đại diện đủ mọi thành phần xã hội và mọi hạng tuổi tác. Họ có thể là ông bác sĩ già đã gần về hưu với chương mục ngân hàng bảy con số, họ có thể là những nhà đầu tư địa ốc đang vào tuổi trung niên. Lại có những triệu phú Việt Nam trẻ măng tuổi dưới 30, may mắn vào làm việc những công-ty kỹ-thuật cao, lương bổng được phép mua cổ phiếu rẻ của công-ty mình, cổ phiếu tăng vọt, thành triệu phú nhanh chóng. Chỉ nội hãng Microsoft đã tạo ra hơn 3000 triệu phú, trong số này thế nào cũng có người Mỹ gốc Việt Nam.

Hai mươi lăm năm đã trôi qua, chúng ta đã bước thật vững chắc hội nhập vào đời sống kinh-tế Hoa Kỳ. Hai mươi lăm năm sắp đến, thế-hệ thứ hai con cháu lớp người Việt tỵ nạn đầu tiên, trẻ trung hơn, kiến-thức chuyên môn cao hơn, nhất định cộng đồng chúng ta sẽ tiến lên theo kịp người bản xứ.

Người Việt Nam tại Hoa Kỳ trong sự sung túc thịnh vượng, đã sử dụng tiền bạc một cách

Bảng so sánh thành phần giàu nghèo của người Hoa-kỳ và người Việt-nam tại Hoa-kỳ

Thành phần	Lợi tức hàng năm	Tài sản hiện có	Tỷ lệ % của người Hoa-Kỳ	Tỷ lệ % của người Việt-nam
Giàu siêu hạng (superrich)	từ 10 triệu đô la trở lên	từ 100 triệu đô la trở lên	150,000 gia-đình thuộc thành phần giàu siêu hạng và giàu	có khoảng 60 gia đình thuộc thành phần giàu
Giàu (rich)	từ 1-10 triệu đô la	từ 10 triệu-100 triệu đô la		
Thượng trung-lưu (upper-middle)	từ 75,000-1 triệu đô la	từ 500,000-10 triệu đô la	17%	12%
Trung-lưu (Middle)	từ 35,000-75,000 đô la	từ 55,000-500,000 đô la	gần 34%	23%
Hạ trung-lưu (lower-middle)	từ 15,000-35,000 đô la	từ 10,000-55,000 đô la	29%	34%
Nghèo (poor)	từ 0-15,000 đô la	từ 0-10,000 đô la	20%	31%

Trong số 250 gia-đình hoàn toàn tự-nguyện trong cuộc thăm dò nghiên cứu nầy, không có một ai hội đủ điều kiện để được quy định vào thành phần giàu, vì lợi tức hàng năm đều dưới một triệu đô-la. Chúng tôi đã phỏng vấn một số người Việt Nam làm ăn thành công nhất trong các lãnh vực địa ốc, khách sạn, ngân hàng, đầu tư, tiệm ăn, siêu thị tại Hoa Kỳ, để hữu ích để giúp người giúp đời, thỏa mãn nhu cầu tâm linh của người tỵ nạn.

Hữu Ích

Khi đồng bạc hữu ích
giúp người nghèo gần xa
tiền tặng cho mục đích
làm cuộc đời nở hoa...

TRIẾT HỌC ĐI VỀ ĐÂU?

LÊ ĐÌNH THÔNG

Ngày 14-6-2000, 345 013 thí sinh tú tài Pháp thi môn Triết mở đầu mùa thi năm 2000. Đề thi của ba ban như sau :

- BAN VĂN CHƯƠNG: série L (littéraire), hệ số 7. Thí sinh chọn một trong ba đề:

1) Phải chăng ký ức là đủ cho sử gia?

2) Có thể tách biệt sự đòi hỏi của công lý với sự đòi hỏi của tự do?

3) Bình giảng một đoạn văn của Bergson.

- BAN KINH TẾ XÃ HỘI: série ES (économique et sociale), hệ số 4. Chọn một trong ba đề:

1) Nghệ thuật có làm biến đổi tương quan của ta với thực tế?

2) Phải chăng các khoa học nhân văn cho rằng con người là một sinh vật có thể tiên liệu được?

3) Bình giảng một đoạn văn của Jean-Jacques Rousseau về tình yêu.

- BAN KHOA HỌC: série S (scientifique), hệ số 3. Thí sinh chọn một trong ba đề:

1) Đam mê có ngăn cản ta thi hành bổn phận?

2) Khoa học dùng để làm gì?

3) Bình giảng một đoạn văn của Bergson về ngôn ngữ.

Chín đề thi cho ba ban tú tài Pháp trong kỳ thi đầu tiên của thế kỷ 21 đã phản ảnh phần nào mối ưu tư của xã hội Pháp hiện nay. Trước hết, ở cuối chặng đường trung học và trước bậc đại học, triết học là cửa ngõ khai mở trí tuệ của thế hệ mai sau. Ngoài vốn liếng chung, mỗi người sẽ trang bị cho mình những kiến thức chuyên biệt. Khởi điểm này hết sức rõ rệt, vì triết học là môn thi đầu tiên của cả ba ban. Hệ số từ 3 tới 7 nói chung đều quan trọng. Vì vậy, muốn thi đậu tú tài và trúng tuyển các kỳ tuyển sinh đại học, không một thí sinh nào có thể xao lãng môn triết học. Ý nghĩa này càng rõ nét qua các đề thi. Với đề thi 1 của ban văn chương, ký ức tuy cần thiết nhưng chưa đủ để trở thành sử gia. Ngoài phương pháp luận sử học, khả năng suy luận và phán đoán một cách khách quan rất cần thiết cho một sử gia chân chính. Nếu mở rộng phạm vi áp dụng ra các môn học khác, ngoài kiến thức chuyên môn, người trí trức còn cần có khả năng phán đoán đúng đắn sự việc. Các đề thi khác cũng theo cùng một mô thức, mỗi thí sinh cần nỗ lực vượt quá giới hạn chuyên biệt để có một cái nhìn bao quát, tổng hợp. Học đường chỉ cho ta một nửa vành trăng. Nửa vành trăng kia ở ngoài học đường. Nếu tri hành không hiệp nhất, đời ta sẽ chỉ như vầng trăng khuyết dang dở. Quan niệm này không đóng khung trong bài luận triết học. Qua bài thi, cả xã hội thúc giục sĩ tử nhìn sự việc một cách quân bình: khoa học, nhưng cũng cần bổ túc bằng những hiểu biết nhân văn và ngược lại.

*

Cũng ngày 14-6 có kỳ thi triết học, tuần báo *Le Canard enchainé* tặng cho tân bộ trưởng Kinh tế Tài chánh Pháp Laurent Fabius "đề thi triết học" hóc búa như sau: *L'existence précède-t-elle la hausse de l'essence?* Ai cũng biết "đề thi" này nhái lại câu nói của Jean-Paul Sartre: *L'existence précède l'essence"* (Hiện sinh có trước yếu tính). Nhưng khi thêm mấy chữ *"la hausse de...", l'existence* hết là *hiện sinh* và *l'essence* cũng không còn là *yếu tính*, nhưng chỉ giản dị là *cuộc sống (đang bị đặt) trước việc tăng giá (ét) xăng!* (gần 10 FF một lít).

Sau khi đặt mình vào vị trí một thí sinh, tôi lẩn thẩn nghĩ về việc ra đề thi của ban "LT" (LT : lẩn thẩn, lữ thứ, lang thang, lôi thôi v.v.). Đề thi của ban LT như sau: *Một nền giáo dục phá hủy toàn diện những giá trị triết học sẽ đi về đâu?* Nói khác đi, nếu chỉ chú trọng dạy chữ mà bỏ qua việc hun đúc tâm hồn, tương lai của đất nước sẽ ra sao ? Tôi chợt nhớ lại ý kiến rất quen thuộc của Rabelais: *Science sans conscience n'est que ruine de l'âme.*

*

Thời cổ đại từng có khuynh hướng loại bỏ triết học. Không có triết học, nhà cầm quyền tha hồ độc đoán, tham nhũng mà không sợ bị chống đối. Chẳng hạn vào năm 399 (tr. CN), Socrate (71 tuổi) bị chính quyền Hy Lạp (qua ba nhân vật: Anytos, Mélitos và Lycon) bắt phải uống thuốc độc vì bị buộc hai cái tội hết sức vu vơ: bất kính đối với tôn giáo (impiété), làm hư hỏng thanh niên (corruption de la jeunesse). Sau cổ Hy Lạp tới 23 thế kỷ, nói rõ hơn là sau 2344 năm (1954) và 2374 năm (1975), trên quê hương ta, người cộng sản, - thường xuyên đàn áp tôn giáo và khiến tương lai thanh niên đen tối - đã ra tay bức tử không chỉ một triết gia, nhưng cả một nền triết học. Họ loại bỏ môn học này ra khỏi giáo trình tốt nghiệp phổ thông trung học (tú tài) và đại học:

- 1954 : miền Bắc sửa đổi hệ thống giáo dục. Cấp 1 (bậc tiểu học) bắt đầu là lớp 1 (lớp Năm cũ). Lớp 6 (lớp đệ Thất) bắt đầu cấp 2 (trung học đệ nhất cấp). Tới cấp 3 chỉ còn lớp 10 (lớp đệ Tam). Bỏ hẳn hai lớp 11 và 12. Người ta gọi hệ thống giáo dục này là "hệ 10 năm." Trong hệ 10 năm không có lớp 12 nên bỏ hẳn các môn học trong chương trình lớp đệ Nhất (cũ). Lên bậc đại học, khoa văn của trường đại học tổng hợp (nhập chung hai trường đại học Văn khoa và Khoa học) và trường đại học Sư phạm bỏ môn triết học (đúng nghĩa). Thay vào đó là triết học Mác Lê nin, không nhằm rèn luyện những bộ óc có khả năng phán đoán độc lập, nhưng biến đầu óc con người trở thành một con vẹt (con két) lập lại sách vở mác xít. Tuy cũng có Viện Triết học ở Hà Nội, nhưng đối tượng chỉ là "triết học Mác Lê nin." Thay vào đó, trường đại học luật khoa do tiến sĩ Nguyễn Mạnh Tường làm hiệu trưởng (khoa trưởng) bị giải thể. Trong thời kỳ rất dài tới trước thập niên 90, miền Bắc không còn bộ Tư pháp, cũng không có luật. Chính phủ cai trị bằng chỉ thị, thông tư, nghị định, và lệnh (sắc lệnh). Nhưng trong thực tế, khẩu lệnh hoặc chỉ thị của các cấp ủy đảng chi phối toàn bộ hoạt động công quyền.

- 1975 : miền Nam rập khuôn hệ thống giáo dục miền Bắc, nhưng duy trì hệ 12 năm. Tuy nhiên, người ta loại bỏ triết học trong chương trình lớp 12 và các khoa văn của hai trường đại học tổng hợp và sư phạm. Trong số các giáo sư triết trước đây có ông Lý Chánh Trung (tốt nghiệp triết đại học Louvain - Belgique) là một người chủ hòa, thiên tả. Sau 1975, báo chí cộng sản vẫn trịnh trọng kêu ông là giáo sư, nhưng ông chỉ là giáo sư hàm, vì người ta đã khai tử triết học.

*

Tóm lại, người ta đã chôn sống triết học trong 46 năm (miền Bắc), và 25 năm (miền Nam). Dân số Việt Nam hiện nay là 76,3 triệu, trong số 52% dưới 20 tuổi. Ngoại trừ một số người chịu khó tìm đọc các tác phẩm triết học, thử hỏi có bao nhiêu "con vẹt" suốt ngày ê a triết học Mác Lênin, và mấy người hiểu biết triết học chân chính ? Để có thể đo lường hậu quả của việc bức tử triết học, thiết tưởng cũng nên nói qua ích lợi của triết học.

Ngoại trừ các học sinh ban văn chương và các sinh viên ban triết học lịch sử triết học (đông phương và tây phương) và triết học tổng quát (siêu hình học), học sinh tất cả các ban (văn chương và khoa học) đều học môn luận lý học. Môn luận lý hình thức (logique formelle) rèn luyện khả năng lý luận theo các quy chuẩn chân lý (normes de la vérité). Vì vậy, việc loại bỏ môn học này ra khỏi chương trình giáo dục là nhằm ngăn chận chân lý. Người ta thường có khuynh hướng thay cho cái không có bằng một danh từ trống rỗng: Liên Xô cũ có nhật báo Sự Thật (Pravda), nhà xuất bản của đảng cộng sản Việt Nam trước đây lấy tên là Sự Thật (nay đổi tên là Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia). Trong Nhà nước cộng sản, hai bộ phận trọng yếu là *giáo dục* (nhằm đào tạo những người không có khả năng phán đoán độc lập) và *công an* (trấn áp). Nghệ thuật cai trị xã hội chủ nghĩa bao gồm việc ngăn chận chân lý và việc trấn áp những người yêu chuộng chân lý :

Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu.
Phùng Quán (1957).

Đảng "cầm dao dọa giết" những người "ghét" độc tài. Thời cổ đại, Socrate bị bạo quyền bắt phải uống thuốc độc (cigue). Ngày nay, đảng loại bỏ triết học, khiến triết gia, giáo sư triết học v.v. chết lần chết mòn. Làm giáo sư triết được chế độ ưu đãi chỉ có ông Lý Chánh Trung. Số còn lại đều sống dở chết dở,

như triết gia Trần Đức Thảo. Ông sinh năm 1917, nổi tiếng là thông minh. Giáo sư Ner (Lycée Albert Sarraut - Hà Nội) than không chấm nổi bài của ông. Ông đỗ đầu trong kỳ thi tuyển vào Trường Cao đẳng Sư phạm Paris, khoa Văn (Normale Lettres - rue d'Ulm). Trong thời gian ở Pháp, ông đại đột gia nhập đảng cộng sản Pháp. Ông học rộng, biết nhiều. Nhưng ông không ngờ là cộng sản thủ tiêu triết học. Vì triết học yêu chuộng tự do. Còn cộng sản áp dụng chuyên chính (tên che đậy của *độc tài*). Sau khi lãnh bằng tốt nghiệp, ông về chiến khu Việt Bắc (1951) phục vụ đảng. Bác Hồ nói với ông: *Chú đọc sách vở ngoại quốc đã nhiều, nay hãy học hỏi nhân dân trước đã.* Câu nói của bác đã biến "trí thức" Trần Đức Thảo trở thành "trí ngủ." Ông ngủ li bì, mỗi ngày ngủ 18 tiếng, chỉ "học hỏi nhân dân" chưa đầy sáu tiếng. Trong suốt 42 năm (1951-1993), không thấy ông viết lách gì. Đầu năm 1993, nhà triết học gởi thư cho bộ trưởng Văn hóa nước Pháp, kể hết sự tình. Chính phủ Pháp bằng lòng cho ông sang Pháp, trợ cấp 10 000 FF một tháng. Éo le thay, trước khi nhận tấm chi phiếu đầu tiên, ông đã ra người thiên cổ. Bạn bè tiễn ông ra nghĩa trang Père Lachaise (quận 20 - Paris). Còn người ra sức triệt hạ triết học lại được đảng xưng tụng là "nhà tư tưởng lớn." Tự cổ chí kim, không ai cả gan nói Anytos (người bức tử triết gia Socrate) hoặc Tần Thủy Hoàng (đốt sách vở) là nhà tư tưởng. Nhưng đảng cả gan nói tới "tư tưởng Hồ Chí Minh," bắt học sinh phải học tập. "Nhà tư tưởng" Hồ Chí Minh tự giới thiệu "tư tưởng" của mình như sau: "Tôi có gì để viết nữa. Tất cả lý luận cần thiết Mao Chủ tịch đã nghĩ đến và viết cả rồi!" Chính vì óc nô lệ này, "nhà tư tưởng" Hồ Chí Minh đã áp dụng ở miền Bắc các chính sách Trung Quốc hoàn toàn trái ngược với truyền thống dân tộc, như cải cách ruộng đất (đấu tố, tịch thu ruộng đất), trăm hoa đua nở (triệt hạ tư tưởng, đàn áp văn nghệ sĩ) v.v. Hiện nay đảng noi gương bác Hồ, rập khuôn "cơ chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa" vốn là một sản phẩm thoát thai từ đại hội lần thứ XIV đảng cộng sản Trung Quốc!

*

Để thấy hết sự lợi hại của bác và đảng, ta so sánh Trần Đức Thảo với hai triết gia khác đều xuất thân từ *rue d'Ulm,* là Jean-Paul Sartre và Simone de Beauvoir :

- Jean-Paul Sartre hơn Trần Đức Thảo 12 tuổi. Năm 1924, Sartre vào học ở trường *Normale* (rue d'Ulm). Hai năm sau, ông gặp Simone de Beauvoir. Cả hai đậu thạc sĩ triết học năm 1929. Năm 1933, Sartre sang Bá Linh thụ giáo Husserl và Heidegger. Năm 1936 bắt đầu viết sách. Tính từ tác phẩm đầu tay *La Transcendance de l'Ego* (1936), Sartre viết khoảng 20 cuốn, trong đó hai cuốn *L'Etre et le Néant* (1943), *L'Etre et le Néant: Critique de la raison dialectique* (1960) là quan trọng hơn cả. Sau 1975, ông gần như bị mù, bỏ dở vài tác phẩm còn đang thai nghén. Lúc bị mù, ông mới "sáng mắt," biết rõ bộ mặt thật cộng sản. Số phận hẩm hiu của hàng triệu thuyền nhân Việt Nam đã lay động lương tâm triết gia, khiến ông tỉnh giấc mộng "thiên đường cộng sản."

- Bà Simone de Beauvoir hơn Trần Đức Thảo 9 tuổi. Năm 1943, bà xuất bản tiểu thuyết đầu tay *L'Invitée.* Năm 1942, bà cùng với Jean-Paul Sartre chủ trương tạp chí *Les Temps Modernes.* Bà viết trên 10 tác phẩm, đáng kể nhất là *Le Deuxième Sexe* (1949).

- Năm 1946, trong bài "Sur l'Indochine" đăng trong *Les Temps Modernes* (Giám đốc: J.-P. Sartre. Ban biên tập gồm sáu người, trong số có Raymond Aron, Simone de Beauvoir, Maurice Merleau-Ponty, Jean Paulhan), Trần Đức Thảo viết: "Du point de vue spirituel, la possibilité s'ouvre d'une civilisation originale. Les courants les plus divers viendront se rencontrer avec la culture traditionnelle" (Nhận định này không đúng với thực tế: chế độ cộng sản không bao giờ chấp nhận các trào lưu văn hóa dị biệt, đa nguyên). Năm 1951, Trần Đức Thảo tập hợp các bài viết từ 1942 tới 1951, in thành sách nhan đề *Phénoménologie et Matérialisme dialectique* (Minh Tân - Paris). Trong lời tựa, tác giả viết : "... Et de fait il apparait chaque jour que le communisme défend le contenu véritable des valeurs traditionnelles." (Sau này, Trần Đức Thảo chứng kiến một sự thực hoàn toàn trái ngược: Thay vì bảo vệ (défendre), chủ nghĩa cộng sản ra sức phá hủy các giá trị truyền thống). Cũng năm đó, nhà triết học về Việt Nam, nói là để phục vụ nhân dân, nhưng thực tế chỉ ngồi chơi xơi nước. Năm năm sau, ông viết hai bài báo ngắn: *Nỗ lực Phát triển Tự do Dân chủ* (*Nhân Văn*, 15-10-1956) và *Nội dung Xã hội và Hình thức Tự do* (*Giai phẩm mùa Đông*, tập 1). Trong bài thứ nhất, ông viết: *Vấn*

đề tự do nhân dân miền Bắc hiện nay cụ thể trước mắt là tự do đối với những phần tử lạc hậu, bảo thủ, quan liêu, giáo điều, bè phái, sùng bái cá nhân nằm ở mọi cấp lãnh đạo mà cản trở sự phát triển của chế độ dân chủ nhân dân. Trong bài thứ hai, ông cho rằng: *Cái tự do mà họ muốn phát triển là tự do của toàn dân phê bình lãnh đạo. (...) Cái tự do đó là quyền của người công dân.* Nhờ có bác và đảng lãnh đạo, sự nghiệp triết học của ông là đóa hoa phù du, so với Jean-Paul Sartre và Simone de Beauvoir.

Hai bài báo của Trần Đức Thảo đều viết về tự do. Đề thi ban Văn chương Pháp năm nay nói đến tự do và lịch sử. Sự trùng hợp này thật dễ hiểu: tự do có một quá trình lịch sử, được hình thành qua lịch sử. Sartre và Trần Đức Thảo đều khởi đi từ hiện tượng luận của Husserl (période phénoménologique). Tác phẩm *L'Etre et le Néant* của Sartre và *Phénoménologie et Matérialisme dialectique* của Trần Đức Thảo đánh đấu thời kỳ này. Tiếp đó là thời kỳ hiện sinh (période existentialiste): Sartre sử dụng thuật từ này lần đầu tiên trong tạp chí *Action* năm 1945. Cũng vào thời gian này, Trần Đức Thảo chạy theo duy vật biện chứng pháp, về chiến khu Việt Bắc từ 1946. Trong thập niên 50, Sartre trở nên thiên tả. Tác phẩm *La Critique de la raison dialectique* của Sartre đánh dấu sự chuyển hướng sang triết học hành động lịch sử (philosophie de l'action historique).

Cũng thời gian này Trần Đức Thảo viết hai bài báo về Tự do (1956). Trần Đức Thảo dấn thân theo chủ nghĩa cộng sản sớm nên vỡ mộng sớm hơn Sartre. Cả hai nhà triết học này đều thất vọng về duy vật biện chứng pháp vào hai thời điểm 1954 và 1975 gắn liền với lịch sử bi thương của dân tộc: Trần Đức Thảo là nạn nhân của chế độ (1954). Sartre xúc động trước thảm cảnh những thuyền nhân người Việt (1975).

*

Trong khi Sartre xây dựng học thuyết triết học về tự do, Trần Đức Thảo chạy theo những người cộng sản chủ trương một thứ tự do bóp nghẹt tự do. Theo Sartre, tự do là một việc (un fait) có trước ý thức. Tự do vượt ra ngoài sự an bài (tất định : déterminisme). Vì vậy, sống chính là hành động và lựa chọn. Từ nhận định này, Sartre thiết lập mối tương quan giữa tự do và lịch sử : Tự do chỉ có được trong một tình thế, ngược lại chỉ có thể tạo được tình thế là nhờ có tự do. Nhưng tự do mà Sartre và Trần Đức Thảo tìm kiếm là tự do của con người. Tự do cộng sản có nghĩa là chế độ có tự do tước đoạt tự do của người khác. Vì vậy, tuy khẩu hiệu của chế độ là "Độc lập, Tự do, Hạnh phúc" nhưng chế độ không *độc lập* trong việc hoạch định chính sách, vì vậy toàn dân mất *tự do* và *hạnh phúc* chỉ còn là bánh vẽ.

Tự do và lịch sử trong đề thi Tú tài Pháp năm nay không phải chỉ là ngẫu nhiên. Năm 2000 mở đầu thiên niên kỷ mới là thời điểm thích hợp để tổng kết lịch sử, vốn được đo lường bằng tự do. Nếu "Tự do" và "Triết học" là hai tiêu chuẩn để ghi dấu thời gian, với sự hủy diệt cả Tự do lẫn Triết học, đất nước đi thụt lùi khoảng 1000 năm. Thật vậy, năm 1075, vua Lý Nhân Tông mở khoa thi Tam Trường. Phép thi gồm kinh nghĩa, chiếu, chế, biểu, văn sách v.v. Ngoài các vấn đề như luân lý học, vũ trụ quan v.v. kể từ năm 1075 tới khoa thi Hội cuối cùng vào năm Khải Định 4 (Kỷ Mùi, 1919), 2898 ông tiến sĩ trong lịch sử khoa cử Việt Nam thấm nhuần triết học giáo dục, triết học chính trị (quan niệm về dân chủ) và danh học (tư tưởng phê phán) v.v. của tiền nhân. Các chương trình giáo dục kế tiếp đều chú trọng tới việc rèn luyện khả năng phán đoán qua bộ môn triết học.

*

Vì vậy, tiến trình tái lập dân chủ trên đất nước sau này nên bao gồm cả việc tái lập môn triết học trong chương trình trung học (cấp 3) và đại học. Trong hội nghị giáo dục toàn quốc (4-2000), ông Phạm Minh Hạc, phó trưởng ban Khoa (học) Giáo (dục) Trung ương đã phát biểu: "Nền giáo dục đào tạo Việt Nam có phần lệch về dạy chữ, ít dạy nghề, không chú trọng dạy người." Vế thứ ba "không chú trọng dạy người" là hậu quả tất yếu của việc loại bỏ triết học ra khỏi chương trình giáo dục trong nước, vào hai thời điểm 1954 và 1975. Vì vậy, trong bối cảnh dân chủ hóa đất nước (hậu cộng sản), nền giáo dục mới này cần hai đội ngũ khoa học kỹ thuật và triết học. Đó chính là một nghịch lý cần thiết của đất nước.

Trong những năm học ở Pháp, ông Trần Đức Thảo từng đặt câu hỏi: *Triết học đi về đâu?* Khi về nước, ông Trần Đức Thảo chua sót thấy câu trả lời: *Triết học đã đi về tuyệt lộ.* Câu trả lời hiện nay phải chăng là: *Triết học thiết yếu sẽ đi tới chỗ hồi sinh?*

NGƯỜI VIỆT SỐNG CHUNG:
Vài nét về cộng đồng Việt Nam hải ngoại

Thân tặng anh Đỗ Quý Toàn, đã gợi đại ý và nêu đề tài

Bác sĩ TRẦN MINH TÙNG

Người Mỹ đã thấy từ lâu, trước cả người Việt chúng ta khi ta mới đến năm 75: những người di cư Đông Dương rồi sẽ kết đoàn, tụ họp, đóng khối với nhau, mặc đầu trí đang rối rắm, mặc đầu áp lực của nhà cầm quyền sợ sự tập trung của người tị nạn sẽ tạo thêm nhiều bài toán. Mặc đầu chánh phủ như không biết đến hay là tiêu cực chống đối, nhưng không thể nào ngăn chận hay chối được sự kiện đồng bào Việt Nam hay Miên, Lào, H'Mong đóng khối, tụ đoàn, gom nhau bảo toàn nề nếp xã hội, tái thiết phần nào tập tục, qui củ của một tập thể truyền thống, gần giống như ở bên nhà. Đối với chúng ta, là người trong cuộc, sự việc gần như hiển nhiên, khi ta tiếp tục nếp sống đã quen: đầu sống xa quê nhưng mà người mình phải kiếm người mình, Việt Nam sống kiểu Việt Nam.

Tuy nhiên cách thức người Việt hải ngoại quây quần hội họp, tương quan kết nhóm, giao thiệp với nhau, có lúc hỗ tương, có khi chống đối, có khác so với các người bản xứ Âu- Mỹ và cũng chẳng đúng y kiểu mẫu như hồi còn ở bên nhà. Mới nhìn, người dân tị nạn chỉ làm một việc đơn giản: thi hành chức năng tự nhiên của những cá nhân chung sống, giao dịch với nhau, liên hệ, đi tới hình thành các loại đơn vị xã hội từ bé đến lớn: gia đình, hội đoàn, phe nhóm, các tiểu cộng đồng, các khối dân chúng... Có khi các thực thể ấy có hẳn tên xưng, qui củ rõ ràng; có khi tiềm tàng, như chỉ là ảnh ảo trong trí con người. Tất cả đều là tự động, hồn nhiên mà có, sản phẩm phát từ sức sống con người, vốn là con vật xã hội, luôn tìm kiếm sự quần tụ.

Nhưng người di cư, vừa mới bị bứng ra khỏi nơi gốc gác, mất hết một số cội rễ đã từng qui định căn tính của mình, thì có cách làm hơi khác, vừa vin vào cái cũ, vừa pha cái mới. Có thể cắt nghĩa một cách giản dị: "lá rụng về cội," "nước chảy về nguồn," để biết tại sao thiên hạ cứ tìm những người đồng xứ và quay về gốc, qui tụ chòm xóm, làm lại cọng đồng trên đất nước xa lạ. Tuy nhiên cũng nên suy nghiệm sâu hơn, thí dụ tự hỏi người mình đã có thái độ thế nào, hành động ra sao, đối với với gia đình hay với đồng bào hay người khác xứ, có gì khác thường hay đáng ghi nhận hay không? Và sẵn luôn dịp, tìm hiểu lý do hay then máy nào, hiển nhiên hay là thầm kín, đằng sau các động tác như ta đang thấy. Thế nên mới có bài nầy, bàn về cách thức người Việt di cư hợp quần, giao dịch với nhau để thành cái gọi tổng quát: "Xã hội Việt Nam Hải Ngoại." Nhóm hai triệu người rải rác trên khắp địa cầu, trong nhiều thực thể văn minh và điều kiện sống khác nhau. Sống ở Mỹ châu, Pháp quốc, hay tại Gia nã đại, Úc châu, Đức quốc, Na Uy cùng nhiều xứ khác: chắc chắn khi phân ra từng nhóm nhỏ, phản ứng sẽ khác, đượm màu sắc địa phương. Chúng tôi sẽ cố phân tích những nét chung, còn về các điểm đặc thù của từng địa phương thì xin bạn đọc thêm vào.

Kinh nghiệm mọi người hãy còn tươi rói nên chắc không khó so sánh và hẳn ai cũng có ý kiến về vấn đề nầy. Như thế cũng hay là vì tôi chỉ mong làm việc khiêm nhường là qui củ hóa những gì đã biết, đôi khi thêm chút suy tư vào các vấn đề ít ai nghĩ đến. Công trình diễn dịch nếu muốn thật tình khoa học, phải thêm nghiên cứu, trắc nghiệm, với các dữ kiện và các con số chứng minh. Trong khuôn khổ một bài báo phổ thông, những điều viết hôm nay chỉ xin xem như là một bước khởi đầu gợi ý với ít nhiều chủ quan, sau đó sẽ cần người khác vạch đường, đào sâu mới tới gốc rễ sự thật khách quan.

Hợp quần: gia đình di cư

Chúng ta có rất nhiều cách hợp quần thành những đơn vị, đi từ nhỏ nhứt: gia đình, chòm xóm... cho đến lớn hơn: đoàn thể, cọng đoàn xã hội. Người Việt hải ngoại cũng hợp quần bằng những phương cách ấy, nhưng mạnh nhứt là các liên hệ gia đình. Gia đình là tổ nguyên thủy và mật thiết nhứt, đính liền vào với cá tính con người, cho nên tự nhiên đi sát cá nhân, nhờ dây liên kết sinh lý. Chuyện ấy không có gì lạ, đúng cho tất cả mọi nền văn minh, nhưng trong trường hợp Việt Nam, mức độ mật thiết rất đáng kể, khiến người bàng quan phải nể, đặc biệt nổi bật trong không khí lỏng lẻo của gia đình Âu-Mỹ nặng về cá nhân. Tôi không muốn nói đến tiểu gia đình, gồm chồng, vợ, con, dù hoàn cảnh nào đó cũng là gốc rễ của mỗi con người. Nhưng ngay đến đại gia đình, đơn vị rộng lớn gồm có những người không chung thế hệ, và chỉ có họ với nhau như em, cháu, bà con bên vợ hay chồng... cũng vẫn kết tụ, hợp đoàn ngay trên đất khách. Trong những năm đầu khi người Việt Nam mới đến, khoảng 1975 - 78, con số nhân sự trung bình trong một gia đình di cư là bốn, nghĩa là ngay lúc ra đi trong những hoàn cảnh eo hẹp nhưng mà người Việt vẫn cố dắt theo, ngoài vợ và con, luôn cả cha mẹ hay là bà con họ hàng. Số ấy nhỏ dần trong những năm sau, nhưng vẫn còn cao, ngay lúc phong trào thuyền nhân, sự ra đi nguy hiểm, khó đem nhiều người cùng đi. Mặc dù khó nhưng người ta vẫn cố gắng mang theo gia đình tuy không nhiều bằng trước. Có khi một gia đình phải chia ra từng mảnh để cho dễ đi, một khi đã ra đi thì tưởng không còn gặp nhau trên mặt đất. Nhưng rồi sau khi đến bờ, bà con cũng chùm nhum lại, đóng khối, tìm ở gần nhau hay là ít nhứt thì giữ liên lạc đều đều.

Lúc đầu, ai nấy đều phải vâng lời nước chủ nhà, "đặt đâu ngồi đó" dù xa cách, ở chỗ rải rác khác nhau. Nhu cầu liên lạc lúc bấy giờ trở thành khẩn thiết. Đường dây điện thoại viễn liên trở nên quan yếu, đâu chỉ để ủi an nâng đỡ nhau bằng lời hay bằng giọng nói. Nhờ nó, người ta gọi nhau nói chuyện hằng giờ, bất kể tổn phí. Tiền điện thoại có thể sẽ trả hàng trăm đô la mỗi tháng, nhưng cũng phải chấp nhận, vì đường viễn liên gần như là cứu tinh và là nhu cầu không thể cưỡng được.

Sau đó là tới giai đoạn tìm kết hợp cụ thể để được thật sự ở gần nhau. Tốt nhứt là ở chung một chỗ, dù là năm bảy người ở chung một phòng. Xứ Mỹ luật lệ rắc rối, đòi nơi cư ngụ phải được phân minh, cho nên cuối cùng rồi chỉ tại những khu xập xệ rẻ tiền mới chịu "xính xái" cho đông người ở chung chạ, ngủ ngoài sa-lông hay trong nhà bếp, để mọi người cùng ở một nhà. Như thế, tuy không đầy đủ tiện nghi và "có hơi" chật, nhưng mà rẻ tiền và ở gần nhau, ấm cúng, thân tình. Trên thực tế thì chỉ vài năm hay là có khi vài tháng, thì cái tổ hợp hay đại gia đình ấy tự nhiên sẽ vỡ, thành viên lần lần kéo nhau tản mác. Tiền bạc lần lần dễ kiếm, không cần tiện tặn quá đáng như trước, lại thêm nhan nhãn gần mình những gương cho thấy cái lợi quí giá của việc sinh sống riêng tư, độc lập và không lệ thuộc người. Cho nên con người di cư, khi được khá giả, rồi sẽ đi tìm chỗ khác, nhà mới, phòng riêng, rộng rãi và ít gò bó và không còn sống tập thể như xưa.

Nguyên do, thể thức liên kết gia đình

Dù vậy, nhu cầu kết hợp vẫn còn dai dẳng và người Việt Nam vẫn khắn khít với nhau. Cái cần không hẳn là do nhu cầu thực tế, phát từ dịch vụ cụ thể nâng đỡ lẫn nhau. Đã đành khi có chị Năm hay là dượng Ba ở gần trong xóm thì muốn miếng ớt, tép hành hay cần cháu Tư nó đến điều chỉnh cái máy TV thì quả rất tiện. Nhưng đâu cả năm không thấy nhờ vả chút gì và chỉ gặp nhau những ngày giỗ kỵ, thì có bà con ở gần vẫn thấy ấm lòng, vững dạ. Nhưng cũng không nên chối rằng có đại gia đình là được nhiều điều ích lợi nhờ bởi hợp quần: cá nhân không còn lẻ loi yếu đuối khi có hậu thuẫn một đại đơn vị và các khả năng tăng cường của một tập thể nhiều người. Do đó mà sẽ đối đầu cuộc sống và các vấn đề hội nhập với nhiều dễ dàng tương đối. Thí dụ sẽ kiếm sở làm mau hơn nếu có bà con chỉ điểm, vạch đường, hay là bớt đi vấn đề Anh văn nếu có người làm thông ngôn giúp đỡ. Cụ thể: Việt Nam mau sắm được nhà, có khi qua mặt cả người bản xứ. Người Mỹ có khi hết đời không có nhà riêng trong khi người Việt di cư mới vài ba năm đã mua cái nhà nho nhỏ. Phần lớn là bởi ở chung: bà con hùn tiền, anh em chung đậu góp gió thành bão, đồng lòng tạo nên nghiệp lớn cho hết mọi người.

Một điểm khác cũng nên nhấn mạnh: ngay khi cá nhân cóp chắt từng đồng, thì cũng ít nghe thắc mắc. Nếu có bà con cần sự giúp đỡ bằng tiền thì đâu vài chục hay là vài trăm,

thường cũng tìm được dễ dàng giữa bà con. Nên mở dấu ngoặc là trong thực tế, người Việt hải ngoại ít khi xin xỏ hoặc đòi hỗ trợ hiện kim, có lẽ vì biết ai cũng khổ công mới làm ra tiền. Ngược lại thì các họ hàng bà con bên nhà không chút ngại ngùng đòi xin các số tiền lớn, đôi khi gần như ra giá, xin một lúc cả ngàn đô la. Tiếng nói là xin làm vốn làm ăn nhưng thật có lẽ vì không hình dung được giá trị đồng tiền nước ngoài cho nên không ngại ngùng "ra toa". Nhiều người đã than: mỗi lần nhận được thư nhà hay điện từ ở Việt Nam là họ thấy ngại nhiều hơn là mừng. Nếu không trách móc rầy la, thì cũng than van, tả oán... để rồi cuối cùng vòi vĩnh, xin tiền. Điểm hay là dầu chán ngán, bất bình, nhưng gần như hết các người là con, là chị, là cháu... đã mở thơ ra, cuối cùng cũng viết chi phiếu gởi cho vài ba trăm, một ngàn đô la để cho... vì "tại là gia đình mình."

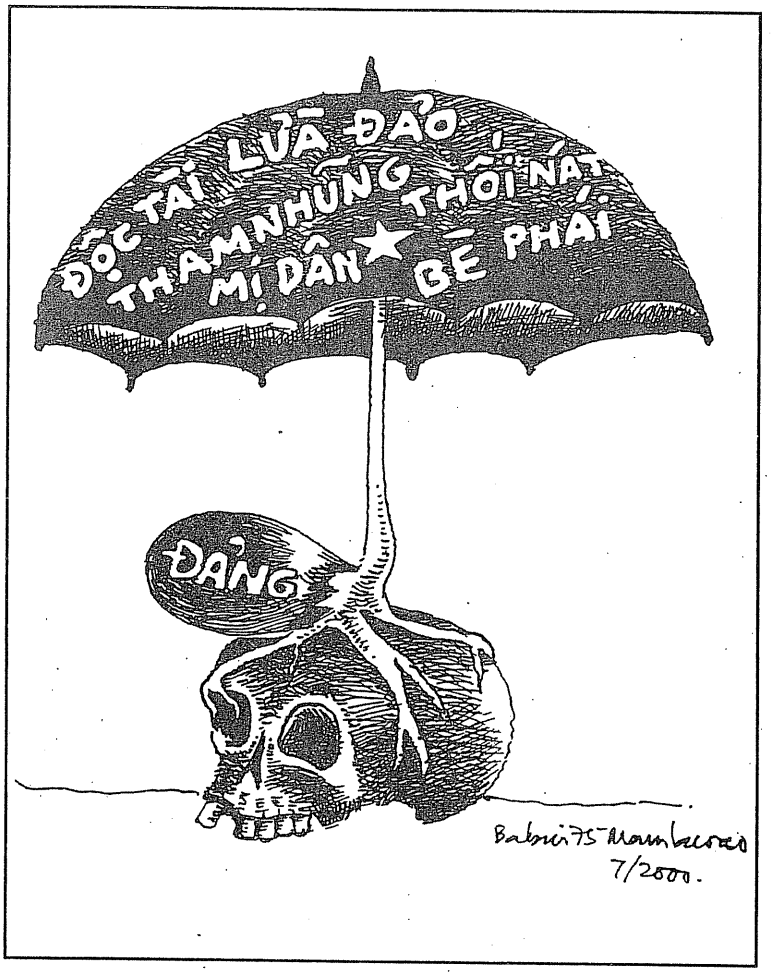

Tổng cọng số lượng tiếp viện kiểu ấy không ai biết chắc là bao vì phải vừa tính số tiền gởi đường chánh thức ngân hàng (có thể biết được), vừa kể số tiền đem về phân phát tận tay (không thể kiểm soát), lại thêm những quà biếu xén - tất cả lên trên cả triệu mỹ kim mỗi năm: một cuộc chuyển máu và sang ngoại tệ mà không đối chiếu và không bù trừ, lợi cho nhà nước Cọng sản nhưng không thể nào ngăn được vì tại tình nghĩa gia đình ! Số lượng rất cao vì bởi hầu hết đồng bào di cư vẫn giữ liên lạc và giúp gia đình, người quen bên nhà và thật ảnh hưởng đến cả tình hình tài chánh của đại cộng đồng di cư. Thí dụ nhiều nguồn dư luận trong giới kinh doanh hải ngoại, như là ngành bất động sản và ngành bảo hiểm, cho rằng lúc sau nầy cuộc làm ăn chậm hẳn hơn xưa vì tại người ta chuyển tiền về bên quê nhà hay là trở về để thăm bà con, cho nên bớt tiền mua sắm tiêu xài tại Mỹ. Nhứt là gần đây, hình như số tiền vận chuyển càng ngày càng to - cả ngàn đô la - không phải để dùng cứu trợ vì đã qua khỏi lúc đầu khẩn cấp - mà để làm vốn, sửa nhà và làm những chuyện qui mô.

Một điều cần được chú ý là tình gia đình luôn luôn tăng cường nét tánh quốc gia: gia đình hễ càng khắn khít thì càng thêm tánh Việt Nam và càng bền chặt cộng đồng. Gia đình đoàn kết và nhứt là khi có nhiều người hợp lại, sẽ nói tiếng Việt nhiều hơn. Các trẻ thuộc các gia đình có nhiều bà con họ hàng, có thể dùng tiếng Mỹ, tiếng Pháp để nói với nhau, nhưng gặp cô bác thường thường phải nói tiếng Việt và nghe tiếng Việt, cho nên sẽ giỏi tiếng Việt hơn là các trẻ chỉ quen tiếp xúc với cha và mẹ không thôi. Ngược lại, trẻ em biết giỏi tiếng Việt thường làm ta đoán là có bà con đông đầy, không chỉ là hai cha mẹ mà thôi. Một

cách rộng lớn, anh em cô bác của đại gia đình hướng dẫn con trẻ theo chiều hướng Việt Nam và làm chứng tá một cách hùng hồn thiết thực thế nào là tình bà con, sức mạnh, ưu thế gia đình, và cùng lúc, biểu dương rõ ràng tinh thần cùng là hình ảnh cọng đồng.

Hợp quần: kết tụ

Quả thật, khi được ở chung, ý hướng cộng đồng của người di cư rất đáng ngợi khen. Sau hai thập niên sống ở đất người, đa số người Việt hải ngoại hội nhập, thích ứng với nền văn hóa nơi mình cư ngụ, có thể nói xứng đáng với cái quốc tịch mà họ được mang. Tuy nhiên họ chưa hoàn toàn là Mỹ, hay Gia nã đại, hay là Pháp, Úc... và tính cách Việt Nam của họ vẫn còn, cùng với nhu cầu kết đoàn và tìm người cùng một xứ. Người ta thường trách: người Việt ít biết hợp quần và không đoàn kết. Sự việc ấy đúng, nhưng chỉ một phần, không nói lên hết cái tình đồng chủng thường làm hứng khởi toàn thể đa số đồng bào. Tôi không nói đến cái mong đợi ích kỷ của hầu hết người Việt Nam khi vào công sở, văn phòng, mong gặp người đồng bào của mình làm ở đó, hy vọng sẽ được dễ dãi, chỉ vì tình cảm đồng hương. Tôi cũng không nói đến những chuyện nhỏ nhặt, như trên đường phố Bolsa, California, sự việc những người tuy không biết nhau nhưng vẫn vui vẻ chào nhau - mặc dầu có khi ngờ ngợ - khác với thái độ tránh né lạnh nhạt như ngày xưa ở Sài Gòn. Tôi muốn nói đến chuyện lớn hơn.

Thí dụ như là phong trào người Việt kết tụ, tập trung về một vài vùng, thành lập hay làm vững chải những nhóm cộng đồng Việt Nam hải ngoại, biến thành những tiểu đảo với những đặc tính sắc tộc. Người Việt hải ngoại đâu chịu ngồi yên sau khi định cư lúc đầu. Qua cơn bối rối sau khi mới đến, người di dân mới cố gắng tìm cách để gần bà con, đồng bào. Người ta truyền miệng: chỗ nầy chỗ kia có sẵn anh em họ hàng hay là đất lành, làm ăn dễ chịu và nhứt là có đông người Việt Nam. Thế là có người về phía Cali, Texas hay Chicago, New York... hay là Minnesota hay Wichita, Kansas... Ngoài các trung tâm lớn, còn phải kể đến các cộng đồng "bé," thành phố nho nhỏ nhưng có sức kéo đồng bào thành những vệ tinh ốc đảo đáng kể. Việc mọc thêm các cộng đồng nho nhỏ như thế tại các tiểu bang Huê Kỳ có vẻ như bất tận, và biến dạng mỗi ngày.

Trên mặt chánh trị, các người tỵ nạn dời đô kiểu ấy phá vỡ chánh sách căn bản của ngành hành pháp Huê Kỳ về lối định cư của người tị nạn Việt Nam. Tuy không nói ra, nhưng "họ" không muốn cho người di cư đóng cụm, kết đoàn, sợ thành ra những ốc đảo sắc tộc (ghettos), có thể làm mất thăng bằng hoặc trở thành gánh nặng cho vài tiểu bang. Thế nên từ đầu, chánh phủ liên bang đã cố trải mỏng người dân di cư ra trên toàn xứ Mỹ. Nhưng ước muốn ấy vẫn cứ không thành với phong trào dời cư đợt nhì (secondary migration).

Hội đoàn

Số hội đoàn rất cao ở mọi nơi của người di dân Việt nói lên sức sống của dân tộc Việt Nam. Một số tổ chức chết yểu, chỉ một thời gian im hơi mất dạng, nhưng cũng có cái dai sức, năm nầy qua đến năm kia, tuy không hoạt động đáng kể nhưng vẫn nhóm họp đều đều mỗi năm, có hội viên, có kỷ yếu được xuất bản... Thường là những tên quen thuộc của các trường lớn hay đơn vị quân đội quan trọng: Trưng Vương, Gia Long hay là Thủy Quân Lục Chiến, Nhẩy Dù. Nhưng cũng có những đơn vị nhỏ, tỉnh xa, hay là trường bé ít người biết, tuy vậy hầu hết sung túc, mạnh hơn bên nhà rất nhiều.

Cái đáng để ý là người Việt Nam ngay lúc hợp quần cũng thường kén chọn và lựa cách mình tụ kết, không phải là bất cứ ai cũng đều ngồi chung. Khi muốn nhóm lại, thì phải là người đã quen hoặc đồng căn tính, gốc rễ với mình: chung trường, chung tỉnh, chung một đơn vị hay một văn phòng... Hình như quá khứ mạnh hơn hiện tại trong việc định nghĩa cá tính, cho nên sống mạnh là các hội đoàn di cư của "Việt Nam cũ," còn thì rất ít hay là không có hội đoàn mang tên những địa danh Mỹ hay là tập thể hiện thời đang ở ngoại quốc.

Về các hội đoàn có chất chánh trị và không phải là ái hữu thì là rất khó kết nạp hội viên. Tập hợp người dân - dầu để chống Cộng, là điều mong muốn của hầu hết mọi người di cư - là điều rất khó thực hiện. Ước muốn qui tựu cử tri Việt Nam về chung một mối không thấy thành hình hay chỉ èo uột biến thành cuộc chiến giữa các phe phái nhỏ nhoi. Thế mới biết, người Việt di cư hãy còn nỗi e ngại cố hữu, là sợ các hậu ý của tha nhân, nhứt là những người không quen và riêng đặc biệt khi nói chánh trị, e bị mắc lừa, lợi dụng hay bị chỉ huy ngoài ý mình muốn.

Cuối cùng thì các hội đoàn chỉ có hoạt động

hoài cổ: một năm họp mặt một lần, tôn vinh thầy cô, người lớn, nhắc lại chuyện cũ, đếm mặt lại nhau, coi ai mất còn... Còn về mục tiêu tương trợ, tuy vẫn nêu cao nhưng khó thực hiện vì thiếu phương tiện. Do đó mà ta thắc mắc không biết tương lai của các hội đoàn rồi sẽ ra sao, không biết lớp trẻ sau nầy phản ứng thế nào khi đã qua hết nhu cầu lưu luyến thời xưa, không thấy cần phải nhắc lại trường cũ, sở xưa như kiểu cha, chú của mình. Nghe đâu một số hội đoàn tiếp tục có hội viên mới và có người trẻ tham dự nhưng mà sự kiện còn phải hỏi lại và phải kiểm chứng.

Lễ cưới, kỹ nghệ ăn uống

Trong lúc đó, các hoạt động xã hội thấy có vẻ khấn khít. Có thể vì bởi cộng đồng bé hơn bên nhà cho nên đời sống xã hội mật thiết hơn xưa, người ta chú ý nhiều hơn về các tương quan giữa người Việt Nam, quí trọng bạn hữu người quen hơn ở Việt Nam, đề cao liên ước cộng đồng mà trước không có. Thí dụ người ta đọc các báo Việt hằng ngày rất kỹ, luôn cả mục quảng cáo, phân ưu "để biết ở trong cộng đồng có gì." Người Việt vẫn thích giao du bằng hữu nhưng không bao giờ lại thấy có nhiều nhóm họp, ăn uống, gặp mặt, để hát karaoke hay để nhảy đầm hay bàn chuyện gẫu bằng như bây giờ, khi đã xa xứ. Đám cưới, đám tang đều rất rình rang và rất nhiều người tham dự. Tiệc cưới không chỉ là dịp hoan hỷ cho đôi trẻ mà là cơ hội người lớn gặp lại bạn bè, trả nhau món "nợ xã hội" đã mắc. Thế nên buổi tiệc đông người (có thể đạt đến con số 500 thực khách hoặc hơn nữa) nhưng đôi tân hôn chỉ quen một số ít người, còn thì chỉ biết gật đầu cười chào đa số còn lại, tuy về danh nghĩa thì đó là khách của mình. Quà cưới phần lớn ai cũng mừng tiền, vừa tiện vừa dễ, trong khi chỉ có bạn quen mới tặng đồ vật. Tùy theo thời giá, có khi tiền cho vừa đủ để đắp tiền ăn của cặp được mời, đôi khi có thể nhà chủ được "lời" chút ít. Những người được mời, vì coi như là vinh hạnh và là bổn phận xã hội, khó sao từ chối, nhưng có nhiều khi thấy như nặng nợ nếu họ bị mời quá nhiều hay là quá thường. Cuối cùng, dẫu cho hao tài tốn của, người ta vẫn "nhín chút thì giờ quý báu" để đi dự. Có một điều không hề thay đổi là tật đến trễ của người Việt Nam. Thiệp mời có thể ghi "đúng bảy giờ" nhưng chớ có đến bảy giờ vì chẳng có ai, có khi vắng luôn cả họ nhà trai hay là nhà gái. Tám giờ hay tám giờ rưỡi dọn ăn là thường: tuy ai cũng đều ta thán nhưng không mấy ai đi ngược lại với cái truyền thống "giờ cao su" ấy.

Trong cộng đồng, kỹ nghệ thực phẩm rất phát đạt. Người ta có thể quên đi nhiều thứ của quá khứ, nhưng bánh cuốn, phở hay bún bò, nói chung là các món ăn chơi thì không bao giờ quên. Có nguyên cả một bộ môn buôn bán sống nhờ cái ăn của các đồng bào: quán cóc, nhà hàng sang trọng, tiệm thức ăn mang đi (to go), tiệm bán "cơm chỉ," quán bán "bánh mì Ba Lẹ" - tất cả thảy nhắm cung phụng cho cái nhu cầu tiềm tàng nhưng rất thiết thực người dân di cư là được ăn những thứ hợp khẩu vị. Đây đúng là một lối "về nguồn" rất cụ thể, dễ dàng, chỉ cần qua các món ăn, không chắc là thiệt quen thuộc, nhưng mà có vị quê hương và cho người ta cảm tưởng như đang sống trên quê hương.

Có điều phải nói là hết tất cả đều là kỹ nghệ gia đình, năm bảy người làm, đủ ăn cho một đơn vị khiêm nhường còn ít khi nào bành trướng qui mô. Không biết là lỗi bởi ai: người bán hay là người dùng, nhưng tuy rất nhiều nhà hàng Việt Nam, ít khi có được một hiệu có năm bảy trăm chỗ ngồi và dọn những tiệc linh đình, với món Việt Nam thuần túy, giống kiểu cổ bàn như nhà hàng Tàu. Phải chăng chúng ta không quen với cách làm ăn lớn, hay không biết làm sao để biến chế các món ăn thành dễ dọn, dễ ăn? Kết quả là đồng bào vẫn phải xếp hàng để xin được đặt chỗ ngồi ở vài tiệm Tàu và ăn những món truyền thống... của Tàu, dù là tiệc cưới hay là liên hoan theo một truyền thống hoàn toàn của ta.

Tình hình chung

Trong đại đa số trường hợp, nếu không bắt buộc, người Việt vẫn kiếm người Việt, rất hiếm làm thân với người bản xứ. Có khi thấy họ nói chuyện, trao đổi vài câu với người hàng xóm hay đồng nghiệp Mỹ trong sở, có khi ăn chung buổi trưa; còn thì ít thấy thân mật chí tình hay mời về nhà, vui chơi ăn nhậu giống như với bạn Việt Nam. Có thể người Mỹ cũng rất dè dặt, tuy có bãi buôi, nhưng không mấy khi mời bạn về nhà cho nên người Việt không có cơ hội trả lễ; tuy nhiên sự việc khá rõ, là chúng ta không thấy nhu cầu, hứng thú hội nhập xứ Mỹ về mặt xã hội.

Vấn đề hơi khác khi ta nói đến lớp trẻ. Giới trẻ, nhứt là lớp sanh ở tại ngoại quốc, không mấy ưu tư vì chỉ biết mình là công dân

Mỹ trầm mình trong xã hội Mỹ. Do đó chúng có bạn Việt hay Mỹ hay Xì hay Tàu... miễn sao hợp tánh tình. Đến khi kén vợ lấy chồng cũng vậy: tộc chủng không mấy quan tâm, chỉ cần chọn người. Thế nên lúc sau nầy mới gia tăng hôn nhân dị chủng, người Việt lấy người khác nước, Mỹ, Pháp, Tàu, Phi... Ngoài các khó khăn của mối lương duyên tạp chủng (bất đồng văn hóa, tập tục), có sự khó khăn tức khắc trong các giao dịch với các gia đình suôi gia: con rể, nàng dâu thành như lạc loài bên trong gia đình nhạc gia vì bị trở ngại truyền thông, không nói, không hiểu hay không thông cảm bằng như với rể hay dâu người Việt. Nhưng mà ngược lại trước đó, người thanh niên Việt thường khi thức tỉnh tự nhiên, con trai Việt Nam vẫn thích có bạn Việt Nam hay là ít nhứt Á châu, nhiều hơn là các giống người khác. Có thể là khi gặp nhau họ vẫn nói chuyện toàn bằng tiếng Mỹ, nhưng họ vẫn thích giao thiệp với người đồng hương cũng như họ sính ăn phở và nước mắm hơn món khác.

Câu hỏi sau cùng là với tầm vóc gia đình của gần hầu hết công cuộc làm ăn trong cộng đồng hải ngoại, liệu các kinh doanh kiểu ấy sẽ còn hay mất trong tương lai? Vấn đề sở dĩ đặt ra vì các cơ sở ít thương mại hóa thật sự và ít có người ngoài không thuộc gia đình. Khi con cái lớn lên và tìm ngả tiến thân ngoài cách kinh doanh của gia đình, thì sự nghiệp cũ của cha mẹ dễ có cơ bế tắc. Theo mộng thông thường của người Việt Nam, con cái muốn làm vượt hơn cha mẹ, trở thành kỹ sư, bác sĩ chớ không tiếp tục buôn hàng, bán quán - cho nên cơ sở gia đình dựng nên đi vào ngõ cụt và không người truyền nối. Hiện nay, chúng ta chỉ biết đặt câu vấn nạn mà chưa biết câu trả lời. Chỉ mong đám trẻ tương lai tuy là thăng tiến nhưng sẽ còn giữ đặc tánh, kể cả việc buôn bán cùng là những nghề "hèn mọn" trong khi có thêm người mới, với nguồn sống mới, giữ cho cộng đồng bền vững, thịnh vượng.

Nhìn hướng tương lai

Những ai rời xứ năm 75, nhìn lại bước đường đã đi, thấy đều trầm trồ bước tiến nhảy vọt mà các cộng đồng đã làm. Còn nhớ lúc nào chòm xóm chỉ có năm ba gia đình, phải đi năm bảy chục dặm mới kiếm ra chai nước mắm hay mua bao gạo, cả nhà mừng hún khi nghe có nơi bán phở hay bán bánh bèo. Giờ đây có luôn cả dãy hàng quán, mắm gạo đầy đàng, không còn chỗ nào là cảnh "đèo heo hút gió" thật sự, còn về đồng bào thì đâu cũng có... khỏi tìm. Hôm nay không hề còn mối lo âu về cái hiện tại, không còn thắc mắc coi xem cộng đồng có sẽ trường tồn hay không. Theo như hiện tình, trong tương lai gần, cộng đồng Việt Nam chỉ có thể tiến mà chẳng sợ lui: người cũ hãy còn, người mới vẫn còn hoài cổ, cộng đồng hải ngoại còn thừa lý do tồn tại và phát triển. Câu hỏi cần đặt ra là trong tương lai, người Việt ở hải ngoại sẽ có ảnh hưởng thế nào đối với quê hương, và ngược lại người trong nước sẽ làm những gì cho những con dân nước Việt xa xứ. Đó không là câu hỏi suông, mà câu trả lời của nó rồi sẽ quyết định hướng ta lèo lái tương lai cọng đồng. Coi người Việt hải ngoại chỉ như một nhóm "Việt kiều" tha hương? Như thế thì họ chỉ cần sống chờ thời và trông chỉ thị bên nhà. Còn nếu coi đây là một tập thể tự lập có bản lãnh, có thể tạo bản sắc cho chính mình và ảnh hưởng đến cả trong nước thì nên cố gắng phát triển, trui rèn con cái sao cho xứng đáng hầu đóng vai trò chia sẻ trách nhiệm với toàn thể dân tộc.●

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT

9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683

(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU

Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM

Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

VẤN ĐỀ TRỌNG ĐẠI NHẤT CỦA NGHÌN NĂM TỚI

NGUY CƠ VÀ HỨA HẸN

TRẦN NGỌC NINH

(Tiếp theo)

Khối đất phì nhiêu ở giữa vì quá lớn, nên không tránh được những xung đột và chiến tranh nội bộ Trung Quốc là nước lớn nhất, xưa nhất và phát triển nhất, đã dần dần thôn tính các nước khác ở khắp quanh. Tuy nhiên, sự vận chuyển của lịch sử mạnh mẽ và dữ dội nhất là ở ngoài biên, giữa những đoàn người du mục lớn và khối nông nghiệp ở giữa. Áp lực chính là từ phương bắc và phương tây với những đoàn người ngựa, nhanh nhẹn, đột ngột và cường bạo. Sự di chuyển chung đi theo hướng bắc-nam, nhưng chưa bao giờ đẩy được trọng tâm của lịch sử lùi hẳn về phía nam vì cái khối Trung Quốc quá đông, quá nặng, lại rất vững bền với một văn hóa rất ổn định. Tuy vậy nhưng về mặt chính trị, Trung Quốc đã là khu vực bị ngoại nhân chiếm hữu nhiều nhất: nếu lấy Nhà Hạ (2200-1750 TKt) truyền cho Nhà Thương (1750-1040 TKt) là nòng cốt và khúc uốn chữ U của Hoàng Hà là đất tổ của Trung Hoa, thì Nhà Chu (1100-256 TKt) đã là gốc của Tây-di, rồi đến Nhà Tần (Qui, Ch'in, 221-206 TKt) cũng có gốc Tây-di. Qua đời Hán (206 TKt - 169 SKt) tạm yên, lại đến một thời đại loạn nữa, đất nước bị chia ba xẻ sáu hơn ba trăm năm, trong đó rợ Hung nô (Xiongnu) gốc Turk (Thổ) vượt Trường Thành vào nội địa Trung Quốc, rồi đến rợ Xianbei gốc Mông vào đóng cả ở miền đông và miền tây Bắc Hoa. Cuối cùng là rợ Toba cũng gốc Turk lập ra nước Bắc ngụy (386-535) từ Sơn Tây mở rộng xuống Lạc Dương, kinh đô cũ của nhà Đông Hán ở tỉnh Hà Nam. Đất Trung Hoa khi ấy phân ra gần đến cực điểm, sáu nước ở miền bắc, mười sáu nước ở miền nam.

Thống nhất lại Trung Quốc năm 589 là Nhà Tùy gốc du mục miền tây, họ *Dương (Yang). Tùy mất ngôi năm 618 vì thất bại trong cuộc Chinh Bắc ở Cao Li. Nhà Đường nổi lên, họ Lý, cũng là gốc đi ở xa hơn nữa tại Turkestan. Tuy theo văn hóa Hán tộc, nhưng vẫn giữ liên lạc với các bộ lạc Thổ nuôi ngựa những triều vua Đường đầu tiên còn giữ tinh thần mã thượng của tổ tiên và vì thế, một mặt giữ được hòa bình với dân du mục Thổ, mặt khác đã đem quân kị mã đi chinh đông, chinh tây, mở rộng bờ cõi. Đạo Phật đã có thế từ thời trước, nay xây dựng căn bản với các tu viện ở Đôn Hoàng và cuộc tây du thỉnh kinh của Huyền Trang: đó là nhờ sự thân thiện giữa Nhà Đường với các cộng đồng du mục Trung Á. Nhưng vua và triều đình lại từ từ ngả về Đạo Lão với các đạo sĩ và cả một khối thi nhân trong triều, cầm đầu bởi Lí Bạch, một nhà thơ đạo sĩ thiên tài của muôn đời. Sự hòa hợp của một dòng tu Phật với tư tưởng Lão Trang và phép tĩnh tâm của đạo gia đã dựng lên Thiền Môn với một hệ huyền thoại viết thành những công án li kì không thua gì *Nam Hoa Kinh* của Trang Chu. Nhưng năm bông hoa Thiền không kết quả ở Trung Hoa và tàn tạ dần, đem theo sự suy vi của Đạo Phật nay chỉ còn những mảnh vụn nhớ tiếc.

Tiếp theo và thay thế Nhà Đường là Nhà Tống, gốc chính thống bản xứ. Ngựa a-rap thuần chủng không được đem sang nữa; đó là những ngựa giống tốt nhất, với giống huyết hãn, mồ hôi đỏ, là tuyệt hảo, và ngựa xích thố là ngựa thần. Uy vũ xuống nhưng văn chương và tư tưởng lên cao tột bực cùng với nông nghiệp: chính sách nhất nông nhất binh của nhà nho thay chính sách nhất liệp nhất binh của những thời dân du mục lên làm chủ như đời Đường thủa trước và đời Nguyên sau này. Họ Trình và họ Chu làm Đạo của đức thánh Khổng lại sáng lại, mặc đầu có tiêm nhiễm Giáo lí của Đạo Phật Đại Thừa. Thơ và phú được đưa vào các kì thi: có thể từ đây, cái học từ chương được chế độ hóa, giết chết sự tiến bộ và bóp nghẹt cả văn chương trong những

thế kỉ tới. Kết quả là một sự mâu thuẫn bi thảm nhất của lịch sử: Thời đại sáng chói nhất về văn hóa lại là thời hèn yếu nhất về võ bị và thành ra khởi điểm của sự tận chung.

Cái nguy từ bên ngoài vẫn là từ các dân du mục. Không có sự đe dọa từ miền nam vì đã gần một nghìn năm rồi, miền nam đã bình và thành đất An Nam để ngăn chặn bọn du mục Chàm và Mã Lai. Sự đe dọa vẫn chỉ có từ các dân du mục miền bắc và miền tây suốt từ thời Hạ, đời Thương, và các đời sau. Vạn Lý Trường Thành được xây lên với cái giá sống "mỗi hòn đá là một mạng người," vì thực có, luôn luôn có, vẫn còn có đe dọa ấy. Đe dọa mất nước, đe dọa mất văn hóa của Hán tộc.

Dân Qidan (*Khất-đan) và dân Ruzhen (Nhục-chi) xích mích nhau. Tống triều không có thiện cảm với dân Qidan ở đất Liêu nên giúp Ruzhen đánh Qidan. Ruzhen thắng, lập ra nước Jin (Kim) và Jin đánh Tống lấy cả miền bắc Trung Quốc của Tống và bắt vua Tống làm con tin. Tống lập vua khác, rút về miền nam và lấy tên là Nam Tống. Tới đây là giai đoạn Nhạc Phi cầm quân Nam Tống đi đánh quân Jin và bị bọn văn quan vu khống rồi bị vua lên án chết chém. Lòng quân, lòng dân đều bất bình: dã sử Nhạc Phi bị chết oan thành truyền kì, rồi vào các tuồng cũng như truyện kí. Nhưng Nam Tống mất nước không phải chỉ vì nội tình bị loạn, mà còn vì một lỗi lầm lớn về ngoại giao: một mặt giả bộ thần phục nước Jin (Kim), một mặt giao thiệp và giúp một bọn Bắc di khác để đánh nước Jin. Bọn Bắc di thứ ba này là quân Mông Cổ của Genghis Khan (Chinggis Khan) *(Thành Cát Tư Hãn) (? 1162-1227) dưới sự lãnh đạo của Kublai Khan (Kubilai Khan) *(Hốt Tất Liệt Hãn).

Hai Hãn này đều là những anh hùng cái thế và ở trong lớp những nhà chinh phục lớn của lịch sử, như Alexander Đại Đế của nước Macedonia ở bán đảo Helen (Hi Lạp), như Cesar ở Roma, như Napoleon ở Pháp. Họ là những người lãnh đạo tuyệt luân, những nhà chính trị tài giỏi, và những thiên tài chiến lược chiến thuật. Genghis Khan, từ một thời thơ ấu khổ cực khốn đốn, đã thống nhất các dân du mục Mông Cổ, tổ chức một quân đội bách chiến bách thắng, lập nên một nước Mongolia (Mông-cổ) có nền móng lâu dài và tạo ra, từ số không một trong những đế quốc lớn nhất của lịch sử trên những đồng cỏ, sa mạc và băng địa của Trung Á, với đất của Phật giáo ở

TỨ DÂN: THƯƠNG (Bà hàng chuối)

đầu đông và đất Moslem với Thiên Chúa giáo Chính thống (Nga) ở đầu tây. Chưa bao giờ dân du mục cường thịnh và vinh quang như thế. Cháu của Hãn Genghis là Kubilai Khan nâng uy vũ du mục lên đến tột đỉnh sau khi chiếm trọn Trung nguyên của Nhà Tống, chỉ 45 năm sau khi đánh bại kẻ thù của Tống là nước Jin (Kim). Kubilai lên ngôi hoàng đế của một Trung Hoa tái thống nhất, lập ra Nhà Nguyên (1279-1365), và đem một số ngoại nhân vào guồng máy cai trị mới (trong số ấy có một người từ Italia sang là Marco Polo gốc ở Venizia). Tuy rằng trong cuộc chiến tranh chinh phục, Kubilai đã dẹp 90 thành trì của Kim - Tống thành bình địa, nhưng không giết dân như Genghis. Ảnh hưởng của sự sáp nhập Trung Hoa vào đế quốc Mông Cổ không phải chỉ tạo ra sự thoái hóa, kể cả về phương diện văn chương. Nhưng khi giới cầm quyền Mông bắt đầu học và bắt chước người Hoa thì cũng là bắt đầu sự suy tàn của Mông Cổ.

Người Trung Hoa lấy lại nước năm 1386 và lập ra Nhà Minh; người lập ra triều đại mới là một người nông dân tên Chu Nguyên Chương. Không có học, thoát nạn chết đói ở làng, bỏ quê đi ăn mày được một số sư Phật giáo nuôi, đi lại với vài nhóm Moslem đã vào Trung Quốc theo chân quân Thổ của Lý Thế-dân Nhà Đường hay chính quân Mông của Kubilai Khan, rồi thành ra Minh Thế Tổ khi quân đội Nhà Nguyên không ngăn nổi các cuộc nội loạn của người bản xứ chống lại chính quyền ngoại xâm. Sau khi xây dựng xong cung điện mới ở Bắc Kinh nhờ một người Việt Nam ở Hương Cảng, không những giỏi nghề xây cất mà còn am thông Dịch lí với thuật phong thủy, vua Minh thiên đô từ Nam-kinh trở lại Bắc-kinh, nhưng không phải vì thế mà văn minh và hiểu

biết hơn. Đem quân sang đánh cha con Hồ Quí Li ở Việt Nam xong, quân Minh đã ở lại Việt Nam để đặt lại nền bắc thuộc: chúng phá phách, tàn bạo, dã man còn hơn quân Mông Cổ khi Thoát Hoan, hoàng thái tử Mông Cổ dẫn quân vào chiếm đóng thành Thăng Long!

Cuộc nổi loạn của nông dân miền Nam (1644) dưới sự lãnh đạo của Lí Tự Thành (Li Zi-cheng) đã lấy được Bắc Kinh và đuổi Minh đế ra khỏi cung điện, thì quân Mãn Châu, gốc Ruzhen (Nhục-chi) được các tướng Nhà Minh mở cửa ải của Trường-thành để triệu vào dẹp loạn giúp. Loạn dẹp xong thì rợ Mãn Châu ở lại, lập ra Nhà Thanh trên toàn cõi Trung Quốc. Một lần lần nữa, dân du mục lại thắng nông dân; Trung Quốc bị đặt dưới quyền của hai mươi bốn tù trưởng Mãn gọi là nhị thập tứ kì, cho đến khi các tầu chiến và súng ống của Âu Châu đến và biến Trung Quốc, theo lời Tôn Văn viết trong sách Tam Dân Chủ Nghĩa, thành một "siêu thuộc địa" của các nước Tây phương. Lịch sử đã giở sang một trang khác.

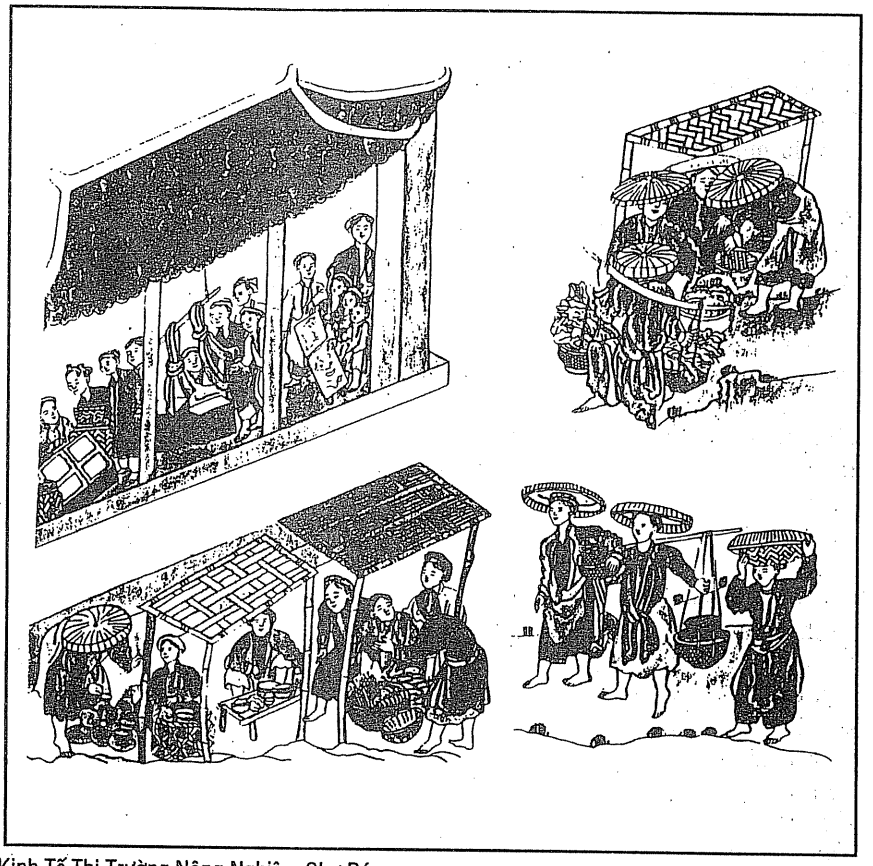

Kinh Tế Thị Trường Nông Nghiệp: Chợ Búa

Sự gián đoạn và đấu tranh giữa dân du mục du canh và dân nông nghiệp định cư xẩy ra ở khắp rìa của trung-vực châu Asia. Cái vựa nông nghiệp Trung Hoa là vựa lớn, chịu áp lực nặng của các rợ nuôi chó và ngựa ở những đồng cỏ bát ngát miền tây và miền bắc. Vựa phương nam là bán đảo Đông Dương Việt Nam là phần bìa của vựa. Ngoài áp lực nặng nề của dân Trung Quốc đã phải phát triển dần về phương nam để trốn chạy cướp bóc xâm lăng ở phía bắc dồn xuống, Việt Nam đã phải chịu những công phá và tặc phỉ ở bìa nam. Giặc bắc thì cưỡi ngựa, giặc nam thì đi thuyền. Ngày xưa, Khổng Tử bảo với môn đồ rằng, "Người Bắc phương tài cưỡi ngựa, người Nam phương tài bơi thuyền." Câu nói này còn đúng hơn gấp bội với những giặc cướp ở ngoài biên. Họ đều là dân du mục. Ở các đảo và bán đảo Nam Dương họ sống bằng nghề chài lưới, tương đương với sự nhặt vặt của thời đá đập trên đất liền. Nhưng vì biển cả là một cái vựa cá vô cùng tận cho đến ngày nay, nên ngư nghiệp chưa cần tích cực chuyển sang giai đoạn chăn nuôi trồng trọt. Tuy nhiên, dân đánh cá cũng cần cơm gạo và những nhu yếu phẩm khác mà họ không sản xuất được. Thèm muốn những thứ ấy ở những vùng nông nghiệp trù phú, họ tổ chức việc đánh cướp.

Trong thời tiền sử, miền nam của bán đảo Đông Dương là lãnh vực cướp bóc của những phỉ tặc thuộc một đảng mang danh là Vinaya. Trên bộ, chúng chôn những bia đá để đánh dấu vết chân của chúng và những bia này đã được thấy từ đảo Java lên đến Miến Điện ngày nay qua Mã Lai, Thái Lan. Biển không giữ lại dấu tích trên sóng. Nhưng tang vật về sự có

mặt của chúng vẫn còn, trong ngôn ngữ và trong máu của người, cho đến nay. Nhiều từ gốc tiền Mã Lai / Indonesia ngữ còn được thấy trong Việt ngữ, Thái ngữ và Madagascar ngữ (Malgache) ngoài những ngữ gốc là Chàm, Giarai, Mã, Indo-đảo và Tagalog ở Philippin *(Phi Luật Tân). Đặc biệt hơn nữa là *(huyết sắc tố) hemiglobin E, F: một loại hemeglobin bất thường mà sinh hóa học molecule tìm thấy khá nhiều ở dân bản xứ Mã Lai / Indonesia, hãy còn nhiều ở quần đảo Philippines, ở Thái Lan, ở đảo Madagascar bên rìa sông của *(Phi Châu) Africa, và có ở dân Chàm, Gia Rai, và dân sơn cước của cao nguyên Trung Việt.

Vào trong lịch sử, chúng ta đều biết, qua sử kí ghi chép những giao thiệp sóng gió giữa Việt Nam và Champa. Ngày nay nước Champa không còn nên cũng không cần nhắc lại những biến cố lịch sử ấy nữa. Nước Việt Nam ở miền Trung, từ Hà Tĩnh, Nghệ An trở vào cho đến Tuy Hòa, Qui Nhơn, đất cằn và hẹp, lại thêm gió mùa bão tố và lụt lội mỗi năm, nếu chỉ trông vào nghề nông cổ lỗ, không thay đổi đã hơn bốn ngàn năm, thì không thể nuôi nổi dân nhất là khi dân số tăng lên, sự sống càng chật chội đông đúc trên một rèm đất mỏng ở nơi góc bể chân trời của Châu Asia. Trong cảnh trí mới của thế giới, chúng ta, tự nhận là "con Rồng cháu Tiên" theo huyền thoại dân tộc, lại đã lấy hai Đạo Từ bi và Bác ái của nhân loại văn minh làm nếp sống tinh thần, cần phải hiểu những cái khó và khổ do khí hậu, địa lí và điều kiện lịch sử bầy ra và thương, giúp, cùng làm cùng hưởng với tất cả con dân của nước, không nhớ không nghĩ đến cái quá khứ đầu đau thương nhưng đã qua hẳn rồi; nhất là khi bình tâm mà tự xét thì cũng thấy rằng trong lịch sử, chúng ta cũng có những điều không đẹp, theo những hành vi chính trị mà ta nhận được của đế quốc Trung Hoa hay Pháp.

Vấn đề trọng đại nhất của nghìn năm tới
ĐẶT VẤN ĐỀ

Viết một cuốn sách là chấp nhận một thách thức.

Người ta không viết sách nếu không bị bận tâm-trí một cách liên tục trong nhiều năm bởi một thách-thức giằng co trong đầu óc làm mất sự bình thản của đời sống, phá sự nhàn-hạ ước-ao sau những ngày giờ làm việc trong những khuôn-khổ cố-định của nghề-nghiệp. Khởi sự viết là khi vấn-đề nó dằn vặt mình, khuấy động tâm-can mình, làm mình mất ngủ mất ăn, ám ảnh như cái bóng đen không bao giờ rời khỏi gót chân khi thức tỉnh, bỗng thành hình hẳn sừng sững trước mắt và như in trong óc khi lắng tâm hồn trong yên lặng. Khi ấy thì bắt đầu phải vào thư-viện, tìm những tài-liệu cũ lần sang những sách của những tác giả mà mình chưa đọc, tham khảo các người và các cơ-quan có thể giúp sự-kiện và ý-kiến mới, thảo luận và bàn tính với bằng-hữu, lão-sư, học-trò tìm tới những nhà trí-thức đã có công-trình hoặc đang suy tư về những vấn đề liên hệ, đò đường bằng một vài bài viết để hoặc đăng ở một tờ báo chuyên-môn, hoặc truyền tay đến vài nhà trí-thức hữu-tâm, gom góp tài-liệu đủ mặt, ghi chép các ý kiến và phản-ý-kiến, thu nhận các lời phê bình, rồi sắp-xếp, suy tư, lập thuyết, chứng minh, sửa sai, hoàn tất bản thảo...

Sự đặt vấn đề cho rõ và sự lập thuyết để từ đó suy luận, thử thách, mở rộng là hai giai đoạn then chốt.

Vấn đề chúng tôi đặt ra là:

Trái với sự tiến-hóa của các loài vật, loài người có sự tiến-bộ. Thế nào là sự tiến-bộ với loài người?

Mỗi bước tiến-bộ đáp ứng và nhằm vào giải quyết một khó khăn hay bế tắc tạo ra những đau khổ không thể chịu đựng được. Nhưng mỗi sự tiến-bộ tự nó lại tạo ra những đau-khổ mới dần dần đến những khó-khăn và bế-tắc mới. Làm thế nào để tránh hay, nếu không tránh được, giảm bớt những đau-khổ vô-ích?

Sau đó có một vấn đề phụ, hạn hẹp:

Đối với nước Việt-Nam và những nước chậm tiến (đang-mở-mang), có nhu-cầu sống-còn phải đốt giai đoạn trong sự tiến-bộ. Khi đó, sự cộng-hợp hay tích-lũy đau-khổ sẽ khủng-khiếp. Có cách nào để giải quyết vấn-đề để đỡ sự đau khổ cho nhân-dân không?

Có hi-vọng gì tiến dần đến sự bớt chênh lệch trong mức sống giữa các nhân-quần không?

Nói một cách thiết-thực rõ ràng hơn nữa bằng cách thu hẹp sự tiến-bộ vào diện kĩ-thuật, và chỉ trong ba giai-đoạn thôi.

Việt-Nam có thể nhanh chóng phát triển nông-nghiệp thành tân-tiến, cất cánh trong sự phát-triển kĩ-nghệ và tiến vào đời sống hậu-kĩ-nghệ với những đau-khổ tối-thiểu hay không? Bằng cách nào?

TỨ DÂN: CÔNG (Thợ mộc, rèn, nề, vẽ)

Nhiều người sẽ cho tôi là quá lo xa, quá bi quan, muốn làm to chuyện.

- Làm gì có chuyện đau khổ vì tiến-bộ? Tiến bộ bao giờ cũng hơn, tiến-bộ là tốt, tiến-bộ thì sung sướng. Tôi không nói ngược lại, tôi còn nói hơn thế nữa. Rằng ta cần phải tiến-bộ, không chấp nhận sự tiến-bộ là ngu, không tiến-bộ thì khổ, không tiến-bộ thì khó sống, và vì thế không ai cản ngăn được sự tiến-bộ. Là một người Việt-Nam, sinh ra và sống qua Bách kỉ thứ Hai Mươi ở chính cái góc bất yên nhất giữa Đông-Asia và Nam-Asia, tôi nghĩ rằng trong đó ít nhất là hai nghìn năm nay chúng ta không tiến hoặc chỉ tiến như người bò, và vì thế chúng ta đã sống và chết cực-nhọc, ngu-dốt, thiếu-thốn, nhục-nhằn như kẻ dưới, như nô-dịch, như tay sai, và muốn thoát ra cái cảnh, cái phận ấy, ta phải tiến, tiến nhanh nữa, tiến mãi-mãi, đốt giai đoạn mà đi lên, cắn răng chịu khổ mà chạy, mà trèo, mà leo, mà vọt lên cho mau, cho kịp.

Phương chi ở mỗi chặng đường và ở trước mặt của sự tiến-bộ là phẩm-chất, là đầy-đủ, là an-ninh, là yên ổn. Nhưng hạnh phúc chỉ có cho người biết cố gắng, bình-an chỉ đến với người biết kính nhường. Và chỉ có người biết lo xa tính trước mới hi vọng ít vấp váp, lầm lẫn và tránh được khổ đau, thất bại một phần nào.

Là vì có sự khổ đau trong sự tiến-bộ.

Trước hết là vì sự tiến-bộ bằng cách "thử-và-lầm" *(trial and error)* thông thường hơn là ta tưởng. Thử làm và nếu lầm thì sửa sai là phương pháp tự-nhiên của chủ nghĩa thiết-thực *(pragmatism)*. Người Mĩ và người Anh chủ trương làm việc theo cách này. Nhưng lầm thì phải đau khổ, đau khổ mới biết là mình lầm. Sửa sai cũng phải đau khổ. Sự đau khổ trong phương thức thử-và-lầm chỉ bớt đi nếu có sự tự-do gần như hoàn-toàn và không có sự trừng-phạt khi thất bại vì thử và lầm ngoài sự trừng-phạt tự nhiên vì những mất-mát thiệt-hại khi thất bại. Nếu có sự trừng-phạt bằng hình luật hay hành-chính thì sẽ làm trùng sự tiến-bộ.

Phương-pháp suy luận rồi tiến không hơn gì, đâu suy luận theo phép luận-lí *(logique)*, theo biện-chứng-pháp *(dialectique)* của Hegel hay/và của Marx (biện-chứng duy-vật chủ-nghĩa), theo phép *algorit,* hoặc theo thống kê, theo *chuỗi Markov,* theo phương-pháp *Monte-Carlo,* theo lí-thuyết đánh bạc *(game theory)* của Von Newman. Một số phương-pháp này đã được lắp vào computer. Pháp, Nga, Mĩ coi những phép này như lời truyền-phán ở *đền Delphi* cho dân thành Athen ngày xưa, hay lời *cầu-cơ* với một số nhỏ dân An-Nam đời nay. Kết-quả: 1940 với Pháp, 1975 ở Việt-Nam với Mĩ, 1990 với Liên-Sô; tuy không hẳn là kinh-doanh nhưng cũng như kinh-doanh, như cờ-bạc. Và đau-khổ nặng.

Tôi không nói đến những đau-khổ ấy. Cuốn sách này không có chỗ và tôi không có thì giờ để nói đến những đau-khổ ấy, những đau-khổ của thất-bại, của sai lầm và của sửa-sai. Tôi nói đến những đau-khổ lớn hơn là sự vỡ nợ và sự thua trận, là sự sụp-đổ chế-độ, là sự mất chủ-nghĩa.

Những đau-khổ ấy khổ hơn nữa là vì nếu biết thì ta tránh được và sự tiến-bộ sẽ có thể nhanh hơn gấp bội không bao giờ bị ngừng, với những hứa-hẹn hạnh phúc không thể ước mơ hơn được cho loài người.●

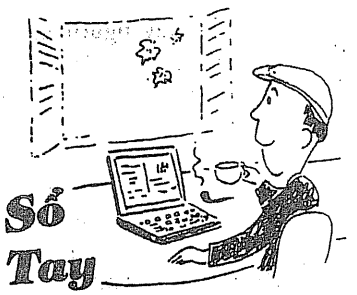

GẶP NGƯỜI MÌNH Ở ĐÔNG ÂU

Tháng trước chúng tôi không viết được bài một phần vì đi xa, ngoài những lý do khác. Nay xin kể chuyện đi xa để đền bù. Đã mười năm kể từ lần đầu tôi đi thăm mấy nước Đông Âu, năm nay trở lại vài nơi thấy đồng bào mình ở đó vẫn năng động, tháo vát hơn cả người bản xứ. Nhưng hầu như đa số bà con mình không thể nào hội nhập vào xã hội được, khác hẳn người Việt ở Bắc Mỹ là những xứ mới lập, những xứ của di dân. Khi tôi kể quốc trưởng Canada là một bà "xẩm" từ Hồng Kông di cư sang hồi bốn tuổi, nhiều người ngạc nhiên.

Chợ của người Việt là một hiện tượng đặc biệt Đông Âu. Hoàng Linh đã viết một bài về Chợ rất đặc biệt. Năm 1990 bước ra cửa nhà ga Dresden là thấy một rừng người Việt buôn bán, người mình chiếm một nửa con số những sạp hàng bán đủ thứ, từ băng nhạc Rock đến dụng cụ điện dùng trong nhà, cung cấp cho giới tiêu thụ ít tiền Đông Đức mới hội nhập vào kinh tế thị trường. Năm sau trở lại Praha lần thứ nhì tôi mới có bụng dạ đi mua sắm những áo quần làm ở Việt Nam mang sang bán ở chợ cũng toàn người Việt Nam.

Nhớ những người làm nghề thủ công tuyệt giỏi. Hồi xưa ở Tiệp nhiều đồng bào ta đem tiền ku-ron bằng đồng của Tiệp đập, kéo, đóng, uốn thành những chiếc nhẫn, bán giá hơn 20 ku-ron, vốn một đồng công 20 đồng. Bây giờ đã bỏ nghề này chuyển sang các nghề khá giả hơn. Tài giỏi nhất vẫn là nghề làm giấy tờ giả, bây giờ cũng bớt. Còn nhớ một thanh niên đưa tôi coi tấm Passport (hộ chiếu,) hỏi, "Chú thấy có gì là giả không nào?" Chịu thua, trang hộ chiếu nhẫn thín, chữ nghĩa thẳng băng, mực in rõ ràng. Anh bạn trẻ chỉ cho tôi một hàng chữ, nhìn kỹ thì thấy cái nền giấy của nó hơi hơi mỏng thật. Nhưng trong thị trường không phải chỉ có giấy giả, mà còn những chuyên gia bán cả một "bộ đồ nghề để làm giấy tờ giả." Giá hồi đó chỉ 200 đô la Mỹ, mua về rồi khéo tay một chút là có thể đi làm giấy giả, giúp bao nhiêu bà con sống hợp pháp, đi lại thong thả. Và tòa Đại sứ (gọi tắt là Sứ) biết nhưng nhắm mắt ăn chia, nhiều khi Sứ còn cạnh tranh làm thông hành giả bằng các mẫu giấy thật.

Nhưng nghề thủ công kiếm ra tiền và nguy hiểm nhất ở Nga là "đãi" computer lấy vàng. Máy tính ở Nga năm 1990 bắt đầu lỗi thời, bị phế thải. Bà con ta mua các mảnh về đem đun nấu sao đó, rút được lớp vàng mạ trong máy ra chế thành những cục vàng bằng cái bánh bèo. Tôi đã trông thấy người ta trao đổi những cục như vậy. Đưa nhau cả chục miếng vàng lấy tiền sau mà không cần giấy tờ nào hết. "Chú cứ nhìn thấy ở một cái ban công trên cao ốc một người đứng ngửa mặt lên trời, hai tay đưa lên như đang khấn vái, là chú biết anh ta đang hóa kim." Nhưng có người làm nghề đó rồi chết vì hơi độc do hóa chất dùng để "hóa kim." Có người chế vàng trong căn hộ ở cao ốc giữa mùa đông, làm thế nào để "ống khói" thoát hơi độc lọt hơi lên tầng trên, cả một gia đình người Nga chết trong một đêm. Cả ổ bị bể mánh, bắt cả lũ chạy mất bao nhiêu là tiền. Nhưng các nhà luyện kim người mình cũng bị bọn mafia bóc lột, chúng độc quyền mua máy tính cũ của quân đội và các công sở Nga, đem bán. Khi tiêu thụ vàng cũng phải dùng hệ thống phân phối của bọn mafia Nga, chúng chặn đầu chặn đuôi.

Ở Mát Cơ Va cho đến "Len" (St. Petersburg) có những tiến sĩ, phó tiến sĩ Việt Nam đứng bán hàng ở chợ, có những thanh niên chuyên xuất nhập cảng từ Việt Nam sang Nga và ngược lại. Ở Nga có lẽ là nơi dân mình bị bắt nạt tệ hại nhất. Bọn mafia Nga bóc lột, sứ quán bóc lột khi đi xin giấy tờ, và cảnh sát công an Nga làm tiền. Điểm đặc biệt là người Việt mình ở Nga gọi nhau là Cộng: "Kìa, chỗ kia có nhiều Cộng, mình tới hỏi thăm đi anh!" Hoặc: "Ở chợ đó cũng nhiều Cộng lắm anh ạ!" Hỏi tại sao lại gọi nhau là "Cộng" thì có nhiều giả thuyết, không ai biết chắc. Trước hết, người mình tránh dùng hai tiếng "Việt Nam" để gọi nhau, cho khỏi bị người ngoài chú ý - nhiều người Nga ghét Việt Nam lắm. Có người giải thích họ gọi nhau là Việt Cộng cho khác, sau bỏ bớt một tiếng chỉ còn "Cộng" cho gọn.

Ở Đông Âu giờ thấy ai cũng dùng cell phone, có cả hệ thống "riêng" để gọi đỡ tốn tiền. Máy bán rẻ, mua ở xứ này đem sang xứ khác đã có chuyên viên đổi mã số dùng được ngay - cũng người mình cả. Có người bảo nhiều chuyên viên của mình còn cải

tiến được cạc gọi điện thoại công cộng để dùng không bao giờ hết - cái này tôi chưa thấy. Nhưng một người ở Budapest bảo tôi là dùng cell phone gọi đi ngoại quốc rẻ hơn dùng cạc, gọi trong thành phố thì cạc rẻ hơn. Anh bạn bảo tôi muốn gọi về nhà thì anh cho mượn cell phone. Trước hết, anh gọi cho một người bạn Việt Nam mà anh giới thiệu đang làm cho công ty điện thoại, ra lệnh: "mày cho tao gọi về Canada một cái nhé." Một lúc, người kia gọi lại, nói "được rồi đấy, ông gọi đi." Tôi sử dụng, dùng xong anh bạn nói với chuyên viên ở đầu kia: "Xong rồi, bao nhiêu phút, mười tám phút hả? Tính với tao sau nhé!" Nhất định không lấy tiền của tôi.

Tại Wien tôi gặp các cháu Kiều, Hà Thu, Hùng và Su, mỗi người trên tay cái điện thoại cell phone, cả buổi chiều ngồi thuyền trên sông Danau gọi tới tấp đánh cá giải Euro 2000. Khi tôi đi dạo phố một mình các cháu bắt tôi mang theo một cái điện thoại bỏ túi, chỉ cho tôi cách dùng, để tiện khi bị lạc thì gọi. Vừa mới hai mươi phút Kiều đã gọi, "Chú đang ở đâu rồi?" "Mới lên Stephan Platz, đang tới nhà Le Figaro của Mozart." Nghe xong tôi tắt máy, bấm nút sai thế nào mà lần sau các cháu gọi không biết bấm chỗ nào cho máy chạy để nghe nữa, cứ bấm thì lại chỉ nghe thấy tiếng mình "alô", mà muốn gọi về cũng không được. Tôi không có khiếu về máy móc. Nhưng cũng về kịp để coi hiệp nhì và hiệp phụ của trận chung kết Pháp-Ý. Khi đi thăm mấy ngôi mộ nhạc sĩ, có tượng có đài kỷ niệm Mozart ở giữa, trông giống như mộ (Không ai biết mộ thật của Mozart ở đâu). Kiều kể chuyện có lần đưa một ông Tổng giám đốc công ty gì đó từ Việt Nam qua tham quan, ông thấy mộ Brahms thì có hình đầu một ông râu xồm, mộ Shubert là một ông đeo kính, mà trên "mộ" Mozart lại có hình một nàng thơ rất xinh, suy nghĩ mãi rồi ông ta hỏi: "Thế Mozart là đàn bà hay đàn ông?" Sau mấy ngày trở lại Wien đi thăm nhà Beethoven xong tôi gọi về gặp Thu, nghe hỏi ngay: "Chú ăn cơm chưa?" Thế là được một bữa cơm Việt Nam ở xứ người. Sau Kiều viết email: Chúng cháu gặp chú lần đầu mà thấy như người nhà. Thì người mình cả mà, có ai là người ngoài.

Hungary là xứ người Việt mình cũng gọi nhau là Cộng. Anh muốn đi ăn cơm Tây, cơm Tầu hay cơm Cộng? Khắp Đông Âu nói đến Tây tức là nói người bản xứ, da trắng. Đi thăm khu vườn bầy các pho tượng thời cộng sản cũ, đọc cho Linh nghe câu thơ Thanh Tâm Tuyền viết sau cách mạng 1956 ở Budapest: "Hãy cho anh khóc bằng mắt em, những cuộc tình duyên Budapest - Anh một trái tim em một trái tim, chúng kéo đầy đường chiến xa đại bác. Tượng hai nhà thơ Hung ở bên bờ sông Duna."

Lại nói chuyện làm ăn buôn bán. Riêng thành phố Budapest cũng có bốn năm khu chợ đầy cửa hàng người Việt Nam. Chính nhờ hệ thống các chợ đó mà tôi tìm ra một người cháu ruột. Hoàng Linh đưa tôi đi thăm đền đài cung điện xong dẫn ra chợ. Tôi hỏi Bác sĩ Như, đang trông coi cửa hàng giúp con gái, hỏi chị có biết anh Huân ngày xưa học ở Hung hay không? Chị nhớ tên, gọi điện thoại năm bẩy chỗ hỏi số điện thoại của Huân. Không được, chị đưa tôi đến một khu chợ Việt, chỗ đó ngày xưa Huân hay tới. Hỏi mấy người đang ngồi ở lề đường tán gẫu: Anh biết số điện thoại của anh Huân hay không? Người này chỉ tay: Chị ra hỏi thằng Biên, cái thằng cởi trần ngồi kia kìa. Đi tới góc phố, ba bốn người đánh cờ tướng và chầu rìa, chị Như hỏi: Anh là anh Biên ạ? Vâng, tôi. Anh có biết số điện thoại mới của anh Huân không ạ, có người họ hàng ở Canada sang tìm. Người đàn ông cởi trần đọc liền sáu bẩy con số, tôi ghi vội vào đầu. Chị Như mở điện thoại cell phone ra để gọi. Tôi hỏi: Tại sao chị không quen biết gì anh ấy mà chỉ hỏi một câu anh ấy cho ngay số điện thoại của một người, mà người đó không chắc chị đã quen nhỉ? Ở bên Mỹ không ai cho nhau số điện thoại người khác như vậy cả! À, ở đây chúng tôi tin nhau như vậy đó. Tôi nghĩ người mình ở Hung quanh quẩn có mấy ngàn người, ai rồi cũng biết nhau, người ta sống như trong một làng. Khác hẳn ở Cali hay ở Paris người Việt mình toàn người hàng phố!

Thế là chú cháu tôi gặp nhau, mà từ khi cháu sinh ra, tức là 50 năm nay tôi chưa hề gặp mặt. Huân là người Việt duy nhất mà tôi đã gặp mang quốc tịch Hungary. Tôi đến nhà, thấy bàn thờ anh và chị dâu, tôi thắp hương lễ, khấn. Bao nhiêu năm nay mới được lễ anh chị. Tôi được ôm đứa cháu bé hai tuổi, nhớ ông nội của cháu ngày xưa nhân ngày Tết bảo tôi làm thơ khai bút, đó là bài thơ đầu tiên tôi viết trong đời, tả cảnh chạy loạn. Tôi bảo cháu Huân: Anh Nghĩa nói trông chú giống bố cháu như hệt, cứ nhìn chú cháu có thể hình dung nếu bố còn sống thì mặt mũi thế nào.

Cháu đáp: Anh Nghĩa giỏi nhất họ mình chú ạ, chính anh ấy rủ bố cháu đi kháng chiến. Anh tôi đã hy sinh từ khi cháu mới hai tuổi.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Ngày Thứ Năm 20 tháng Bẩy Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Sài Gòn mở cửa, nhưng không mua bán gì cả, hẹn mười ngày sau. Không biết tại sao phải mở cửa, khi chưa sẵn sàng? Một bản tin ngoại quốc lúc đầu loan báo Trung tâm sẽ mua bán các trái phiếu của chính phủ, của các ngân hàng quốc doanh, và các cổ phần của "cả hai công ty đã ghi tên."

Thị trường chứng khoán mà chỉ có hai cổ phần để công chúng mua bán thì "riễu thật!" Vỏn vẹn hai cổ phần thì mua bán cái gì? Không bõ dính răng! (Xin coi chú thích về từ ngữ cổ phần và cổ phiếu.) Nhưng hai cổ phần cũng được đi, có còn hơn không! Vì đây cũng là bước nhẩy vọt của một chế độ cộng sản. Nhẩy chậm cũng còn hơn không! Rồi chưa mở cửa số cổ phần ghi tên đã tăng gấp đôi, từ hai lên đến bốn cổ phần, tiến nhanh như vậy cũng là vượt chỉ tiêu!

Thị trường chứng khoán là thị trường của các thứ thị trường. Nền kinh tế tư bản dựa trên các quyết định sản xuất, mua bán, tiêu thụ của tư nhân, họ gặp nhau ở "Chợ," chữ Hán gọi là "thị trường" để trao đổi một cách tự do, thuận mua vừa bán. Có thị trường mua bán sản vật. Có các cửa tiệm để mua bán dịch vụ. Và có thị trường Nhân Dụng (cái tên này suýt nữa phải đổi vì không còn ý nghĩa, may được dùng lại) là nơi người ta bán sức lực, khả năng, trí khôn, hiểu biết, v.v. Cứ mở tờ báo ra đọc tin "tìm người làm việc" và "tìm việc làm" thì thấy đó là thị trường nhân dụng.

Nhưng kinh tế tư bản chạy là nhờ tiền vốn tích lũy của những người để dành, đem cho vay hoặc đem góp vốn làm ăn may nhờ rủi chịu. Vốn, chữ Hán gọi là tư bản, người có vốn gọi là nhà tư bản, sinh hoạt kinh tế chạy nhờ tư nhân tích lũy vốn làm ăn thì gọi là kinh tế tư bản. Và cái thị trường chứng khoán, để người ta tới đó mua bán những chứng chỉ làm chủ trái phiếu (chủ nợ) hay chủ cổ phiếu (chủ vốn) là trái tim của kinh tế tư bản. Nếu nó chạy thì cả nền kinh tế chạy, nó hữu hiệu thì kinh tế cũng có hiệu năng hơn.

Một thị trường có hiệu năng khi có tự do cạnh tranh đích thực, không ai gian lận được, giá cả chứng khoán phản ảnh những tin tức về triển vọng của công ty phát hành nó. Khi giá cả chứng khoán lên xuống thì ban quản đốc các công ty biết việc quản trị của họ có được hoan nghênh hay không, mà đồng tiền của công chúng cũng biết chạy đi tìm chỗ nào có những người biết dùng tiền vào việc sản xuất sinh lợi cao nhất so với mức độ may rủi. Thường vì họ sản xuất ra những thứ được nhiều người ưa chuộng nhất. Một thị trường chứng khoán hữu hiệu khi chuyển tiền góp nhặt dành dụm của bao nhiêu người, đem dùng vào hoạt động kinh tế có ích lợi nhất. Khác hẳn lối làm ăn của nhà nước, đem tiền của dân đưa cho những tay ăn hại dùng, đi làm toàn những trò vô ích.

Vì thế thị trường chứng khoán là mẹ của các thị trường, là trái tim của kinh tế tư bản! Tiền vốn chạy qua thị trường cũng như máu được trái tim bơm đi nuôi cả nền kinh tế, cũng như xăng dầu chẩy qua động cơ cho cái xe chạy.

Những người mua cổ phiếu trở thành chủ nhân của các công ty, là chủ các phương tiện sản xuất, theo đúng nghĩa phải gọi là các nhà tư bản. Vì vậy mở thị trường chứng khoán là khuyến khích mọi người trở thành nhà tư bản, không khác gì mở cửa hàng nước mắm tức là xúi người ta "ăn mặn" theo nghĩa đen và nghĩa bóng.

Chú Thích: Cổ phần là những phần vốn của một công ty, như vốn của công REE ở Sài Gòn được chia ra làm 1.5 triệu cổ phần, mỗi cổ phần định giá là 100 ngàn đồng. Một công ty đủ điều kiện thì được ghi tên để cổ phần của công ty đó được mua bán trên thị trường chứng khoán. Thường các điều kiện kinh tế là công ty đủ lớn, có thành tích cho công chúng thèm mua, số cổ phần đem bán phải lớn cho người ta tham gia, v.v. Người ta có thể nói công ty REE được ghi tên, hoặc nói cổ phần REE được ghi tên cũng vậy. Cổ phiếu là tờ giấy chứng nhận làm chủ một cổ phần, nay không dùng giấy nữa mà dùng máy điện toán, nhưng ý nghĩa cụ thể không khác. Người ta thường dùng hai tiếng đó lẫn với nhau, nhưng khi cần thì nên phân biệt. Người Việt Nam còn phải làm quen với ngôn ngữ của kinh tế tư bản. Đặc biệt là ngôn ngữ của thị trường chứng khoán ở Việt Nam bây giờ cũng theo lối Sài Gòn, gọi là "ghi tên" chứ không dùng chữ "đăng ký" nữa. Chắc vì nghe hai chữ cũ đó nó gắn liền với Chủ nghĩa Xã hội, bà con nghe ghê ghê không dám mua bán gì nữa,

sợ lại bị ông Đỗ Mười đánh tư sản!

KINH TẾ LỐI MỸ, KHÔNG CẦN SỐNG LỐI MỸ

Khi nghe tin Trung tâm Giao dịch Chứng khoán mở ra ở Sài Gòn, chúng ta có thể coi như một khẩu hiệu mới kéo lên trước tòa nhà từng được mang tên Diên Hồng, trụ sở của Thượng viện Việt Nam Cộng Hòa ngày xưa: Từ giã Chủ nghĩa Xã hội, Tiến tới kinh tế thị trường (còn gọi là Kinh tế Tư bản!)

Việc thí nghiệm thị trường chứng khoán ở Sài Gòn đáng chú ý vì đảng Cộng Sản Việt Nam đã đặt thêm cho nó cái tên "Thành phố Hồ Chí Minh". Ông Hồ Chí Minh từng tuyên bố "trong tương lai cả thế giới sẽ theo Chủ nghĩa Xã hội, điều này chắc chắn, rõ ràng như mặt trời mọc ở phương Đông vậy!" Đem một định chế của kinh tế tư bản đặt giữa "Thành phố mang tên Bác" là một hành động đầy ý nghĩa!

Khuynh hướng cả thế giới bây giờ là thị trường hóa nền kinh tế, nói cách khác, làm kinh tế theo lối tư bản. Không những thế, trước đây còn có nhiều lối làm kinh tế tư bản, như lối Nhật, lối Đức khác với lối Anh-Mỹ, nay thì cả thế giới đang dần dần làm theo lối Mỹ hết! Bao nhiêu năm "chống Mỹ" bây giờ theo Mỹ, đó cũng là một cuộc đổi đời đáng chú ý nữa!

Làm tư bản lối Mỹ khác lối Nhật hay Đức như thế nào? Nói chung, kinh tế Mỹ dựa trên thị trường nhiều hơn, các thị trường vốn và thị trường nhân dụng đều cởi mở, linh động. Còn kinh tế Nhật thì dựa trên sự thỏa hiệp giữa giới tư bản ngân hàng và chủ xí nghiệp với chính quyền nhiều hơn. Nhiều quyết định đầu tư do các thỏa hiệp của ba giới đó chứ không phải do thị trường quyết định. Kinh tế Đức nghiêng theo Chủ nghĩa Xã hội hơn, hạn chế quyền quyết định của các nhà tư bản, bảo vệ giới lao động rất chặt chẽ.

Nền kinh tế Đức trước đây dựa trên sự thỏa hiệp của các ngân hàng, các công ty và giới lao động, trong một thứ "Hợp đồng Xã hội" từ sau Đại chiến thứ hai. Việc gây vốn phần lớn do các ngân hàng lo. Khi cho các công ty vay thì ngân hàng cũng dựa trên tình quen biết. Các ngân hàng Đức làm chủ nhiều cổ phần trong các xí nghiệp, các xí nghiệp làm chủ cổ phần lẫn của nhau. Những xí nghiệp cỡ trung trở lên đều phải dành chỗ cho công đoàn trong Hội đồng quản trị, việc sa thải công nhân khó khăn.

Tháng trước, chính phủ Đức đưa ra luật lệ mới về thuế khóa, xóa bỏ nhiều phần hệ thống đó, để thị trường vốn giống Anh-Mỹ hơn! Giảm thuế lợi tức cá nhân cũng như thuế lợi nhuận của các công ty. Thuế đánh các công ty năm tới khoảng 38% so với 56% năm 1998, thấp hơn mức thuế trung bình 41% ở Mỹ, 43% ở Nhật. Chính phủ Đức sẽ dần dần bãi bỏ thuế đánh trên tiền lời đầu tư của các xí nghiệp hay ngân hàng khi mua rồi bán cổ phần của các xí nghiệp khác, nhờ thế sẽ cởi trói cho rất nhiều món tiền vốn đang bị đọng. Nhiều cổ phần sẽ được tung ra bán trong thị trường chứng khoán giúp cho thị trường vốn lưu hoạt, di chuyển vốn nhanh chóng hơn. Điều đáng chú ý là chính phủ Đức hiện nay do đảng Dân Chủ Xã hội cầm đầu, nhưng họ cải tổ thuế vụ để cho thị trường hoạt động mạnh hơn, nghĩa là "tư bản" hơn!

Còn ở Nhật, tháng trước chính phủ đành tâm để cho một xí nghiệp bán lẻ lớn bậc nhất nước tuyên bố phá sản. Năm ngoái chính phủ Nhật cũng đã chịu bó thay để cho những ngân hàng lớn và các công ty chứng khoán lớn đóng cửa. Xưa nay, khi một ngân hàng hay xí nghiệp lớn như vậy mà lâm nguy thì chính phủ Nhật Bản thường cứu chữa. Cứu chữa nghĩa là dùng tiền công quỹ để giúp cho xí nghiệp tồn tại, nhân danh nhu cầu bảo vệ việc làm cho các nhân viên mặc dù nó làm ăn sai, thất bại. Làm như vậy thì rất nhân đạo, nhưng cứ làm như vậy mãi thì lâu ngày sẽ chỉ tốn tiền công quỹ, tức là tiền của toàn dân, của người đóng thuế, trong khi lại khuyến khích những xí nghiệp làm ăn không hiệu quả. Quyết định bỏ rơi công ty Sogo là do áp lực của chính dân chúng Nhật nên chính phủ đành chịu. Vì sao dân Nhật lại chịu bãi bỏ cái "hợp đồng xã hội cũ" của họ? Vì tốn tiền quá, và họ cũng sợ chính phủ cứ khiếm hụt ngân sách dài dài, chỉ có dân è cổ ra đóng thuế. Vụ Sogo phá sản chỉ là một thí dụ cho thấy người Nhật đang thay đổi. Họ cũng sẽ bỏ những thói quen dùng nhà nước để điều khiển nền kinh tế. Các ngân hàng đã chứng tỏ sự bất lực của họ, từ nay để thị trường quyết định. Trong thị trường người tham dự có thể vô danh, không như khi các viên chức chính phủ, các ngân hàng và xí nghiệp cùng nhau chia sẻ quyền quyết định cho cả trăm triệu người.

Hai thí dụ ở Đức và Nhật cho thấy kinh tế tư bản bây giờ càng ngày càng giống nhau, và càng giống Mỹ! Kinh tế Nhật, Đức (và các nước mô

phỏng họ như Đại Hàn) dựa trên các ngân hàng và nhà nước, kinh tế Mỹ dựa trên thị trường tài chánh. Không ai muốn thiên vị hệ thống tư bản Mỹ, chẳng qua là hệ thống đó chạy tốt nên nhiều người bắt chước. Chúng ta có thể ghét lối sống của người Mỹ, chê bai hệ thống xã hội Mỹ, nhưng trong đời sống kinh tế thì phải nhìn và so sánh hiệu quả. Phải coi hệ thống nào tạo ra nhiều của cải cho nhiều người hơn.

Việc lập thị trường chứng khoán ở Việt Nam sẽ đưa nước ta dần dần bước vào quỹ đạo kinh tế tư bản toàn cầu, sớm hay muộn nhưng không tránh được. Và tư bản thế giới thì đang dần dần bị Mỹ hóa, điều đó cũng không chối cãi được. Nó không rõ ràng chắc chắn như mặt trời mọc ở phương Đông, vì kinh tế tư bản không phải là một tôn giáo, không phải là "mặt trời chân lý chói qua tim." Hệ thống kinh tế chỉ là một phương tiện. Cứu cánh của đời sống là sống hạnh phúc chứ không phải là làm giầu, người Mỹ họ cũng biết như vậy. Các nước Âu, Á mô phỏng hệ thống kinh tế Mỹ chỉ vì nó hữu hiệu, chứ họ cũng không muốn mô phỏng lối sống như Mỹ đâu. Loài người sẽ phải sống theo nhiều cách, trăm hoa đua nở thì mới đáng sống.

Chỉ sợ những người hô hào "chống Mỹ" hăng nhất đến lúc quay đầu chuyển hướng lại "theo Mỹ" quá trớn mà thôi!

TRANH CỬ MỘT CÁCH LỊCH SỰ

Tháng này có đại hội của hai đảng để suy cử ứng cử viên tổng thống. Đảng Cộng Hòa họp trước ở Philadelphia rồi đảng Dân Chủ sẽ họp ở Los Angeles. Nhưng bàn dân thiên hạ đều biết hai đảng sẽ chọn ai ra ứng cử rồi: George W. Bush chắc sẽ đại diện đảng Cộng Hòa và Al Gore bên Dân Chủ. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử cả hai đảng chọn tổ chức đại hội ở một thành phố mà đảng đối thủ đang nắm quyền thị trưởng.

Thị trưởng nào cũng muốn lôi kéo các đảng về họp đại hội, để tăng hoa lợi nhờ mấy chục ngàn người kéo về đóng vai du khách. Và cả nước sẽ phải chú ý đến thành phố mình, quảng cáo khỏi trả tiền.

Khi đảng Cộng Hòa chọn họp ở thành phố Philadelphia thì thị trưởng Ed Rendell là một người thuộc đảng Dân Chủ, mà nay ông Rendell được ông Clinton mời làm Chủ tịch Ủy ban Toàn quốc đảng Dân Chủ (DNC), chánh văn phòng của ông là David Cohen đã được bầu lên thay, cũng thuộc đảng Dân Chủ. Còn khi đảng Dân Chủ chọn thành phố Los Angeles làm chỗ họp, thị trưởng ở đó là ông Richard Riordan lại thuộc đảng Cộng Hòa!

Ông Rendell đã hứa sẽ giúp Ủy ban Toàn quốc đảng Cộng Hòa (RNC) gây quỹ được đủ 52 triệu Mỹ kim. Và hiện nay đương kim thị trưởng Cohen đang cố giữ lời hứa đó. Còn thị trưởng Los, ông Riordan cũng hứa giúp DNC (đảng Dân Chủ) gây quỹ được 40 triệu, mà gần đây chỉ tiêu đó coi bộ rất khó đạt, có người thuyết phục ông Riordan hãy bỏ tiền túi một triệu ra giúp, như ông đã hứa.

Nhưng khó khăn lớn nhất của các ông thị trưởng là khi họ phải đọc diễn văn chào mừng, chúc tụng trong các bữa tiệc gây quỹ của đảng đối thủ. Sau khi ông Riordan đọc bài giới thiệu Tổng thống Clinton nồng nhiệt trong một bữa cơm trưa gây quỹ cho đại hội, ông bị nhiều người thuộc đảng Cộng Hòa gọi điện thoại la lối rằng ông nối giáo cho địch! Mà nếu ứng cử viên Al Gore của đảng Dân Chủ chiếm được Tòa Bạch ốc, thì tương lai chính trị của ông Riordan cũng bị lung lay!

Những chuyện trên cho thấy các nhà chính trị có khi cũng đủ tinh thần thượng võ. Khi lôi cuốn một đảng về họp đại hội ở thành phố mình, các ông thị trưởng chỉ nghĩ đến quyền lợi của thành phố, quyền lợi đảng trở thành thứ yếu, cả quyền lợi chính trị cá nhân cũng bị hy sinh. Và khi bắt được "mối hàng" lớn về cho thành phố mình rồi thì họ giữ lời hứa giúp đỡ, dù đảng họ vẫn đang lo đánh bại đối thủ.

Thành phố Philadelphia còn đặc biệt là một trung tâm kỹ nghệ lâu đời, nơi các công đoàn rất mạnh, mà các công đoàn thì thường chống đảng Cộng Hòa. Sẽ có đầy đoàn viên các công đoàn đến làm việc cho đại hội đảng Cộng Hòa, tính ra khoảng 100 ngàn giờ công.

Một bữa gần đây các nhà chính trị đảng Cộng Hòa đang dự bữa ăn tối để bàn việc tổ chức đại hội thì thấy có những công nhân đang cầm biểu ngữ đi qua lại ngoài đường, trông cứ như biểu tình, đình công. Chạy ra nhìn kỹ thì thấy các công nhân đang cầm khẩu hiệu "Nghiệp đoàn khách sạn và hàng ăn, khu 42 hoan nghênh đại hội đảng Cộng Hòa năm 2000!" Nghiệp đoàn này thuộc công đoàn xây cất, một thủ lãnh, ông Gillespie cho biết nhiều công nhân sẽ mặc áo thung chữ T (T-shirt) với hàng chữ "đảng viên Cộng Hòa trong một tuần" trong thời gian đại hội.●

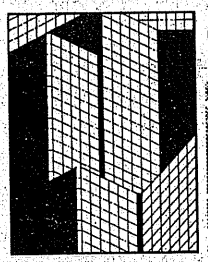

Đời sống quanh ta

BÀ JOANNE KATHLEEN ROWLING VỚI LOẠT TRUYỆN THIẾU NHI "HARRY POTTER"

THANH THẢO

Từ nhiều thế hệ và trong nhiều xã hội, nghề viết văn ít khi đem lại cho tác giả phần đền bồi xứng đáng về tài chính. Tuy nhiên, một sự kiện vừa xảy ra tuần trước đã chứng tỏ ngược lại điều đó. Không những giúp vượt qua được khó khăn tài chính, mà nghề viết văn đã đem lại cho tác giả Joanne Kathleen Rowling, người Anh, một lợi nhuận khổng lồ, chưa kể đến giải thưởng danh dự Order of the British Empire, và còn hàng trăm khoản tiền khác từ đủ loại sản phẩm và phim ảnh... Loạt truyện phiêu lưu thiếu nhi của Joanne Kathleen với nhân vật Harry Potter bây giờ không còn lạ gì với độc giả trẻ thơ nữa.

Vào trưa thứ Bảy ngày 8 tháng 7 vừa qua Thanh Thảo cũng đã thi hành nhiệm vụ của một người mẹ theo lời yêu cầu khẩn khoản của các con, kiên nhẫn đứng xếp hàng tại tiệm sách Barnes & Nobles đợi mua loạt truyện này. Cùng đứng xếp hàng với nhiều bậc phụ huynh khác, Thanh Thảo và họ đã đồng ý rằng giá sách 25 Mỹ kim cho quyển thứ tư và 20 mỹ kim mỗi quyển cho ba quyển truyện trước tuy có đắt nhưng chắc chắn là hơn hẳn việc mua những trò chơi điện tử. Chưa kể, làm thế nào quí vị có thể khuyến khích các em đọc sách một cách say mê và lý thú nếu tự các em không cảm thấy bị lôi cuốn vì nội dung cuốn sách đó. Nhất là nội dung lành mạnh và có những bài học đạo đức. Mùa Hè là mùa phụ huynh lo ngại vì sợ con em có quá nhiều thời giờ sẽ bỏ hết vào những trò chơi điện tử thịnh hành, thế nên loạt truyện Harry Potter đã giải tỏa phần nào sự lo lắng của phụ huynh. Nhưng Harry Potter là nhân vật như thế nào và tác giả loạt truyện này đã tạo nhân vật trong tình huống ra sao?

Theo bài phỏng vấn đặc biệt của phóng viên Malcolm Jones, thuộc tạp chí Newsweek, số phát hành ngày 10 tháng 7 năm 2000, bà Joanne Kathleen Rowling nguyên là một giáo viên với cuộc sống chật vật tại Edinburgh, ngoại ô London, Anh Quốc. Khi còn độc thân bà đã phải đón xe lửa đi làm. Năm 1990, trên một chuyến xe bị kẹt đường từ Manchester đi London, mệt mỏi, bà nhìn ra cửa sổ để giải tỏa tầm mắt, và trên cánh đồng ngô vàng bát ngát, bà bỗng tưởng tượng ra một nhân vật trẻ thơ có phép lạ và khả năng biến hóa khác người thường. Nhân vật đó hiện rõ nét đến nỗi bà có thể ghi lại hình dáng, nụ cười , ngay cả một vết thẹo trên trán do một phép phù thủy để lại... Đó chính là nhân vật Harry Potter, một nhân vật thần thông trong câu chuyện thần thoại thời đại. Tuy nhiên, bà chỉ ghi chép, rồi cất kỹ những chi tiết này trong hồ sơ truyện của mình nhiều năm mà không làm gì với nhân vật này hết. Từ năm 1991 cho đến năm 1994, bà dạy học tại Bồ Đào Nha, và trong nhiều lần nhớ đến câu chuyện thần thoại còn đang suy nghĩ dở dang, bà lại ghi chép những ý tưởng thành một loạt truyện, nhưng cũng chưa viết cho xong. Thời gian này bà đã lập gia đình với một người làm phóng viên ngành truyền hình và sinh một bé gái tên Jessica.

Năm 1994, bà ly dị chồng, thất nghiệp, phải nuôi con nhỏ. Trong những buổi trưa khi trông con ngủ trong nôi, bà đã ngồi trong quán cà phê tại Edinburgh viết tay nguệch ngoạc cốt truyện Harry Potter trên giấy, và không biết tương lai hai mẹ con sẽ đi về đâu. Truyện phiêu lưu của nhân vật thần thoại thời đại Harry Potter chính là lối thoát cần thiết lúc bấy giờ đối với bà Joanne Kathleen Rowling vì sự lo lắng triền miên về tài chính. Sau khi hoàn tất vài chương đầu, bà đã được một nhà xuất bản tại Anh trả trước tiền đặt viết là 3,300 Mỹ kim để hoàn tất bản thảo cho quyển truyện đầu mang tên "Harry Potter and the Sorcerer's Stone." Cốt truyện nói về sự bất lực của con người, nhất là trẻ thơ trước cuộc sống, cho đến khi Harry Potter khám phá ra mình có sức biến hóa siêu phàm. Vào

lúc này, năm 1995, bà Joanne Kathleen Rowling cho biết vì nghèo nên thay vì làm photocopy bản thảo, bà đã phải ngồi đánh máy lại toàn bộ quyển truyện trước khi gửi cho nhà xuất bản. Bà có ngờ đâu quyển truyện đầu tay này đã bán được 150 ngàn ấn bản tính đến năm 1997. Thế là bà được đặt trước để viết những quyển kế tiếp. Quyển hai mang tên "Harry Potter and the Chamber of Secrets," quyển ba là "Harry Potter and the Prisoner of Azkaban" và quyển truyện thứ tư, "Harry Potter and the Goblet of Fire" mới vừa được đồng xuất bản ngày 8 tháng 7, tại Anh do nhà xuất bản Bloomsbury và tại Mỹ do nhà xuất bản Scholastic, với số ấn bản đầu tiên chưa bao giờ có trong lịch sử phát hành truyện: 3 triệu 800 ngàn quyển tại Mỹ và 1 triệu 500 ngàn quyển tại Anh. Một điều đáng ghi lại là vì thành công trong việc giữ hoàn toàn bí mật nội dung quyển truyện thứ tư, vào lúc sau 12 giờ đêm ngày thứ bảy 8 tháng 7, truyện đã được phát hành cùng lúc tại nhiều nơi, và đã có nhiều tiệm sách mở cửa đến một giờ sáng để bán cho những độc giả tí hon và phụ huynh xếp hàng đợi. Chưa kể còn khoảng 283 ngàn đơn đặt mua trên mạng lưới điện toán tại vị trí của Amazon.com khoảng một tuần trước ngày phát hành sách. Thêm vào đó là sản phẩm truyện đọc thành băng cassette, hay audio book với 180 ngàn cuộn băng được phát hành cùng ngày do công ty Random House / Listening Library phụ trách. Với ấn bản lần đầu, bà Joanne Kathleen Rowling sẽ nhận khoảng 10 triệu Mỹ kim tiền tác quyền. Những hợp đồng mua trọn quyền soạn và sản xuất phim của cả bộ truyện này do Warner Bros. mua và tiền tác quyền trên những sản phẩm thường dùng là những con số khổng lồ không được tiết lộ.

Bà Joanne Kathleen Rowling

Khi được hỏi về giá trị luân lý của loạt truyện, bà Joanne Kathleen Rowling cho biết truyện có giá trị đạo đức nhưng đủ nhẹ nhàng để thu hút giới trẻ hơn là những bài học triết lý khô khan. Và vì ý truyện đã khởi đầu như thế, những quyển truyện sau trong loạt truyện bảy quyển này sẽ cũng giữ nguyên nền tảng đạo đức, mặc dù những nhân vật trong truyện sẽ phải lớn lên, phải có những xúc cảm cần thiết về tình yêu... vân vân. Về yếu tố thần thoại của nhân vật và những phép thần thông, bà Rowling cho rằng bà không cảm thấy sự chỉ trích của một số phụ huynh là đúng chỗ. Bởi vì theo bà, trong tất cả chúng ta, nhất là trẻ thơ ai cũng có lúc mơ ước mình có khả năng biến đổi những gì không hay, không đẹp trong cuộc sống, nhưng càng lớn chúng ta càng nhận thức được sự hạn chế của con người trước môi trường và hoàn cảnh sống. Và vì đánh đúng tâm lý, truyện của bà được thiếu niên khắp nơi yêu thích.

Về truyện phim đã viết xong nhưng chưa tìm được người đóng vai nhân vật chính, bà Joanne Kathleen Rowling cho biết, cuốn phim thứ nhất dự trù sẽ hoàn tất vào tháng 11 năm 2001, và trọn bộ truyện sẽ được dựng thành một loạt phim do công ty Warner Bros. phụ trách. Phần bà rất quan tâm đến sự hoàn tất cuốn phim và nhân vật, nhưng bà sẽ không dự phần vào vấn đề quay phim trừ khi góp ý kiến. Còn về bộ truyện, bà quảng bá truyện bằng cách ngồi trên một chuyến xe lửa riêng từ London đi Edinburgh để ký sách tại những trạm ngừng. Riêng hai nhà xuất bản tại Anh và Mỹ Bloomsbury và Scholastic, Barnes & Nobles đang có một cuộc chạy đua xem chi nhánh nào bán nhiều truyện Harry Potter nhất trong thời gian ngắn nhất.

Với sự thành công của ba quyển truyện nằm trong danh sách truyện bán chạy nhất thế giới từ trước đến nay, bà Joanne Kathleen Rowling đã được liệt kê vào danh sách những người nổi tiếng với hạng 25 trong bảng xếp hạng 100 nhân vật nổi tiếng có quyền lực nhất thế giới của tạp chí Forbes. Thế nhưng bà lại tự chọn cho mình một cuộc sống hết sức khiêm nhường so với địa vị mới của mình. Ngoài việc mua sắm những gì cần thiết, bà cho biết không biết lái xe nên không thể và không muốn mua năm chiếc xe hơi như câu hỏi phóng viên đặt ra. Bà

cũng thấy làm chủ một chiếc trực thăng là chuyện phung phí và không cần thiết. Khi được hỏi bà nghĩ thành công về tài chính của nghề viết văn đem đến cho bà điều sung sướng nào nhất bà Joanne Kathleen Rowling đã trả lời hết sức... văn sĩ rằng bà được sự tự do sáng tác tiếp mà không phải lo lắng về tiền bạc hàng ngày như cách đây năm năm. Và với bà, đó là sự khác biệt duy nhất mà sự thành công đem đến cho bà.

MỘT BUỔI "LÀM VIỆC" CỦA CÔNG AN QUẢNG NGÃI

(NV)

Theo một bản tin do Phòng Thông Tin Phật giáo ở Paris phổ biến, vì viết thư yêu cầu Đảng và Nhà nước lấy ngày 30-4 làm "Ngày Sám hối và Chúc sinh toàn quốc," Đại lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang đã bị Công an Quảng Ngãi đến chất vấn và khủng bố tinh thần.

Theo tin từ Quảng Ngãi 7 giờ 45 sáng ngày 5-7-2000 Công an và Ban tôn giáo Quảng Ngãi đến quận Nghĩa Hành thẩm vấn Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang, Xử lý Thường vụ Viện Tăng Thống, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN). Tất cả gồm sáu người, ông Thành, Trưởng ban Tôn giáo tỉnh Quảng Ngãi; ông Thức, Trưởng phòng Công an PA 38; Bí thư Công an quận Nghĩa Hành; một thư ký; một người nhiếp ảnh; và một công an đứng gác bên ngoài.

Cung cách thẩm vấn, theo lời HT Huyền Quang, là "nạt nộ, cộc cằn, hung hãn, trấn áp, vô lễ." Còn nội dung cuộc thẩm vấn xoay quanh bức thư ngài gửi Đảng và Nhà nước CSVN nhân ngày 30-4-2000, yêu cầu họ "sám hối những lỗi lầm" phạm phải qua Cải cách Ruộng đất, cuộc tổng tiến công Mậu Thân đặc biệt ở Huế, trong chiến tranh và trong các Trại Cải tạo; yêu cầu phục hồi quyền sinh hoạt của GHPGVNTN; yêu cầu Đảng và Nhà nước CSVN lấy ngày 30 tháng Tư làm "Ngày Sám hối và Chúc sinh toàn quốc" mà trọng tâm thể hiện "Linh quyền cho người chết và Nhân quyền cho người sống."

Người chết là các thương binh tử sĩ thuộc hai miền Nam Bắc; người sống là tuyệt đại đa số nhân dân với những thành phần xã hội, chính trị, tôn giáo khác nhau.

Thái độ thiếu văn hóa và trấn áp của cuộc thẩm vấn có thể nhận rõ qua một vài câu hỏi đáp sau đây:

Công an: Vừa rồi "ông" có viết một bản văn gởi Chính phủ phải không?

HT Huyền Quang: Có.

CA: "Ông" viết hay ai viết cho "ông"?

HT Huyền Quang: Ý kiến trong thư là của tôi và Giáo hội chúng tôi, cốt nói lên nguyện vọng của quần chúng nói chung, Phật giáo đồ nói riêng.

CA (nạt nộ): Ngoài "ông" còn ai giúp việc thực hiện và tán phát văn bản?

HT Huyền Quang: Các anh cứ còng tay tôi dẫn về đồn, tôi sẽ khai báo như một bị can. Ở đây không là phòng tra vấn.

CA: "Ông" ở nơi xó góc này, chẳng bước chân ra khỏi cửa. Biết gì về tình hình mà viết lung tung? "Ông" có biết rằng đất nước ta đang từng ngày đi lên? Đời sống nhân dân ngày càng tiến bộ rõ nét. Ai đói nghèo đâu mà "ông" bảo là nhân dân nghèo đói? "Ông" muốn sách động nhân dân chứ gì?

HT Huyền Quang: Đảng và Nhà nước kêu gọi và viết đầy tường: "Dân biết, dân làm, dân bàn, dân kiểm tra" nghĩa là gì các ông giải thích tôi nghe thử. Luật nào cấm tôi phát biểu, các ông nói tôi nghe thử. Chính Nhà nước kêu gọi "Xóa đói giảm nghèo" trên Ti vi, trên radio, trên báo chí kia mà. Không đói sao mà xóa? Không nghèo sao mà giảm, hả các anh? Ngay chỗ quản thúc tôi đây, ngày nào cũng có người tới xin tiền, xin gạo, không đói sao họ lại đi xin? Các anh giảng tôi nghe coi.

CA (làm thinh không trả lời, rồi hỏi tiếp): Làm gì có chuyện 300.000 bộ đội mất tích chưa tìm thấy mộ phần? "Ông" lại còn muốn chúng tôi hốt xác của Ngụy quân vào chôn chung trong nghĩa trang Liệt sĩ phải không? Chôn như vậy Liệt sĩ họ có chịu không?

HT Huyền Quang: Con số 300.000 bộ đội mất tích tại miền Nam cho tới nay chưa tìm thấy mộ phần là con số do Nhà nước công bố đó các anh. Việc chôn chung trong nghĩa trang ư? Chuyện đó không cần thiết, chôn ở đâu cũng được. Cái quan trọng là phải triệt tiêu đi thứ tư tưởng phân chia thù, bạn; phải quan tâm kiếm tìm bộ đội và binh sĩ hai miền Nam Bắc mất tích phục vụ hàng triệu gia đình tử sĩ, như đã và đang kiếm tìm binh sĩ Mỹ mất tích phục

vụ cho nhân dân và chính phủ Hoa Kỳ. Mấy ông liệt sĩ có đội mồ lên mà phản đối đâu. Các ông chớ lo chuyện đó. Các ông mà cứ phân biệt đối xử thì hòa bình thực sự chẳng bao giờ đến giữa lòng người...

CA: "Ông" làm nhiều việc sai lầm lắm. Chẳng hạn Mỹ đi rồi mà "ông" còn muốn kéo trở lại...

HT Huyền Quang: Tôi kéo lại như thế nào ?

CA: "Ông" lôi lại cái chuyện Sơn Mỹ thuở xưa làm mất lòng họ.

HT Huyền Quang: À, té ra là vậy. Tôi có nhắc chuyện đó là nói cho dân chớ chẳng nói gì cho tôi. Tôi nhắc chuyện Đảng và Nhà nước lạy lục cúc bái với kẻ cựu thù, là Mỹ, trong khi ấy lại chẳng chịu hòa giải với dân, với mọi thành phần dân tộc. Các anh bỏ rơi dân, chạy theo đồng tiền. Không lẽ vì họ có tiền nên các anh chạy theo, quên hết mọi khổ đau, đói nghèo, ức chế của dân mình?

CA (làm thinh không đáp, nhưng lớn tiếng đánh trống lãng) : "Ông" làm như chúng tôi không biết. Năm ngoái các ông chắp tay đi lạy thằng Mỹ rồi hắn mới cho tổ chức Đại hội (ý nhắc Đại hội VIII tháng 5-99 tại Nam California, PTTPGQT chú). Rồi còn chắp tay đi lạy thằng Clinton để hắn viết thư chúc mừng Đại hội. Tưởng làm như vậy là tốt, các ông không biết xấu hổ à?

HT Huyền Quang: Được rồi, tôi sẽ viết thư qua hỏi Giáo hội chúng tôi bên đó. Nếu Giáo hội chúng tôi không lạy ai cả, thì chính các anh đã vu cáo và xúc phạm Giáo hội chúng tôi.

CA: "Ông" khó chịu lắm. "Ông" lẩm cẩm lắm. "Ông" cứ liều cái mạng già của "ông" để nói càng, viết càng như vậy mãi sao ?

HT Huyền Quang: Tôi lẩm cẩm chỗ nào? Tôi ăn nói đàng hoàng, lịch sự, tôi nói có đầu có đuôi, có đủ chứng lý, số liệu, sự kiện chính xác. Tôi lẩm cẩm thì sao các anh còn tới đây "làm việc" với tôi? Các anh nói tôi "liều mạng già" là các anh xúc phạm tôi. Tôi già nhưng tôi không nói bậy, không nói láo, nói lừa, nói vu khống. Tôi già nhưng tôi nói chuyện chính đáng, có sự thật rành rành trước mắt chứng minh. Đảng các anh muốn có người liều mạng bảo vệ Đảng, thì Giáo hội chúng tôi cũng có rất nhiều người can cường, bất khuất bảo vệ Đạo, mà tôi là một trong những người sẵn sàng hy sinh thân mạng để bảo vệ Đạo pháp và Dân tộc. Nhưng tôi nói cho các anh biết, Việt Nam là dân tộc hiếu hòa, tôn trọng lễ nghĩa. Hôm nay các anh đến "làm việc" với tôi một cách cộc cằn, hung hãn, thiếu văn hóa và lễ độ. Các anh muốn chọc tức để tôi động não mà chết chớ gì? Các anh lầm rồi. Các anh chưa hiểu được lòng dân, thì làm sao hiểu biết được người tu hành. Đừng nói thêm chi nữa, các anh về trình với Đảng các anh đưa tôi ra tòa đi, rồi sẽ cùng nhau đối chất công khai. Nơi thôn làng hẻo lánh, các anh muốn nói ngược nói xuôi gì không được !

Sau cuộc thẩm vấn, Công an viết biên bản và bắt Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang ký nhận. Hòa thượng đọc xong trả lời: "Biên bản chỉ ghi lời các anh vu cáo, đâu có lời của tôi mà biểu tôi ký ?" Công an năn nỉ vì vấn đề thủ tục xin ký giúp cho. Hòa thượng liền phê vào biên bản một câu : "Cần đưa Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất ra tòa để làm giấy khai tử nó" và ký tên phía dưới.

QUYỀN LỰC VÀ BẠO HÀNH

TRẦN QUÁN NIỆM

Chỉ vài tuần nữa (hạ tuần tháng 7, 2000), khoảng trên 40 ngàn người sẽ đổ về thành phố Philadlephia để tham dự Đại Hội Đảng Cộng Hoà, ấy là chưa kể chừng 20 ngàn người khác cũng theo về để phản đối (mọi vấn đề). Từ hai năm nay, thành phố Phila bận rộn thay đổi bộ mặt, cốt làm sạch sẽ, khang trang hơn để đón khách. Khách sạn mọc lên. Cao ốc xập xệ bị đập bỏ, thay vào đó là các xây cất mới. Đường xá sạch sẽ hơn. Mấy ông bà vô gia cư (homeless) nằm vạ vật trên đường phố được "mời" về Trung Tâm Trú, hoặc mời đi chỗ khác chơi (đi đâu, nào ai biết).

Tất cả tương đối sẵn sàng để đón khách sang trọng, thì đùng một cái, rắc rối xẩy ra.

Chuyện bắt đầu bình thường như đời sống hàng ngày của một thành phố lớn, nhiều tội ác. 10 giờ sáng, hai quan cảnh sát "bạn dân," tà tà đi tuần trên phố, thấy một chiếc xe tình nghi, chạy lạng quạng phía trước. Check trong computer, thì ra xe này bị cướp trước đây vài ngày. Cảnh sát đuổi. Kẻ gian chạy. Vun vút qua các đường phố chật hẹp đông người. Bị dồn vào đường kẹt, kẻ gian, tên Jones, 30 tuổi, đen, cân nặng 250 pounds và có nhiều tiền án, bỏ xe chạy bộ. Cảnh sát

túa ra đuổi theo. Jones, nhẩy qua mấy hàng rào, cố ý bỏ rơi cảnh sát, không ngờ lại quay lại điểm đầu tiên. Mấy xe Cảnh Sát bỏ không, cửa mở, máy nổ. Thế là Jones phóng lên, lái như bay. 41 phát súng đuổi theo. Đạn bay lung tung trong khu vực đông dân cư. May không ai bị thương. Jones bị trúng đạn bốn lần. Một cảnh sát bị trúng đạn ở tay (đạn của ai, không biết). Nhưng nếu cảnh sát bị bắn, là do kẻ gian. Thế là Cảnh sát càng hốt hoảng. Jones chạy nhào vào đoàn xe đám ma, đụng một xe, nhưng rồi cuối cùng bị bao vây. Cảnh sát lôi Jones khỏi xe.

Trận đòn thù

Câu chuyện tưởng như sẽ kết thúc một cách bình thường. Bắt được tội phạm, còng tay, chở về bót là xong. Nhưng không. 10 ông "bạn dân" xúm lại, đấm đá Jones liên hồi. Trong 28 giây, 46 cú đá, 11 cú đấm. Có một ông bạn dân còn dùng cả máy truyền tin trong tay, đập Jones.

Các ông bạn dân to khỏe, hùng dũng, đi giầy bốt, đá hết sức thì chỉ cần một cái đúng chỗ nhược cũng đủ chết. Lại thêm Jones nằm lăn quay dưới đất, bị thương nặng vì bốn viên đạn, thì cái chết cầm chắc. May sao, Jones vẫn sống, nhưng Sở Cảnh Sát Philadelphia ngắc ngư.

Trời cao có mắt

Vì không may cho các vị "ban dân" là nội vụ bị máy video trên trực thăng của đài truyền hình thu nguyên con, hết đường chối cãi.

Trong giây phút, hình ảnh được truyền đi khắp nước Mỹ và thế giới. Dư luận sôi nổi. Xứ sở đề cao dân chủ, tôn trọng nhân quyền mà còn bạo hành vậy sao? Dân Mỹ đen nhao nhao lên là cảnh sát kỳ thị chủng tộc, bạo hành vô lối.

Con ma dĩ vãng

Người ta liên tưởng ngay đến vụ Cảnh Sát Los Angeles đánh đập Rodney King năm 1991. Cộng đồng da đen phản đối và nổi loạn. Hai viên chức cảnh sát bị trừng phạt. Thành phố phải đền Rodney King một số tiền lớn.

Nhiều trường hợp cảnh sát bạo hành tại các thành phố lớn và lắm tội ác như Chicago, New York, Los Angeles, Philadelphia được ghi nhận.

Ngày 11 tháng 7, 1998, trong vụ giải tán các người Mỹ đen tham dự tiệc vui tại công viên Fairmount Park ở Philadelphia, cảnh sát đá một thanh niên đã bị một cảnh sát khác còng tay. Và một người khác bị cảnh sát đánh bằng gậy. Mười cảnh sát bị phạt 10 ngày không lương.

Ngày 21 tháng 8, 1994 Moises DeJesus bị cảnh sát đánh khi rượt bắt anh này. Mấy ngày sau DeJesus chết vì thương tích nơi đầu. Tám cảnh sát bị phạt cảnh cáo tám ngày không lương nhưng sau đó lại được tòa trên tha bổng.

Ngày 12 tháng 9, 1991, cảnh sát giải tán cuộc biểu tình của dân đồng tình luyến ái, đã dùng gậy đánh những người này và không nghe lời yêu cầu được chữa trị bằng thuốc men của họ.

Tại Nữu Ước, người dân hẳn chưa quên một tình nghi bị bắn chết bằng 41 phát đạn. Hoặc một di dân người Haitan, bị cảnh sát bắt về đồn vì can dự trong một cuộc ẩu đả. Hai cảnh sát đã dùng cây thọc vào hậu môn anh này, gây nội thương trầm trọng, và doạ giết anh ta nếu anh tố cáo.

Dư luận quần chúng

Nhà báo phỏng vấn dân chúng xem phản ứng ra sao. Tùy mầu da, tình trạng kinh tế và nơi cư ngụ của người được phỏng vấn mà câu trả lời khác nhau.

Dân da trắng khá giả sống ngoài ngoại ô thì cho rằng cảnh sát có đánh đấm chút đỉnh cũng không sao. Tội phạm có nhiều tiền án, cướp xe của dân, cướp xe của Cảnh Sánh, bỏ chạy, bị trừng phạt kiểu đó là đúng.

Dân da đen trong thành phố cho đó là kỳ thị, không tôn trọng nhân quyền, bắt nạt dân da đen. Gia đình của Jones than phiền, Jones bị bắn đến bốn viên, bao vây được thì bắt còng tay, chứ làm gì mà đánh người ta.

Tổng thống Clinton, rất nhanh, lên tiếng ngay, nhưng ý kiến vô thưởng vô phạt, tôi gọi cho thị trưởng Philadelphia, ông này hứa sẽ cho điều tra. Tôi biết ông là người có nghị lực và tốt, ông ta sẽ làm việc đúng. Thế là ông Thị Trưởng bị bán cái.

Mục Sư da đen Vernal Simms, Philadlephia cho biết đây không phải là kỳ thị chủng tộc, vì xem trong video, cảnh sát trắng cũng như cảnh sát đen đều đánh Jones cả. Đây là Cảnh sát bạo hành, lạm dụng quyền lực.

Luật sư Stephan, Philadelphia cho hay, trên phương diện cá nhân, chúng ta có thể hiểu được sự tức giận của cảnh sát, nhưng chúng ta đã cho phép họ có quyền xử dụng vũ khí giết

người, chúng ta không thể chấp nhận họ chỉ hành động theo xúc cảm.

Một chủ tiệm nail người Việt tại Philadelphia: không phải họ ỷ có súng rồi muốn là gì thì làm.

Đi với Bụt mặc áo cà sa, đi với Ma mặc áo giấy

Thật ra không phải lúc nào cảnh sát cũng đánh đập người dân. Họ cũng mềm mỏng lịch sự lắm. Mềm mỏng và nhẹ tay với người có quyền thế, giầu có. Lịch sự khi chận bạn lại vì bạn chạy quá nhanh để tặng bạn cái vé phạt. Nhưng giới hạn chỉ ngừng ở mức đó. Nếu bạn là dân da mầu, bị chận lại mà tỏ vẻ kháng cự phản đối thì biết tay ngay. Đụng chạm đến "uy quyền tối thượng" của cảnh sát là không thể tha thứ được. "Bạn dân" rút súng khỏi bao, ra lệnh cho người tình nghi bước khỏi xe, dơ cao hai tay. Nếu lúc đó mà tay chân táy máy, thì có chầu ăn đạn ngay, vì cảnh sát bảo rằng kẻ tình nghi rút súng bắn họ. Cảnh sát đè ngay xuống mặt đường, còng tay tức khắc rồi mới nói chuyện.

Tại ngoại ô, ít nguy hiểm nên cảnh sát còn đôi chút dễ thương, nhưng tại các thành phố lớn, nhiều phạm pháp, cảnh sát dữ dằn hơn. Vì hàng ngày phải đương đầu với các băng đảng tội ác, cảnh sát cũng hoạt động như một băng đảng. Họ có luật riêng (blue code), im lặng, không tố cáo nhau, để bao che cho nhau. Hễ đụng đến một cảnh sát có nghĩa la đụng đến tập thể cảnh sát. họ sẽ ăn miếng trả miếng tới cùng. Đòn đánh phủ đầu để gây khiếp sợ cho đối phương. Trường hợp Jones là điển hình, tội phạm có tiền án, chạy trốn, bắn trả cảnh sát, cướp xe cảnh sát, tức là đụng chạm nặng đến tập thể cảnh sát.

Lý thuyết dạy trong trường cảnh sát là cấm xử dụng vũ khí bừa bãi, hoặc bạo hành khi không cần thiết, nhưng thực tế lại khác.

Chỉ không may cho cảnh sát Philadelphia là hành động trong chớp mắt của 10 cảnh sát đã bị thu hình.

Tuy nhiên người ta phải ghi nhận rằng, cả cảnh sát trắng và đen đều đánh Jones. Điều đó làm lời buộc tội kỳ thị chủng tộc không đứng vững. Cuộc đấm đá chỉ xẩy ra trong 28 giây đầu tiên, khi có viên chức cảnh sát cấp cao xuất hiện và can thiệp, thì trận đòn thù ngưng, Điều đó chứng tỏ, cảnh sát không cố ý dung túng những hành vi đi ra ngoài nguyên tắc. May cho Jones là hắn chỉ bị đấm đá, chứ nếu không có các vụ tố cáo cảnh sát bạo hành, thì có lẽ Jones cũng sơi thêm vài chục viên đạn khi hắn ngần ngừ không ra khỏi xe khi có lệnh.

Lời kết

Quyền hành trong tay, dễ dàng đưa đến lạm dụng (tham nhũng, cửa quyền, bạo hành). Điều này xẩy ra bất cứ ở đâu và thời gian nào. Ở nước Mỹ, báo chí có ảnh hưởng rất mạnh và luôn luôn nhòm ngó các vi phạm của giới chức chính quyền và sẵn sàng phanh phui trước dư luận, thế mà vi phạm nhân quyền vẫn xẩy ra.

May mắn thay, chế độ dân chủ và cởi mở tại Mỹ đã khiến những vi phạm nhân quyền bị giảm thiểu khá nhiều. Khi nội vụ xẩy ra, những kẻ vi phạm bi trừng phạt tương xứng.

ĐÁ BANH, ĐẠP XE, HOẶC CHƠI GOLF

NGÔ NHÂN DỤNG

Đội banh Pháp thắng giải Euro 2000 hôm đầu tháng Bẩy, một tuần sau tôi mới vô một tiệm Tabac (ở Orléans nhân đi thăm họa sĩ Thái Tuấn) mua mấy cái bật lửa có in hình các cầu thủ làm kỷ niệm, trong đó có hai cầu thủ đã gỡ huề và ghi bàn thắng cho Pháp quốc. Ngắm cái hình David Trezeget, 22 tuổi, người có cú chân trái ngàn vàng mà báo *France Football* tả anh đá trái bóng vọt đi như hỏa tiễn, hàng trăm ngàn người Pháp hút thuốc hoặc không hút đã mua cái hộp quẹt in hình này làm kỷ niệm. Cũng như các bức hình Wiltord, Zidane, trở thành các vật lưu niệm được hàng triệu người cất giữ, mai mốt đem bán khối tiền.

Các ký giả thể thao hay ồn ào, có người mô tả "Nước Pháp đang lên Thiên Đàng" (Thật không?). Một chính trị gia thì tuyên bố nhờ thắng giải Euro 2000 năm nay kinh tế Pháp sẽ rất khá (Chắc sẽ là sự thật, vì sau giải Mondial hai năm trước, kinh tế Pháp rất phấn khởi!) Người ta thường quý báu những kỷ vật mỗi lần mình được lên thiên đường tập thể, cho nên thế nào mai sau những hình cầu thủ cũng sẽ lên giá. Ở Mỹ, có cả một thị trường mua bán các hình cầu thủ cũ, càng xưa càng có giá, chẳng khác gì rượu vang!

Nghĩ tới tương lai mấy cái

hình cầu thủ, lại nhớ những cái hình lãnh tụ được in trên giấy bạc. Hình ảnh cầu thủ chắc sẽ được người ta giữ rất lâu, vì việc in hình, mua những bức hình đều hoàn toàn có tính cách tự nguyên. (Gọi là thị trường tự do, hay tự do ngôn luận, tùy theo quý vị làm nghề buôn bán hay nghề luật sư.) Nhưng hình ảnh các lãnh tụ in trên giấy bạc thì khác, nó bạc bẽo lắm, nhất là ở các nước độc tài. Vì phần lớn không ai muốn đem cất các tấm hình ông Saddam Hussein, Mobutu, Bokassa vào trong ví, nếu không bị bắt buộc. Ở các nước dân chủ, nhà nước định in hình ai trên giấy bạc là cả nước bàn tán, như vụ chọn hình một phụ nữ để khắc nổi lên đồng đô la Mỹ gần đây. Ở các xứ độc tài thì các lãnh tụ tha hồ bắt dân giữ chân dung mình làm kỷ niệm, cái nhìn thẳng, cái nhìn nghiêng, cái nhìn xéo, hy vọng dân chúng cầm đồng bạc lại đời đời nhớ ơn!

Tôi nhớ đến những chân dung trên các tờ giấy bạc cũng vì vừa nghe nói chính phủ Indonesia đã quyết định hủy bỏ hiệu lực của đồng bạc 50,000 rupiah in hình cựu Tổng thống Suharto, kể từ ngày 21 tháng Tám tới. Ông Suharto là người khiêm tốn, chọn đồng bạc trị giá cao nhất, để lưu hành ít hơn.

Nếu quý vị đã quên, xin nhắc lại, Bác Suharto được coi là lãnh tụ anh minh, cha già dân tộc của nước Indonesia gần bốn thập niên, mới mất chức năm 1998 sau khi dân chúng biểu tình đòi hạ bệ (Bạc là dân, ông đã than.) Năm 1993 Ngân hàng Trung ương phát hành đồng bạc in hình ông Suharto trị giá 50,000 rupiah, cao nhất ở xứ Indonesia lúc đó, tương đương với 25 đô la Mỹ lúc ra đời. Đồng bạc này cũng giống như một truyền đơn tranh cử, vì năm đó ông Suharto sắp hy sinh một lần nữa, ứng cử Tổng thống nhiệm kỳ thứ sáu (mỗi nhiệm kỳ 5 năm.) Năm nay đem đổi sẽ được khoảng hơn 5.60 Mỹ kim. Vì tiền mất giá, nhưng không tụt giá kinh khủng bằng ông Suharto.

Chính phủ Indonesia hiện nay do dân chúng bầu lên thật, bầu cử tự do, cho nên họ cũng coi dân như những con người cả. Họ không thiết quân luật, bắt dân đóng cửa trong một ngày để đổi tiền, hạn chế mỗi gia đình 200 đồng. Mà họ cho dân chúng một thời hạn mười năm để đổi tấm hình ông Suharto lấy tờ giấy bạc có hình mới, cũng trị giá 50,000 rupiah - Ngân hàng Trung ương đã thay hình lãnh tụ anh minh bằng hình một nhạc sĩ.

Tại sao hình những cầu thủ đá banh có thể được giới mộ điệu cất giữ và mỗi ngày một lên giá, trong khi các lãnh tụ độc tài thì chỉ chờ ngày bị lịch sử vứt vào xọt rác? Vì các đấu thủ thể thao thường không làm hại ai cả, mà có khi họ lại mang nguồn vui đến cho bao nhiêu người. - những niềm vui qua mau nhưng rất lành mạnh khiến người ta nhớ mãi.

Thí dụ Lance Armstrong người mới đoạt vô địch Tour de France (Vòng đua xe đạp Pháp quốc) liên tiếp hai năm. Ngay cả người Pháp - không mấy khi khâm phục người Mỹ - cũng bàn tán sôi nổi với đầy thiện cảm khi theo dõi tấm áo vàng của Armstrong. Và ai cũng thán phục chuyện anh đã chiến thắng cả bệnh ung thư! Anh còn được người ta ái mộ vì nói năng như một con người khiêm tốn, bình dị.

Rồi đến Tiger Woods nữa. Tôi chắc, trong số 100 độc giả *Thế Kỷ 21* , chỉ có độ trên dưới một người đã chơi golf (tôi đã chơi golf ba bốn lần mà vẫn chưa biết phát âm cái chữ này thế nào cho đúng). Nhưng tất cả thế giới đều chú mục coi ti vi theo dõi những cú đánh thần tình của Tiger (Hổ, đặt theo tên một sĩ quan Việt Nam bạn chí thiết với thân phụ của Tiger). Cái trò thể thao gì mà chỉ đi bộ nhẩn nha, ngắm nghía mãi mới đánh cái gậy vào quả banh nhỏ bằng trái quýt? Nhưng chàng thanh niên 24 tuổi phá ba bốn thứ kỷ lục trong trò chơi ngoài trời này đã chiếm được cảm tình của cả thế giới.

Chúng ta còn tiếp tục sưu tầm và cất giữ các hình ảnh cầu thủ đá banh, bóng rổ, hockey, banh bầu dục và bóng chày, các đấu thủ golf hay tay đua xe đạp, chỉ vì ngay lúc lòng mình thán phục họ, cả cái lúc mình rút tiền ra mua những bức hình, mình hành động như những con người tự do. Nếu bị bắt buộc phải nhét vào ví những bức hình ông Suharto chẳng hạn, người ta có khi nhìn thấy mặt lãnh tụ anh minh là lại chỉ muốn chửi thề! Nếu như các tay lãnh tụ anh minh cũng biết đạp xe, đá banh, hay chơi golf cho giỏi, tham dự các cuộc thi thắng thắn không gian lận, tranh giải một cách công bằng, thì chắc không bị dân chửi suốt đời này sang đời khác.

Thi đấu, tranh giải một cách thắng thắn, công bằng, trong chính trị còn gọi là bầu cử tự do.●

Tìm hiểu

GIÁO LÝ NHÀ PHẬT VÀ ÁN LỆ TỬ HÌNH

NGUYỄN PHÚC BỬU TẬP

I. Những dữ kiện mới về án lệ tử hình

Những ai theo dõi việc tranh cử chức vụ Tổng thống Hoa Kỳ trong những thập niên gần đây đều nhận thấy ý niệm án tội tử hình (capital punishment / peine capitale) là một trong những yếu tố quyết định lá phiếu của cử tri. Trong cuốn hồi ký *All Too Human,* George Stephanopoulos, cựu phát ngôn viên của Tổng thống Bill Clinton, thuật lại vào một đêm năm 1992, lúc cuộc tranh thủ ứng cử viên tổng thống tại New Hampshire đang quyết liệt, Bill Clinton phải trở lại Little Rock, để quyết định với tư cách thống đốc tiểu bang Arkansas, có đem Ricky Ray Rector một tên sát nhân, đến hạn phải đem ra hành quyết hay không. Stephanopoulos là một nhà trí thức trẻ, bạn thân của Clinton, nặng tư tưởng cấp tiến vẫn khuyên Clinton chống lại án tử hình, nhớ lại lúc uống cà phê với Clinton trong nhà bếp tư dinh thống đốc: "Nếu lúc bấy giờ Clinton dám quyết định ngưng việc hành quyết Rector thì tôi vui sướng và vinh hạnh biết mấy! Nhưng bên tai tôi vẫn vẳng nghe tiếng nói của quỷ dữ, đừng để cho Clinton tha mạng Rector, vì tha mạng Rector (chống án tử hình, đi ngược lại với đa số dư luận quần chúng) tức là đi vào cạm bẫy của đảng Cộng hòa."

Ngày nay, tám năm sau, hai lần có cuộc bầu Tổng thống, một biến cố tương tự lại tái diễn. Tống đốc George Bush, cũng là ứng cử viên tổng thống của đảng Cộng hòa, lần này phải quyết định có đem Ricky Mc Ginn, tên sát nhân đã hãm hiếp và giết chết đứa con gái của vợ y, 12 tuổi. Trong gần sáu năm giữ chức thống đốc Texas vừa qua, Bush đã cho thi hành án quyết tử hình 131 lần, không do dự. Nhưng lần này Bush do dự vì một yếu tố mới. Người tử tội xin giảo nghiệm tinh thể DNA để chứng minh y bị oan ức, và Bush đã chấp thuận gia hạn sống cho tử tội thêm 30 ngày để tiến hành cuộc giảo nghiệm.

Ta còn nhớ rõ, phụ thân của ông Thống đốc George Bush, cựu Tổng thống Bush đã thắng dễ dàng ứng cử viên đảng Dân chủ Michael Dukakis trong một lần tuyển cử trước vì Dukakis bị mang tiếng "lừng khừng," không dứt khoát lập trường ủng hộ án tử hình.

Cuộc trưng cầu dân ý mới nhất đầu tháng Tư năm 2000 do báo *Wall Street Journal* thực hiện vẫn xác định lập trường của quần chúng Hoa Kỳ, 62 phần trăm giữ án tội giết người đền mạng, 22 phần trăm hủy bỏ. Cơ quan trưng cầu dân ý đáng tin cậy nhất của nước Mỹ, National Opinion Research Center bên cạnh Viện Đại học danh tiếng University of Chicago, vẫn xác định là dư luận quần chúng Mỹ mỗi năm càng ủng hộ án tội tử hình nhiều hơn, từ 50 phần trăm vào thập niên 60, đã lên dần tới 80 phần trăm trong những năm 85, 90 và 94.

Thế nhưng đầu tháng Giêng năm 2000, vị thống đốc tiểu bang Illinois, ông George Ryan, từ trước đến nay trung thành với đường lối đảng Cộng hòa là hỗ trợ án tử hình, lại tuyên bố thay đổi quan điểm, sẽ tranh đấu bãi bỏ án lệnh giết người. Đồng thời, cơ quan lập pháp tiểu bang New Hampshire cũng vừa chấp thuận đề án bãi bỏ án tử hình, nhưng chính vị thống đốc thuộc đảng Dân chủ là Bà Jeanne Shaheen lại phủ quyết đạo dự luật.

Có điều gì đã đổi thay trong đời sống chính trị của nước Mỹ mà cộng đồng người Việt chưa thấu triệt chăng? Nhiều yếu tố đã được nêu ra để giải thích việc thay đổi thái độ của giới cầm quyền và giới thượng lưu (ta gọi là

establishment) và việc thay đổi này sẽ ảnh hưởng trên dư luận quần chúng nói chung, như việc tăng trưởng kinh tế vượt mức làm trụt giảm tội ác xã hội, như viễn ảnh một thế giới hòa bình và an lành kêu gọi. Nhưng yếu tố quan trọng nhất là yếu tố khoa học, việc giảo nghiệm tinh thể DNA trên các mẫu chứng vật của người sống và ngay đến các chứng vật của người chết đã được đem chôn. Ta hãy dẫn chứng.

Đầu tháng Năm năm 2000, cơ quan "Chương trình Tranh Đấu cho Người Vô tội" (Innocence Project) công bố chứng cớ của 63 trường hợp nạn nhân bị tòa án kết tội và giam giữ độc đoán, và sau khi giảo nghiệm DNA được chứng minh là hoàn toàn vô tội. Từ năm 1973 đến nay, tại Hoa Kỳ, 87 người đã đi qua máy chém hoặc bị ngồi chờ bị giết, và đã được giảo nghiệm DNA chứng minh là vô tội. Thống đốc George Ryan, Tiểu bang Illinois được phỏng vấn vì sao thay đổi ý kiến, đã tuyên bố: "Tôi nghĩ là lập trường mới của tôi sẽ gây nhiều khích động lớn, nhưng tôi không thể lựa chọn khác hơn. (Trong vài năm qua, tôi đã đọc kỹ hồ sơ) của 13 người bị oan ức kết tội chết, và họ đã được phóng thích nhờ giảo nghiệm DNA, kết quả vững chắc. (Tôi phải kết luận) là hệ thống giảo nghiệm cũ đã gãy vỡ."

Lời tuyên bố của Thống đốc Ryan có ảnh hưởng ngay trên quyết định của một vị thống đốc khác ở Tiểu bang Virginia, ông Jim Gilmore. Ông ra lệnh giảo nghiệm tinh thể DNA của một tội nhân chờ chết 18 năm nay, vì bị kết tội hiếp và giết một người đàn bà 19 tuổi. Năm 1994, đã giảo nghiệm DNA trên tội nhân Earl Washington, nhưng kết quả giảo nghiệm không dứt khoát. Bản thông cáo của thống đốc Gilmore viết: "Từ năm 1994, khoa học và kỹ thuật DNA đã tấn triển đến mức là nếu ta cho giảo nghiệm lại các mẫu chứng liệu đã thâu nhặt được trên cơ thể nạn nhân (Cô Lynn Williams), chắc ta có thể tìm được nhiều bằng chứng rõ ràng hơn là các bằng chứng đã được đệ trình cho thống đốc Wilden, cựu thống đốc tiền nhiệm."

Rõ ràng là khoa học đã tấn triển vượt mức trong thời gian kỷ lục ngày hôm nay làm đổi thay lý luận của con người, và lý luận đổi thay phải lôi kéo thay đổi trong hành động.

Trong bài khảo sát nhỏ này về tội án tử hình và quan điểm giáo lý nhà Phật về án tử hình, trước ta sẽ tìm định nghĩa vài danh từ và tìm hiểu một số dữ kiện liên quan đến tội án hành quyết; sau đến ta sẽ lược qua các điểm tranh luận chống đối hay kêu gọi duy trì hoặc tái lập án lệ hành quyết; cuối cùng ta sẽ thông soi các điểm tranh luận này trước ánh sáng của giáo lý nhà Phật hầu xem đạo của Thích-ca giúp được thế nào trong một vấn đề nóng bỏng cho lương tri loài người là án lệ tử hình trong luật pháp ngày nay.

II. Định nghĩa án lệ hành quyết và các dữ kiện hiện đại

Quy ước xã hội đặt ra để điều hòa đời sống con người trong cộng đồng. Đi ngược lại quy ước là phạm tội. Nhẹ như đậu xe bừa bãi cản trở lưu thông sẽ bị phạt ở Tòa bằng biện pháp hành chánh hay cảnh sát (tội nhẹ gọi là vi phạm luật contravention; tòa phạt vạ, tòa gọi là Tribunal de police). Nặng hơn một bậc như khai gian thuế má, hại cho ngân sách nhà nước (khinh tội, thường phạm, luật lệ Âu châu dùng tiếng Pháp délit) bị phạt ra Tòa tiểu hình (Tribunal correctionnel). Nặng hơn nữa là cố ý gây thương tích tinh thần và thương tổn thể xác, phạm tội nghiêm trọng (crime), phải ra Tòa hình sự. Hình sự nhẹ do quan tòa định án; hình sự nặng có Hội thẩm đoàn bên cạnh quan tòa. Gây ra mạng vong phạm tội nặng như phản quốc, tòa Hình sự đổi thành tòa Đại hình, có thể phạt tội chết để đền mạng, tức là tội án tử hình, kết liễu bằng hành quyết.

"Từ điển tiếng Việt" của viện Ngôn ngữ học định nghĩa tội là hành vi phạm pháp, đáng bị xử phạt; tội ác là tội rất nghiêm trọng, cả về mặt pháp luật và đạo đức; tội lệ là tội trước pháp luật. "Từ điển Anh Việt" của Viện dịch chữ crime là tội ác, vậy ta sẽ dùng chữ này vào nghĩa chữ crime của Tây phương, danh từ dùng nhiều trong bài này. Án tội tử hình tiếng Tây phương gọi là death penalty (Anh ngữ), peine de mort (Pháp ngữ) còn gọi hoa mỹ hơn, tránh chữ chết, là capital punishment / peine capitale. Từ khoảng một trăm năm trở lại đây, trên thế giới ít khi có tội đồ bị đem ra xử chết, ngay cả trong những quốc gia có luật lệ hành quyết tội nhân, và các tội ác cực kỳ nghiêm trọng như án tội sát nhân ngày nay cũng chỉ bị kết án chung thân khổ sai, thay vì đem lên máy chém. Theo thống kê Liên Hiệp Quốc, vào đầu thập niên 90, trên thế giới chỉ còn 90 quốc gia hiện giữ án tử hình; 85 quốc gia khác đã hủy bỏ án tội hành quyết. Hầu hết các

nước khối Tây Âu đã bỏ án tội tử hình; Hung Gia Lợi và Tiệp Khắc cũng đã bỏ án tử hình trong thập niên 90. Hai quốc gia Nam Mỹ là Brazil và Argentina đã bỏ án tử hình từ lâu, nhưng chế độ quân phiệt mới đã tái lập án chết trong thập kỷ 80. Quốc gia đầu tiên hủy bỏ án tội tử hình là nước Áo (Austria) ở Trung Âu. Nước Nga hủy bỏ án tử hình năm 1826, nhưng Cộng sản Nga tái lập án tử hình liền sau khi cách mạng vô sản thành công 1917, để giết cả chục triệu người không trung thành với cách mạng! Tại Hoa Kỳ, nơi một triệu người Việt chúng ta đang sống, ngoài các luật lệ Liên bang liên hệ tới quốc phòng phải giữ án tử hình, phía dân sự còn có 35 tiểu bang giữ án tử hình. Tuy vậy, từ năm 1967 đến 1977 không hề có một tù nhân nào bị đem ra hành quyết; từ năm 1977 đến 1992 hơn 2500 tội nhân tử hình bị tuyên án, nhưng chỉ có 190 tội phạm bị đem ra hành quyết.

III. Duy trì, tái lập án hành quyết hay chống đối bãi bỏ?

Từ hai trăm năm nay các nhà luật học, xã hội học, luân lý học khắp mọi nơi trên thế giới đã không ngớt tranh luận về đạo luật hành quyết. Họ đã dựa vào những nguyên tắc đạo đức nào để chống đối hoặc để duy trì tội án tử hình, đó là điều trong đoạn này ta sẽ đem ra tìm cách phân tích. Đại cương, lập luận đòi duy trì hoặc tái lập (nếu trước đã có mà đem bỏ đi) tội án hành quyết dựa trên ba điểm nguyên tắc:

1a. Phải có án tội tử hình để răn đe, ngăn chận. Nợ máu phải trả bằng máu. Án tử hình là lời cảnh cáo không thể quên được cho quân giết người, và biện pháp răn đe ngăn chận này (argument of deterrence) đã được dùng trong mọi đạo luật xin tái tạo luật hành quyết tại các quốc gia đã bỏ án tử hình nay xin lập lại. Giáo sư Tan Sorrell, tác giả cuốn sách Moral Theory and Capital Punishment (Oxford: Basil Blackwell, 1987) là người đã theo dõi từng bước lịch trình tái lập tội án hành quyết tại Quốc hội nước Anh, đã chứng minh là trong thời gian Anh quốc bỏ án tử hình, các tội sát nhân tăng lên đều đều, nhất là việc chém giết nhân viên cảnh sát. "Nếu có án hành quyết, kẻ sát nhân trước khi hạ độc thủ sẽ suy nghĩ một lần là y cũng sẽ bị giết như vậy."

1b. Phải có án tử hình để tước bỏ quyền pháp lý, tước bỏ tư cách làm người của kẻ sát nhân. Ngày nay chế độ lao tù tại các nước văn minh đi dần tới chỗ cực kỳ khoan hồng và những kẻ sát nhân lãnh án tù khổ sai cũng dần dần được ân xá. Và trong rất nhiều trường hợp, chúng lại tái phạm giết người. Biện pháp này (argument of incapacitation) dùng phương pháp cực đoan, dứt hậu hoạn.

1c. Phải có án tử hình để thực hiện công lý trừng phạt. Nguyên tắc là phải lập quân bình giữa tội ác và biện pháp trừng phạt. Ở đây người ta đem ra áp dụng luận cứ của triết gia Đức Immanuel Kant (1724- 1804) và triết gia người anh John Stuart Mill (1806- 1873) cho rằng muốn thực hiện công lý, không thể cân đo bằng tình thương. Tội nhẹ, phạt nhẹ; tội nặng, phạt nặng; tội giết người, phải đền mạng. Công lý trừng phạt không phải là công lý trả thù, vì trả thù là yếu tố tình cảm cá nhân.

Đứng bên bờ kia, các nguyên tắc dẫn đạo cứ luận việc chống đối, đòi hủy bỏ án tử hình cũng có thể ghép trên ba điểm trình bày ở sau:

2a. Phải bỏ án tội hành quyết, vì hành quyết là một hành động tàn bạo, độc ác. Con người văn minh đi dần tới việc loại ra ngoài mọi hành động tội ác. Lập luận này (argument from cruelty) dùng lời lẽ trong bản Tu chính án số Tám của Hiến pháp Hợp Chúng Quốc ("Tiền bảo lãnh không bao giờ được thái quá, tiền phạt cũng ở trong mức vừa phải, và không được dùng những hình phạt nào độc ác và bất thường.") Lập luận này cũng dùng lời lẽ của Bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, loại ra ngoài những cách đối xử hay trừng phạt "độc ác, vô nhân, và làm hạ phẩm giá con người." Tham gia vào cuộc chống đối việc tái lập án tử hình ở Anh quốc, năm 1991 cơ quan Amnesty International Anh quốc xuất bản một đặc san, chủ đề *"Khi Nhà Nước Giết Người,"* có đoạn: "Độc ác, vô nhân và triệt hạ phẩm giá con người: Luật pháp quốc tế tuyên khải là tra tấn hay dùng hình phạt độc ác, vô nhân, triệt hạ phẩm giá con người không bao giờ có được lý do giải thích. *Tội án hành quyết tự nó là một điều độc ác không thể chối cãi được."*

Khi còn án tử hình, thì cần phải chọn một phương pháp hành quyết, và không có phương pháp hành quyết nào mà không gây ra đau đớn, nghĩa là độc ác. Amnesty International dẫn chứng là năm 1986 tại Nigeria một ông tỉnh trưởng lên án xử tử một số phạm nhân trộm vũ khí, và hành quyết bằng cách lúc đầu bắn vào các khớp xương chân gây đau đớn vô cùng cho phạm nhân, sau đó mới bắn chết. Tại

một nước văn minh như Hoa Kỳ, việc hành quyết cũng đã gặp nhiều lỗi lầm bất ngờ. Năm 1980, Hoa Kỳ bỏ máy chém, dùng ghế điện để hành quyết. Mục đích là tránh không thấy cảnh đầu rơi máu chảy. Thế nhưng kỹ thuật dùng ghế điện lúc ban đầu cũng trục trặc chưa hoàn tất, gây ra bao nhiêu đau đớn cho tội nhân. Ngày nay một số tiểu bang Hiệp Chúng Quốc đã bỏ ghế điện sang phương pháp chích thuốc gây cấp tử, nhưng chưa ai dám chắc vấn đề đã được giải quyết trọn vẹn.

2b. Phải bỏ hành quyết, vì hành quyết dựa trên cứ luận cực đoan dứt khoát, võ đoán và chuyên quyền. Mục sư Canon Carpenter là một giáo sư trường Luật viết bài "The Christian Context" trong sách *The Hanging Question: Essais on the Death Penalty*, (Luân Đôn 1969) trình bày một khía cạnh mới của đạo Cơ Đốc, yểm trợ việc hủy bỏ án tội hành quyết. Xử tử tội nhân là triệt hạ tất cả những cơ hội của một tội phạm cá nhân có thể biết hối cải, có thể thay đổi lương tâm trở lại con đường sáng. Hành động cực đoan này chỉ có Thượng đế mới có quyền định đoạt, và con người nhỏ nhoi chúng ta không có quyền thay Thượng đế.

2c. Phải bỏ hành quyết, vì hành quyết gây những tác dụng bên lề rất nguy hại. Vấn đề này đặt ra cho con người tinh tế, trong xã hội văn minh ngày nay. Trách vụ thực hiện việc hành quyết thường được giao cho những người chuyên nghiệp, đặc biệt là những chuyên viên y tế, mà chuyên viên y tế lại có bổn phận cứu người chứ không giết người. Vì lẽ đó mà bao nhiêu vấn đề lương tri đã được đặt ra và mâu thuẫn không thể giải quyết được.

Một mặt khác, tác dụng bên lề rất tai hại đối với gia đình và quyến thuộc của phạm nhân bị hành quyết, và rộng hơn nữa đối với đại chúng là điều đã được chứng minh rõ ràng trong nhiều cuộc điều nghiên thực hiện tại các nước Tây phương.

IV. Giáo lý nhà Phật và ý niệm hành quyết

Chúng ta đã làm quen với các dữ kiện thuộc về tội ác hành quyết, nhất là các luận cứ chống đối hoặc duy trì án tử hình. Câu hỏi đặt ra để tìm hiểu bây giờ là thái độ của giáo lý nhà Phật trước ý niệm án tử hình như thế nào. Như trên đã nêu lên, quan niệm về tội ác thay đổi nhiều qua thời gian, đi tới định nghĩa hiện đại rút ra từ bộ sách căn bản của kiến thức, là *Encyclopedia Britannica*, như sau: "Tội ác là một hành động phi-xã-hội, là sự thất bại hay khước từ các tiêu chuẩn do cộng đồng xã hội đã đặt ra để dễ bề sinh sống." Vậy, luật lệ của cộng đồng tăng đoàn Sangha và giáo lý của đức Phật hướng dẫn đời sống người theo Phật đã thỏa thuận hay không thỏa thuận với các tiêu chuẩn này? Định nghĩa hiện đại của tội ác minh định như trên, có điểm nào trái ngược với giáo lý đạo Phật hay không?

Kinh Phật nói chung (*Nikaya*) chỉ chuyên về việc trình bày giáo lý và các khía cạnh lý thuyết triết lý và siêu hình của đạo, không đặt vấn đề luật pháp của sinh hoạt xã hội trong hệ thống. Các chuyện tiền thân của đức Phật (*Jatakas*) có nhiều điểm liên hệ tới luật pháp, nhưng Jatakas là những áng văn chương quá giàu tưởng tượng, viết sau sinh thời đức Phật. Các bổn Luận kinh (*Abhidhamma*) đặc biệt là bổn *Milindapanha* rất súc tích giải thích các dữ kiện của nền sinh hoạt trong tăng đoàn và ngoài thế tục, nhưng cũng vì lý do được thực hiện quá lâu sau sinh thời đức Phật nên không thể dùng làm tài liệu căn bản để trích ra ý kiến của đức Phật về pháp luật đương thời và pháp luật nói chung.

Học giả S.K. Nanayakkkara và giáo sư J.D. Dhirasekera khảo sát thâm sâu về vấn đề luật pháp trong đạo Phật đã cùng khẳng định là xuyên qua kinh điển, đức Phật không trực tiếp đàm luận, đề nghị, hay chỉ trích luật pháp đương thời, và tất cả những điều người đời sau hiểu biết về ý kiến của đức Phật đối với pháp luật đều do cách giải thích góp nhặt từng đoạn, từng tiết mục trong lời dạy của đức Phật qua Kinh, Luật, Luận và qua các tài liệu bổ túc của kinh điển mà thôi.

a. Ý niệm tội ác trong giáo lý nhà Phật. Đi tìm ý kiến của đức Phật về pháp luật, học giả Nanayakkara khảo sát từng danh từ dùng trong kinh liên hệ đến vấn đề tội ác và trừng phạt. Trong số khá nhiều danh từ này, chữ Pali *papakani kammani* thích hợp nhất để diễn tả ý niệm tội ác, "tội rất nghiêm trọng cả về hai mặt pháp luật và đạo đức" (xem định nghĩa ở trên), như ta quan niệm ngày nay. Kammani có nghĩa là việc làm, hành động, nghiệp; papakani có nghĩa là không đạo đức, thiếu đạo đức. Các cuộc điều nghiên này dẫn đến kết luận là đối với giáo lý nhà Phật, đạo đức được sắp trên bình diện tối thượng, cao hơn tất cả cá khía cạnh khác, cao hơn pháp lý. Phạm vào quy ước xã hội tức là phạm lỗi với nhân quần, với nhà Phật là tội nhẹ; bất tuân

đạo đức mới là tội ác thật, đối với chính bản thân mình và đối với xã hội. Nhà Phật định nghĩa bất cứ hành động nào chủ tâm, tự ý mình gây ra để bẻ gãy khuôn thước đạo đức, làm hại cho chính bản thân mình hoặc làm hại cho người ngoài, cho cộng đồng, tức là phạm tội ác. Tuy định nghĩa tội ác sâu rộng như vậy, giáo lý nhà Phật cũng đã phân biệt giữa tội ác thuần túy bẻ gãy đạo đức, và tội ác trong đời sống hàng ngày do công lý phán xét. Loại trên, trong kiếp này sẽ bị lương tâm dày vò, và đối với kẻ không lương tri, tội vẫn nằm đó, chờ sự trừng phạt ở kiếp sau. Loại sau, công lý nhân quần luôn luôn chờ sẵn đó để sửa trị.

Hành động không đạo đức, vô luân, giáo lý giải thích thế nào? Nghiệp tức là hành động chia ra làm ba loại: hành động qua thân xác (*kaya kamma* = thân nghiệp); hành động qua lời ăn tiếng nói (*vacikamma* = khẩu nghiệp); và hành động qua ý nghĩ, ý chí (*mano kamma* = ý nghiệp). Trong ba loại hành động tạo nên nghiệp này, loại thứ ba ý nghiệp là quan trọng nhất. Giáo sư Kenneth Chen, thuộc Viện Đại học Princeton, người điều khiển chương trình nghiên cứu đạo Phật trong thập niên 70, dịch chữ mano kamma là *volition*, nghĩa là ý muốn, tự ý mình làm ra. Ý nghiệp quyết định hai thứ nghiệp kia, thân và khẩu. Bất cứ hành động nào cũng do nghiệp ý được cân nặng nhẹ, đánh giá bằng đạo đức.

b. Ý niệm trừng phạt trong giáo lý nhà Phật. Trong kinh Pali trừng phạt gọi là *danda kamma*; chữ Sanskrit cũng viết là *danda*, nghĩa bình dân là cây gậy vuốt nhọn, cây sào, cây cọc bằng gỗ hay bằng kim loại dùng để đánh đập, đâm chém, tấn công. Trong kinh, người tuân theo giáo luật số một (không sát sinh) gọi là *nihitadanda* "không dùng tới cây gậy, cây cọc." Cũng trong Luật kinh vinaya có đoạn một số người trong tăng đoàn bất mãn vì đức Phật nhận làm lễ quy y cho một số cựu tội phạm người đầy dấu vết thương tích. "Làm sao chúng tôi, con của Thích-ca, lại có thể sống chung đụng với những kẻ mặt mày đầy dấu vết đã bị luật pháp trừng phạt katadandakamman." Từ đó suy ra, dưới thời đức Phật, sáu thế kỷ trước Tây nguyên, cực hình dùng những phương cách đánh bằng trượng, thích dấu vào da mặt... hoặc là tội nặng như chặt đầu, phanh thây là chuyện thường.

Cũng như ở trên khi chúng ta khảo sát về ý niệm tội ác trong giáo lý, chúng ta cũng cần ghi nhận những đặc điểm giới hạn của quan niệm trừng phạt trong giáo lý nhà Phật. Điểm thứ nhất, cũng như trong phạm vi tội ác, đức Phật giới hạn cái quan niệm trừng phạt trong phạm vi tổ chức việc tu hành, không hề áp đặt ý kiến của mình trong việc cải tạo cộng đồng xã hội hay nhà nước. Điểm thứ hai là vì đạo của Thích-ca phát triển rất mau và rất mạnh, trên bờ sông Gangas tăng đoàn mọc lên như nấm và lớn mạnh, kỷ luật đã được đặt ra, "rất có nguyên tắc, rất có hệ thống, chỉ dẫn từng chi tiết cặn kẽ" (Vinaya I, II, do giáo sư J.D. Dhirasekera trích dịch trong *Encyclopedia of Buddhism*, Vol IV, trang 312), và dĩ nhiên muốn duy trì kỷ luật, phải đặt ra những lề lối trừng phạt. Các lề lối trừng phạt này được ghép vào hai mục: *Patimokkha* để điều hành đời sống của mỗi cá nhân tì kheo và tì kheo ni trong sinh hoạt tu tập hằng ngày, và bổn luật *Khamdakan* gồm có bảy chương ấn định lề lối tiếp xúc giữa tăng đoàn và đại chúng cùng giềng mối kỷ luật phải áp dụng khi vi phạm lề lối này.

Phạm vi bài sưu khảo nhỏ bé này buộc ta phải dừng nơi đây không tìm hiểu xa hơn quan niệm về tội ác và về hình phạt của đức Phật. Bây giờ sẵn có những nét đại cương về ý niệm luật pháp trong giáo lý đức Phật, ta trở lại đề tài đạo Phật và án tử hình. Ở trên ta đã lập được một bổn phân tích các lý lẽ, luận cứ mà luật gia và luân lý gia ngày hôm nay dùng để bào chữa hay đòi hủy bỏ tội án tử hình. Một phương pháp tìm học thực tế là đem giáo lý soi xuyên qua các điểm luận cứ này, ngõ hầu làm sáng tỏ lập trường của đạo Phật.

c. Giáo lý nhà Phật và các điểm luận cứ duy trì hay hủy bỏ hành quyết.

Điểm một, vế trái của phương trình (1a) trong đoạn III ở trên, phải có án tội tử hình để răn đe, ngăn chặn kẻ sát nhân, nhất là kẻ sát nhân ngày hôm nay dùng kỹ thuật mới vô cùng nguy hiểm, một trái bom nổ chậm trên cao ốc, một thùng hóa chất thả trong hầm tàu điện có thể sát hại hàng nghìn hàng muôn sanh mạng; vế phải của phương trình (2a) là một mệnh đề vô phương chối cãi sự thật: giết người là một hành động tàn bạo, độc ác. Đức Phật dạy thế nào?

Trong kinh *Agganna Suta* và *Cakkavattisihanda Suta* (danh từ đối chiếu Việt Nam không thể tìm thấy trong *Phật học Từ điển* Đoàn Trung Còn và *Từ điển Phật học* của thầy Minh Châu) do học giả Nanayakkara

trích dẫn, đức Phật chấp nhận hình phạt không thể thiếu để răn dạy và ngăn chận kẻ phạm tội ác, nhưng đức Phật cũng chỉ tin là hiệu lực sức răn đe, hiệu quả của sự ngăn chận rất hạn chế. Đặc biệt là trong trường hợp sát nhân. Hung thủ chỉ giết người trong trường hợp y đang ở trong trạng thái tinh thần điên cuồng giận dữ tới tột độ, và xét cho cùng, tội phạm là một kẻ bệnh hoạn tâm thần, đáng thương hơn là đáng đem ra đày ải, giết bỏ. Lời dạy của đức Phật, 26 thế kỷ sau còn ứng nghiệm. Tổng kết các bảng thống kê nghiên cứu kết quả của hiệu lực răn đe dùng trong án tử hình, cho đến nay tại Hoa Kỳ vẫn không xác định được là tích cực hay tiêu cực (Lawrence Klein: *The Deterrent Effect of Capital Punishment: Assessment of the Estimates*, Washington D.C., National Academy of Sciences).

Cuộc điều nghiên của học giả nhà Phật Nanayakkara còn đi tới kết quả xa hơn. Đức Phật không những chối bỏ hình phạt giết người, mà còn chối bỏ mọi hình thức trừng phạt nặng hay nhẹ. Ngài dạy là trong lương tri của mỗi người con Phật, không thể có chỗ cho một ý nghĩ độc ác, đừng nói tới một hành động độc ác. Trong *Trường bộ kinh Digha Nikaya*, đức Phật dạy các vì vua trước khi nghĩ đến việc cúng tế quỷ thần, phải nghĩ đến bổn phận mình làm nhẹ tội cho thần dân, hủy bỏ mọi hình phạt gây đau khổ cho dân chúng bất cứ dưới hình thức nào.

Phương trình hai, một vế của những người chủ trương phải bảo vệ công lý bằng cách xử tử hình trong trường hợp gia trọng, chấm dứt hậu hoạn (1b); một vế đối lập cho là luận cứ dứt trừ hậu hoạn có đủ dữ kiện của một hành vi võ đoán, chuyên quyền (2b). Soi qua ánh sáng của giáo lý nhà Phật, ta thấy được gì?

Xuyên qua kinh điển, ta thấy được là giáo lý chấp nhận dữ kiện kẻ sát nhân thường có tâm tính của một người sát nhân, và khoan hồng thường nuôi hậu hoạn. Thế nhưng đối với luận cứ trừ hậu hoạn, nhà Phật dùng hai loại lập luận: thế tục và tín ngưỡng. Thế tục, biết bao nhiêu án lệ trước thời đức Phật và trong thời đức Phật dựa trên phán xét của cá nhân xử tội, đã gây ra oan khiên vì kỳ thị sắc tộc, màu da, giai cấp... Đức Phật đã chủ trương loại bỏ màu da (races) sắc tộc (ethnics) và giai cấp (castes), Ngài không thể không nghĩ tới việc hủy bỏ sự kiện võ đoán và chuyên chế để giết người. Tín ngưỡng, đạo Phật không chủ trương có một vị Thượng đế sáng tạo đầy quyền năng ngự trị đời sống của chúng ta, và cái ta do chính chúng ta gây ra, nghiệp kiếp này và nghiệp kiếp trước. Người gây ra nghiệp phải cố gắng giữ gìn tránh nghiệp dữ, và người có quyền lập ra và gây ra hình phạt cũng phải cố gắng tránh nghiệp dữ. Phải chăng đó là lời răn dạy khôn ngoan muôn đời?

Điểm thứ ba, và vế bên trái (1c): án tử hình là công lý trừng phạt, cần thiết cho đời sống cộng đồng. Gây ra đau khổ làm mất mạng người khác không có điều gì có thể hàn gắn được, thì phải đền bù bằng chính mạng sống của mình. Luận lý tầm thường nhưng đầy nghĩa triết lý. Vì đền mạng không phải là một hình thức trả thù. Nếu một em bé xinh đẹp, vô tội bị giết, ta xúc cảm đòi xử tử phạm nhân: yếu tố tình cảm ở đây là yếu tố trả thù. Ví thử nạn nhân là một cá nhân dơ dáy, độc ác, bần cùng trong xã hội, ta không có cảm tình nên không đòi công lý cho y hay sao? Bằng mọi giá, phải giữ gìn công lý. Vế bên phải của phương trình (2c), xem ra không ổn. Để chống đối với luận chứng của các đại triết gia như Kant và John Stuart Mill, phe đòi bác bỏ án tử hình chỉ dựa trên một số lý do - tuy thực tiễn, những thật tình thiếu bề sâu - về hậu quả bên lề của tội án hành quyết.

Có lẽ giáo lý nhà Phật đã giúp đỡ nâng cán cân giúp ý kiến bác bỏ án tử hình. Địa vị của đức Phật ở thời nguyên thủy, trong tăng đoàn và ngoài xã hội là tối thượng, cao hơn các bậc vua chúa. Nhưng Ngài không hề áp đặt ý kiến của Ngài trong việc canh tân luật pháp. Tuy nhiên trong tăng đoàn như đã nói ở trên, việc tổ chức hình phạt rất hợp lý và theo hệ thống. Patimokkha có bảy thứ bậc luận tội, định tội và hành tội. Khandhakas có năm thứ bậc, cũng như trên - nghĩa là tội ác - ở mức nặng nhất là giết người, cũng có thứ bậc, cũng có trường hợp giảm khinh hay gia trọng. Giết người cố ý (volition), giết người tập thể, khó mà bào chữa bằng luận cứ của hình thức nào. Chính triết gia Mill, năm 1868, trong sách *In Hansard's Parliamentary Debates*, đã nói lên lời dạy của đức Phật khi dùng và giải thích trường hợp ông gọi là tội án sát nhân gia trọng (aggravated murder). Nhưng đức Phật đã đi xa hơn Mill: Trong Patimokkha và Khamdhakas không bao giờ nói tới cực hình, cả trong trường hợp phạm tội cực kỳ nghiêm trọng, và dĩ nhiên không bao giờ nói tới hình phạt hủy diệt (*vinasa / uccheda*).●

TẤT CẢ NÉT ĐẸP CỦA VŨ TRỤ

TRỊNH XUÂN THUẬN
Nguyễn Lâm dịch

LTS: *Giáo sư Trịnh Xuân Thuận hiện đang giảng dạy về các môn học Vật Lý Thiên Văn tại đại học Virginia Hoa Kỳ. Là một tác giả khoa học gia Việt Nam nổi tiếng quốc tế, ông đã viết nhiều sách về khoa học vũ trụ và tìm cách nối một nhịp cầu giữa khoa học với các tín ngưỡng tâm linh. Chẳng hạn như cuốn* La mélodie secrète *(Giai điệu bí mật, ấn hành 1988),* Le Chaos et l'Harmonie *(Hỗn mang và hoà hợp). Gần đây nhất, Ricard Mathieu (khoa học gia Pháp, nay là tăng sĩ Phật giáo trong truyền thống Tây Tạng) và Trịnh Xuân Thuận mới viết chung cuốn* L'infini dans la paume de main *(Vô tận trong lòng bàn tay) - đang được giới truyền thông quốc tế rất chú ý.*

*

Tôi tin vào một nguyên lý tạo dựng, một qui luật điều hòa, nhưng không liên quan đến riêng ai, được thể hiện qua các luật tự nhiên. Điều này không có tính cách Phật giáo - vì Phật giáo không chấp nhận các nguyên do đầu tiên và họ có quan niệm tuần hoàn về vũ trụ; và cũng không phải là Thượng đế - đấng sáng tạo được nhân cách hoá trong Thiên chúa giáo.

Tôi sinh năm 1948 ở Hà Nội, Việt Nam, trong một gia đình theo phật giáo Tiểu Thừa Theravada- nhưng cũng theo đạo Khổng và đạo thờ kính ông bà. Người Việt Nam chúng tôi không ngại chiết trung (syncretisme) các đạo, theo nghĩa hay của nó. Mẹ tôi rất mộ đạo, bà thường đi chùa và tôi hay đi theo bà. Trong nhà có một bàn thờ Phật, và chúng tôi tụng kinh trước bàn thờ này. Dù không hiểu ý nghĩa của kinh, vì kinh điển có khi được chuyển ra tiếng Hán Việt theo âm của tiếng Phạn, nhưng dù thế, việc đọc kinh làm chúng tôi có được một tâm hồn thanh thản. Với cách này, và qua việc thờ phượng có tính cách rất lễ nghi, các đường nét chính của Phật giáo đã thấm dần vào con người tôi. Bởi vì, không những chúng tôi không có sách giáo lý, chúng tôi cũng không đọc các bài giảng, triết lý hay các loại văn bản khác về đạo Phật. Cách thức làm quen bằng lời nói, bằng cử chỉ, bằng nghi lễ đã làm cho tôi sống với các giới luật tinh thần (như lòng từ bi) - mà giới luật là một khía cạnh căn bản của đạo Phật. Nhưng, chỉ về sau này, tôi mới tiếp cận tôn giáo này một cách trí tuệ hơn, triết học hơn.

Tôi rời Việt Nam năm 1966, trước hết tôi qua Thụy Sĩ, năm sau tôi qua Mỹ. Tôi ghi danh vào trường đại học kỹ thuật Caltech ở tiểu bang California. Khuôn viên đại học này có một ống kính viễn vọng lớn nhất thế giới, trong đài thiên văn Palomar, như thế, tôi có dịp may được dùng đến nó lúc còn rất trẻ. Thật là một khám phá, vì ngay từ đầu, tôi đã có ý định học vật lý, nhưng tôi lại "rơi tõm" vào môn thiên văn! Từ đó, tôi không ngừng để tâm học về sự hình thành và tiến triển của các thiên hà. Việc dấn thân vào con đường khoa học không làm cho tôi quay lưng với tôn giáo do cha mẹ để lại. Tôi không đi chùa, vì hồi đó tôi không biết có chùa nào ở vùng này, nhưng tôi đọc kinh, và Phật giáo như một triết lý đạo đức đã có một ảnh hưởng lớn trên tôi. Trong thập niên sáu mươi, có một phong trào Phật giáo theo kiểu tây phương nở rộ ở California, nhưng tôi có cảm tưởng đó chỉ là một phong trào thời thượng, tôi chỉ đứng xa xa để quan sát. Trong môi trường khoa học của tôi, người ta ít quan tâm đến siêu hình, nói chung, các nhà khoa học Hoa Kỳ rất thực tiễn.

Tôi chỉ khởi sự suy nghĩ về siêu hình khi tôi viết quyển sách đầu tiên, *Giai điệu huyền bí* (La Melodie secrète). Trong tác phẩm này, tôi muốn thu góp lại tất cả hiểu biết của tôi về khoa học, và, trong quá trình thực hiện, điều không tránh được là tôi phải đề cập đến các vấn đề siêu hình: căn nguyên của nguồn gốc vũ trụ, của thời gian và không gian. Khi người ta thu mình trong một công việc thuần túy khoa

học, người ta có khuynh hướng chỉ thấy vài cái cây trong một khu rừng rậm. Soạn thảo một tác phẩm tổng hợp và phổ cập đã dẫn tôi đến việc ráng nhìn toàn bộ khu rừng rậm. Đó là điều đã xảy đến cho tôi.

Khuynh hướng nhìn tổng quát này không tránh được các lời phê bình của đồng nghiệp, bởi vì đa số họ đều làm việc trên sự "phân ly" giữa khoa học và đức tin. Họ coi đó là các lãnh vực hoàn toàn khác nhau, phải được bàn luận riêng biệt. Do đó, một vài đồng nghiệp thấy trong tác phẩm của tôi một thứ trộn lẫn không thể chấp nhận được. Phần tôi, tôi cho rằng một khoa học gia cũng là một con người, họ có quyền suy nghĩ về vũ trụ, về nguồn gốc, về cứu cánh, về chỗ đứng của họ trong vũ trụ, họ xác định một cách rõ ràng đến đâu thì khoa học ngừng, và đến đâu là siêu hình khởi sự. Với tác phẩm đó và các tác phẩm sau này, tôi muốn làm một thách đố, theo nghĩa của triết gia Pascal, trên các tin tưởng của tôi dưới ánh sáng hiểu biết khoa học mà tôi có được. Khoa vũ trụ luận hiện đại đã khám phá ra vũ trụ được "sắp xếp" một cách chính xác để sự sống và ý thức cùng xuất hiện. Khám phá này được đánh giá là "nguyên lý nhân loại học" và có hai cách diễn tả: cách thứ nhất, coi là yếu, cho rằng các tính chất của vũ trụ tương hợp với sự hiện hữu của chúng ta, điều này tôi coi là chuyện đương nhiên! Cách thứ nhì mạnh hơn, tôi đồng ý với cách diễn dịch này, xác nhận vũ trụ có một ý nghĩa và một cùng đích, và nó hướng về một ý thức có khả năng tiếp nhận được sự hài hòa của nó.

Tôi tin vào một nguyên lý tạo dựng, một qui luật điều hòa, nhưng không liên quan đến riêng ai, được thể hiện qua các luật tự nhiên. Điều này không có tính cách Phật giáo, vì Phật giáo không chấp nhận các nguyên do đầu tiên và họ có quan niệm tuần hoàn về vũ trụ; và cũng không phải là Thượng đế - đấng sáng tạo được nhân cách hoá trong Thiên chúa giáo.

Trên bình diện này, tôi cảm thấy gần với Einstein và Spinoza. Ngược lại, có hai khái niệm quan trọng của đạo Phật được tìm thấy trong khoa vật lý và thiên văn hiện đại. Trước hết, đó là sự liên đới (Tương Tức) giữa các hiện tượng, sự liên đới này được nhận thấy trong cơ học sóng (la mecanique quantique). Khoa cơ học sóng (ba động) đã khám phá thấy các phần tử cơ bản của vũ trụ vật lý liên đới tác động với nhau, làm thành một phần trong Tổng Thể, dù cho nó có cách xa nhau hàng nhiều năm ánh sáng. Một khái niệm chủ yếu khác của Phật giáo là tính Vô Thường Vô Ngã của tất cả mọi sự: khoa vật lý hiện đại nhấn mạnh đến việc trở thành không ngừng của các hiện tượng. Viết cuốn sách *Vô tận trong lòng bàn tay* (L'infini dans la paume de main) chung với Matthieu Ricard, cho tôi có dịp đào sâu các văn bản triết lý Phật giáo để liên kết với công việc có tính cách khoa học của tôi. Là Phật tử, Mathieu Ricard nhấn mạnh đến việc chiêm nghiệm, để qua trực giác, mình thấm nhập được vào thực tại. Trong nhãn quan này, tôi thấy được nhiều chuyện. Theo tôi, thế giới là sự trộn lẫn vô cùng rắc rối và không thể gỡ được giữa tự do và tất định: nó làm cho thế giới phức tạp và đầy nét đẹp này, một mình lý trí không thể nào lãnh hội được. Như tôi đã nói, cuối cùng, chiều kích luân lý của Phật giáo đã có và luôn luôn có một ảnh hưởng lớn trên tôi.

Vì lý do đó, với cương vị của một nhà khoa học, tôi không thể làm việc gì có hại cho nhân loại. Tôi đã bàng hoàng khi biết có những nhà thông thái đã cộng tác trong lãnh vực quốc phòng, để chế tạo những vũ khí mới có tính cách tác hại hơn các vũ khí cũ, trong chiến tranh Việt Nam. Đời sống thiêng liêng nói chung, và đặc biệt nơi Phật giáo, có thể giúp cho các khoa học gia, chẳng hạn các nhà di truyền học có được các chọn lựa đạo đức. Về vấn đề này, tôi nhận thấy các hội đồng luân lý tây phương gồm những nhân vật rất chuyên nghiệp, nhưng lại không có đủ minh triết cần thiết để làm việc trong lãnh vực này. Ở tây phương, người ta thường có thói quen tách rời sự thông minh lý tính và trí tuệ minh triết, mà thường người ta lại coi trọng thông minh lý tính. Như thử hai thứ trí tuệ này không thể đồng minh với nhau được! May thay, đang có nhiều tiến bộ trong chiều hướng đối thoại cởi mở giữa các khoa học gia và các tu sĩ. Năm ngoái, với cương vị là khoa học gia và Phật tử, tôi được mời dự một buổi hội thảo ở Washington gồm các Giáo sĩ, Mục sư v.v... cùng ngồi chung thảo luận với những đồng nghiệp trong ngành khoa học của tôi. Một vài nhà khoa học phản đối việc trao đổi có tính cách hỗn hợp này. Phần tôi, tôi thấy các cuộc trao đổi này rất có ích.●

(Nguyễn Lâm dịch từ Toute la beauté du monde
Tạp chí Actualité des religions, No 18,
Tháng 7-8 năm 2000)

VỤ ÁN PINOCHET LÀM RUNG CHUYỂN LUẬT PHÁP QUỐC TẾ

NGUYỄN VĂN THÀNH

(Tiếp theo và hết)

Trong phiên xử ngày 11-12-1961, Tòa Án Jerusalem Do Thái tuyên án phạt Eichmann tử hình bằng cách hành quyết treo cổ. Cũng cần trình bày Eichmann phạm tội vào thời điểm 1939-1945, lúc đó chưa có quốc gia Do Thái. Nước này được chính thức thành lập vào ngày 14-5-1948, dựa vào Nghị quyết của Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc ngày 29-11-1947.

Căn cứ vào đạo luật Do Thái ban hành có tính cách hồi tố vào năm 1948 (luật hình có hiệu lực về quá khứ) trừng phạt những người cộng tác với Đức Quốc Xã và Án Lệ (Jurisprudence) của Tòa Án Quốc Tế trong vụ án nổi tiếng "Lotus case" minh định nguyên tắc về lãnh thổ không giới hạn quyền của các quốc gia xét xử những tội phạm nghiêm trọng, Tòa Án Jerusalem đã tuyên bản án như đã đề cập ở trên.

(The Attorney General of the Government of Israel V. Eichmann-District Court of Jerusalem-Judgment of Dec.11,1961).

2. Tướng Manuel Antonio Noriega

Ngày 20.12.1989, quân đội Hoa Kỳ hành quân tại Panama bắt được Tướng Namnuel Antonio Noriega trong một cuộc xung đột vũ trang (Armed conflict) giữa Panama và Hoa Kỳ. Tướng Noriega là nhà lãnh đạo dân cử bị bắt coi như tù binh nhưng còn can tội "Rửa tiền và buôn lậu ma túy" (money laundering and drug trafficking charges).

Viện dẫn lý do phòng phụ trách nhà giam, theo sự qui định của Công Ước Geneva III, 1949, không bảo đảm được sự an toàn nơi giam giữ Noriega, Mỹ chuyển tướng Noriega về nhà lao tại Miami, Florida và đưa ra Tòa Án Liên Bang xét xử. Năm 1992, Tướng Noriega bị phạt 30 năm tù giam về tội rửa tiền và buôn lậu ma túy.

(United States of America V. Manuel Antonio Noriega-The Laws of War by W. Michael and Chris T. Antoniou.)

Hai vụ án nói trên, mặc dầu bị chỉ trích về thẩm quyền tài phán, đã đáp ứng sự đòi hỏi của cộng đồng thế giới mong muốn có sự canh chừng thường xuyên và xét xử kịp thời những người làm sai trái gây bao tai họa cho tập thể, cho dù đó là buôn lậu ma túy hay tội diệt chủng.

Đặc biệt, phán quyết của Tòa Án Tối Cao Anh đã thiết lập, cho dù vụ Pinochet chưa kết thúc, một tiền lệ về tài phán quốc tế vô cùng quan trọng áp dụng trong tương lai. Các nhà độc tài không còn vui thú được hưởng quyền đặc miễn truy tố nữa. Luật quốc nội cần được viết lại và lý thuyết về tội hình quốc tế đáng được tái cứu xét để canh tân guồng máy tư pháp đi vào giai đoạn thiết lập "luật thế giới" (Droit mondial" trong một tương lai không xa. Đó là các đề tài sẽ được khai triển ở mục dưới đây.

III. Một tiền lệ lịch sử (A historic precedent)

Vụ truy tố Pinochet, nhà cựu lãnh đạo quốc gia Chí Lợi, ra Tòa không phải là điều mới lạ. Tòa Án Hình Sự quốc tế tại Bosnia (trong Liên Bang Nam Tư cũ) do Hội Đồng Bảo An thiết lập ngày 25-5-1993 đã cáo buộc cựu Tổng Thống Bosnia Karadzic và đương kim Tổng Thống Serbia Milosovic về tội diệt chủng và những tội phạm chống nhân loại nhưng các bị cáo chưa bị bắt để đưa ra Tòa xét xử. Với thẩm quyền hạn hẹp bị giới hạn trong vùng Bosnia và lãnh thổ quốc gia Rwanda, Tòa Án Hình Sự Quốc Tế cũng còn được gọi là Tòa

Án Liên Hiệp Quốc đã không đáp ứng được sự đòi hỏi của cộng đồng quốc tế muốn thẩm quyền tài phán của tòa này phải bao trùm khắp thế giới, độc lập không lệ thuộc vào Hội Đồng Bảo An trong cuộc điều tra cũng như xét xử những kẻ phạm pháp đang sống ngoài vòng pháp luật.

Vì lý do trên, Hội Nghị Quốc Tế gồm 120 nước họp vào tháng 7 năm 1998 tại La Mã, Ý Đại Lợi, đã dự thảo một Hiệp Ước để thiết lập Tòa Án Hình Sự Quốc Tế Thường Trực nhưng Hoa Kỳ không ủng hộ, trong khi đó Nga ký và một số đồng minh của Mỹ cũng ký. Về mặt chính trị, chính quyền Clinton không tán thành vì e ngại quân nhân Hoa Kỳ trong lực lượng gìn giữ hòa bình trên thế giới có thể bị đưa ra Tòa xét xử về trách nhiệm hình sự quốc tế. Như vậy, không biết đến bao giờ mới có thể thành hình Tòa Án vừa đề cập mặc dù đã có 60 nước phê chuẩn.

Các nhà tranh đấu cho nhân quyền cũng như các thẩm phán độc lập trong các nước tự do, dân chủ không còn kiên nhẫn chờ đợi sự ra đời của Tòa nói trên và cũng không thể nhắm mắt làm ngơ trước những vi phạm trầm trọng luật nhân quyền. Họ đã tự tìm lấy nhiều đường lối để lựa chọn sự truy tố và trừng phạt thích đáng kẻ phạm pháp.

1. Đường lối riêng

Thẩm phán Tây Ban Nha Baltasar Gapzon quan niệm lạm dụng nhân quyền là mối đe dọa lớn nhất cho hòa bình. Là một thẩm phán đấu tranh cho nhân quyền, ông tin tưởng sự tiến triển của cơ cấu pháp lý quốc gia sẽ chấp nhận và mở rộng thẩm quyền tài phán bất cứ ở Tòa nào và bất kỳ ở đâu để xét xử vi phạm nhân quyền cũng như những tội phạm chống nhân loại.

Đơn thương độc mã, thẩm phán Gapzon đã mở cuộc điều tra dưới nhiều hình thức, vụ thủ tiêu trên 10,000 nhà đối lập tại Argentina và 5000 người tại Chí Lợi. Ông đã thất bại tại Argentina vì Tòa Án Argentina đã tổ chức các phiên Tòa xét xử những kẻ phạm tội giết và thủ tiêu 10,000 người. Trái lại, tại Chí Lợi, những thủ phạm trong vụ tra tấn và thủ tiêu 5,000 nhà đối lập đã được ân xá kể cả Pinochet. Nhà cựu độc tài Pinochet tin tưởng rằng, với tư cách Thượng Nghị Sĩ trọn đời và cựu nguyên thủ quốc gia sẽ được đặc miễn truy tố về trách nhiệm cá nhân khi làm nhiệm vụ quản lý đất nước.

Biết thói quen của Pinochet, thẩm phán Gapzon giăng mẻ lưới. Pinochet thường đến Anh nghỉ hè hoặc chữa bệnh, mỗi năm hai lần. Vào ngày 16.10.1998, Pinochet cùng gia đình đến Anh quốc để chữa bệnh. Đương sự cư ngụ tại một biệt thự ở ngoại ô phía Nam Luân Đôn. Đêm 16-10-1998, Cảnh sát Anh bất ngờ xuất hiện để tống đạt trát nã bắt Pinochet về tội tra tấn và thủ tiêu các nhà đối lập. Cũng từ đêm đó cho đến ngày 2-3-2000, Pinochet bị giam tại gia để chờ ngày dẫn độ tới Tây Ban Nha như đã đề cập diễn tiến ở phần mở đầu.

Tòa Án Tối Cao Anh Quốc đã giải quyết điểm tiên quyết quan trọng nhất (nội dung và tình tiết vụ án thuộc thẩm quyền Tòa Án Tây Ban Nha hoặc Tòa Án Chí Lợi) có thể coi như then chốt của vụ án. Đó là Pinochet có được hưởng quyền đặc miễn truy tố không? Tòa Án Tây Ban Nha có thẩm quyền xét xử Pinochet không?

Phán quyết của Tòa Án Tối Cao trên minh định cựu nguyên thủ quốc gia không được hưởng quyền đặc miễn truy tố nếu phạm tội lạm dụng nhân quyền và có thể bị đưa ra Tòa xét xử hầu như bất cứ ở nơi nào. Như vậy, Pinochet sẽ bị dẫn độ tới Tòa Án Tây Ban Nha tại Madrid.

Đó là một tiền lệ lịch sử qui định về "tài phán quốc tế" đối với những người can tội lạm dụng nhân quyền.

2. Tài phán quốc tế (Universal Jurisdiction)

Theo thủ tục thông thường, mỗi khi thiết lập một Tòa Án quốc nội, ta thấy cần có một Đạo Luật, và với cộng đồng quốc tế thì phải có sự thỏa hiệp giữa các quốc gia dưới hình thức một Công Ước hoặc Hiệp Ước hay một Qui Chế minh định thẩm quyền tài phán cho cơ quan xét xử. Tiền lệ của Tòa Án Tối Cao Anh Quốc qui định về thẩm quyền tài phán quốc tế đã vượt ra khỏi khuôn khổ thủ tục vừa đề cập, nhưng đã được đón nhận nồng nhiệt khắp mọi nơi trên thế giới, ngay cả trên đất nước Chí Lợi.

Từng bước

Khi Pinochet bị giam giữ tại Luân Đôn, các nhà tranh đấu cho nhân quyền tại Chí Lợi đã gây sức ép buộc nhà cầm quyền Chí Lợi tổ chức các phiên tòa xét xử những người nhúng tay vào vụ tra tấn và thủ tiêu các nhà đối lập. Trước đó, không có một thủ phạm nào bị truy tố cả. Vì vậy, có 17 tướng tá và một số can phạm đầu não trong lực lượng an ninh (La Dina) đã bị truy tố và xét xử. Ngoài ra, đã có

29 vụ xin bồi thường thiệt hại. Con số can phạm bị đưa ra tòa cũng như đơn xin bồi thường ngày một gia tăng.

Sau chiến tranh vùng Vịnh 1991, Hoa Kỳ đã thất bại không đưa được Saddam Hussein ra Tòa nhưng đã, từng bước, tìm cách đưa những phụ tá chóp bu của Hussein ra Tòa Án quốc gia thuộc đồng minh của Mỹ tại Âu Châu. Có trong tay các bằng chứng tỷ như cuộc hành quân ANFAL 1988, quân đội Iraq đã tàn sát 50,000 dân thiểu số Kurds, Mỹ sẵn sàng chuyển hồ sơ cho thẩm phán Âu Châu bắt giữ nhân viên cao cấp Iraq đi du lịch, chữa bệnh hoặc đi dự Hội Nghị quốc tế tại Âu Châu.

Ibrakim Douri, Phó Chủ Tịch Hội Đồng Cách Mạng, sang Áo chữa bệnh, vội vã trốn về nước ngày 28-10-1999 khi được tin Mỹ sửa soạn chuyển hồ sơ cho thẩm phán Áo để bắt giữ. Cựu ngoại trưởng Tariq Aziz hiện giữ chức Phó Thủ Tướng Iraq, dự định đi dự hội nghị La Mã, đã phải hủy bỏ chuyến bay vì cũng sợ bị thẩm phán Ý bắt.

Nhà cựu độc tài Chad Hissence Harbre, đang sống lưu vong tại Senegal (Phi Châu), đã bị giam giữ tại gia ngày 4-2-2000 ở Dakar, do lệnh của thẩm phán Senegal để điều tra về các vụ tra tấn và thủ tiêu các nhà đối lập trong thời gian cầm quyền. Đây là lần đầu tiên, ta thấy một vị nguyên thủ quốc gia Phi Châu bị giam giữ về tội lạm dụng nhân quyền. Những nạn nhân gọi Habre "Africa's Pinochet".

Người ta tự hỏi, bao giờ sẽ đến lượt các nhà cựu độc tài khác đang sống lưu vong trên thế giới? Chẳng hạn như nhà cựu độc tài Idi Amin, Ugando, sát hại hàng ngàn nhà đối lập, đang sống lưu vong tại Saudi Arabia. Cựu tổng thống Mengistu Haile Mariam, giết người hàng loạt tại Ethiopia, đang sống lưu vong ở Zimbabwe và Jean Claude Duvalier, Haiti, được không lực Mỹ chở qua Pháp đang sống an toàn tại miền Nam nước Pháp.

Các sự kiện trình bày ở trên đã nói lên sự đoàn kết quốc tế và lương tâm tập thể không chấp nhận sự miễn trừng phạt đối với những người vi phạm nhân quyền và những tội phạm chống nhân loại. Đã tới lúc luật quốc nội cũng như quốc tế cần được tái cứu xét sao cho phù hợp với sự tiến triển của guồng máy tư pháp trong cộng động thế giới hiện nay.

Canh cải

Có 120 nước tham dự Hội Nghị La Mã vào tháng 7 năm 1998, đã thỏa hiệp thiết lập mốt Tòa Án Hình Sự Quốc Tế Thường Trực và yêu cầu các nước ký kết nên viết lại luật quốc nội. Ngoài ra, lý thuyết hình phạt hình sự quốc tế cũng cần được tái cứu xét tỷ như vấn đề đòi bồi thường thiệt hại cũng cần đưa vào văn kiện pháp lý.

Từ nhiều năm nay, một số đông luật gia chuyên về luật quốc tế đã đưa ra nhiều dự thảo luật như "Luật liên quốc gia" (Transnational law), "luật toàn cầu" (Global law), "luật thế giới" (world law-droit mondial) v.v. Phần đông các nhà nghiên cứu thiên về ý niệm "luật thế giới". Theo quan điểm của luật gia Kotaro Tanaka, cựu thẩm phán Tòa Án Quốc Tế, luật thế giới bao gồm những thông luật quốc gia, tư pháp quốc tế và công pháp quốc tế *(world law comprises common national laws, private international law, and public international law.)*

Vụ án Pinochet cho thấy luật quốc nội và quốc tế gần như không còn ranh giới. Luật quốc nội đã vượt biên cương quốc gia đi vào trào lưu tiến bộ của nhân loại trên mọi lãnh vực, trong đó có địa hạt pháp lý, trong việc truy tầm và nã bắt những người vi phạm nhân quyền cùng luật nhân đạo quốc tế.

Việc khai sinh ra Tòa Án Hình Sự Quốc Tế Thường Trực nhằm mục đích thay thế hai Tòa Án Hình Sự Quốc Tế tạm thời tại Bosnia và Rawnda (tác giả đã đề cập hai Tòa Án tạm thời này trong bài viết "Tòa Án Quốc Tế qua các giai đoạn lịch sử" đăng ở tuần báo Gió Mới số 276 ngày 31-12-1999 và số 277 ngày 7-1-2000.) Đặc biệt Tòa Án Rwanda, Phi Châu, gặp khó khăn về tài chánh cũng như nhân sự. Các thẩm phán Tòa Rwanda chưa theo đúng chuẩn mực (norm) đòi hỏi của Tòa Án Quốc Tế nên cuộc điều tra và xét xử mắc phải nhiều sai lầm đáng tiếc. Nhưng dù sao định chế quan trọng nhất trong thế kỷ 20 là Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc đã thành lập được Tòa Án Hình Sự Quốc Tế, lần đầu tiên trong lịch sử, đặt nền móng thiết yếu cho sự ra đời Tòa Án Hình Sự Quốc Tế Thường Trực vậy.

Cựu tổng thống Jimmy Carter ủng hộ sự thiết lập Tòa Án Hình Sự Quốc Tế Thường Trực. Theo quan niệm của ông, Tòa này sẽ bảo đảm phẩm chất, sự hữu hiệu, nhanh chóng và công bằng không có tiên kiến trong cuộc điều tra và trừng phạt. Ông tán thành sự tham gia của Hoa Kỳ nhưng chính quyền Clinton, vì lý

do chính trị, đã không ký kết Hiệp Ước.

Tóm lại sự giữ gìn hòa bình và bảo vệ nhân quyền có tính cách thiết yếu chung cho cộng đồng quốc tế, sẽ dẫn tới, không thể tránh khỏi, sự ra đời luật thế giới trong một ngày không xa vì theo câu châm ngôn "ở đâu có cộng đồng, ở đó có luật" (*ubi societas, ibi jus-where there is a community, there is law.*)

(Kataro Tanaka, "Esquisse d'une théorie de Droit mondial," - "Du droit international au droit mondial," Retribution, reparation -Sanctioning Alternatives in International Criminal law by George S. Yacoubian J. A Permanent International Criminal Court Should be created by Jimmy Carter.)

Kết luận

Ra Tòa hay không ra Tòa Chí Lợi, Pinochet chỉ là cái bóng mờ trên chính trường quốc tế cũng như quốc nội bởi vì uy tín đã bị sứt mẻ và thanh danh bị hoen ố sau 17 tháng bị giam giữ tại Anh về trách nhiệm hình sự trước luật pháp quốc tế trong thời gian cầm quyền. Nhưng tên tuổi Pinochet sẽ mãi mãi được nhắc nhở khi đề cập tới tiền lệ của Tòa Án Tối Cao Anh Quốc đối với những nhà độc tài vi phạm nhân quyền.

Về mặt pháp lý, Pinochet đáng lẽ phải ra Tòa Án có thẩm quyền tỷ như Tòa Án Hình Sự Quốc Tế xét xử, thì nay gần như tất cả các Tòa Án quốc gia trong cộng đồng thế giới đều có thể truy tố và xét xử những vụ giống như trường hợp Pionchet. Phi Châu đã áp dụng tiền lệ này đối với nhà cựu độc tài Chad Hissence Harbre đang sống lưu vong tại Senegal. Bị can bị giam giữ ngày 4-2-2000 tại Dakar do lệnh tống giam của thẩm phán Senegal để đưa can phạm ra Tòa Án Senegal về tội tra tấn và thủ tiêu các nhà đối lập tại quốc gia Chad.

Thế kỷ đẫm máu

Mở đầu thế kỷ 20, ta thấy Đế Quốc Thổ Nhĩ Kỳ (Ottoman Empire) đã tiêu diệt 1,500,000 dân thiểu số Armenian khiến Hội quốc Liên phải can thiệp. Đệ Nhất Thế Chiến giết và gây tàn tật 30 triệu người. Hitler cùng Trục phát xít Ý, Đức Nhật xâm lược các lân bang gây ra Đệ Nhị Thế Chiến giết gần trăm triệu người chết và tàn tật, chưa kể hàng triệu người chết và bị giết về nguyên nhân khác. Xin đơn cử một vài vụ trong hàng trăm vụ chưa được ghi vào thống kê.

Binh sĩ Liên Sô bị giết như con sâu cái kiến, trong số sáu triệu tù binh Liên Sô bị Đức bắt, chỉ còn một triệu sống sót. Đến lượt Liên Sô bắt giữ ba triệu rưỡi tù binh Đức, có một triệu rưỡi không bao giờ trở về Đất Mẹ. (Tuần báo *Life* kỷ niệm 50 năm 1945-1995.)

Quân phiệt Nhật bắt nông dân Việt nhổ lúa trồng đay phục vụ chiến tranh cho trục phát xít, đã gây ra nạn đói năm Ất Dậu (1945) giết hai triệu dân. Hàng trăm ngàn người lại bị gục ngã trong các cuộc đấu tố về chính sách cải cách ruộng đất dưới chế cộng sản Bắc Việt v.v...

Theo các nhà nghiên cứu và sử gia, thế kỷ 20 là thế kỷ của khoa học và kỹ thuật. Ngược lại, có nhiều nhà tư tưởng lại coi thế kỷ 20 là thế kỷ dân chủ và dân quyền.

Dưới lăng kính pháp lý, thế kỷ 20 là thế kỷ tàn bạo và man rợ nhất trong lịch sử thế giới. Tội phạm Pinochet cũng nằm trong hành vi

TÔN NỮ THU NGA

TRĂNG THÁNG GIÊNG

Trăng chìm giữa biển đen
Buồn thôi không muốn hỏi
ngày có sầu hơn thêm,
đêm có cô liêu mãi

Tóc tơ dài sương khói
mơ em ngày xanh xưa
má hồng trong xuân mới
trăng lồng bóng đong đưa

Trăng chìm giữa biển đen,
ta buồn không muốn nhớ
những buổi chờ trăng lên
hay chờ em đầu ngõ

Trăng chìm giữa biển đen
em đi vào dĩ vãng
ngan ngát mùi hương sen
trong hồn ta phiêu lãng.

tàn bạo và man rợ bị lên án trong thế kỷ.

Luật gia Pháp Pisar, một trong những luật gia danh tiếng trên thế giới, từng đưa ra sự nhận xét về vụ bắt giam Pinochet đề cập ở Mục II nói trên và khi Tòa Án Tối Cao Anh đưa ra tiền lệ lịch sử về tài phán quốc tế, đã nói về thế kỷ 20 như sau: "Thế kỷ đã vấy máu và nhuốm máu ngay từ buổi ban đầu. Những người Armenian. Hitler. Stalin. Mao. Pol Pot. Bosnia. Người Kurd. Người Chechnyan. Người Algerian. Người Kosovar. Và tất nhiên cả những người Do Thái... Chúng ta cần làm sao để chắc chắn rằng những gì đã xẩy ra ở thế kỷ man rợ này sẽ không tái diễn trong thế kỷ tiếp theo." (The century has been stained, bloodstained, from the beginning. The Armenians. Hitler. Stalin. Mao. Pol Pot. Bosnia. The Kurds. The Chechnyans. The Algerians. The Kosovars. And of course the Jews.... We must make sure that what happened in this barbaric century is not repeated in the next.)

Sự nhận định của luật gia Pisar đã đi theo vào chiều hướng của lời hứa dưới đây

LỜI HỨA

Hơn nửa thế kỷ sau khi phạm nhân chóp bu Đức Quốc Xã được xét xử xong vào cuối năm 1946, ta thấy chỉ ba năm sau, có bốn Công Ước Geneva ra đời qui định luật chiến tranh và luật nhân đạo quốc tế thể hiện lời hứa ngăn ngừa những hành vi tàn bạo và man rợ không còn tái diễn nữa. Lời hứa "không bao giờ xảy ra nữa" (Never again) gặp trở ngại do cuộc chiến tranh lạnh kéo dài gần nửa thế kỷ suýt đưa nhân loại vào Thế Chiến Thứ III.

Biết bao thủ phạm can tội tra tấn, bắt cóc, thủ tiêu, giết người hàng loạt khắp nơi trên trái đất, không bao giờ bị truy tố và đưa ra tòa xét xử cả. Phải chờ cho đến khi bức tường Bá Linh sụp đổ và khối cộng sản tan rã, ta mới thấy, lần đầu tiên trong lịch sử, sự khai sinh ra Tòa Án Hình Sự Quốc Tế báo hiệu lời hứa sắp trở lại.

Vụ Pinochet bùng nổ cùng với sự thiết lập Tòa Án Hình Sự Quốc Tế Thường Trực (Hội Nghị La Mã) đã giúp thực hiện lời hứa. Đó là một thực tế.

Trước hai sự kiện vô cùng quan trọng vừa trình bày ở trên, thiển nghĩ có lẽ không ai có đủ thẩm quyền hơn bà Louise Arbour, cựu Trưởng Phòng Công Tố Tòa Án Hình Sự Quốc Tế tại Bosnia, nhận xét về lời hứa năm xưa. Bà nói: "Như vậy tôi có thể nói thực tình rằng 'không bao giờ xảy ra nữa.' Không phải là những sự việc đó không bao giờ xảy ra nữa. Nó vẫn xảy ra hàng ngày. Nhưng là để nói rằng, từ nay trở đi tình trạng miễn trừng phạt sẽ thực sự chấm dứt." (Then I think we can really say "Never again." Not that these things won't ever happen again. They happen every day. But it will be the end of impunity.)

Quả "không bao giờ xảy ra nữa" "never again" đã đáp ứng khát vọng muộn thuở của loài người - muốn được sống an toàn, không còn lo sợ những sự tàn bạo và man rợ nữa, để được hưởng những quyền căn bản xứng đáng với nhân phẩm của con người, trong một nền hòa bình vĩnh cửu, dưới một mái nhà của đại gia đình các dân tộc trên hành tinh này vậy.

"Không bao giờ xảy ra nữa - Never again" sẽ trường tồn với Nhân loại.●

TULLY CLINIC

PHARMACY

VO, DAI D.

DƯỢC SĨ, TIẾN SĨ SINH HÓA

1693 FLANIGAN DRIVE, SUITE 104

SAN JOSE CA 95121

TEL: (408) 274-6698

* Bán thuốc theo toa bác sĩ
* Nhận Medical và bảo hiểm
* Tiếp đãi ân cần
* Chỉ dẫn tường tận
* Lựa chọn thuốc có phẩm chất cao

Giờ mở cửa:

Thứ Hai - Thứ Bảy: Từ 9:00AM - 7:00PM

Chủ nhân kính mời

VÀI NÉT VỀ NGHỀ TRỒNG LÚA TẠI KHU VỰC Á CHÂU GIÓ MÙA

THÚC NGUYÊN

(Tiếp theo và hết)

Loại lúa nước nông được trồng trong những miền đất thấp như cửa sông Godavari và lưu vực Mahanadi ở Ấn Độ, Lưu Vực Đỏ ở Trung Quốc, bình nguyên Myitkina ở Miến Điện, Sip Song Pan Nà ở Lào, châu thổ sông Hồng và châu thổ sông Cửu Long ở Việt Nam, các đảo Java và Bali ở Nam Dương, đảo Lucon ở Phi Luật Tân... Lúa chỉ có thể chịu đựng được một mực nước cao vừa phải, vì thân nó chỉ cao từ 1m đến 1,3m tùy theo giống. Hơn nữa, ngược với loại lúa nước sâu vươn theo mực nước dâng, lúa nước nông đòi hỏi mực nước phải dâng cao theo mức tăng trưởng của nó, cho nên người ta chỉ có thể trồng nó trong những đồng dễ dẫn nước mà cũng dễ tháo nước, như ruộng mùa ở Bắc Việt, ruộng thuấn ở Nam Việt, srê của người Thượng, nà của tộc Thái, sawah của người Mã Lai ở Nam Dương... Lúa nước nông có năng suất cao, đòi hỏi một sự chăm sóc kỹ lưỡng và liên tục, như các giống lúa Bát Nguyệt, Tám Thơm, Tám Xoan, Lót, Mùa, Ré, Dâu, Hin, Nếp Sáp, Nếp Vải, Nếp Thầu Rầu ở Bắc Việt, các giống lúa Nàng Thơm, Nàng Hai, Châu, Răng Ngựa, Mỡ Bò, Sóng Lớn, Nếp Cò, Nếp Hom, Nếp Quạ, Nếp Nứa, Nếp Ô.c ở Nam Việt, giống lúa Lia của người Thượng...

Loại lúa cạn chỉ sống được trong những đồng ráo nước, là những đồng cạn như nương của người Bắc Việt, rẫy của người Nam Việt, mia của người Thượng... hoặc là những đồng leo (champ en terrasse) như nương bậc của người Trung Việt, hama của người Thượng, payao của người Anh-đô-nê ở đảo Luận bên Phi luật Tân, padang của người Mã Lai ở Nam Dương... Lúa này cho cơm cứng và có năng suất thấp, như các giống lúa Đồ, Mộ, Bẩy, Đồi Thấu, Núi của người Bắc Việt, các giống lúa Rẫy, Cạ, Nhun của người Nam Việt, các giống lúa Lốc, Mán của người sơn cước Bắc Việt, các giống lúa Tiôc, Kơcla của người Thượng, giống lúa Hngo của người Khmụ bên Thượng Lào...

Loại lúa nước nông, loại chủ yếu của người Việt, đòi hỏi người nông dân phải có một kỹ thuật cao. Vì vậy, dưới đây, chúng tôi chỉ nói tới kỹ thuật trồng loại lúa này thôi. Người nông dân Việt có câu: "Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống"; ấy là một kinh nghiệm quý báu từ ngàn xưa để lại. Chúng tôi sẽ lần lượt đề cập đến từng điểm.

5. Việc làm chủ thủy thế

Cây lúa phải có đủ khí nóng (từ 10 độ C trở lên) và nước, mới sống và tăng trưởng được. Gần khắp khu vực Á Châu Gió Mùa có khí hậu nhiệt đới, trừ vài nơi như Nam Nhật, Hoa Nam, Bắc Việt là nơi có khí hậu bán nhiệt đới. Nhưng ngay cả ở những nơi này cũng có đủ khí nóng gần như quanh năm, thích hợp cho sự sinh trưởng của cây lúa: vào tháng lạnh nhất là tháng Một dương lịch (Janvier), nhiệt độ trung bình ở Đông kinh là 5,7 độ C, ở Quảng Châu là 14 độ C, ở Hà Nội là 16,3 độ C. Vậy, chỉ còn lại vấn đề nước, là mối quan tâm hàng đầu của nhà nông: "Nhất nước."

Về mùa mưa, từ tháng Năm đến tháng Mười dương lịch, vùng áp suất cao ở chí tuyến Ma Kết (tropique du Crapricorne) đẩy những khối lượng không khí rất quan trọng qua xích đạo để tới vùng áp suất thấp ở Nam Á và Đông Á. Gió Nồm - gió Mùa đúng nghĩa - có nguồn gốc nhiệt đới và đại dương, vừa nóng vừa ẩm, mang theo những đám mây dày đặc, tạo ra những trận mưa như trút nước. Tại miền bán nhiệt đới Bắc Việt, về mùa hạ, từ tháng Năm đến tháng Bảy dương lịch, những trận mưa Rào tầm tã, và về mùa thu, từ tháng

Tám đến tháng Mười dương lịch, những trận mưa Ngâu rả rích cũng cho lượng nước mưa không kém lượng nước mưa ở những miền nhiệt đới bao nhiêu.

Về mùa khô, từ tháng Mười Một đến tháng Tư dương lịch, gió Bắc lạnh và khô thổi từ Đông Bắc Á xuống phía nam, bị những rặng núi cao chặn lại. Tại những miền không chịu ảnh hưởng này như Bắc Việt, về mùa đông, từ tháng Mười Một đến tháng Một dương lịch, những trận mưa Dầm lê thê, và về mùa xuân, từ tháng Hai đến tháng Tư dương lịch, những trận mưa Phùn lất phất cũng làm cho lượng nước mưa tăng thêm.

Lượng nước mưa hàng năm là từ 1,3m đến 1,5m ở Thượng Lào, Bắc Thái, Cao Miên, Nam Nhật; là từ 1,6m đến 1,8m ở Hoa Nam, Bengale, Bắc Việt, Java; là từ 2m đến 2,6m ở Nam Việt, Lucon, Malacca, Hạ Miến; có khi tới 12m ở Assam.

Ngoài nước mưa và nước lũ, rặng Hy Mã Lạp Sơn cao vòi vọi, là lá chắn chặn đứng những cơn gió Nồm và biến những đám mây khổng lồ thành những trận mưa Nguồn xối xả; những con sông bắt nguồn từ miền này dâng cao, ào ạt chảy về những miền châu thổ, thành nước lũ, mang theo đất phù sa màu mỡ nhưng cũng gây ngập lụt tai hại. Hy Mã Lạp Sơn, Tây Tạng, Vân Nam là những vựa trữ băng tuyết trong mùa lạnh; đến mùa nóng, những khối băng dày tan thành nước đổ vào suối; những con sông bắt nguồn từ những miền này cũng mang nước lũ về hạ lưu.

Ở Bắc Việt, trong mùa nước lũ vào hai tháng Bảy và Tám dương lịch, nước dâng cao ở sông ngòi và thường tràn vào cánh đồng, làm lúa bị ngập đầu mà chết. Câu tục ngữ Thái dưới đây đã nói lên mối ưu tư đó:

Nước ngập đồng, vựa thóc đầy ắp.
Nước ngập lúa, nhà nông đói nhăn.

Để chống với lũ lụt, chỉ có đê điều là có hiệu quả. Theo các thư tịch Trung Quốc, hệ thống đê ở lưu vực sông Hồng đã có từ trước thời Hán thuộc, nghĩa là trước năm 111 trước Công nguyên. Trong truyện hoang đường "Sơn Tinh-Thủy Tinh," việc Sơn Tinh ba lần kéo núi Tản Viên lên cao khi Thủy Tinh dâng nước lên đánh, phải chăng là hình tượng việc đắp đê ngăn nước lũ?

Như chúng tôi đã trình bày, loại lúa nước nông đòi hỏi mực nước phải dâng cao theo mức tăng trưởng của nó. Như thế, nước mưa và nước lũ ít khi vừa vặn đủ cho cây lúa, lúc thì quá thừa, khi thì quá thiếu. Cho nên quanh năm con người phải can thiệp vào việc điều hoà thủy thế.

Trong những năm mưa thuận gió hòa, việc đồng áng tương đối đỡ vất vả. Hệ thống những kênh dẫn và thoát nước giúp cho việc làm chủ thủy thế được dễ dàng. Người ta đã tìm được di tích của những hệ thống dẫn thủy nhập điền ở Nhật Bản thuộc nền văn hóa Đại Ổi. Các nhà khảo cổ học cũng đã khám phá được một hệ thống kênh, đập, đê bằng đá ở Bélouchistan và Sind thuộc nền văn hóa sông Ấn. Theo sách "Quảng Châu ký" của Bác Viên, dân Lạc nước Văn Lang xưa (ở lưu vực sông Hồng và sông Mã) biết lợi dụng nước triều lên xuống mà làm ruộng Lạc. Tiết lộ này cho phép chúng ta nghĩ đến những hệ thống kênh, cửa cống do "Ông đào sông", kỹ sư thủy lợi, thiết lập để bảo đảm cho nhu cầu nước của những ruộng Lạc. Georges Coedès trong "Les peuples de la péninsule indochinoise" cũng đã nói đến một nền văn hóa ở cực nam Á Châu với nghề nông và việc dẫn thủy nhập điền.

Trong những năm "mưa thối đất" hoặc có lũ lụt, việc tháo nước không còn hiệu quả nữa, người ta đành trông cậy vào thần quyền: người ta làm lễ cầu nắng, trong đó có nghi lễ chính là việc thả diều.

Trong những năm mưa ít, ở miền đồng bằng, người ta phải tát nước từ những sông ngòi, ao hồ thấp lên ruộng cao hơn bằng gàu dai (gàu có hai đôi dây, do hai người sử dụng), gàu sòng (gàu có cán dài treo trên một giá ba chân, do một người sử dụng), gàu tay (gàu có cán ngắn), guồng lấy nước (noria) có bàn đạp hoặc nhờ sức nước chảy. Ở miền núi, người ta dẫn nước từ suối thác cao rót vào ruộng thấp hơn bằng một hệ thống máng nứa đặt trên những giá ba chân. Gặp khi hạn hán, sông ngòi, ao hồ, suối thác cạn queo, người ta cũng đành trông cậy vào thần quyền: người ta làm lễ cầu mưa, trong đó nghi lễ chính là việc "đâm" trống đồng.

Người xưa cũng biết trữ nước để dùng tưới ruộng trong mùa khô hoặc trong những năm hạn hán. Tại di chỉ Gio Linh thuộc tỉnh Quảng Trị, người ta còn có thể nhận được vết tích một hệ thống những bồn chứa nước, xây dựng theo một quan niệm rất đặc biệt: bồn lớn trữ nước trong mùa mưa để phân phối nước cho những bồn nhỏ bởi những cửa cống thoát (vanne de décharge); từ những bồn nhỏ này,

có nhiều lạch chạy tỏa ra để phân phối nước cho ruộng ở dưới thấp.

Người Khmer rất chú trọng đến vấn đề thủy lợi. Jayavarman II (802-850), vị vua khai sáng ra triều đại Angkor và thống nhất Chân Lạp (Trung Hạ Lào, Cao Miên và Nam Việt bây giờ), ra sức mở mang nông nghiệp. Những vua kế nghiệp ông xây những đô thị với hào vây quanh dùng để trữ nước. Indravarman I (877-889) làm ở phía bắc kinh đô Hariharalaya một baray (hồ trữ nước) lớn. Yacovarman I (889-900) làm ở phía đông kinh đô mới Yacodharapura chiếc baray Đông dài 7km, rộng 1,8km. Udayadityavarman II (1050-1066) làm chiếc baray Tây dài 8km, rộng 2,2km, chứa được ba mươi triệu mét khối nước.

Người ta đi cấy lấy công

Một số baray được tạo ra rất tài tình. Người ta không đào đất, mà be một diện tích đất nào đó bằng đê. Baray làm xong, người ta đào một con kênh và nối nó với một dòng sông để dẫn nước vào trong mùa nước lũ. Để giữ nước lại khi nước ròng, người ta xây một cái cửa cống chắn (écluse). Đôi khi, người ta còn xây một cái đập ở dòng dưới để dồn được nhiều nước hơn vào baray. Từ baray, người ta đào nhiều lạch, mỗi cái có kèm một cửa cống thoát (vanne de décharge). Đến mùa khô, người ta mở những cửa cống thoát để tháo nước vào ruộng.

Briggs đã viết: "Le creusage du bassin et des canaux au Baray-Est était gigantesque, et le changement du cours d'eau, la maitrise du Siemreap, le système de tranchées entourant les remparts et les réservoirs d'eau qu'il bâtit pour cette nouvelle capitale était une réussite grandiose et extraordinaire." (Tạm dịch: Việc đào bể chứa và những kênh ở Baray-Đông thật vĩ đại và việc chuyển dòng nước, việc chế ngự sông Siemreap, hệ thống những hào bao quanh tường thành và những bồn chứa nước mà Yacovarman I đã xây cho kinh đô mới Yacodharapura, ấy là một thành công lớn lao và phi thường).

6. Việc bón phân ruộng lúa

Việc bón phân đứng hàng thứ hai trong kỹ thuật trồng lúa của người xưa: "Nhì phân."

Người xưa không biết bón ruộng bằng những muối khoáng như các nitrates, phosphates... de potassium, sodium, calcium... Tuy vậy, phù sa do những con sông mang từ Hy Mã Lạp Sơn, Tây Tạng, Vân Nam tới những miền đồng bằng cũng có nhiều loại phân vô cơ tốt.

Người nông dân xưa ở khu vực Á Châu Gió Mùa có ba loại phân hữu cơ thường dùng, là phân người, phân gia súc và phân thực vật, mà người Việt gọi lần lượt là phân bắc, phân chuồng và phân xanh. Bã thủy sản và phân gia cầm ít quá, không đáng kể. Phân chim biển (guano) không được biết đến.

Phân bắc được vun thành đống, được phủ kín bằng một lớp đất bùn, ủ trong nhiều tháng cho ngấu trước khi đem bón ruộng. Nếu bón ruộng bằng phân còn "hăng," cây lúa sẽ lụi tàn hoặc sẽ cao lớn xanh tốt vượt mức, nhưng cho bông ít hạt (gọi là lúa lốp, lúa lừng) và hạt rỗng (lúa ốp, lúa trớp) hoặc hạt mỏng (lúa

lép). Phân bắc là loại phân tốt nhất của người xưa, có chứa nhiều đạm tố (azote), một trong những yếu tố chính cần thiết cho sự tăng trưởng của cây lúa. Thường thì người ta trộn phân bắc với trấu, như thế khi bón ruộng, đất sẽ xốp, dễ dàng cho sự hấp thụ nước và các muối khóang của cây lúa. Người ta cũng thường trộn phân bắc với tro bếp.

Phân chuồng, còn được gọi là phân trại, cũng có nhiều đạm tố. Người ta lót chuồng trâu, bò, heo bằng rơm rạ, hứng phân và nước tiểu của chúng và nhờ chính chân của chúng dẫm cho nát lớp rơm rạ. Sau ít tháng, phân và rơm rạ sẽ ngấu bởi sự lên men do tác động của những vi sinh vật. Rơm rạ mục nát cũng có tác dụng như trấu.

Phân xanh cũng có nhiều đạm tố. Sau khi thu hoạch những cây lương thực phụ như rau đậu, khoai, lạc, vừng... , người ta vùi thân và lá của chúng xuống đất để làm phân xanh. Người ta còn bón ruộng bằng những loại khô dầu làm bằng bã những loại thực vật có dầu như bã hạt vừng, hột đậu, hột lạc, cùi dừa...

Người xưa không biết phân chất đất, nhưng theo kinh nghiệm, có nơi người ta rắc tro bếp, vôi bột... lên ruộng để cải thiện đất cho đúng với nhu cầu sinh trưởng của cây lúa. Tro củi, tro rơm rạ có chứa những carbonates de potassium, sodium. Vôi bột là oxyde de calcium.

Khi cây lúa được bón đúng mức và đúng chất cần thiết, nó sẽ cho bông nhiều hạt (lúa sai hạt) và hạt đầy (lúa mẩy, lúa chắc).

7. Việc chăm sóc ruộng lúa

Việc chăm sóc ruộng lúa thật lắm công phu, nhưng tầm quan trọng chỉ đứng hàng thứ ba: "Tam cần."

Việc trồng lúa phải căn cứ vào khí hậu, thời tiết..., cho nên cổ nhân khu vực Á Châu Gió Mùa đã biết lịch pháp từ một thời rất sớm. "Ông kể sao," nhà thiên văn học, đã cho ý kiến để nông tác được đúng thời vụ. Riêng tại miền châu thổ Bắc Việt, ruộng Lạc được làm theo thủy triều, cho nên người dân Lạc, do kinh nghiệm, biết rất rõ mực nước triều dâng cao thấp khi trăng đầy, trăng khuyết, trăng non.

Việc trồng lúa cũng phải căn cứ vào thổ chất, thổ nghi... "Ông trồng cây," kỹ sư nông học, đã chọn những giống lúa thích hợp để mùa màng được trúng, có năng suất cao. Ông còn chỉ cho nhà nông cách chuẩn bị ruộng đất và cách chăm sóc cây lúa từ lúc còn là cây mạ đến khi gặt hái được.

Trước tiên là việc chuẩn bị ruộng ương và ruộng lúa. Mảnh ruộng được be quanh bởi những bờ đất nhỏ để giữ cho nước không rỉ ra ngoài. Ruộng được cày lần đầu sơ sài thành những luống song song (cày vỡ, cày ải, cày vả), cày lần thứ hai (cày trở, cày rang) cho đất được đảo lộn (cày đảo, cày lật, cày ấp) với mục đích diệt cỏ (cày rập), rồi được bừa lần đầu cho những cục đất lớn vỡ nhỏ ra (bừa ngả), bừa lần thứ hai cho những cục đất nhỏ vỡ vụn ra và cũng để san bằng mặt ruộng (bừa chín). Ruộng được dẫn nước vào. Đất thành bùn. Rồi bỏ phân.

Thứ đến là việc gieo mạ. Lúa giống được ngâm trong nước một ngày, ủ trong sọt ba bốn ngày thì nảy mầm, rồi được gieo trong ruộng ương. Chừng hai mươi lăm ngày sau, cây mạ cao độ 25cm, người ta nhổ lên, buộc thành bó, cắt bớt ngọn đi chừng 5cm.

Rồi đến việc cấy mạ. Người ta "hãm" cây mạ non chừng vài ba ngày rồi mới cắm chúng xuống ruộng ngập nước độ 5cm, cắm thành hàng cách nhau độ 15-20cm, tùy theo giống lúa cần cấy mau hay cấy thưa. Việc cấy có ba điều lợi: thứ nhất, cây mạ ở ruộng ương nhỏ được chăm sóc dễ dàng, sẽ cho cây lúa khoẻ; thứ hai, nó cũng được kiểm tra về bệnh tật dễ dàng, sẽ cho cây lúa lành mạnh; thứ ba, nó bị "hãm" ít ngày, khi gặp được đất tốt mới, sẽ hồi sinh và tăng trưởng nhanh. Tục ngữ Tày-Nùng dưới đây cũng nói tới tầm quan trọng của cây mạ:

Thóc sinh sản nhiều nhờ vào cây mạ.
Đứa trẻ bụ bẫm nhờ vào bầu sữa.

Cây lúa tăng trưởng qua nhiều giai đoạn: lúa vào mẩy (lúa non), lúa con gái (lúa sắp đến kỳ trổ bông), lúa giỗ (lúa trổ bông non gọi là đòng đòng), lúa vang (lúa có bông sắp chín bắt đầu ngả sang màu vàng) và lúa chín (lúa có bông gặt được). Nếu chưa gặt kịp, lúa sẽ có bông quá chín, gọi là lúa tủa. Trong suốt thời gian này, kéo dài từ ba đến sáu tháng tùy theo giống lúa, người nông dân phải rắc phân nhiều lần để tăng sinh lực cho cây lúa, phải dọn cỏ cho sạch để tránh việc cỏ ăn tranh phân của lúa, phải giữ cho mực nước vừa đủ với tầm cao của cây lúa để lúa được tươi tốt, phải trừ sâu bọ để lúa lành mạnh, phải bắt cào cào, châu chấu để cây lúa không bị cắn cụt, phải bắt cua để nước không rỉ ra ngoài ruộng theo đường hang cua... Việc chăm sóc lúa thật vất vả.

Người Tày-Nùng đã có câu tục ngữ:

Cây lúa bằng cái kim, không được ở nhà.

Cây lúa bằng cái đũa, chẳng được nghỉ ngơi.

8. Việc chọn lựa hạt giống

Người xưa ít để ý tới việc cải thiện giống lúa, cho nên việc chọn lựa hạt giống được xếp vào hàng cuối cùng: "Tứ giống."

Người xưa không biết tới việc gây giống lúa lai như ngày nay. Tuy vậy, các cụ cũng đã biết chọn lựa những hạt lúa mẩy để làm giống. Đây là một cách chọn lọc nhân tạo. Từ cây lúa hoang dại được thuần hóa, trải qua nhiều ngàn năm được chọn lọc, ngày nay cây lúa nhà đã có thể nuôi sống được hơn một phần ba nhân loại, là những dân tộc ăn gạo ở khu vực Á Châu Gió Mùa.

Sau khi được chọn lựa kỹ càng, những hạt lúa mẩy không bị bệnh được phơi khô, được cất kỹ trong bồ ở nhà kho cao ráo để làm lúa giống cho những vụ sau. Nhà kho, nhà chứa nông cụ, nhà ở, chuồng gia súc, gia cầm... được xây cất theo quy cách của "Ông trú trời," kiến trúc sư. Tương truyền đền Hùng Huệ ở Ngọc Hoa gần Việt Trì là kho vựa của vua Hùng Vương.

9. Kết luận

Một kỹ sư nông học Pháp trước Thế Chiến Thứ Hai đã phát biểu rằng: kỹ thuật trồng lúa của người nông dân miền châu thổ sông Hồng không thể chê vào đâu được và cũng không thể cải thiện hơn được nữa. Với lời ca tụng ấy vào thời điểm ấy, chúng ta rất hãnh diện về kỹ thuật trồng lúa của tổ tiên.

Kỹ thuật trồng lúa của người Việt đã đạt đến một trình độ cao như vậy vào thời tiền chiến là do những kinh nghiệm quý báu và những sáng tạo lỗi lạc tích lũy được từ nhiều ngàn năm, qua lao động cần cù, tỉ mỉ và liên tục của hàng trăm thế hệ.

Nghề trồng lúa, nghề căn bản của dân tộc, đã đưa tổ quốc lên chỗ phú cường ở Đông Nam Á dưới các triều đại Lý, Trần, Lê, Nguyễn hiển hách, đã tạo cho nhân dân một nền văn minh nông nghiệp hiền hòa, với những phong tục tập quán thuần hậu, hiếu khách, những bài hát Quan Họ, Trống Quân thơ mộng, đầy ắp tình người, những ca dao lãng mạn, dạt dào yêu thương và hồn nhiên như trẻ thơ, những tục ngữ thực tế sát với đời sống hàng ngày, những áng văn thơ mang nội dung nhân tính, những truyện thần tiên mơ mộng tuyệt vời, những truyện trào lộng tế nhị sâu sắc...

Tất cả những gì chế độ Cộng sản làm hoàn toàn trái ngược với những ý nghĩ, thói quen của người nông dân Việt. Chính Cộng sản đã đẩy dân tộc ta, mà khoảng 80% là nông dân, xuống vực thẳm, do phá hủy những gì tốt đẹp của truyền thống dân tộc, trong đó có nền văn minh trồng lúa, và do đó tạo ra sự chống đối tiêu cực của thành phần đa số này.

Đành rằng, ngày nay, một dân tộc nông nghiệp muốn trở nên cường thịnh thì phải làm một "cuộc cách mạng xanh" rồi lấy đó làm bàn đạp để tiến tới một nền công nghiệp hiện đại và một nền mậu dịch quốc tế có hướng dẫn, nhưng ở nước ta, "cuộc cách mạng xanh" đã bị "cuộc cách mạng đỏ" làm ung thối từ trong trứng nước!●

NGUYỄN SÔNG NÚI

HÌNH NHƯ TA ĐÃ VẤN VƯƠNG

Bình minh ta đón nghe chim
Từ miền duyên hải đi tìm thân yêu
Ôi, đời hiến tặng bao điều
Dễ thương dịu ngọt mỹ miều chim ơi!
Tri ân tiếng hót gọi mời
Hồn ta rung cảm bồi hồi rừng hương
Hình như ta đã vấn vương
Khi chim im tiếng vô thường líu lo?
Ta nhìn thạch thảo trong mơ
Đóa hoa xinh đẹp đang chờ nắng lên
Em vui nhịp bước lên đền
Ta say tình khúc ở trên vĩnh hằng.

(Rockport, TX, 6-17-1999)

ÔNG TÁM

Truyện
NGUYỄN VĂN THÀ

Hình như đêm nay tóc ông Tám vừa bạc thêm. Từ bên nhà trông qua, tôi thấy ông vẫn đang lui hui bên bếp lửa ngoài trời, bếp lửa nấu bánh đêm ba mươi như mọi năm. Rồi ông ngồi nhìn lửa lặng lẽ như một tảng đá đen. Tối ba mươi nào ông cũng nấu một nồi bánh thật lớn và chong lửa ngồi suốt đêm ngoài trời. Ngồi một mình.

Xẩm tối trong khi ăn mấy củ lang luộc, mẹ tôi có nói là đầu hôm bà vừa qua nhà ông Tám thỉnh cho tôi thang thuốc.

Đêm giao thừa năm ấy tôi uống say đến ói. Tôi loáng thoáng nghe mẹ tôi vừa cằn nhằn cho tôi uống nước khoai dong giã rượu mà tôi biết bà đã lò mò moi bên hàng dậu, và vừa lâm râm đọc kinh. Đêm ba mươi mẹ tôi đọc kinh hầu như suốt đêm, vì mẹ có nhiều người đã mất, mà mẹ lại rất hay thương, thương và nhớ rất lâu.

Một luồng gió lạnh lùa vào làm tôi rùng mình. Hình như chòm sao Liệp Hộ ngoài trời kia đang giương cung chĩa vào tôi.

Năm 1976, nổ ra những vụ *phản động* trong làng tôi. Qua kinh nghiệm đau thương ở ngoài Bắc, mẹ tôi sợ là tôi sẽ bị bắt, bởi tôi là kẻ có chữ, và là người duy nhất đeo kiếng. Tôi không chịu nghe lời khuyên của mẹ nên trốn đi, vì tôi nghĩ tôi chẳng làm gì gọi là phản động cả - chẳng qua tôi chỉ là một đứa nhát gan. Thế là ở tù. Mười 30/4. Mười 1/5. Mười 19/8. Mười 2/9... Tôi được thả ra khỏi tù vào ngày sinh HCM, bác của mấy đồng chí giam tôi. Hồi còn bé cha xứ tôi vẫn dạy là hễ "ai xin thì sẽ được; ai gõ cửa, cửa sẽ mở cho;" không biết chuyện tôi được thả do công ai. Do mấy cháu của HCM rộng lòng thương hay, như các cha xứ, hoặc như lời mẹ tôi, lặp lại lời mấy cha, là Chúa đã dun dũi lòng mấy ông ấy cho tôi về. Tôi không bận tâm nhiều về những chuyện đó nữa; tôi chỉ biết tôi được ra khỏi tù hay, nói rõ hơn, ra khỏi chỗ tập trung nhiều người nhất thế gian, chỗ nằm nhỏ nhất, hạt cơm ít nhất, muối ít nhất, cầu tiêu hôi cũng hôi nhất, giẻ chùi đít mục nhất. Tôi thoát ra được những cái nhất thế gian đó, mừng lắm, nhưng vui nhất vẫn là được thoát khỏi cái thế giới người tệ và hại nhất thế giới của hồi đó, của bây giờ và của mãi mãi.

Giữa giấc ngủ trưa vàng khè, chập chờn, rã rượi, tôi đã gặp được Nhàn dưới cây mận hồng đào tán lá xanh mướt trĩu những chùm trái đỏ au diêm dúa khác thường giữa một buổi trưa

khô khốc, bụi bặm. Nhàn là con gái của ông Tám hàng xóm; con nhỏ đã lớn trộng không ngờ. Đẹp và tươi mát mạnh khoẻ như thể những cay nghiệt khốn khổ của những năm sau chiến cuộc không ảnh hưởng gì; ngoài ra Nhàn vẫn có cái vẻ thơ ngây hiếm có. Tôi mới được thả ra được mấy hôm, lại đang chẳng thích đi đâu. Chỉ tính qua thăm ông Tám, nhưng lại đang ngại. Nhàn nói là Nhàn sang đây mang cho tôi thang thuốc nam tẩy sơn lam chướng khí của ông Tám mà mẹ tôi đã dặn; và "Ba mời anh qua chơi." Tôi nhìn cô bé, cảm ơn lẫn nghi ngại. Tôi không tin gì vào sự công hiệu của thuốc nam cho lắm; vả lại tôi thấy có sống cũng thì cũng chỉ kéo dài thêm phiền muộn trong cuộc đời trước đây vốn dĩ đã nhiều phiền muộn, và sau khi ở tù về, lại càng phiền muộn thêm, như những mái tranh mục muôn thủa giữa miền duyên hải đìu hiu gió cát.

Cảm ơn ông Tám và cô Nhàn. Rảnh, cô ngồi chơi!, tôi nói. Em bận ra ngoài trụ sở xã vì các "ảnh trên" đang chờ, Nhàn nói. Tuy tôi là người sinh ra và lớn lên ở miền Trung, nhưng tôi lại rất yêu cái âm điệu trong sáng, dịu dàng của tiếng Nam, nhất là khi được một người đàn bà, và là một người đàn bà đẹp nói. Nhưng khi nghe cái từ ngữ mấy "ảnh trên," dù phát ra từ môi một cô gái phải nói là khá xinh như Nhàn, tôi bỗng đâm ghét cái tiếng miền Nam ghê gớm, và dĩ nhiên tôi ghét lây người phát âm ra nó. Chỉ đợi Nhàn ra khỏi ngõ, tôi quăng ngay thang thuốc vào trong lò trấu dâm ngay. Tôi dụt, vì tôi lúc này tuy yếu đuối lắm, nhưng vẫn còn đủ sức để phẫn nộ. Nhưng nghĩ cũng vô lý, thuốc là thuốc của ông Tám kiếm cho tôi và Nhàn chỉ người đưa qua thôi, sao tôi lại vứt đi như vậy. Vả lại chính Nhàn mới là kẻ phát âm cái tiếng mấy "ảnh trên" chứ đâu phải ông Tám. Đúng là giận cá chém thớt.

Tôi mường tượng bóng dáng nhơn nhơn của Nhàn đang đi trên con đường trải đất đỏ nhão nhoẹt dẫn đến trụ sở xã hoe hoét màu đỏ như một mụ điếm già hết thời về quê câu khách. "Mấy ảnh trên đang chờ." "Đ. M. mấy ảnh! Tao đã biết mấy ảnh ra sao rồi; thằng nào cũng như thằng nấy."

Mẹ tôi, đang ngồi nhặt sạn gạo ở trong nhà, nghe mùi thuốc cháy, hỏi vọng ra:

"Từ ơi, mi đốt cấy chi nghe mà thơm rứa? Coi chừng củi lửa! Tháng này gió bấc thổi mạnh."

"Không có chi đâu mẹ, con quăng vô lò mấy cái cọng ngải cứu cho thơm thôi mà mẹ..."

"Mi bệnh hoạn như rứa cũng phải kiếm cái chi uống chớ, chẳng lẽ nằm đó chờ chết. Hôm qua tau mới qua nhà ông Tám kể bịnh của mi, ông nói ông sẽ kiếm cách giúp, nhưng ông lại nói cái bịnh của mi có lẽ phải uống thuốc Tây mới mau lành."

"Không sao đâu mẹ."

"Tết nhất mi cũng nên qua thăm ông Tám một chút! Hồi mi còn ở trong tù (Chưa bao giờ nghe mẹ tôi dùng chữ "cải tạo") - ông Tám giúp cho nhà mình nhiều lắm."

Tôi khi không nổi xùng :

"Gia đình mình!? Bộ có con trong đó nữa sao?"

"Có, Từ à! Mấy hũ ruốc kho sả, mấy lon gô thịt mấy bận tết mẹ gởi nhờ người ta đưa lên cho con là của nhà ông Tám gởi cho con, chớ ai vô đó. Con Nhàn nó đưa qua cho mẹ mà. Á, hồi nãy mẹ nghe như có tiếng ai như tiếng con Nhàn?"

"Vâng, con Nhàn."

"Mà nó đi qua có chuyện chi rứa?"

"Nó đưa cho con thang thuốc ông Tám hốt cho con."

"Cái nhà thiệt hiền đức. Mà mi sắc chưa sao mà nghe mùi thuốc cháy?"

"Con quăng mấy nhánh ngải cứu cho thơm bếp thôi mà mẹ!"

"Thiệt hồi con đi tù, tau mỗi lần bệnh cũng nhờ thuốc của ông Tám. Nhà thiệt hiền đức." Cũng may mẹ tôi không dài dòng kể thêm những công đức của hai cha con ông Tám. Tôi cảm thấy khó chịu một cách phi lý khi nghe chuyện công đức người này người nọ dù công đức ấy là của ông Tám. Những ngày còn ở trong trại tù người ta bị mang ơn nhiều không kể xiết và người ta phải thi đua lao động để dâng lên, để tạ ơn các bác, các chú. Nhưng ở trong nhà tù cái mặt của bác và cái cục đường hay lẫn lộn nhau lắm. Nhiều khi chỉ để chiếm cục đường mà người ta bày đặt ra hô hào nhiều chuyện trời bể. Ngay cả chuyện ở tù cũng là do lòng thương của *trên*. Tôi mắc cái chứng nghi ngờ mọi công đức bất cứ từ đâu.

Hông tôi lại quặn đau từng hồi. Người bắt đầu vã mồ hôi. Tôi thấy vô số những vòng tròn bay quanh; như đang bị chôn trong bể bọt xà bông khó chịu. Có con kiến lại đang chạy lân rân trong ống quần, chưa kịp đập, đã chích một phát ngay hạ bộ. Nửa giận nửa buồn cười. Chắc chú tưởng có gì béo bở trong đó. Tôi giơ tay đập ngay chỗ không nên đập. Đau nhăn mặt. Mở mắt ra, tôi đã thấy Nhàn đứng đó

tủm tỉm, tay bưng một lon gô:

"Ba em nói, thang này sẵn lửa củi ba sắc luôn cho anh cho tiện. Ba nói anh cứ uống tạm thuốc nam; bệnh anh phải chữa bằng thuốc tây mới mau khỏi."

"Ừ, hôm qua thăm bác, bác cũng nói như vậy."

"Nghe ba em nói hình như anh sắc thuốc bị cháy thì phải."

"Sao ông Tám biết hay vậy?"

"Thì gió bấc mà; bữa nào bên này bà nấu khoai cháy ở nhà em đều biết hết." - Nhàn vừa nói vừa cười rúc rích.

Tôi cúi đầu không nói.

"Anh Hai à, Tết nhứt mà sao anh lại rầu rĩ quá vậy!"

"Tui có rầu rĩ gì đâu! Cho tôi gởi lời cảm ơn ông Tám nhiều, và cảm ơn cả cô nữa."

"Để em vô trong bếp lấy cái ly rót cho anh uống luôn."

"Thôi Nhàn cứ ngồi chơi, tôi uống ngay từ trong lon gô này cũng được."

"Nhàn nghe bà nói, hồi anh chưa đi cải tạo anh thích uống nước trà và bao giờ cũng uống trong một cái tách thiệt đẹp mà."

"Hồi trước khác; bây giờ khác mà cô."

Hồi còn đi học, dù học xa, mỗi cuối tuần, tôi cũng cố đạp xe về quê. Tôi thèm những đêm khuya miền quê: Sao tỏ ngời; trăng vàng đượm; tiếng mõ lốc cốc nhịp theo lời kinh siêu hình dẻo quánh và ngọt ngào thơm tho như những dòng mạch nha đang chín tới. Nhưng tôi không bao giờ nghe ông Tám tụng kinh, hay đọc kinh dù cuộc sống của ông, dáng dấp của ông trông giống như một vị ẩn tu. Vào những đêm gió nam thổi nhẹ, tôi nghe mùi trà sen thoang thoảng bay trong không gian, từ nhà ông, rất khuya; đôi khi tôi cũng được ông mời uống trà trong hai cái tách men trắng như ngọc, hoa văn xanh đơn giản màu chuối nõn, hình như là đồ sứ Liège. Thấy tôi thích ông cho tôi một cái, tôi ngại. Tôi không thích số chẵn, anh lấy bớt cho tôi một cái, ông nói.

Hồi ấy tôi thấy ông Tám không làm gì nhiều; chỉ quanh quẩn chăm sóc mảnh vườn và vào rừng kiếm thuốc nam. Chẳng thấy ông giao thiệp với ai ngoại trừ với những người đến mua thuốc.

Khoảng hai năm sau ngày ông Tám tới làng, lại thấy ông Tám đưa một bé gái về nuôi, lúc ấy cô bé chỉ mới khoảng ba bốn tuổi gì đó. Cô bé trắng trẻo, khác với đám con nít ở làng quê rất nhiều. Con nhỏ cũng ít đi đâu và đôi lúc nói chêm đôi tiếng gì không phải là tiếng Việt, người trong làng cứ bảo nhau hình như nó nói tiếng Miên, tiếng Chàm gì đó. Cô bé thỉnh thoảng cũng qua nhà tôi chơi. Tôi và mẹ tôi không ai bảo ai, chẳng tò mò hỏi gì về mẹ con nhỏ, hay bất cứ những gì có liên quan tới gốc gác của cô bé, vì hình như chúng tôi sợ ông Tám và thoáng thấy có một cái gì đó không thường nơi ông.

Vào độ ấy ông Tám khoảng tuổi bốn mươi; ông không có cái vẻ thần bí, lập dị của những ông đạo, ngoại trừ lúc nào đầu ông cũng đội một cái mũ len; cũng chẳng có vẻ gì quan cách. Hình như ông có của chìm, vì không thấy ông lam lũ gì nhiều, ngoài chuyện hốt thuốc và chỉ lấy tiền cho có lệ. Nước da ông đen tai tái. Dáng ông cao lớn, chững chạc, tuy hơi khom, mặt có những nét gẫy, thô như một chiếc mặt nạ làm bằng vỏ cây, nhưng đôi môi lại đỏ ướt, và hơi dày. Ông ít nói và chẳng mấy khi cười. Dân trong làng tự nhiên nể và sợ ông, nhưng có vẻ hơi thắc mắc khi không thấy ông đi nhà thờ, đi chùa gì cả, tuy rằng chùa nhà thờ có đủ, trong cái làng nhỏ bé của tôi. Chuông, mõ thi nhau.

Nhà, ông tự thiết kế lấy, khá khang trang; cột gỗ săng đá; vách ván dầu lông; mái lợp bằng những thanh tre rạo, chẻ đôi, sơn xanh, ghép sấp ngửa như ngói âm dương. Chung quanh trồng toàn mai tứ quí và cây thuốc. Nhà chẳng mấy khi mở cửa; ông chỉ tiếp khách - đúng hơn các người bệnh - ở trong căn chái phía đông. Căn chái phía tây có lẽ là phòng của Nhàn thì phải, vì đôi khi thấy cô bé mở cửa sổ vén màn nhìn sang nhà tôi, nhìn bâng quơ, hay nói với với mẹ tôi. Nhàn cũng thỉnh thoảng qua nhà tôi, thường thì đưa hộp quẹt qua cho mẹ tôi mượn, hoặc qua xin mận và cũng đôi khi để nhổ tóc ngứa cho bà. Tôi thấy Nhàn vẫn hay chơi với các đứa trẻ hàng xóm: Chơi ô làng hoặc nhảy dây, có khi còn dám cỡi bò. Những khi thấy Nhàn cỡi bò như thế, ông Tám đứng nhìn có vẻ vui nhưng không nói gì. Nhàn là một đứa trẻ phát triển bình thường bên người cha có vẻ không bình thường dưới con mắt chưa chắc gì là bình thường của tôi và của bàng dân thiên hạ. Nhàn sống như những đứa trẻ khác, chỉ có khác là Nhàn không phải đi chăn bò, hay đi hái rau cho heo ăn, những công việc mà hầu như không một đứa trẻ nào ở đây tránh khỏi.

Hồi đó tuy nhà nghèo nhưng tôi cũng đậu được hai cái tú tài và bắt đầu đọc được sách

ngoại ngữ. Thỉnh thoảng tôi qua nhà ông Tám chơi, nói về sách này sách nọ mà tôi đã đọc được. Ông Tám chỉ cười và thỉnh thoảng nói chêm một vài câu, những câu hóm hỉnh nhưng cũng đầy minh trí của một người có học, học cao nữa là đằng khác, làm tôi phải há miệng ngạc nhiên. "Phe quốc gia thiệt là sang, cả nước còn chiến tranh như thế mà sinh viên và các tu sĩ vẫn được hoãn dịch để chuẩn bị cho một tương lai hậu chiến. Vậy mà có một tay ký giả Tây cả gan nói cái dân Việt là một dân tộc hiếu chiến; đền đài miếu mạo chẳng có, chỉ có chiến tranh. *Belliqueux* sao được mà *belliqueux*!" Nói xong ông nhìn tôi như thể ân hận vì nói hơi nhiều. Tôi thấy ông như một nồi nước sôi đang đậy kín vung, loại vung của thứ nồi áp suất. Tôi không thấy ông trưng bày sách vở gì ngoài mấy cuốn sách thuốc. Tôi là một học sinh, sau đó là sinh viên, được hoãn dịch vì lý do học vấn, một gã thanh niên vô tâm trong một đất nước đang có chiến tranh tàn khốc. Đúng là "sống nhàn bên đào mận" và chỉ "thao thức chuyện nước non" một chút khi trong làng có anh nọ anh kia đi lính phương xa bị tử trận, may đưa được xác về nghĩa địa quê chôn.

Mỗi lần trong làng có ai chết trận, đều thấy ông đi phúng điếu. Chỉ có những dịp như thế - ngoại trừ những lúc đi thăm bệnh nhân - ông mới đến thăm các người trong làng. Nhiều người, kể các chị quả phụ, lại đâm ra thắc mắc tiền ông làm thuốc nam quanh năm chẳng được bao nhiêu, lại chẳng thấy ông làm việc gì khác, nhưng không biết sao ông lại sống thảnh thơi như thế và lại còn có tiền để phúng điếu, và phúng điếu rất hậu hĩnh. Có kẻ nghĩ rằng có lẽ ông Tám được hưởng gia tài của tổ tiên cha mẹ để lại, có kẻ lại ngờ rằng ông được của, vì ông hay đi vô rừng, đi dọc bờ biển kiếm thuốc nam, biết đâu chừng ông được của Chiêm của Hời, nhưng không ai dám hỏi ông. Tuy ông có cái tên rất bình dân, nhưng ông vẫn có cái xa cách của một kẻ thi ân, cái uy nghiêm của một bức tượng thánh. Sợ, nên người ta không dám tự tiện đến gần, nói chi đến chuyện hỏi han.

Qua định cư tại Pháp được vài tháng, lãnh được mấy ngàn tiền trợ cấp tôi vội vã dục Nhàn gởi quà về cho ông Tám; không gì ông cũng đã chi cho tôi ba cây vàng cho chuyến đi, nhưng Nhàn chỉ ừ hử cho có chuyện, đôi lúc lại nói ba Tám chẳng cần gấp đâu.

(Nhàn lúc này đã là vợ tôi. Nhờ duyên số, dĩ nhiên, và cũng nhờ những mũi thuốc cô nàng chích cho tôi - cô nàng hồi ấy là y tá thứ thiệt mà tôi nào biết - những mũi thuốc nhờ mấy "ảnh trên" kiếm. Giờ mông chích riết, rồi thương luôn, thương mạnh nữa mới kỳ! Và khi tôi đang viết những dòng chữ này, nàng đang đẩy thằng Chín, con của chúng tôi đi chợ.)

Thời gian gần đây, tôi lại hay tò mò vào thư viện đại học Sorbonne tìm đọc các luận án của các sinh viên Việt Nam thời trước để xem họ đã học hành viết lách như thế nào mà lại lừng lẫy như báo chí từng ca tụng. Tình cờ tôi đọc được một luận án có tựa đề *Le Vietnamien avant la colonisation francaise*, đây là một đề tài mà từ ngày ở tù chứng kiến không biết bao nhiêu điều kỳ dị, tôi nghĩ là cần phải viết; cần lắm. Tác giả là một sinh viên có cái tên Nguyen Thanh Tam; lại có cả cái hình nhỏ ở bìa sau, khuôn mặt y như mặt ông Tám, dĩ nhiên trẻ hơn. Tôi sững người; các mục đồng ngày xưa khi nhìn thấy Chúa Hài Đồng cũng chỉ sững sờ đến thế là cùng. Tôi luýnh quýnh thuyết phục người quản thủ thư viện cho tôi mượn cuốn sách rồi vội vã đón tắc xi - thường tôi chỉ đạp xe đạp hoặc đi xe buýt - về nhà ngay. Nhàn đi đâu đó với con, vẫn chưa về. Tôi vừa đi đi lại lại trong phòng như gà mắc đẻ, vừa rán mắt nhìn vào mẩu hình. Đích thị là ông Tám. Đường đường là một vị tiến sĩ mà lại đội cái mũ len dị hợm; hay ba Tám lại thích bắt chước tác giả *Khung Cửa Hẹp*. Chỉ cần nghe tiếng chuông reo là tôi ào ngay ra cửa; nhưng tới hai ba bận: Khi thì bà đầm già hỏi có con mèo cái màu này màu nọ chạy qua đây không, khi thì thằng nhỏ bên cạnh hỏi TV nhà ông có hình không, sao TV nhà tui bấm hoài không ra hình... Lần cuối, một tên Tây trắng trẻo sạch sẽ, ở lầu ba, chui đầu vào, ngang ngược dí cái vỏ mì tôm vào mặt tôi hạnh họe: "Có phải chúng mày đã xả cái bao mì tôm này ở cầu thang, vì ở đây chỉ có mày là dân ăn loại mì này?" Thằng này đúng là dân kỳ thị thứ thiệt: Hiện nay thiếu giống gì mấy thằng nhãi mũi lõ nhai mì tôm nhãn hiệu Me xừ Lee như nhai sô cô la ngoài đường. Đang bực bội vì khi không lại vướng phải cái thằng khỉ gió này, tôi thoáng thấy, sau cái lưng gồ ghề của nó, Nhàn đang đẩy thằng Chín về, với hai thùng mì tôm treo tòng teng nơi càng xe, la ơi ới:

"Anh ra giúp đưa hàng vào cho em. Gì mà đứng thộn ra vậy!?"

Tôi quên béng chuyện bị oan, đẩy cái thằng hộ pháp qua một bên, vọt ra ngoài, hét lớn:

"Nhàn ơi, anh có cái này hay lắm!"

"Bộ trúng độc đắc hả?"

"Nếu mà đúng như anh đoán, thì còn hơn cả độc đắc!"

"Nói gì mà hồi hộp vậy!?" Tôi chạy ngay vào nhà đưa cuốn sách cho Nhàn xem, giữa trời tuyết đổ, bất kể lời dặn dò của bà quản thủ thư viện là phải giữ cho cẩn thận vì thư viện đại học chỉ còn vài bản. Và chưa chi tôi đã bật khóc:

"Nhàn ơi, có cái luận án này mà người viết sao giống như ba em y đúc, có đội cả cái mũ len đen."

Nhàn nghiêm sắc mặt - các vị chủ khảo khi xướng danh chỉ nghiêm sắc mặt thế là cùng - nói:

"Thì ba Tám chứ ai vào đó. Em biết từ lâu rồi!"

Tôi vừa hét vừa giơ tay ra như muốn tát vào mặt cô vợ cưng của tôi một cái:

"Thiệt hả! Mà sao em lại không nói cho anh biết!?"

Cô nàng vẫn điềm nhiên lại còn cười tủm tỉm:

"Em đã hứa với ba Tám là sẽ không tiết lộ tung tích về ba, nhưng ba em biết chắc thế nào anh cũng sẽ biết, vì anh là con người... thích sưu tầm đồ cổ. Chính anh đã có lần tâm sự với ba em là nếu anh qua Tây được anh sẽ bỏ công nghiên cứu những tác phẩm, những luận án của các sinh viên Việt Nam du học bên Tây thời thuộc địa, để biết đâu sẽ tìm ra câu giải đáp cho cuộc chiến tranh phi lý quốc - cộng."

Tôi khóc ròng như mỗi lần nhìn đỉnh Mont Blanc chất ngất. Và Nhàn cùng khóc. Thằng Chín cũng khóc. Rồi nàng đưa ống tay chùi nước mắt, quệt mũi, và cười, cười còn tươi gấp trăm lần tôi tỏ tình với *chị*:

"Em còn có món đồ cổ khác cho anh..."

Ngày... tháng... năm

Các vị giám khảo đã chấm đậu luận án của mình với *summa cum laude*. Mừng. Cô đơn tràn về. Hay là mình đi Les Alpes. Sao lại vậy?

Ngày... tháng... năm...

Lên cao mình thấy lòng cô đơn chi lạ. Các cha trong dòng muốn mình trở về dòng để khao tân khoa. Mình lại thích đến một nơi vắng vẻ. Cha tu viện trưởng chấp thuận. Ai bảo tu viện là nơi anh tĩnh nhất? Trái lại thì có. Chỉ có trời đất mới vô ngôn.

Ngày... tháng... năm...

Trèo lên được đỉnh núi khá cao sau nhà mát. Mặt trời. Nhìn mặt trời. Quê nhà mình hướng ấy. Mình khóc nức nở. Không có ai ở đây để chia sẻ sự thành công của mình. Mình có biết mặt mũi cha mẹ mình ra sao đâu! Năm đói. Ông cha xứ nghĩa phụ của mình cũng mất từ lâu. Con Lài, con Lý, hay vô quét nhà xứ, giờ chắc chồng con cả rồi. Có chăng chỉ còn tu viện mà mình đã sống cả tuổi thanh xuân, với tiếng kinh ra rã như tiếng ve cuối hạ; với nghi lễ, tư tưởng, ngay cả áo dòng, rập khuôn Tây phương.

Ngày... tháng... năm...

Có con nhỏ sinh viên Việt Nam nào đó, không hiểu sao, biết mình lên đây, lại gọi điện thoại cho mình. "Mời anh về tham dự buổi đón tiếp cụ HCM do tổng hội sinh viên tổ chức. Tờ *L'Idée Contemporaine* hôm qua có bài phân tích luận án của anh. Cái anh ký giả đó còn bạo miệng: "Giá mà người Pháp được đọc tác phẩm này sớm hơn, biết đâu sẽ không có cuộc tái chiếm Đông Dương; người Pháp không biết rằng người Việt yêu nước rất mù quáng. HCM là một tay phù thủy và ông ta đang có đầy đủ lửa củi để nấu một vạc *bouillabaisse* kinh khủng." Thôi, thôi, cho tôi xin: Âu châu văn hoá lấy lừng thế kia mà cứ choảng nhau lia lịa từ xưa đến nay. Khói lửa thế chiến chưa tàn trên đất Âu Châu. Bọn người Âu là chúa tham lam mà lại là sư bốc phét, cứ đọc mấy lời hịch của Napoléon cũng đủ rõ. Nói chi cho xa: Mới đây cái anh Churchill, và cả De Gaule lẫn cái anh Hitler, mồm mép đều như nhau; chỉ khác một bên thì cứ la hét om sòm, còn một bên lại ra vẻ quan cách. Mình chẳng qua chỉ là một kẻ góp nhặt dông dài, cùng lắm như một kẻ sưu tầm đồ cổ, sợ mất, thế thôi, chứ làm gì mà ghê vậy! Tuy nhiên thằng này có lý khi hắn linh cảm về một nồi *bouillabaisse* như thế.

Ngày... tháng... năm...

...y, ậy, cái ông chủ tịch nước VNDCCH vỗ vai mình, lại còn, vừa mân mê cái cúc áo dòng của mình, vừa nói với mình một câu mà tới giờ này, mỗi lần nhớ lại, còn muốn ói. Người đâu mà xạo đến thế là cùng. Ấy vậy mấy anh, mấy ẻm sinh viên xem ra cảm động lắm lắm. Sẽ có khối đứa lao đầu vào hang cọp vì những lời như thế; bố TĐT sẽ không trật đàng nào. "Cụ" khi không lại còn khen cái luận án của mình nữa chứ. Thật như Đức Chúa Trời thông biết mọi sự; chắc bố NMT đã mớm cho "cụ" chứ gì.

Cũng thiệt lạ mấy cái anh Tây khoa bảng: Một đằng chính mấy ổng chấm điểm cao bản luận án của mình, một đằng cứ bô bô: *"Viet Nam, c'est HCM,"* bởi vì nếu đem những mẫu người Việt Nam chính thống mà mình đưa ra trong luận án ra đối chiếu, chẳng thấy cái ông này có chút gì là Việt Nam cả. Hay tại họ uống rượu vang nhiều quá. Có cả mấy cô người Việt đến chào mừng lãnh tụ. Mình thấy các bạn trẻ hí hửng chào đón HCM, mà thương; mình thấy lão đang xách cổ bao chàng thanh niên thiếu nữ như các bạn ấy, vứt vào vạc dầu sôi, hay nói theo chữ nghĩa cái thằng ký giả George Flaubert, vào cái nồi *bouillabaisse terrible...*

Ngày 14 tháng Tám

Cha bề trên kêu về để mừng lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, bổn mạng của dòng, mình xin nán lại Paris để nghe con nhỏ Nguyễn Thị Phương Nam trình luận án tiến sĩ nông học về những giống lúa nước Việt Nam. Cha bề trên tu viện F., trước khi đi tu là một nhà dinh dưỡng học, ông chịu ngay. Ổng thả một câu thông thiệt nhức nhối: "Trước khi có cái xác để *Madame* về trời, *Madame* cũng phải ăn chớ!" Đúng quá chớ còn gì nữa!

Hôm đó mình không thấy được Đức Mẹ Maria - chắc là chẳng bao giờ thấy - mà có thấy đi nữa chắc gì đã đẹp đẽ, thiết tha như một công chúa *Tiên Dung* Phương Nam đang đứng trong giảng đường, thao thao về cây lúa Hùng Vương. Nghe sông Hồng mênh mông. Lại chùi nước mắt. Quái, kỳ này sao mình lại hay mủi lòng thế! Hồi ở trong tu viện có lúc nào mình khóc đâu. Hay tiếng kinh rền rĩ suốt ngày, rồi sách vở này nọ đã tha hoá mình? Mình nhìn con nhỏ đăm đăm. Thổ nhưỡng, khí hậu, độ Ph... bắt đầu như nước đổ lá môn.

ĐỖ THÌ KÊNH G

TRĂNG NƯỚC CHƠI VỚI

(Ngắm trăng, ngắm chồng, say đắm chồng.
Nhấm rượu, nhắm chồng, nhâm nhi chồng.
Tắm sông, tắm chồng, bơi lội vẫy vùng trong chồng.)

Gái có công, chồng chẳng phụ
Đêm về chồng rủ ngắm trăng
Trong trăng chồng hỏi chị hằng ngắm ai?
Chị hằng đỏ mặt tía tai
Lí nha lí nhí rằng ai ngắm chồng
Chồng ôm nghiến chị vào lòng
Hai tay chị níu, chồng bồng lên mây
Mây bay, trăng sáng mây bay
Chị bay, trăng sáng, chị bay với chồng.

Gái có công, chồng chẳng phụ
Đêm về chồng rủ nhấm trăng
Trong trăng chồng hỏi chị hằng nhấm ai?
Chị hằng rót rượu khoan thai
Nhấp trăng đáy cốc rằng ai nhấm chồng
Chồng ôm nghiến chị vào lòng
Hai môi chị ướt, chồng bồng trên tay
Men cay môi ướt men cay
Chị say, trăng sáng, chị say với chồng.

Gái có công, chồng chẳng phụ
Đêm về chồng rủ tắm trăng
Trong trăng chồng hỏi chị hằng tắm ai?
Chị hằng muôn muốt đôi vai
Long lanh mắt sóng rằng ai tắm chồng
Chồng ôm nghiến chị vào lòng
Hai chân chị quẫy, chồng bồng ra khơi
Chơi vơi trăng nước chơi vơi
Chị bơi, trăng sáng, chị bơi với chồng.

Rằm, 2000

Con nhỏ trình bày xong luận án lúc nào không hay. Đang khát nước, làm nhớ tới trái cam Bố Hạ mà một bà theo chồng qua Pháp biếu mình hôm xin lễ bằng an cho xứ nhà, mình giơ tay hỏi: "Thế cô có bao giờ nghĩ đến một *milieux politique* cho cây trồng không? Chắc cô cũng biết là dân vùng Caucase bên Liên Xô đã phải nhổ bật rễ những vườn đào, mà người Tàu đã có lúc cho người cõi thiên lý

mã sang mua về tiến các vị vua chúa Trung Hoa, để trồng khoai lang tây? Tôi nghĩ là với chiều hướng chính trị trong cuộc chiến hiện tại Việt Nam, cô có nghĩ rằng giống cam Bố Hạ của Việt Nam cũng sắp bị bị tiệt chủng như thế?" Mấy anh Tây đành chịu mang tiếng bất lịch sự đồng loạt quay lại nhìn tôi. Tôi thấy trong mắt của Phương Nam hai vì sao dữ tợn.

Ngày... tháng... năm...

Mình vẫn còn thích nấn ná lại Paris ăn ít bữa tiết canh vịt và đọc thơ tình. Ai bảo máu không ngon? Đọc thơ tình giữa Paris mới thú, càng thú hơn khi đọc trong thư viện đại học cạnh các em. Đọc thơ, cũng như ăn nhậu, chắc cũng phải có năm sáu điều kiện gì đó, phải không ông thi sĩ Cuội. Tạm thời vứt mẹ cái áo dòng đọc cái tình thư cho tiện. Mấy thằng CTT, và TBL làm thơ tới quá chớ. Mình ngờ ngợ bóng dáng của Prévert, Éluard trong thơ mấy đứa hơi nhiều. Cũng hay, chớ có sao đâu! "Thế bồ đang đọc Prévert à, thối thấy mẹ!" - Con nhỏ có đầy đủ lễ bộ của con đầm trong thơ CTT, vừa phán, vừa cạ cạ núm vú - không biết thiệt hay giả - vào lưng. "Ê, coi chừng cái miệng của mầy, mầy nên biết mầy đang nói chuyện với *Monsieur l'abbé* đó nghe chưa!" Mình quay lại, thấy hai vệt sóng nhỏ trong mắt người em tóc nâu. *Démons et merveilles.*

Ngày... tháng... năm

Les Sables Mouvants
Démons et merveilles
Vents et marées
Au loin déjà la mer s'en retirée
Démons et merveilles
Vents et marées
Et toi
Comme une algue doucement carressée par le vent
Dans les sables du lit tu remues en rêvant
Demons et merveilles
Vents et marées
Au loin déjà la mer s'est retirée
Mais dans tes yeux sont restées
Démons et merveilles
Vents et marées
Deux petites vagues pour me noyer.

(Hình như bài này một bài thơ tình của J. Prevert, tôi đã đọc đâu đó. Khi đọc bài này tôi thắc mắc: Chép thơ tình vào nhật ký thì chẳng có gì lạ, dù người chép là một linh mục Nguyen Thanh Tam, tuy nhiên tôi vẫn thắc mắc tại sao "cụ" Tám lại không ghi một bài thơ tình bằng tiếng Việt, mà thơ tình hay trong văn chương Việt thì chẳng thiếu, bởi vì một khi ông đã dành tới một phần tư luận án để nói về ngôn ngữ và văn chương dân tộc Việt, hẳn ông phải yêu tiếng Việt lắm. Tôi cũng thấy ông có gạch hai chữ *deux petites vagues* (hai vệt sóng nhỏ) và ghi *deux méchantes étoiles* (hai vì sao dữ dằn) vào; nhưng ông lại gạch và ghi lại *deux petites vagues* như cũ.)

Tạm dịch:
Cát Lún
Liêu trai, kỳ diệu
Gió và thủy triều
Nước đã ròng lắm
Liêu trai, kỳ diệu
Gió và thủy triều
Và em
Như cọng rêu gió ngàn ve vuốt
Êm êm
Em lơi lả mơ trên cồn
Nước đã ròng lắm
Nhưng trong đôi mắt em khép hờ
Hai vệt sóng còn nằm lại
Liêu trai, kỳ diệu
Gió và thủy triều
Hai vệt sóng nhỏ nhận chìm
Anh.

Ngày... tháng... năm...

Ngày mai mình xuống Marseilles về quê, về miền Nam. Mấy bố TĐT, NMT đã về, về miền Bắc, mình cũng về chứ. Sắp đi mình mới thấy yêu cái đất nước Pháp này và đặc biệt cái tu viện đã cho mình cơ hội thấy được mình. Một tháng trên biển, một tháng cho tâm tư.

(Mấy trang sau nữa bỏ trống, rồi tới trang gần chót tôi thấy có một phong thư đựng tấm bưu thiếp chụp khuôn viên đại học Sorbonne với mấy cây phong thu vàng; và phần sau chỉ thấy ghi địa chỉ của người nhận (nhờ chuyển cho Nguyen Thanh Tam), và mấy sợi tóc nâu. Trang sau nữa lại là một phiếu thư viện có hình vẽ, bằng bút mực xanh lá cây, chân dung một người đàn bà, tóc thề, mắt mơ màng và dưới khoé mắt là những hạt lúa thật được gắn vào, trông như những giọt nước mắt đang rơi. Có dòng chữ Việt: Biết bao giờ gặp lại một giòng sông! Mặt bìa sau có nhãn hiệu của nhà sản xuất văn phòng phẩm Gérard et Fils, Paris.)

(Cuốn hai: Bìa hơi sặc sỡ, có dòng chữ "Nhật Ký" in khá bay bướm; và "Hãng giấy Đồng Nai, Biên Hoà.")

Ngày... tháng... năm...

Thiệt tiếc hết sức, cái tập nhật ký mình ghi trên tàu không biết mất đi đâu. Chắc mấy người dọn phòng quẳng lộn vào thùng rác mất rồi. Thôi cũng không sao. Chiến tranh đang nuốt dần những suy tư xanh thẳm ấy.

Ngày... tháng... năm...

Tiếng chó sủa dữ dội đằng vườn trái hồng, tiếp giáp với mé rừng. Mình mở cửa đi ra. Quái có ai bỏ bao bì gì dưới gốc hồng mình hay đái trộm về đêm. - Ủa, sao lại gạo không vậy nè! - Mình thấy có bóng người thấp thoáng ngoài hàng rào. Có cả tiếng thì thào, tiếng sắt chạm vào nhau. Mình chợt hiểu. Cách đây một tháng ông đại tá tỉnh trưởng có đến thăm nhà dòng và nói chuyện khá lâu với cha tu viện trưởng và cha quản lý. Hôm đó mình tính qua phòng cha bề trên mượn số báo *L'Express,* tình cờ nghe ba vị nói chuyện gì có vẻ trầm trọng lắm. Mình không gõ cửa, bỏ về phòng. Nghe đâu lõm bõm mấy tiếng: Việt cọng, sống còn, tiếp tế...

Ngày... tháng... năm...

Tổ cha cái thằng J. J. S., thằng này hồi ở Sorbonne là chúa hồ đồ, học thì nhác mà cứ thích làm lãnh tụ, lại chưa hề đến Việt Nam mà cứ la toáng lên nào là đế quốc, tư bản, giải phóng, thuộc địa mới... Làm như cái nước Pháp nhà anh nhân từ lắm. Chẳng qua không ăn được, đạp cho đổ. Lại còn được cả cái lão Sartre phụ họa, nổi đình nổi đám bên đó. *Merde*; thôi về ấp con nhỏ Simonne cho dân Annam này nhờ. Mẹ, cái chữ nghĩa trong cuốn *L'Être et Le Néant* của nó cứ lúc nhúc như âm binh. Chẳng có cao kiến cái con mẹ gì tác phẩm của hắn. Cái tụi sinh viên bắt đầu giàu lên, rừng mỡ. Mà rừng mỡ đọc sách của trự, hiểu sao nổi. Chỉ cần đọc cái tựa đề thôi cũng đủ chất để huyênh hoang. Và không gì huyênh hoang bằng những cuộc biểu tình thời thượng. Mẹ cha nó, cái mốt phản chiến quả là thích hợp với cái tính khoe mẽ của mấy anh dòng dõi gà trống; chơ còn gì nữa! Phải viết mấy bài vạch cái rởm đời của "bè lũ." Cái thằng Sartre cứ ỏng a ỏng ẹo là con người bị gắn vào cổ cái ách tự do, và con người phải xoay xở, hay nói như ngôn từ của hắn, là con người phải tự xác lập cho mình một bản thể. Thì miền Nam cũng như miền Bắc, hiểu như một cộng thể, đều thi nhau xác lập cho mình một bản thể. Sống chết mặc chúng nó. Cớ sao hắn lại tước đoạt khỏi miền Nam cái tự do mà hắn đã dùng không biết bao nhiêu giấy mực để hô hào - dù hắn chỉ làm công việc vẽ rắn thêm chân đã có từ đời nào trong thần thoại và triết học Hy lạp. Mi không nhìn ra là cuộc chiến tranh này là cuộc chiến giữa Karl Mark và Socrate, giữa Moscou và Athènes sao Sartre? Hút thuốc mù trời, cà phê cà pháo tối ngày, trí óc có bình thường đâu nữa mà suy nghĩ cho có ngành có ngọn. Viết lách sau này của chả chắc khác gì khói thuốc là bao. Mình nghi ngờ mọi suy nghĩ của những người hút thuốc. Những phát ngôn của hắn lại có sức công phá còn hơn cả ngàn tấn bom, thế mới chết. Thiệt rầu cho cái đất nước mình. Ai bảo nước không có vận. Ôi, vận nước và khói thuốc lá!

Ngày... tháng... năm...

Về nước cả mấy tháng rồi mà vẫn chưa thích hợp với khí hậu. Bức bối cả mình. Trời thì nóng quá, mà thức ăn chỉ có cơm và mấy con cá trích. Tháng đầu thấy cha bề trên còn bưng vào phòng cho mình mấy ly nước cam giao thời. Nay hết rồi. Cũng đúng thôi. Cha là cha của trăm người. Ai biểu đi Tây về chi cho khổ. Trong dòng ai cũng kính phục đức độ của ngài. Nhưng mình thoáng thấy có cái đuôi cáo lòi sau lớp áo dòng. Đôi mắt của ngài cũng có hai vì sao sắc cạnh; mình sợ những đôi mắt như thế.

Chắc là phải viết vài bài gởi cho mấy cha giáo bên đại học Louvain, nhờ mấy vị tìm nơi đăng. Mấy tay khoa bảng Hà Nội đang múa mép như gậy đánh vườn hoang ở bên ấy, sao trí thức miền Nam trùm chăn kỹ quá vậy, hay là đang làm dáng trí thức, đang cố kiếm cho mình một địa vị? Bộ không biết rằng khi cái gã Lénine tước đoạt được nước Nga thì mọi cái đỏm đáng, đều bị chôn vùi tàn nhẫn giữa rừng tuyết giá Tây Bá Lợi Á, kể cả chữ Danh to tày đình.

Ngày... tháng... năm...

Cả hai bên tổn thất nhân mạng nặng nề. Lúc nào cũng nghe tiếng súng xa gần dội về. Mấy bài viết của mình đã được tờ *L'Esprit* đăng. Nhưng giá được tờ *Le Monde* hay *Le Firago* đăng thì vẫn hay hơn. Nhưng rồi nghĩ lại, dù bài mình có xuất hiện trên những tờ ấy nữa thì cũng chẳng ăn thua gì. Khung cảnh hủy diệt có chiều kích thế giới trong sách Khải Huyền đang xảy ra trên nước nhỏ bé của tôi. Chữ nghĩa của một ký lục quèn có nghĩa lý gì trước đạo quân Bóng Tối.

Ngày... tháng... năm...

Hôm nay nhận được bức thư của con nhỏ Edith. Bày đặt ướp dầu thơm Chanel số 5, vạn dặm tới đây còn thơm. Bố đưa thư chắc thế

nào cũng có dấu hỏi, cha bề trên chắc lại đặt cái dấu hỏi to hơn, nhưng biết đâu ngài lại mỉm cười thông cảm. Ngài đẹp trai hơn mình nhiều, cũng du học Sorbonne như mình, thế nào mà chẳng có em tán. Có điều ngài "cáo" hơn mình. Con nhỏ viết là nó đang ở trong ban tổ chức biểu tình phản chiến; và sinh viên cùng công chúng, hàng trăm ngàn người, đang rầm rộ xuống đường ở Paris. Nó có đọc bài viết của cái "ông Tây" nào đó trên tờ *L'Esprit*, mà nó đoán đó là bút hiệu của mình. "Cái lối viết như đập vào mặt những tên đội đủ thứ lốt, thiên hạ chỉ có mình anh. Cứ đối chiếu với mấy bài báo viết cho tờ *Universitas* cũng đủ biết." Phải công nhận con nhỏ thông minh. Nhưng đến lúc mình thấy cần đề phòng con nhỏ này. Phải viết thư xỉ vả cái tính hồ đồ (?) của con nhỏ mới được!!!

Nhớ hôm về chơi trang trại gia đình nó ở Bordeaux, có bữa khi hai đứa đang đi dạo ngoài vườn nho, chính nó *à lát xô* ôm hôn mình, may mình không làm tới, nếu không bây giờ chắc lại là có chuyện... Nghe nói mấy anh cộng sản thích sưu tầm các hành vi "bê bối" của các linh mục để hạ thủ khi cần.

Bữa đó ông già lại nhờ mình ban phép lành cho bữa ăn, mình bảo là phép lành mình bỏ lại trong nhà thờ rồi. Ông già cười ha hả. Cái dân Tây vùng này cũng ngang tàng như dân Quảng.

Ngày... tháng... năm...

Hôm qua mình có hỏi cha quản lý vụ mấy bao gạo dưới gốc cây hồng đêm nọ. Cha chỉ cười. Phải làm như thế để sống còn; hay là các vị cố tình ủng hộ. Bên Âu châu người ta bắt đầu nói về một nền thần học giải phóng. Đã đến lúc không nên tuyệt đối tin vào các linh mục Công giáo như là những chiến sĩ tiên phong chống lại chủ thuyết mà Công giáo hay gọi bằng cái tên "chủ nghĩa tam vô." Ở Paris, đã có mấy tay linh mục Việt Nam trẻ mon men đi đêm với nhóm Việt kiều yêu nước. Lại còn tổ chức hội thảo, cố vặn óc để tìm ra những nét tương đồng của chủ nghĩa cọng sản với những giá trị Kitô giáo. Đa số tu sĩ trong dòng biết việc tiếp tế nhưng họ hoặc đồng ý với các vị bề trên, hoặc vì đức vâng lời đành im lặng, nhưng có vài thầy tỏ ra không hài lòng. Nhất là mấy tập sinh mình đang dạy Triết.

Ngày... tháng... năm...

Cha bề trên nhất kêu mình lên, ngỏ ý muốn giao cho mình làm bề trên nhà tập. Mình trả lời ngay là mình không nhận bao lâu nhà dòng còn tiếp tế cho phía bên kia như thế. Bởi vì khi làm cha tập sư, tương đương với bề trên ba trong dòng, mình có một trách nhiệm trong hành vi tiếp tế lén lút như vậy. Cha tu viện trưởng, cha bề trên nhì, và cha quản lý đồng ý chuyện tiếp tế nửa tháng hai tạ gạo cho phe bên kia, và nghe đâu có sự thỏa thuận ngầm với đại tá tỉnh trưởng tiểu khu, vì lý do sống còn của nhà dòng. Mình trả lời là chính nhà dòng với những cơ ngơi đồ sộ đã trói tay các vị. Nhớ lại lúc nói chuyện tản mạn với các tập sinh, mình đã nói với các tập sinh là cơ ngơi của nhà dòng xây gì mà đồ sộ tựa Tử Cấm thành Bắc Kinh, mà mùa hè năm nào, thay vì đi viếng Đất thánh như các thầy khác, mình đã chật vật xin thông hành đi xem cho bằng được trong một chuyến Hoa du. Không phải chỉ có mình suy nghĩ như vậy, chính cha cựu bề trên, đã già, vừa mới xuống chức cách đây mấy năm, mỗi lần bó buộc phải đi trên nền gạch bông xa hoa của nhà dòng, ngài đã phải chạy cho nhanh để khỏi phải dẫm lâu trên nền gạch bông xa hoa. "Nếu cần cứ giải tán nhà dòng!" Gớm, mình nói như đang nói chuyện với các giáo sư của mình ở Paris! Cha bề trên đỏ mặt không nói gì.

Ngày... tháng... năm...

Hôm nay cha bề trên lại kêu mình vào, và vừa cười ngài vừa đưa cho mình mấy mẩu báo có đăng mấy bài "thơ tình" mình gởi đăng trên mấy tờ *Đất* của tổng hội sinh viên Việt Nam ở Pháp. Ai đó không biết đã gởi kèm trong thư gởi cho cha bề trên và nhờ chuyển cho mình. Biết mình là tác giả, lại còn biết mình đang ở trong cái tu viện heo hút nữa mới tài. Mình gật đầu cảm ơn cha và chẳng lấy làm xấu hổ. Mẹ, mấy tên đầu bò, hễ cứ có anh anh em em nhất định cho đó là thơ tình lãng mạn! Hay là mấy tay Vixi bắt đầu tức hộc máu vì những bài báo của mình gởi đăng bên ấy. Con nhỏ Edith đã cả gan gán cho mình là *réactionnaire*. Ừ, cứ giỡn với lửa đi con! Cả cơ ngơi sản xuất rượu vang của bố mày, và cả mày là kẻ đang được tự do khua môi múa mép bên trời Tây kia, thì cũng nhờ những đứa phản động như *Monsieur l'abbé* này đó con ạ!

Ngày... tháng... năm...

Cái anh bạn Paul Mambasa, đang làm giám mục ở bên Phi Châu, vừa viết thơ cho mình, bày tỏ lo ngại cho đất nước của hắn vì cái ông tổng thống của xứ nó, một thi sĩ có tiếng quốc tế, đang bắt đầu thử xây dựng xã hội chủ nghĩa

theo mô thức Phi châu. Nó hỏi ý kiến mình xem phải làm gì đây. Hành động ngay. Lên tiếng ngay, không kẻo lại muộn. *Merde*, người chứ phải cứt à, sao mấy bố đè cổ người ta ra mà thí nghiệm như vậy!

Hắn còn khoe có một bà goá già bên Ý, má nuôi của hắn, hứa là khi mất sẽ cho nó một triệu đô la để... xây nhà thờ. Hắn nói là hắn chịu cái câu ca dao Việt Nam mà mình đã dịch cho nó nghe: *Dù xây chín...* Hắn nói với số tiền ấy hắn xây được cả mấy chục cái nhà thờ nguy nga, thôi thì chia bớt cho mầy một cái để mày xài chơi. Hắn còn bồi thêm: "Chưa chắc tao đã xây nhà thờ; cái xứ sở của tao có biết bao người còn đói rã họng ra, biết bao trẻ dốt nát mù chữ. Ai bảo lão bà ta tin cái thằng con dân cày chính cống Mambasa này thì rán mà chịu!"

Ngày... tháng... năm...

Anh chàng Linh, trong suốt giờ dạy Triết của mình hôm qua, có vẻ bồn chồn, khó hiểu. Khi mình đã lượt qua các hệ phái vô thần trong triết học Tây phương xong, chú ta bặm miệng hỏi: "Vậy cha có tin Chúa không?" "Có ngu mới không tin vào Thượng đế. Tuy nhiên tôi không tin vào những cái gọi là tín điều về Chúa như giáo hội Công giáo bắt chúng ta phải tin. Nó như những sợi dây siết cổ giáo hội Công giáo." " Như vậy cha không thể ở trong nhà dòng này được nữa!" "Tại sao không, chính trong nhà dòng là nơi cho chúng ta cái môi trường tốt nhất để tìm thấy bản ngã đích thực của mình. Chúa chỉ hiển lộ trong những kẻ đã phủi sạch khỏi lòng mình những kiến thức, kể cả kiến thức triết học kinh viện, và cả nền thần học Trung cổ mà Giáo hội Công giáo rất hãnh diện."

Ngày... tháng... năm...

Mình đã nói những điều ghê gớm. Không hiểu tại sao mình lại nói như thế. Biết đâu công trình học hỏi mười một năm bên trời Âu chỉ dùng được một lần đó với mấy tập sinh chiều hôm ấy. Cũng hả dạ thôi, phải không cụ Khổng?

NGUYỄN VĂN CƯỜNG

VẼ DẤU MÒN THÀNH THƠ

(Ghi lại lời mẹ nhân đón mùa Vu Lan)

Lên non mẹ áp trăng rằm
Nghe trong môi đá thì thầm nỗi xưa
Cái vui mà lại thành mưa
Ba con ngày ấy không vừa đâu nghen!

Trăng rừng xuyên suốt hơn đèn
Mẹ không mà ổng làm quen dễ dàng
Lưỡi gì có tấc có gang
Ổng nâng mẹ đẹp ngang hàng Nguyệt Nga.

Thôi đành mẹ nể người ta!
Vốn mình chẳng phải ngọc ngà chi đây
Từ trăng khuyết đến trăng đầy
Hương hồng ổng ướp hết ngày lại đêm.

Con ơi mẹ cũng trái tim
Làm sao tránh ghép nhịp êm tuyệt vời
Kể từ có trái tim đôi
Các con lần lượt chào đời thật vui.

À ơi lên ngược về xuôi
Đẹp chi hơn thuở bên người hở con?
Bây giờ ba chẳng có còn
Thương con mẹ vẽ dấu mòn thành thơ.

Ngày... tháng... năm...

Vẫn không thấy cha bề trên nói gì. Ngài vẫn nhã nhặn, nhiều lúc hơi quá, như thường lệ. Ngài lại tận tay đưa cho mình mấy bức thư tẩm nước hoa, dù đây không phải là công việc của ngài. Và nụ cười kẻ cả. Trong kinh thánh không thấy diễn tả kiểu cười của bọn giả hình Pharisiêu; nếu có, chắc phải y hệt như cái cười của cha bề trên hôm đó. Hồi ngài còn làm giám đốc đệ tử viện, ngài đã bày trò kiểm duyệt thư các chú, dù các chú ấy có khi đã mười tám, đôi mươi. Lại còn chia các đệ tử thành đoàn, đội. Và còn có những buổi kiểm thảo xây dựng - trong chúa Ki tô - mỗi tối thứ bảy cho toàn trường; lại tháng một lần có buổi họp đoàn vào chiều thứ năm; còn đội thì họp vào thứ tư. Y như Cọng sản. Mình nghe cha

Hồng, bạn cùng lớp, hiện đang làm giám đốc đệ tử viện, kể lại: "Tao chúa ghét mấy cái trò khỉ đó. Ai cũng có nhu cầu được tôn trọng. Ai đời lại tập cho con nít sát hại nhân cách của nhau như vậy."

Ngày... tháng... năm...

Cha bề trên hôm nay gọi mình lên và giao cho mình và thầy Micae lên ĐL tìm đất lập *nhà con*. Một cha xứ ở ĐL đã kiếm dùm. Chỉ lên xem lần chót, trước khi ký khế ước. Đây là một đồn điền của một người Pháp muốn bỏ về nước. "Cha biết rành tiếng Pháp nên thương lượng với ông Tây dễ hơn." Ngài cũng nói là ngài muốn cử mình tạm làm bề trên đầu tiên cho *nhà con* đó. Mình hơi giật mình: Thương lượng còn được, nhưng tại sao lại sai mình làm bề trên; mình chắc chắn là chẳng đủ thánh thiện để làm một vị bề trên đúng nghĩa; vả lại, vùng đó là một vùng mất an ninh.

Báo Đức Mẹ Lộ Đức, *ngày... tháng... năm....:*

Theo tin tức từ nhà *dòng mẹ* PT thì trong một chuyến đi để mua đất lập dòng ở ĐL, thầy An Tôn Lê Chính Trực đã bị bọn Fulro (cũng có thể là cọng sản) bắn chết; may cha Nguyễn Thanh Tâm chạy thoát được, nhưng bị lạc, mãi ba ngày sau mới trở lại được nhà dòng. Chúng đã cướp chiếc Honda và một số tiền lớn nhà dòng dùng để mua đồn điền của người Pháp, ông George Daniélou.

Báo Dân Ta, *mục "Từ Thành đến Tỉnh", Tám Chui phụ trách:*

Mẹ mìn tái xuất giang hồ: Hôm qua có một người đã dụ dỗ bắt đi một bé gái mồ côi, hai tuổi, trong khi bé đang chơi với các trẻ khác trong sân. Theo như xơ giám đốc, con nhỏ đã biết bi bô đôi ba tiếng Pháp. Mẹ của cháu đã đưa cháu từ Pháp về và nhờ các xơ giao đứa con lại cho cha của cháu, trước đây đã du học ở Pháp, nuôi, bởi bà muốn cho con của mình được sống và lớn lên trong một đất nước đang tạo nên những thiên hùng ca. Và phần bà, bà cũng đang bận góp phần vào giai đoạn lịch sử này, bà không thể cáng đáng chuyện nuôi con được. (Nguyên văn lời của xơ giám đốc đã nói với Tám Chui này, chơ tui mần chi mà nói được những lời hay ho quá cỡ thợ mộc như dzậy.) Các dì chưa kịp thực thi ý định thì sự việc xảy ra.

Tạp Chí Ngược Dòng (Mỹ quốc): Cụ Nguyễn Hữu Đạo, một thời từng là cố vấn về vấn đề đối ngoại cho chính phủ nước VNDCCH, nhưng vì những bài phân tích trong tờ *Nhân Loại* của nhóm Làm Người, về những ấu trĩ của chính phủ trong chính sách ngoại giao với Trung Hoa, cụ thể là với Thủ tướng Chu Ân Lai vào thập niên 50, ông đã bị trù dập tơi tả trong suốt 30 năm trời. Khi thì phải sống trong chuồng trâu, khi thì tá túc trong miếu hoang, chỉ vài năm gần đây mới được ở trong một cái chái che cạnh một trường làng nọ. Ấy là nói nơi ở, còn cái ăn, cụ đã phải đào trộm khoai của hợp tác xã, câu cá trộm, hoặc có người thương cho - chuyện này hiếm. Ấy vậy mà sao cụ lại để dành được cả tới ba vạn đồng; có lẽ chờ khi được phục hồi, in sách, làm báo, của cụ, đĩ nhiên. Thế mà khi đọc được tập kịch thơ Thanh Tâm Thị Kính của Hữu Lam, một người tới nay chưa hề có thơ đăng, cụ sướng quá, đưa ngay cả gói tiền dành dụm cả mấy chục năm trời để bạn in thơ, vì "Thơ của nó ghê gớm quá!" - Cụ nói như vậy; Hữu Lam cảm ơn tấm lòng kẻ sĩ chính thống của cụ, nhưng không lấy: "Cụ tâm cảm được thơ của con như thế là con không sợ cộ đơn rồi. Còn tiền, con cảm ơn cụ lắm, nhưng con không nhận đâu, bởi con sẽ có tiền để in mà, in cả thơ con lẫn thơ cụ; biết đâu chừng cụ nhỉ?"

Có kẻ thạo chuyện trong đám nhà văn Kinh Bắc nghe chuyện, bĩu môi: "Cái lão Hữu Lam này sẽ đưa mấy xấp đơn thuốc nam của lão để trả tiền nhà in chắc!"

Na Uy, 5. 2000

Chú thích:

- *Belliqueux*: Hiếu chiến.
- *Bouillabaisse*: Món súp hầm nhừ với đủ mọi thứ cá hầm bà lằng, một món đặc biệt của Pháp.
- *Bouillabaisse terrible*: Vạc xúp cá kinh khủng.
- *Démons et merveilles*: Những quỷ và những điều kỳ diệu (dịch sát nguyên văn).
- *L'Être et le Néant*: Hữu thể và Vô thể
- *Le Monde*: Thế Giới (tên một tờ báo).
- *L'Esprit*: Tinh Thần (tên một tờ báo).
- *L'Idée Contemporaine*: Tư Tưởng Hiện Đại (tên một tờ báo).
- *Le Vietnamien avant la colonisation francaise*: Con người Việt Nam trước Thời kỳ thuộc địa Pháp.
- *Le Vietnam, c'est HCM*: HCM là (biểu tượng cho) Việt Nam.
- *Merde: Tiếng chửi thề người Pháp hay dùng.*
- *Milieux politique*: Môi trường chính trị.
- *Monsieur l'abbé:* Ông Cha, tên người Pháp dùng để xưng hô các linh mục.
- *Réactionnaire*: Phản động.
- Sách Khải Huyền: Bộ sách cuối cùng trong Kinh Thánh Ki tô giáo nói, ít nhất chỉ xét qua bề mặt, về sự hủy diệt của thế giới.
- *Summa cum laude* (tiếng la tinh): Tối ưu với lời khen ngợi; dùng để phê vào các bằng cấp.

NHỚ NGỌC DŨNG

BÙI BẢO TRÚC

Trong những tháng cuối của Mai Thảo, hễ có dịp sang miền tây, tôi đều đến thăm anh. Lúc ở căn *apartment* sau nhà hàng Song Long, lúc ở bệnh viện, cuối cùng ở một khu điều dưỡng ở Orange County.

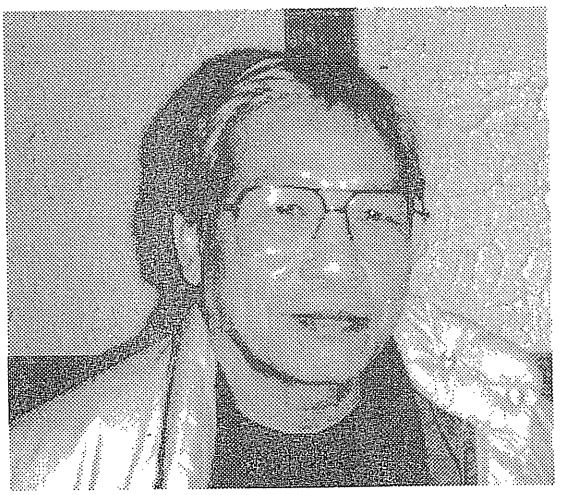

Họa sĩ Ngọc Dũng (1931 - 2000)

Mỗi lần đến chơi với anh, tôi tránh không hỏi về tình hình sức khỏe của anh. Chúng tôi châm thuốc cho anh, rót cho anh ly *cognac*. Toàn những thứ cấm kỵ. Nhưng làm sao từ chối anh được. Làm sao từ chối khi biết không có điếu thuốc, không có ly *cognac*, anh cũng sẽ không bao giờ còn có thể mặc áo, đi giày, đi ăn với chúng tôi, lêu bêu lên đồi Cam, hay ra một quán rượu ở Laguna ngồi uống nhìn ra biển đen xanh buổi tối.

Chúng tôi không hỏi anh về sức khỏe sau lần thấy một phụ nữ đến thăm, hỏi anh có khỏe không, anh gắt lên *"Khỏe cái đếch gì!"*

Từ đó, tôi thấy câu hỏi ấy vừa thừa thãi vừa vô duyên trong những trường hợp như vậy. Mỗi lần đến thăm sau đó, chúng tôi chỉ đốt thuốc và rót rượu cho anh, và không nói gì.

Mai Thảo qua đời thì vài tháng sau, ông thân tôi cũng mệt nặng. Ông bị ung thư phổi bất kể một cuộc sống rất điều độ và lành mạnh. Tôi cũng không hỏi *"Cậu có khỏe không, thấy trong người thế nào."* Những câu hỏi như vậy là để hỏi trong những lúc khác. Lúc ông còn khỏe mạnh, còn đi đây đi đó, còn nay Vạn Lý Trường Thành, mai Sydney, mốt Florence, Vienna, Budapest, Paris, Luân Đôn, rồi Hương Cảng, Việt Nam.

Mỗi lần gặp sau khi ông biết bị ung thư, tôi chỉ nói cho ông nghe về các cháu nội ngoại của ông, chuyện học hành của chúng nó, những chuyện tôi biết làm ông vui. Hỏi một người ung thư phổi đã phát nặng về sức khỏe thì chẳng bao giờ nên. Ghé bệnh viện, gặp y sĩ điều trị cho ông, hỏi vài câu là đủ rồi.

Cách đây mấy tuần, tôi được cho biết anh Ngọc Dũng đau nặng. Tôi rất muốn đi thăm anh, và đã định đi mấy lần.

Nhưng không bao giờ làm được việc đó.

Tôi cứ nghĩ anh chưa thể đi ngay.

Những tin tức của bạn bè tới thăm đều nói như thế.

Thêm nữa, là đến để nói gì bây giờ? Hỏi anh khỏe không, thấy trong người thế nào ư?

Những người đàn ông kiêu hãnh ấy không bao giờ muốn phải nằm một chỗ, không bao giờ muốn những người khác thấy mình trong một tình trạng sức khỏe, thân xác như thế.

Điều anh nói với một người bạn, cái chết của loài voi, loài sinh vật có thể nói là duy nhất ngoài con người, có được cảm nhận về cái chết làm tôi hiểu những người muốn ra đi một mình.

Một mình như khi người ta bước vào cuộc đời. Những con voi rừng ở Phi châu biết chỗ để đến sống nốt những ngày cuối, đó là ở nghĩa địa voi, ngoại trừ những con voi bị thợ săn bắn gục ở dọc đường. Tất cả những con voi già, yếu, bệnh tật đều biết lúc và nơi để chết.

Anh muốn ra đi như những con voi đó, không muốn làm phiền những người khác. Và đó là lý do mà vài người bạn nói lại, chị Dũng không muốn thông báo cho nhiều người biết

về bệnh tình của anh và cũng không muốn quá nhiều người đến thăm anh.

Tôi không muốn nghĩ là anh có thể ra đi nhanh như thế. Nguyễn Thiên Ân nói còn chừng một, hai tuần nữa. Ngô Vương Toại nói là anh còn tỉnh táo lắm. Tôi định là khi Du Tử Lê qua chơi, chúng tôi cùng đi thăm anh.

Chuyện lần lữa, hoãn đi thăm anh của tôi cũng như một người con không tin, không nghĩ, không muốn cho là bố mình có thể chết được.

Như người phụ nữ đi trong một thành phố chiến tranh, cố gạt đi khỏi đầu óc những ý nghĩ chết chóc, những điều không ai dám nghĩ tới như một đoạn thơ của Tô Thùy Yên:

Nghĩ tới, nghĩ tới một điều hệ trọng vô cùng
Của chiến tranh mà em không biết rõ...
Một điều em sợ phải nghĩ tới...

Tôi cũng không muốn nghĩ cái chết nhất định sẽ tới với anh. Tôi từ chối những suy nghĩ đó. Anh sẽ còn phải sống để chúng tôi tới thăm anh. Để thấy anh cười hiền, mái tóc bạc gần hết không rẽ ngôi xòa xuống trán, nói đùa với anh em.

Như những lần đến thăm anh ở căn nhà đường Dinwidee ở Arlington, hay căn nhà mới tôi đã chở Mai Thảo, Du Tử Lê đến, như lần đem cuốn sách mới in đến tặng anh.

Chúng tôi đã uống rượu, ăn đậu rán với nhau. Có lần cùng với cả Kiều Chinh.

Mấy năm cuối, sau khi về hưu, anh vẫn gặp chúng tôi luôn, thường thì là ở quán phở của người bạn. Lúc nào anh cũng cười hề hề, lúc nào cũng lạc quan:

... avec des craies de toutes les couleurs
sur le tableau noir du malheur
il dessine le visage du bonheur...

Như một đoạn của Prévert. Anh vẽ cuộc đời như thế. Trên tấm bảng đen của bất hạnh, anh vẽ lên khuôn mặt của hạnh phúc.

Ngọc Dũng vẽ không nhiều, nhưng những bức tranh của anh đều là những màu sắc của hạnh phúc. Những tà áo màu, những phụ nữ ngồi, đứng, tay đặt mềm mại, tóc xõa bay, khuôn mặt, dáng dấp làm gợi nhớ một chút Modigliani, một chút Matisse, rồi lại cả Picasso thời kỳ xanh và hồng.

Hỏi vẽ có khó không, anh nói cứ đem màu bôi lên là thành tranh. Anh không bao giờ nói về hội họa của mình như là chuyện lớn trên đời. Anh ở trong nhóm Sáng Tạo, nhưng trầm lặng hơn những người khác mặc dù ai cũng biết anh ở trong nhóm. Anh ít khi nói về mình. Anh chỉ thích nói về Mai Thảo, Trần Thanh Hiệp, Thanh Tâm Tuyền... Anh có công (?) đặt tên cho một loại giấy quí để in thơ, rồi sau đó có người bắt chước gọi theo, giấy Hồng Miên trong khi không hề biết đó là tên của cháu gái lớn ở nhà.

Tôi không biết phải nói gì nếu gặp anh. Không thể "*an ủi*" rằng số trời bắt vậy, anh bỏ thuốc lá từ lâu rồi mà. Nói vậy thì phải chăng là những người hút thuốc thì đáng chết hết hay sao? Cũng không thể kể những Trần Đại Lộc, Lê Đình Điểu, Phạm Dương Hiển... ra để chứng minh, biện luận này nọ. Tôi chỉ tiếc không được cầm tay anh lần cuối.

Hôm viếng anh ở nhà quàn, hai thiếu nữ trong số những người đến viếng anh, đọc hai câu thơ của Thanh Tâm Tuyền:

Sẽ chết như sao rơi vào bất tận
Sẽ yêu như giọt nước hân hoan

và nói là rất thích, nhưng không hiểu rõ tiếng Việt. Hai cô kiếm người dịch sang Anh ngữ. Tôi đang đứng gần đó, liền đọc:

I shall leave this world like a star descending into Eternity
I shall love like a joyous drop of water...

Hai thiếu nữ nghe xong, gật đầu nói *"Chú Dũng chết vui vẻ."*

Đúng, anh Ngọc Dũng sống một cuộc đời lương hảo hiền lành, anh ra đi hạnh phúc. Tôi tin chắc như thế mặc dù không được gặp anh trong những ngày cuối.

Chuyện từ chối đi gặp lần cuối cũng là cách để nói một cách vô thức rằng chúng tôi mong anh sống, khỏe mạnh trở lại. Như Mai Thảo một lần, ở phi trường Dulles, khi chúng tôi đưa anh lên máy bay trở về California, suốt nửa tiếng ngồi đợi lên phi cơ, anh không nói gì hết. Đến lúc tới cửa máy bay, anh quay lại, nói lớn: *"Đếch muốn về nữa!"*

Đó cũng là cách để nói muốn ở lại của ông già khó tính này. Nhưng cách nói ấy hay hơn là câu "Tao muốn ở đây chơi với bọn mày thêm nữa chứ!"

Thôi, anh Dũng, anh đi không cô đơn đâu. Có Mai Thảo, Nguyên Sa chờ anh rồi đấy. Mai Thảo đi trước mới cô đơn chứ. Như cảnh trong bài *Đợi Bạn* này:

Nửa khuya đợi bạn từ xa tới
Cửa mở cầu thang để sáng đèn
Bạn tới lúc nào không biết nữa
Mưa thả đều trên giấc ngủ đen.

Vĩnh biệt Ngọc Dũng.

9/7/2000

CÔNG CUỘC NGHIÊN CỨU VIỆT SỬ TẠI BẮC MỸ (1975-2000)

Bài Thứ Năm: Nhóm Biên Khảo

TRẦN ANH TUẤN

(Xem tiếp từ số 133)

4. Giới Cựu Quân Nhân

Sau khi được yên hàn ở Bắc Mỹ, nhiều sĩ quan cao cấp trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã hăm hở viết lịch sử Việt Nam thời hiện đại, thời mà họ là tác nhân tích cực trong vai trò lãnh đạo guồng máy cai trị.

Trước hết là tác phẩm căn bản *The Fall of Vietnam: Statements by Vietnamese Military and Civilian Leaders* do tổ hợp Rand Corporation thực hiện, xuất bản tại New York năm 1980, 264 trang. Tác phẩm này là bản phân tích và tổng kết những phát biểu của các nhân vật cựu lãnh đạo miền Nam nhằm giải thích nguyên nhân sụp đổ của Việt Nam Cộng Hòa.

Những phát biểu này bao gồm hai hình thức: 27 người trả lời phỏng vấn và sau đó, 11 người trong đám này được yêu cầu viết thêm bản trả lời, trong thời gian từ tháng Hai năm 1976 đến tháng Giêng năm 1977.

Số người trả lời phần lớn là các tướng tá (cả thảy 23 người, gồm 14 tướng là Trần Văn Đôn, Ngô Du, Nguyễn Duy Hinh, Đồng Văn Khuyên, Nguyễn Cao Kỳ, Hoàng Xuân Lãm, Vĩnh Lộc, Trần Văn Minh, Đặng Văn Quang, Nguyễn Xuân Thịnh, Ngô Quang Trưởng, Cao Văn Viên ... và 9 đại tá là Hoàng Mạnh Đáng, Phạm Kỳ Loan, Nguyễn Huy Lợi, Lê Khắc Lý, Đỗ Ngọc Nhuận, Trương Tấn Thức, Vũ Văn Ước...). Chỉ có bốn nhân vật dân sự tham dự vào dự án là Nguyễn Bá Cẩn (cựu thủ tướng VNCH), Bùi Diễm (cựu đại sứ VNCH tại Hoa-thịnh-đốn), Bửu Viên (cựu thứ trưởng Bộ Nội Vụ VNCH), và Tounneh Hàn Thọ (cựu Tổng Thư Ký Bộ Phát Triển Sắc Tộc VNCH). Lý do chúng tôi không thể ghi danh sách đầy đủ tên những người trả lời phỏng vấn hay nộp bài viết là vì một số trong nhóm tướng tá yêu cầu được dấu tên nên nhóm thực hiện đã không nêu danh tánh của họ.

Phát biểu của nhóm cựu tướng tá và nhân viên nội các chính phủ VNCH này có thể được coi là những lời đổ lỗi cho người khác về sự sụp đổ của VNCH: họ đổ lỗi cho Nguyễn Văn Thiệu người không trả lời phỏng vấn-, họ đổ lỗi cho Cao Văn Viên viên tổng tham mưu trưởng ăn không ngồi rồi-, họ đổ lỗi cho Mỹ đã bỏ Việt Nam, và họ đổi lỗi cho những kẻ tham nhũng và bất tài trong chính phủ và quân đội VNCH, vân vân và vân vân.

Những người thực hiện phỏng vấn, Stephen T. Hosmer, Konrad Kellen, và Brian M. Jenkins thuộc tổ chức Rand Corporation, đã có sự tế nhị tối thiểu là không chất vấn đời tư của các đương sự, nhưng họ không khỏi có lúc nêu lên nhận xét chua chát là chính những viên tướng bất tài và tham nhũng đã lợi dụng cơ hội được phát biểu để tố cáo những tướng tá khác tham nhũng và bất tài!

Dẫu sao, nội dung phát biểu của các tướng lãnh và nhân viên chính phủ ngay sau khi miền Nam sụp đổ và do các chuyên viên Hoa Kỳ thực hiện đã cung cấp cho độc giả một số sự kiện lịch sử về sự thảm bại của quân lực Việt Nam Cộng Hòa đưa đến sự sụp đổ hoàn toàn của chế độ miền Nam, bắt đầu với việc ký kết Hiệp Định Paris đầu năm 1973 ấn định việc rút quân của Mỹ và Đồng Minh khỏi Việt Nam trong khi quân chính qui Bắc Việt vẫn

liên tục đổ vào miền Nam qua đường mòn Hồ Chí Minh dọc theo rặng Trường Sơn.

Ngoài ra, một số cựu tướng lãnh cũng đã được Trung Tâm Quân Sử Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ thuê viết về quân sử QLVNCH khi họ chạy được sang Hoa Kỳ như cựu đại tướng Cao Văn Viên với *The Final Collapse* (1983), cựu trung tướng Ngô Quang Trưởng với *The Easter Offensive of 1972* (1980), cựu chuẩn tướng Trần Đình Thọ với *The Cambodia Incursion* (1983)...

Một tác phẩm căn bản khác là *Lịch Sử Ngàn Người Viết*, xuất bản tại California năm 1995, 192 trang. Sự khác biệt giữa The Fall of Vietnam... và Lịch Sử Ngàn Người Viết chỉ là sự khác biệt về người phỏng vấn mà thôi: quyển trước do ba người Mỹ Hosmer, Kellen, và Jenkins- đứng ra phỏng vấn, quyển sau do một người Việt Lê Bá Chư- phụ trách phỏng vấn.

Lê Bá Chư là một cựu sĩ quan hải quân QLVNCH. Sau khi di tản sang Hoa Kỳ năm 1975, ông đi vào ngành âm nhạc và báo chí như một kế sinh nhai nhưng có lẽ cũng là để đáp ứng thiên hướng văn nghệ của ông. Loạt bài phỏng vấn các cựu tướng tá trong QLVNCH được ông thực hiện đã gây nhiều bất ngờ. Những người trả lời phỏng vấn -vốn là những vị tướng có trách nhiệm trong cuộc lui binh lịch sử của quân lực Việt Nam Cộng Hòa năm 1975- đã hé lộ nhiều chi tiết kinh khủng có thể làm đỏ mặt vì xấu hổ cả những người lì lợm nhất. Tập tài liệu này ngắn, chỉ có 192 trang, nhưng chính là một trong những tài liệu cần thiết cho người viết sử hiện đại.

Ngoài hai tác phẩm quan trọng nói trên, một số cựu sĩ quan cũng đã trình làng những thiên biên khảo về lịch sử, và nhất là về quân sử VNCH.

Đầu tiên là Hoàng Lạc và Hà Mai Việt với *Nam Việt Nam 1954-1975. Những Sự Thật Chưa Hề Nhắc Tới*, Texas, 1990, 342 trang. Hai tác giả là những cựu sĩ quan cao cấp trong QLVNCH: Hoàng Lạc là cựu thiếu tướng, và Hà Mai Việt là cựu đại tá. Cả hai vốn là những sĩ quan thường xuyên ngoài mặt trận, do đó cũng là điều khá ngạc nhiên khi họ cầm bút để viết về những sự kiện lịch sử tại miền Nam Việt Nam. Hai tác giả đã căn cứ vào 10 quyển sách vừa Việt (2 quyển) vừa Mỹ (8 quyển) và những hiểu biết riêng của mình để trình bầy, giải thích, và phân tích những sự kiện chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội, ngoại giao, và nhất là quân sự xẩy ra tại VN từ sau Hội Nghị Genève (1954) cho đến khi VNCH sụp đổ (1975). Hai tác giả có cái tự tin của những người đã nắm được chân lý, và họ đã viết mà không hề sử dụng cước chú, chú thích hay xuất xứ gì cả.

Tựa đề của sách đã được hai tác giả đặt, nguyên văn, là *Nam Việt Nam 1954-1975. Những Sự Thật Chưa Hề Nhắc Tới*. Quả vậy, chắc chỉ độc giả của tác phẩm này mới biết được cụ thể những sự thật chưa hề nhắc tới như khi không mời được cụ Nguyễn Xuân Chữ vào hội kiến tại Dinh Độc Lập, thì Tổng Thống Diệm đã, nguyên văn, mặt ửng đỏ, ngồi thẫn thờ một lúc rồi mới tiếp tục làm việc (trang 216), đại tá Dương Văn Minh đã, nguyên văn, lập mưu bắt sống Ba Cụt (trang 218), và, nguyên văn, Đại tá Tôn Thất Xứng chỉ huy Sư Đoàn 31 đã chiến từ năm 1955 (trang 219), đại tá Nguyễn Văn Y được, nguyên văn, Tổng Thống Diệm thương yêu cử làm Tỉnh Trưởng Chợ Lớn (trang 224), ông Ngô Đình Nhu là người, nguyên văn, hàng ngày dành nhiều thì giờ đích thân kiểm duyệt thư từ trong nước gửi ra ngoại quốc hoặc ngược lại, thư từ từ các tỉnh lớn gửi về Sài Gòn và từ Sài Gòn đi các tỉnh. Sau khi duyệt xét thư từ, ông Nhu thường dùng viết chì mỡ màu xanh lá cây là màu mà ông ưa thích và gọi là màu hy vọng để ghi chú chỉ thị cho các cấp thừa hành (trang 231-232), trong ngày đảo chánh 1/11/63, nguyên văn, đại tá Lê Quang Tung, Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Biệt, chửi lớn trước Hội Đồng: "Chúng bay đeo lon, mặc áo, thụ hưởng phú quý, lạy lục để được Tổng Thống Diệm ban ơn, mà nay lại dở trò bất nhơn bất nghĩa..." liền bị dẫn ra khỏi phòng và bị đại úy Lê Minh Đảo, sĩ quan tùy viên của tướng Lê Văn Kim, đưa lên chòi canh trên sân thượng tòa nhà chánh Bộ Tổng Tham Mưu hạ sát ngay đêm hôm đó (trang 243), cũng trong ngày đảo chánh 1/11/1963, nguyên văn, các tướng Lê Văn Kim, Phạm Xuân Chiểu, Mai Hữu Xuân, và Nguyễn Ngọc Lễ là những tướng có ý định thanh toán hai anh em ông Diệm (trang 246), rồi sau đó, nguyên văn, đại úy Nguyễn Văn Nhung dùng súng colt 45 và thiếu tá Dương Hiếu Nghĩa dùng tiểu liên Thompson hạ sát hai anh em ông Diệm (trang 247). Và còn rất nhiều những sự thật chưa hề nhắc tới chờ đón độc giả trong sách!

Cố trung tá Nguyễn Văn Châu thì có *Ngô Đình Diệm Và Nỗ Lực Hòa Bình Dang Dở*.

Sách đã được Nguyễn Vy Khanh dịch, xuất bản tại California năm 1989, 251 trang.

Là một cán bộ trung kiên và đắc lực của Tổng Thống Ngô Đình Diệm trong 17 năm, từ 1946 đến 1963, Nguyễn Văn Châu từng làm Giám Đốc Nha Chiến Tranh Tâm Lý thời Đệ Nhất Cộng Hòa (1956-1962) và Tùy Viên Quân Sự cạnh Tòa Đại Sứ VNCH tại

DU TỬ LÊ

THƠ TÌNH CUỐI NĂM 2012

E-MAIL (TỎ TÌNH)

nếu tình yêu được tính bằng số lượng
chất béo
tôi không biết kỷ niệm có cần phải xuống
cân?
(nhưng,) cách gì tôi cũng đã quên bỏ đường
vào lời tỏ tình với em
bằng e-mail thứ nhất!
(mỡ và đường, những chất hơn nửa nhân
loại hiện đang thèm khát!)
tôi cũng quên
hỏi xin em
bút tự
(nên,) chứng thực cho tình yêu ta
cuối cùng,
cũng chỉ có mấy con... virus.

CLONING

thay vì cloning cho tôi con cừu
hãy tạo sinh vô tính cho tôi buổi chiều,
quê cũ.
thay vì cloning cho tôi thịt bò
hãy tạo sinh vô tính cho tôi bình minh ấu
thơ,
đã khuất.
(và,) không cần phương pháp cloning
tôi vẫn có thể cho em
giọt lệ cuối đời
trước khi một trong đôi ta
thực sự
không còn,
nữa.

DNA

đừng nhìn tôi bằng mắt.
đừng nghe tôi bằng tai.
đừng sờ tôi bằng tay.
đừng ngửi tôi bằng mũi.
đừng nếm tôi bằng lưỡi.

tôi không hề là tôi.
thí dụ, tôi, không khí.

em không thể dùng mắt để thấy không khí.
em không thể dùng tai để nghe không khí.
em không thể dùng tay để sờ không khí.
em không thể dùng mũi ngửi không khí.
em không thể dùng lưỡi để nếm không khí.

em chỉ có thể
thấy, nghe, sờ, ngửi, nếm... tôi
bằng trái tim.

bởi tôi có cùng một DNA
với Thượng Đế.
(June 2000)

BÀI THÂN, TÂM HỌC TỪ BẠN TÔI: BÙI VĨNH HƯNG

hãy ngắt một búp đêm
mọc giữa tâm thinh lặng
chôn, cất một góc thân
bón mầm cây tuyệt vọng

hãy ngắt một lá sông
mọc giữa lòng: lũ, xiết
tặng cho núi điềm nhiên
giữa thác, ghềnh: sống, chết

hãy ngắt một giọt vui
đẫm mồ hôi thế sự
năm chín năm ui ui
mình ên như lịch sử

hãy ngắt một nhánh... tôi
thả đáy nôi: chánh niệm.
(21-April 2000)

Hoa-thịnh-đốn (1962-1963). Sau cuộc đảo chánh 1/11/1963, ông từ nhiệm và rời bỏ nhiệm sở để sang Pháp sinh sống. Ở Pháp, ông tiếp tục việc học và tốt nghiệp cử nhân và cao học. Tác phẩm *Ngô Đình Diệm Và Nỗ Lực Hòa Bình Dang Dở* chính là tiểu luận cao học sử của ông, được đệ trình tại Đại Học Paris VII năm 1982, dưới tựa đề *Ngô Đình Diệm en 1963: Une Autre Paix Manquée*. Nguyễn Văn Châu mất năm 1985 tại Nice.

Ngô Đình Diệm Và Nỗ Lực Hòa Bình Dang Dở hoàn thành nhờ sự tham khảo những tác phẩm nghiên cứu của một số tác giả Việt, Pháp, và Hoa Kỳ, nhưng nhất là nhờ vào những tài liệu riêng của tác giả, vốn là một thành phần trong nhóm những người thân cận nhất của Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Do đó, tác phẩm đã cung hiến những chi tiết cụ thể về chế độ Ngô Đình Diệm, từ những chi tiết nhỏ nhặt của cá nhân vị nguyên thủ quốc gia cùng gia đình đến những chính sách kinh tế, chính trị, xã hội, quân sự... *Ngô Đình Diệm Và Nỗ Lực Hòa Bình Dang Dở* cũng quan trọng ở chỗ tác phẩm là tiếng nói của phía bên-kia đối với phong trào tố cáo tội ác Ngô Đình Diệm.

Vốn là một dự án nơi trường ốc, tác phẩm *Ngô Đình Diệm en 1963: Une Autre Paix Manquée* đã được hướng dẫn và phê bình nên thể hiện một phương pháp làm việc nghiêm túc, cụ thể là các sự kiện được trình bầy sáng sủa và dễ hiểu kèm theo ngày tháng rõ ràng, cùng những cước chú và chú thích nơi cuối trang. Tác phẩm đã tránh được sự phóng túng và tài tử. Dĩ nhiên, độc giả cần phải tỉnh táo để nhận thức những sự thật bị dấu diếm hay những khoa trương thái quá của một người từng được mệnh danh là cái loa của chế độ. Chẳng hạn như khi Nguyễn Văn Châu cho biết ông là tác giả của bốn tác phẩm, tức *Giòng Lịch Sử* (1961), *Con Đường Sống* (1961), *Thất Bại Của Việt Cộng* (1962), và *Thế Hệ Mới, Con Người Mới* (1962). Thật ra, những quyển sách này đều do các sĩ quan hay cá nhân dưới quyền tác giả lúc ấy là Giám Đốc Nha Chiến Tranh Tâm Lý Bộ Quốc Phòng- viết cả, chứ đâu phải ông viết được như ông đã khẳng định nơi trang 155! Thí dụ như quyển *Giòng Lịch Sử* là do Mặc Thu viết, và quyển *Thế Hệ Mới, Con Người Mới* là do trung úy Nguyễn Duy Nhâm tức nhà văn Nguyễn Ái Lữ- viết.

Việc dịch thuật đã được thực hiện một cách khá cẩn trọng, như khi cần thêm ý kiến riêng của mình, dịch giả ông Nguyễn Vy Khanh- đã ghi rõ đâu là chính văn và đâu là phần thêm vào của mình. Tuy nhiên, cũng có nhiều câu nhiều đoạn Việt văn tối nghĩa mà tiếc thay, chúng tôi không có nguyên tác để đối chiếu.

Phạm Việt Châu tên thật là Phạm Đức Lợi, xuất thân khoá 5 Thủ Đức. Chức vụ cuối cùng của ông là trung tá, tùng sự tại Khối Tình Báo, Phòng Nhì Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Sau khi Cộng Sản cưỡng chiếm miền Nam, trung tá Phạm Đức Lợi đã tuẫn tiết tại tư gia, ngày 5 tháng 5 năm 1975, để bảo toàn danh tiết theo truyền thống của võ quan Việt Nam.

Thời Việt Nam Cộng Hòa, Phạm Việt Châu là một cây bút văn chương với nhiều sáng tác về thơ, kịch, tiểu thuyết dưới các bút hiệu Mạc Ly Châu, Phạm Chi Lăng, và Phạm Việt Châu. Tác phẩm *Trăm Việt Trên Vùng Định Mệnh* của ông được xuất bản tại Minnesota năm 1997, 326 trang, thực ra, là tập hợp của loạt bài đã đăng từng kỳ trên tạp chí Bách Khoa tại Sài Gòn trong các năm 1969-1974. Lúc bấy giờ, loạt bài của Phạm Việt Châu được nhiều người theo dõi vì cách viết nghiêm chỉnh và đầy những chi tiết thời sự và chính trị về miền Đông Nam Á, nơi mà rất ít sách báo đương thời đề cập đến.

Thân nhân của người quân nhân tuẫn tiết đã rất có lý khi thu thập, sắp xếp, và xuất bản di cảo của người đã khuất như một nén hương tưởng nhớ trong niềm tự hào về người chồng và người cha hy sinh vì nước. Chứ thật ra, nội dung của sách đã bị thời gian vượt quá mất rồi ! Ngày nay, đọc lại loạt bài ông viết căn cứ trên những tài liệu thời sự và chính trị đương thời, độc giả hiểu được một cách tổng quát diễn tiến hình thành của các quốc gia trong vùng Đông Nam Á cùng những biến cố chính trị và thời sự xẩy ra nơi các quốc gia ấy trong thế kỷ XX, được cập-nhật-hóa cho đến những năm đầu của thập niên 70.

Phạm Phong Dinh là bút hiệu của Phạm Quốc Thoại, một con dân đất Cần Thơ. Ông là cựu học sinh Phan Thanh Giản, Cần Thơ, và cựu sĩ quan hành chánh quân y, cấp bậc Thiếu Úy. Sau 30 tháng Tư năm 1975, ông bị giam trong các trại tập trung trong ba năm và định cư tại Gia-nã-đại từ năm 1990.

Phạm Phong Dinh vinh danh quân lực VNCH bằng cách trình bầy lại lịch sử của các quân trường và các đại đơn vị (các Sư Đoàn Bộ Binh, Nhẩy Dù, Thuỷ Quân Lục Chiến, Lực Lượng Đặc Biệt, Thiết Giáp, Nữ Quân

Nhân, Hải Quân, và Không Quân) qua tác phẩm *Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa Trong Cơn Bão Lửa* xuất bản tại Gia-nã-đại năm 1998, 399 trang.

Công trình này được tác giả coi là, nguyên văn, đi tìm những mảnh ngọc vụn vỡ bị chôn vùi trong đống tro than quá khứ (trang 5), đã được ông thực hiện với lòng uất ức của một nạn nhân trong cuộc mà, nguyên văn, những người đã chết thì nằm câm nín tức uất không nói được dưới lòng đất đã mục rã xương cốt, những người còn đang sống thì bị kẻ thù tha hồ lăng mạ sỉ nhục (trang 5). Quyển sách vì thế bao gồm những sự kiện lịch sử lẫn lộn trong những dòng chữ đầy ắp tình cảm dành cho quân lực VNCH. Như cách viết bóng bẩy trong tựa đề, nội dung của sách cũng bao gồm nhiều nhận định chủ quan hay thuần lý mà độc giả không hề được biết xuất xứ từ đâu.

Thiết tưởng không ai có thể phủ nhận thiện ý và sự hy sinh cá nhân của tác giả khi tự mình đứng ra đảm đương một dự án vừa tốn công vừa tốn của như Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa Trong Cơn Bão Lửa. Nhưng tùy quan điểm của mỗi độc giả mà chúng ta sẽ có những cách đánh giá khác nhau.

Là quân nhân QLVNCH, không ai là không cám ơn tác giả đã ghi lại những chiến tích của đơn vị mình với những cảm tình nồng hậu. Là người nghiên cứu quân sử, không ai là không thắc mắc về xuất xứ của các sự kiện lịch sử và quân sự được trình bầy trong sách. Và là người bên kia chiến tuyến, chắc không ít người kết án tính cách tuyên truyền của sách.

Phạm Phong Dinh đã viết *Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa Trong Cơn Bão Lửa* một cách chân chất và tài tử hiểu theo nghĩa thu lượm được bao nhiêu tài liệu thì phổ biến bấy nhiêu. Cho nên, hẳn độc giả cũng hiểu tấm lòng đáng quí của tác giả mà không nỡ trách ông về sự mất quân bình trong nội dung trình bầy: sách được phân thành từng chương và mỗi chương viết về một đại đơn vị, với chiều dầy của các chương rất khác biệt nhau. Những chương sách về các sự đoàn khá chi tiết như chương về Sư Đoàn 3 Bộ Binh chiếm 28 trang, chương về Sư Đoàn Nhẩy Dù cũng chiếm 28 trang, chương về Sư Đoàn 1 Bộ Binh chiếm 26 trang. Nhưng có những đại đơn vị chỉ chiếm vỏn vẹn 6 trang như chương về Hải Quân VNCH trong đó hình ảnh đã chiếm tới 5 trang. Thậm chí có đại đơn vị... không có trang nào, vì chỉ được giới thiệu bằng hai tấm hình đen trắng như Đoàn Nữ Quân Nhân VNCH hay một tấm hình đen trắng như Trường Hạ Sĩ Quan QLVNCH!

Cuộc Triệt Thoái Cao Nguyên 1975 là một tác phẩm của Phạm Huấn, được xuất bản tại California năm 1987, 289 trang. Tác phẩm xuất xứ từ hai quyển Nhật Ký Hành Quân gần 500 trang viết tay mà tác giả may mắn đem theo khi di tản trưa ngày 30/4/1975. Nội dung hai quyển Nhật Ký Hành Quân là diễn biến từng giờ từng phút trong 25 ngày đêm, từ ngày 9 tháng 3 đến ngày 2 tháng 4 năm 1975 tại Quân Đoàn II.

Phạm Huấn là một người trong cuộc. Ông chính là sĩ quan báo chí của Thiếu Tướng Phạm Văn Phú, Tư Lệnh Quân Đoàn II (1974-1975).

Phần chính của sách là những trang ghi lại cuộc triệt thoái khỏi Ban Mê Thuột, cuộc rút quân của Quân Đoàn II qua 300 km trên liên tỉnh lộ 7 Pleiku - Phú Bổn - Phú Yên trong 14 ngày, từ 17 đến 25 tháng 3 năm 1975. Tác giả cũng ghi lại quyết định tại Bạch Dinh, Cam Ranh ngày 14 tháng 3 năm 1975, nơi chính tác giả có mặt nhưng không được tham dự cuộc họp. Tác giả đã vẽ lại những hình ảnh sống động liên quan đến cuộc họp giúp độc giả mường tượng cụ thể tư cách và tài trí của bốn viên tướng trong QLVNCH đồng thời cũng là những nhân vật lãnh đạo quốc gia lúc bấy giờ: từ trung tướng Nguyễn Văn Thiệu Tổng Thống, đại tướng Trần Thiện Khiêm Thủ Tướng, đại tướng Cao Văn Viên Tổng Tham Mưu Trưởng, đến trung tướng Đặng Văn Quang Phụ Tá Tổng Thống, đều lần lượt tụt khỏi phi cơ, bằng đít, bước lên mui một chiếc xe díp để xuống đất (trang 69). Cũng trong buổi họp đó, việc rút quân nhưng bỏ rơi các lực lượng địa phương đã được những viên tướng ấy quyết định, cho thấy cách giải quyết lạ lùng của họ đối với hàng triệu người mà họ có trách nhiệm bảo vệ.

Ngoài quyển *Cuộc Triệt Thoái Cao Nguyên 1975*, Phạm Huấn còn là tác giả của *Điện Biên Phủ 1954 Ban Mê Thuật 1975, Tướng Phạm Văn Phú Và Những Trận Đánh và Những Uất Hận Trong Trận Chiến Mất Nước Năm 1975*. Hai tác phẩm này đều được xuất bản trong năm 1988 tại California.

Những Trận Đánh Lịch Sử Trong Chiến Tranh Việt Nam 1963-1975 là một quyển quân sử khác do Nguyễn Đức Phương xuất bản tại California năm 1993, 423 trang.

Là một cựu quân nhân từng bị giam trong các trại tập trung ở Việt Nam sau năm 1975, Nguyễn Đức Phương đã trình bầy 24 trận đánh tại Việt Nam qua các giai đoạn Chiến Tranh Đặc Biệt, Mỹ Hóa Chiến Tranh, và Việt Nam Hóa Chiến Tranh.

Mỗi trận đánh được tác giả trình bày chi tiết ti mỉ với cả sơ đồ trận đánh, căn cứ vào sách báo phần lớn xuất bản sau năm 1975 của các tác giả Hoa Kỳ và Việt Nam. Sự thực là tác giả đã trình bầy diễn tiến những trận đánh theo một phía mà thôi, phía Hoa Kỳ-VNCH, chứ tác giả không trình bầy diễn tiến các trận đánh theo phía Cộng Sản. Điều này dẫn xuất từ sự giới hạn trong việc thu thập tài liệu chăng ?

Các kỹ thuật căn bản khi viết sách nghiên cứu đã không được tôn trọng trong tác phẩm *Những Trận Đánh Lịch Sử Trong Chiến Tranh Việt Nam 1963-1975*. Những câu trích dẫn với thứ tự chú thích chỉ dẫn đến một danh sách những tài liệu tham khảo, chứ không dẫn đến xuất xứ chính xác, nơi câu văn hay ý kiến của người khác được tác giả trích dẫn. Cách viết tên tác giả của những sách mà Nguyễn Đức Phương tham khảo cũng rất tùy tiện, do đó đã gây khó khăn cho độc giả. Thí dụ như tác giả của *From Colonialism To Communism: A Case History of North Vietnam* là, nguyên văn, C.V.Hoang (trang 58), tác giả của *Our Great Spring Victory* là, nguyên văn, D. T. Van (trang 60), tác giả của *Nhiệm Vụ Cao Cả Của Quân Và Dân Miền Nam* là, nguyên văn, T.C. Nguyen (trang 139), tác giả của *Mậu Thân 68 Thắng hay Bại?* là, nguyên văn, D. Chính (trang 217), tác giả của *Journal of a Vietcong* là, nguyên văn, T.N. Truong (trang 247), tác giả của *Our Endless War* là, nguyên văn, D. V. Tran (trang 421), vân vân. Thật ra, tên đầy đủ của các tác giả nêu trên đã được ghi rõ ràng trên bìa sách, theo thứ tự là Hoàng Văn Chí, Văn Tiến Dũng, Nguyễn Chí Thanh, Chính Đạo (đến bút hiệu cũng bị đảo ngược và viết tắt một trong hai chữ), Trương Như Tảng, và Trần Văn Đôn !

Những chi tiết chúng tôi vừa nêu không liên hệ gì đến phương pháp làm việc kiểu Nguyễn Văn Tố tờ-A-tờ-B ngày xửa ngày xưa, nhưng là việc nhắc lại hai trong những kỹ thuật sơ đẳng khi trình bầy kết quả nghiên cứu!

Một tác giả cựu quân nhân khác là Minh Võ, với hai tác phẩm xuất hiện năm 1998 và 1999.

Minh Võ, tên thật Vũ Đức Minh, là cựu sĩ quan trong ngành Chiến Tranh Tâm Lý, QLVNCH. Nhưng ông đã được biệt phái qua ngành vô tuyến truyền thanh từ đầu thập niên 60, thời Đệ Nhất Cộng Hòa, và tiếp tục phục vụ trong ngành này cho đến năm 1975 thì bị tập trung vào nhiều nhà tù Cộng Sản từ Nam ra Bắc.

Tác phẩm *Ngô Đình Diệm, Lời Khen Tiếng Chê* của ông xuất bản tại California năm 1998, 309 trang, có mục đích giúp cho các thế hệ trẻ nắm được các nguồn dư luận khác nhau về nhân vật Ngô Đình Diệm, và phần nào qua Ngô Đình Diệm, về hiện tình VNCH trong thập niên 1954-1963. Việc làm của ông khiêm tốn, nhưng tất sẽ giúp các thế hệ sau này có tài liệu căn bản để có cái nhìn quân bình khi tìm hiểu thời Đệ Nhất Cộng Hoà với Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Tác phẩm lại có cả bản sách-dẫn (index) giúp độc giả tham khảo dễ dàng.

Được đà, ông cho ra mắt tác phẩm thứ hai dầy tới 643 trang trong một thời gian kỷ lục là chín tháng. Đây thật là một điều đáng tiếc, vì quyển sách chú về lượng nên phẩm của nó đã bị hy sinh nhiều: quyển *Phản Tỉnh Phản Kháng, Thực Hay Hư* phát hành trong tháng 11 năm 1999 vừa qua đã để quá nhiều sai sót mà trong phần sau, chúng tôi sẽ đề cập chi tiết. Ngay bây giờ, chúng tôi có thể nói thiếu sót lớn nhất của quyển sách này là, mặc dù tác giả đã ghi nhận đến 60 nhân vật mà tác giả xếp vào loại phản tỉnh phản kháng, danh sách ấy không có tên bác sĩ Nguyễn Đan Quế và giáo sư Đoàn Viết Hoạt! Hẳn nhiên ai cũng có quyền có nhận định riêng của mình, nói gì một tác giả nơi xứ sở của Tự Do Ngôn Luận và Tự Do Xuất Bản này, nhưng nếu bác sĩ Quế và giáo sư Hoạt mà không nằm trong danh sách những người phản kháng chế độ Cộng Sản VN hiện nay thì kể cũng... lạ! Dầu vậy, độc giả nào của *Ngô Đình Diệm, Lời Khen Tiếng Chê* và *Phản Tỉnh Phản Kháng, Thực Hay Hư* cũng phải thừa nhận sự nhún nhường đáng quí trong cách diễn tả cũng như lòng tha thiết đến sử học của tác giả Minh Võ: trong một thời gian ngắn chưa tới hai năm, ông đã hy sinh thì giờ và tiền bạc để soạn và phát hành hai tác phẩm khó ăn khách trong thời buổi kim tiền!●

Alameda, tháng 7 năm 2000

CHIỀU LÊN HỘI QUÁN

Truyện
NGUYỄN LÊ HỒNG HƯNG

Mặt trời đã khuất sau hàng cây rậm lá, nắng chiều xô ngã bóng tàn trải lên mặt lộ đen láng, phẳng phiu. Bên đường dành cho khách bộ hành, một giải cỏ màu xanh, hoa vàng, đỏ, tím chen nhau khoe sắc. Trên con lộ thẳng về hội quán, khi đèn giao thông ở đầu đường bật màu xanh, xe ào ạt chạy tung cát bụi mịt mùng, lúc đèn đỏ báo, xe đầu bên kia đường dừng lại. Đoàn xe lướt qua, con lộ trở nên trống trải, tiếng động cơ hút xa rồi ngưng bặt. Còn lại sự yên lặng đến đỗi nghe rõ tiếng gió lướt qua đầu cây ngọn cỏ, tiếng chim chóc rúc rích trên cành. Và tôi là khách bộ hành đương đi trên con đường vắng. Tôi đi hết đoạn đường, quẹo phải thì tới cổng hội quán.

Mùa hè nắng ấm, ngoài sân vận động thủy thủ chia phe đá banh trên sân cỏ, đội áo xanh, đội áo đỏ hào hứng tranh banh la hét rân trời. Vì hổng khoái đá banh, nên tôi không dừng lại cổ võ, tôi bước thẳng vô hội quán. Trong phòng thể thao, nhóm thủy thủ Ba Lan chia phe chơi bóng rổ, họ đương hì hục dọng banh, ngoài bàn bi da hai anh Phi Luật Tân đương "so cơ" lốp cốp. Trước hai phòng điện thoại, người ta đứng sắp hai hàng dài. Giờ nầy mạnh ai nấy lo giải quyết chuyện riêng, hơn nữa còn sớm, ít người uống bia nên trong ba chỉ lèo tèo vài ba người đứng. Hàng ghế cao cẳng trước quày rượu trống trơn. Tôi bèn leo lên chiếc ghế trong góc, mua một ly bia nhâm nhi, ngồi đây tôi nhìn được mọi sinh hoạt chung quanh.

Cách đây năm bảy năm về trước, những ngày cuối tuần, khi tàu còn lênh đênh trên biển, tối đến không làm gì, thủy thủ đoàn rút vô phòng cặm cụi viết thư. Lúc tàu gần vô cảng mỗi anh cầm một sấp thư dầy cộm, đem lên đưa thuyền trưởng chuyển đi. Khi tàu ghé bến, cả đám lóng ngóng chờ nhân viên mang thư xuống như chờ người tình. Từ ngày những công ty truyền thông phát hành thẻ điện thoại quốc tế, loại rẻ tiền, chuyện viết thư và nhận thư giảm bớt. Bù lại, mấy phòng điện thoại trên hội quán, lúc nào thủy thủ cũng sắp hàng dọc đứng chờ. Ở Việt Nam tôi nghe nói ăn, ngủ, làm tình, đi cầu là bốn cái sướng nhứt trên đời. Nhìn cảnh người đứng loi nhoi chờ trước phòng điện thoại tôi mới nghiệm ra, nói chuyện cũng là một cái sướng nữa. Có phải

vậy không? Nếu không tại sao người ta đã gắn điện thoại trong nhà, ty bưu điện dựng điện thoại công cộng khắp đường phố, vẫn chưa đủ đáp ứng nhu cầu, mới đây còn chế ra internet và điện thoại mobile; lên lưới viết thư trò chuyện, đi ngoài phố điện thoại cầm tay áp lên má chuyện trò. Chưa đã, hễ có dịp bà con ta còn hẹn hò nhau để... nói chuyện.

Như hồi chiều, tôi đâu có định lên hội quán. Tôi đương đứng ngoài boong, nhìn tàu bè xuôi ngược trên dòng sông Rijn và những chiếc tàu đã yên vị bên kè đá. Đương phân biệt màu cờ để biết quốc tịch gốc của những con tàu và đoán chừng nó đến từ đâu, tôi chợt thấy Ebet, thủy thủ người In-đô, cháu của ông Johannes Besla, lên bờ mới về, thay quần áo ra boong làm việc. Gặp tôi nó dừng lại, nói:

"Uncle Tấn, hồi trưa tôi gặp uncle Johannes, chú ấy hẹn với chú chiều nay lên hội quán nói chuyện gì đó."

Tôi nói không do dự:

"Được, chiều tao lên. Mày có theo tao không?"

"Không được chú, chiều nay tôi trực."

Nhìn thằng nhỏ trong bộ đồ làm việc, đầu đội nón an toàn, lững thững đi ra boong, tôi chợt mỉm cười. Những năm gần đây, lớp thủy thủ trẻ thay cho lớp già về hưu cũng bộn. Mấy đứa nhỏ mới tập sự hải hành kêu tôi bằng uncle. Nhẩm tính lại tuổi đời. Ối chao ơi! đã quá bốn mươi, lên chức chú cũng phải lắm rồi. Uncle Tấn, tên gọi nghe cũng hay hay.

Tôi quen với Johannes Besla từ khi tóc ông còn đen và tuổi tôi còn trẻ, chúng tôi thường sống chung nhau cả năm trên một chuyến tàu. Ông cũng có gia đình, vợ ông đẹp lắm nhưng không được sanh con. Ngoài bốn mươi tuổi bà bị chứng ung thư, cơn bịnh kéo dài hai năm bà mới qua đời. Tài sản vợ chồng gom góp hơn hai mươi năm trời, bà bịnh một trận, tiền ra như nước chảy. Khi chôn cất bà xong, ông cũng phủi tay.

Cách đây hơn hai năm, tôi đi chung lại với ông trên chiếc Tina. Tinh thần ông dạo đó xuống thê thảm. Có bữa ngồi sau lái tàu lai rai uống bia, ông tâm sự:

"Tao đương lo thủ tục xin định cư ở Hòa Lan."

Tôi hỏi:

"Chừng nào xong?"

"Một vài năm."

"Sao ông không cưới vợ, tuổi lớn rồi bôn ba làm gì nữa."

"Đâu dễ như mầy nói."

"Sao lại không, tôi thấy nhiều người In-đô bỏ vợ già, cưới vợ trẻ, hoặc hai ba vợ là thường. Tuổi ông chưa đầy năm mươi, về bển cưới gái mười bảy cũng được mà."

Ông nín lặng như thể đánh giá trong câu nói tôi có sự diễu cợt hay không. Lát sau ông từ tốn nói:

"Đó là những người theo đạo Hồi. Hơn nữa cưới vợ để ăn đời ở kiếp với nhau cần có sự thương yêu và lòng chung thủy. Còn kiếm đàn bà, con gái để làm tình cho sướng thì ở nước tao bỏ tiền ra mua gái vừa trẻ vừa đẹp bao nhiêu cũng có."

Tôi nhìn mái tóc trắng phơ của ông mà ái ngại. Phải chi ông còn trẻ, tôi khuyến khích, nếu có cơ hội tôi sẽ giúp đỡ ông. Đàng nầy, tuổi của ông đã ngót nghét năm mươi. Sống chung với nhau đã lâu, tình tự quê hương của ông ít nhiều tôi cũng biết. Muốn hợp khẩu vị cho bữa ăn, những khi tàu ghé bến, ông bỏ cả buổi, đi tắc xi tốn cả trăm đồng, tìm mua cho được một vài món rau cải và gia vị In-đô đem về. Lịch cuối năm người ta tặng đủ cảnh, đủ màu, nhưng không treo, đi mua lịch Tàu chụp cảnh hải đảo, núi non về treo trong phòng. Ông nói, tại vì nó giống cảnh quê hương của ông. Có lần ông nói, ngày trước con gái ở nước ông lấy chồng ngoại quốc là điều sỉ nhục cho gia đình, dòng họ. Còn ngày nay con gái lấy chồng bất cứ nước nào, không kể thành phần, miễn làm sao ra khỏi đất nước lạc hậu, nghèo đói là điều hãnh diện cho gia đình rồi. Tôi nói với ông cũng như nói với chính mình:

"Người Việt nam tôi cũng vậy thôi ông à, lỡ sanh ra trên quê hương nghèo quá thì phải chịu vậy chớ biết làm sao. Nhưng ông qua Hòa Lan làm sao ông kiếm được người vợ thủy chung như ông mong muốn."

Ông dứt khoát:

"Tao không cưới vợ nữa."

"Tuổi già ở Hòa Lan buồn lắm ông ơi."

"Nhưng không lo đói, bịnh hoạn có thuốc men, già vô trại dưỡng lão, có người săn sóc."

Tôi uống hết mấy ly bia, mà ông Johannes vẫn chưa tới. Hai đội banh ngoài sân đá xong, vô thay quần áo, ra ngồi đầy một bàn. Hai đội bóng rổ trong phòng thể thao cũng kéo ra ngồi ở dãy bàn bên cạnh. Ba người đàn bà đứng trước ba cái vòi bôm bia không ngớt tay. Một ông lăng xăng khui nước ngọt, đổi tiền không kịp thở. Hội quán trở nên ồn ào, mùi khói thuốc bốc lên nực nồng, khét lẹt. Họ nói

chuyện bằng vài ba thứ tiếng. Trong đám rộn ràng nhứt là mấy anh Phi Luật Tân, uống bia, rượu, ăn to nói lớn. Còn đám Ấn Độ, đầu vấn khăn cổ truyền, uống cô-ca-cô-la, ăn nói nhỏ nhẹ, nghiêm trang, tôi đoán họ người theo đạo, ở Ấn có nhiều mối đạo nên tôi không biết họ đạo gì. Ngoài nhóm thủy thủ Ba Lan ngồi riêng một bàn, những người da trắng khác ngồi trên ghế cao, trước quày ba, hoặc ngồi xen kẽ trong đám da màu.

Hội quán ở Hòa Lan sinh hoạt có vẻ lành mạnh hơn nhiều nước khác, không có các cô gái làm tiền ăn bận hở hang lai vãng bắt khách. Tuy nhiên thủy thủ nào cua được gái thì cứ dẫn vô hội quán ngồi chơi không ai phàn nàn gì hết. Thỉnh thoảng cũng có mấy em ăn bận lịch sự tới từ những hộp đêm, đưa giấy quảng cáo mời qua đó chơi, có xe đưa, rước miễn phí.

Một cái vỗ vai hơi mạnh, tôi giựt mình day lại. Ông Johannes vẫn để tay lên vai tôi, nhìn thẳng mặt, thân mật nói:

"Bạn hiền, khỏe không?"

Tôi câu vai ông, vừa mừng vừa đáp:

"Khỏe, khỏe. Còn ông?"

"Khỏe luôn. Lâu quá mình mới gặp lại."

"Từ lúc chung nhau trên chiếc Tina, tới nay đã hơn hai năm rồi."

Tôi giơ tay lên gọi thêm hai ly bia. Trong quày không còn ghế trống, tôi với ông bưng bia ra ngoài sân ngồi nơi chiếc bàn, dưới bóng đèn điện sáng trưng. Ông đưa tôi chiếc bọc nylon.

"Hôm thằng Ebet điện thoại, nói đi chung với mầy, tao kêu vợ tao tìm mua tặng mầy cái nầy, quà kỷ niệm Java đó."

Vừa đỡ lấy chiếc bọc, vừa ngạc nhiên, tôi hỏi:

"Ông cưới vợ rồi sao?"

"Hơn một năm rồi."

Tôi giơ ly bia ngang mày, nói:

"Chúc mừng ông."

Để ly xuống, tôi mở bọc xem quà, một chiếc xà rong, sọc màu nâu mới toan. Tôi ngước lên nói:

"Đẹp quá, có điện thoại về thăm nhà, cho tôi nhắn lời cám ơn bà."

Tuy tóc trắng đầu nhưng nhờ vui vẻ, yêu đời nên thấy ông trẻ ra.

Tôi hỏi:

"Hạnh phúc nhiều chớ ?"

Ông gật gật cái đầu, giơ tay lên lắc lắc, trề cái môi, nghiêng cái mặt như định giá cái

TRẦN HỒNG CHÂU

NGŨ HÀNH SƠN LỘ THƯỢNG NGẪU HỨNG

Hốt nhiên hồi cựu tưởng Túy lâu
Mang mang trần thổ hướng sơn đầu
Hồng vân phi lạc Tàng chân động
Duy hữu thi nhân tịch mịch sầu

Nghĩa:

Bỗng nhiên tưởng nhớ Lầu say cũ
Mênh mông cát bụi hướng non thần
Mây hồng phơ phất động Tàng chân
Chỉ một khách thơ nặng mãi sầu

HƯƠNG GIANG NGẠN ĐỘC ẨM

Tịch liêu tửu quán cận giang biên
Trúc lâm tiêu sơ thất Thất hiền
Cố nhân hồng nhạn kim hà khứ
Nhất bôi nhất ảnh như nhập Thiền

Dịch:

Quán rượu bên sông vẫn tịch liêu
Rừng trúc tiêu sơ đâu Thất hiền
Cố nhân đo mãi cánh nhạn hồng
Một ly một bóng tưởng nhập Thiền

Ghi chú: Động Tàng Chân thuộc Ngũ Hành Sơn (Quảng Nam)

hạnh phúc hơn một năm qua.

"Tốt, tốt lắm."

Đoạn ông móc bóp, moi ra tấm hình gia đình mới của ông giơ tôi coi. Ông chụp chung với người đàn bà tròn trịa, da ngâm và một đứa con trai đứng bên cạnh ú na ú nần. Ông kể, chồng bà chết hơn ba năm rồi, con trai bà được mười một tuổi, đã dời về sống với ông ở Jakarta.

Tôi hỏi:

"Chuyện di cư qua Hoà Lan thì sao?"

Ông cười, nói:

"Cách đây hơn hai năm, sau chuyến tao đi chung với mầy, tao không về In- đô, tao trọ lại nhà ông bạn ở Rotterdam. Tao thấy ban ngày ông ngồi ôm cái truyền hình, nếu không thì bày đồ chơi con nít ra chơi, tối lại rủ tao ra ba ngồi uống bia. Những lúc đó, tao chợt nhớ tới câu mầy nói, ở bên nầy tuổi già buồn chết sớm. Mày nói đúng, sống cảnh đó một năm cũng đủ chết nói chi tới già. Tao ở được ba tuần, chán quá tao bay về In-đô và bỏ ý định xin di cư qua Hoà lan."

Tôi tiếp một câu:

"Và quyết định lấy vợ?"

Chúng tôi cười ha hả, và bưng bia lên cụng:

"Mừng cho ông tìm được hạnh phúc trong khoảng đời còn lại."

Để chia vui cùng ông, tôi đứng lên đi vô mua thêm bia và một gói đậu phộng. Trở ra bày mọi thứ lên bàn. Sau đó chúng tôi đổi câu chuyện.

"Nghe nói ông đổi xuống chiếc Elsa phải không?"

"Phải."

"Đổi ở cảng nào?"

"Bên Houston."

"Chừng nào bay?"

"Sáng mai."

Hồi chưa lập gia đình, tôi thường đi những tuyến đường xa. Tôi thích vùng Nam Mỹ nắng ấm, nhiều hải đảo, núi non với cảnh đẹp như tranh. Nhứt là tới xứ Ba Tây đàn bà, con gái rất hấp dẫn và chịu chơi. Từ ngày tôi cưới vợ tới nay tính ra hơn mười năm. Để được gần vợ gần con, tôi hải hành vùng Âu châu và đi ngắn hạn. Vì vậy hể mỗi khi gặp đồng nghiệp đi tuyến đường xa thì lòng tôi nôn nao khôn tả.

"Kỳ nầy ông sướng rồi nhé."

"Sao sướng?"

"Thì chiếc Elsa chạy Nam Mỹ, sướng chớ sao."

Ông chỉ tay lên đầu, cười nói:

"Tao đã già, tóc bạc hết rồi còn bướm hoa gì nữa."

Ông bưng ly mời tôi cụng một cái. Lúc đó trong ba lắc chuông báo, chỉ còn rót bán thêm một vòng cuối. Johannes đứng dậy đi vô trong mua thêm bia. Ngồi một mình, nhìn món quà Java, tôi không biết bao giờ mới bận tới chiếc xà rong nầy. Tuy nhiên nó đã gợi trong tôi hình ảnh người đàn bà ở bên kia địa cầu, chồng lên đường làm ăn vợ khuyến khích, sửa soạn đồ đạc, sắp xếp quần áo vô vali ngăn nắp, quyến luyến dặn dò; tiễn chồng ra đi lòng dâng ngập nỗi buồn, nhưng hy vọng tràn trề về một tương lai tươi sáng. Vợ tin tưởng chồng chung thủy đợi chờ, chồng tin tưởng vợ an tâm cất bước. Họ xa nhau lâu lắm nhưng hạnh phúc cũng nhiều khi nhớ tới nhau.

Johannes khệ nệ bưng hai ly bia ra để lên bàn. Ông ngồi xuống, nâng ly lên, nói:

"Bạn hiền, uống hết ly nầy mình chia tay."

Tôi đưa tay lên nhìn đồng hồ, hơn mười giờ đêm, cũng gần tới giờ hội quán đóng cửa. Chúng tôi cụng ly, bưng lên nốc cạn, đứng dậy rời hội quán, đi thẳng ra bến xe bus. Tiễn ông bạn già lên xe chợt nghe lòng buâng khuâng. Tuổi ông đã ngoài năm mươi, đáng lý ra ông phải tranh thủ từng ngày để hưởng thụ cái hạnh phúc gia đình mà ông mới vừa tạo được. Nhưng không, ông làm lại từ đầu, hãnh diện khoác lên mình một trách nhiệm mới, hăng hái lên đường lo chuyện tương lai, chưa có dấu hiệu dừng bước. Còn tôi, mới vừa bốn mươi tuổi, một vợ hai con, sống trên một đất nước thanh bình, khỏi phải lo chuyện áo cơm, bịnh hoạn không lo tiền thầy, tiền thuốc. Đúng lý ra tôi được thoải mái hơn cái ông bạn già mới phải, nhưng sao trong lòng lúc nào cũng nơm nớp lo âu. Mỗi khi cất bước lên đường, con cái đứa câu tay, đứa ôm cổ, mặt mày vợ buồn xo, nước mắt lưng tròng, tiễn chồng đi làm ăn vài ba tháng mà giống y như đưa người sang sông không trở lại.

Nhưng dù sao trời cũng tối rồi. Tôi quay gót thả tà tà trở về bến cảng. Đêm nay trăng tròn, sao thưa, trời không mây nên bầu trời rực sáng. Dưới bến cảng, cần cẩu móc những container vuông vức chất lên con tàu gần đầy. Sáng mai nầy chiếc Gera sẽ khởi hành sang Ái Nhĩ Lan, trong tuần tàu sẽ trở lại. Mang tiếng là thủy thủ tàu viễn dương, vậy mà bao năm qua tôi cứ lẩn quẩn trên một tuyến đường, đi không xa khỏi bến sông Rijn.●

Baltic 5-2-2000

VỢ CHỒNG

KHẢ VI

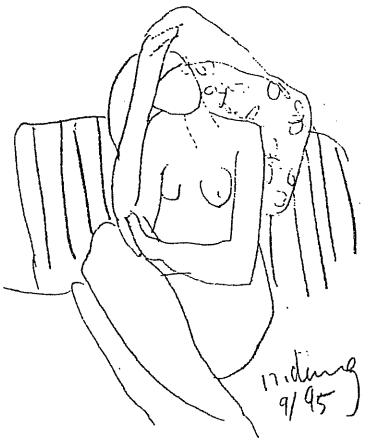

Liễu Hạnh vẫn là người bạn tâm tình của Thúy lâu nay, bà vẫn nói Thúy không cần một bác sĩ tâm thần như mấy người Mỹ, nàng chỉ cần đến nằm trên xa lông nhà Mỹ Hạnh, tha hồ nói, nói xong, mọi chuyện phiền muộn, lo âu sẽ tan biến. "Mỹ Hạnh nói cho Thúy nghe, stress là cái gì? Nó là do tụi "xai ki át' nó bầy đặt ra để kiếm tiền. Càng giầu càng bầy đặt, còn những vợ chồng thằng cu con đĩ ở nhà quê mình, chỉ cần tối về ôm lấy nhau hú hí một trận là chẳng có stress nào hết, có phải không nào?" "Nhưng tụi nó ở đây không còn hú hí được với nhau nữa, chị biết không? Con vợ thằng 'bốt' của em than với em là cho chồng nó đi "căn xeo ling" tốn mấy chục ngàn mà chẳng tiến bộ chút nào hết. Để em giới thiệu thằng bốt em cho chị, chị chữa cho nó khỏi được không?" Mỹ Hạnh đấm lưng Thúy, "Bảo vợ nó đến đây, chị chỉ quen chữa cho đàn bà thôi." Tiếng cười hồn nhiên mà lẳng. Thúy nghĩ, chỉ một nữ tài tử mới có thể đóng cái vai bà già thơ ngây như thế. Liễu Hạnh ngoài năm chục tuổi rồi nhưng nhiều chàng trai ba mươi vẫn theo đuổi, cũng chỉ vì cái tiếng cười rất thiếu nữ, lối nói táo bạo mà dáng điệu lại rất mệnh phụ, đài các của bà. Nói với ai bà cũng xưng là Liễu Hạnh, kể cả những người nhỏ bằng tuổi con bà. "Tuấn rảnh không? Liễu Hạnh đang tính đi ra Beach, nhân tiện ghé Au Pain Doré mua ít bánh với phó mát của Pháp. Tuấn rảnh hả? Nửa giờ nữa được không?"

Tuấn là bạn với thằng Đại. Thằng Đại bảo Tuấn "Mày đến khai thuế cho bà má tao đi. Bà ấy làm bao nhiêu tiền đem cúng ông Reagan hết, tao tiếc quá!" Tuấn rất ngoan ngoãn, đến chào, bác bác cháu cháu, ôm cả đống giấy tờ của bác về, làm xong ôm đến cho bác ký, rồi từ đó bác sai gì cũng làm. Cầu tiêu ở nhà mình bị tràn nước thì Tuấn kêu thợ, nhưng nếu cái bồn tắm "da cu đi" ở nhà bác phun nước không đủ mạnh Tuấn cũng cởi áo ra hì hục sửa. Quần áo bác cần đem đi giặt khô cũng sai nó, nó lái xe cho bác đi sốp pinh, bác muốn đi cắt tóc, gọi Tuấn hỏi bữa nay có bận không, không, bác cần đi đâu, phải đi làm đầu trưa nay, dạ cho Tuấn nửa giờ Tuấn sẽ đến đưa bác đi. Bất hủ nhất là những lần bác đi phim trường, Tuấn đến khiêng các hộp quần áo, phấn son của bác ra xe, chàng học một lần là biết hộp nào để ngoài, hộp nào để trong, rồi đưa bác tới nơi, "Đi uống cà phê đi, rồi lúc nào về cho Liễu Hạnh về nhé!" Tuấn không đi đâu, ngồi giữ quần áo phấn son cho bác, đứng ngoài cửa phòng chờ bác hóa trang, ôm ví cho bác khi bác bước vào sàn quay phim. Rồi một bữa, lái xe đưa bác về tới cửa nhà, bác ôm vai "hấc" Tuấn như thường lệ, nói "cảm ơn Tuấn" thì chàng ôm chầm lấy bác, cúi đầu vào ngực rồi quì xuống ôm chân bác, nói "Tôi yêu Liễu Hạnh! Anh yêu em quá!" Liễu Hạnh nhẹ nhàng bảo Tuấn ra ngồi ở xa lông, rồi gọi cho Thúy ở sở: "Thúy ơi, em đến đón Tuấn về đi, Tuấn bị chóng mặt, sợ lái xe không được."

Bà vẫn gọi Thúy là em, trong khi gọi Tuấn

bằng tên, có lẽ đối với phụ nữ bà xưng hô như vậy để cho họ không thấy bà còn trẻ, không sợ bà cạnh tranh với họ, như vậy mới thân nhau được. Nửa giờ sau, Thúy đến nơi, Tuấn nói thôi anh đỡ rồi, anh lái xe được. Cả năm sau, khi Thúy và Tuấn đã bỏ nhau rồi Liễu Hạnh mới đem chuyện đó kể lại cho Thúy nghe, "Tuấn nó nói 'anh yêu em,' nghe có ghê không chứ! Vừa mới bác bác, cháu cháu, tự nhiên nó quì xuống, gục mặt nó vào mình, cọ cọ cái mặt nó trên đầu gối chị, nó nói anh yêu em, chị buồn cười chết được, phải cắn răng lại, mà vẫn nhịn cười không nổi, Thúy ạ!" Nói xong Liễu Hạnh ôm lấy vai Thúy, cười lớn tiếng. Miệng bà rất tươi và tiếng cười của bà nghe trong trẻo thật, đàn ông mê bà cũng phải. Tiếng cười Liễu Hạnh hồn nhiên như con gái mười tám, không, phải nói là như cô bé lên mười. Thúy cũng mê tiếng cười của bà. Trong một bữa tiệc, mọi người đang nói chuyện ồn ào, bỗng nhiên ở một góc, mọi người ngưng nói, rồi những người khác cũng im bặt, dần dần cả căn phòng lặng im, chỉ còn nghe tiếng Liễu Hạnh đang cười. Ở chung quanh bà thì người ta mải cười theo bà nên không ai lắng nghe. Thúy vẫn nói "Chị chỉ cần đóng vai cười thôi, chị sẽ lãnh giải Oscar ngay." Nhưng khi đóng phim Liễu Hạnh lại thích biểu diễn nét mặt sầu muộn. Nàng muốn trổ tài diễn xuất, muốn đóng vai một người khác mình chứ không chỉ có việc mang bộ mặt mình vào trong phim. Liễu Hạnh lấy chồng một lần. Từ ngày li dị ông chồng đó nàng không bao giờ sống với ông nào nữa. Nàng nói "Tôi ở Holywood nhưng không bị lây bệnh của họ!" Trong khi đó ông chồng cũ của nàng đã thay đổi ba đời vợ chính thức khác, số nhân tình ngắn hạn chưa kể. Hình như ít có ai sống lâu được với ông ta vì ông ta hay rất ghen, bà vợ nào của ông cũng đẹp, mà khi cơn ghen nổi lên là ông ta đánh vợ, đánh cả những cô nhân tình mà ông chưa cưới.

Vũ cũng rất độc tài, lâu lâu cũng rất dữ, nhưng không bao giờ đánh vợ. Nếu không dữ như vậy thì chắc Vũ khó thành công trong thương trường, nơi người ta đêm ngày mong làm cho đối thủ phải chịu thua đến nước phải tới xin làm công cho mình. Vũ làm quen với nàng khi chàng đến trại tị nạn tìm thân nhân. Lần sau vào trại chàng đến làm việc thiện nguyện, nhưng mục đích chính là để tìm một người vợ Việt Nam, khi bắt bồ được với Thúy rồi Vũ cũng bỏ mấy việc thiện nguyện. Mẹ nói, "Bây giờ nó chỉ làm thiện nguyện cho nhà mình cũng đủ mệt! Con Thúy gặp nó là có phúc lắm đấy!" Vũ đã đi học ở Mỹ từ sáu năm trước, lúc đó chàng đang làm cho một công ty điện tử. Khi Vũ mời nàng đi ra khỏi trại, đi ăn tiệm, Thúy xin phép bố mẹ đi ngay. Bữa đó Thúy để cho Vũ cầm tay trên đường đi, rồi nàng cũng chịu cho chàng hôn một lần trên xe lúc về, nhưng nàng nhất định không chịu vào motel với chàng, Vũ càng mê, xin lấy nàng làm vợ. Lấy Vũ rồi, Thúy đi học. Sau sáu năm, hai đứa con, nàng đậu bằng CPA, kiếm ngay được việc, nàng thành công, nàng hãnh diện mình đã thành công nhanh chóng.

Thúy rất hãnh diện là căn nhà nàng ở do tiền của nàng mua, sau khi li dị Vũ, chứ không phải nhà của Vũ. Nàng đã chứng tỏ cho mẹ nàng biết rằng nàng có thể làm ra tiền nhiều như chồng, không cần nhờ đến chồng như mẹ vẫn nói gần nói xa. Tuy ngôi nhà này nhỏ hơn ngôi biệt thự ở New Port mà hai người đã sống với nhau, nhưng có một cửa sổ nhìn ra cả một khung cảnh mênh mông, những ngày trời trong trẻo có thể nhìn thấy biển xanh thăm thẳm ở đằng xa. Mỗi lần con Katleen với thằng Tony về nhà mẹ, đứa nào cũng đòi ra sân sau nhìn coi có thấy biển không. Về nhà bố chúng nó không thích bằng nhà mẹ, vì tuy nhà rộng gấp đôi, "Nó không có cái view như ở đây! Cái view này đáng nửa triệu đó Mom! Half a million view, mom!" Chỉ những ngày các con về nhà Thúy mới có dịp hưởng cái nhà của mình. Thật đáng đồng tiền bỏ ra. Thật đáng làm việc mười, mười hai tiếng một ngày để trả tiền nhà.

Thúy chỉ ân hận không thể đưa mẹ nàng về thăm ngôi nhà của nàng, cho mẹ nàng hãnh diện, cho chính nàng hãnh diện, để mẹ phải hối hận về lần cụ nhiếc móc nàng là ỷ y lấy được chồng giầu, coi thường các em. Bây giờ cụ đã lẫn, không thể nhớ điều gì, và cũng không còn biết hãnh diện nghĩa là gì nữa. Có đưa cụ về thăm ngôi nhà này cũng vô ích. Cụ lẫn cẫn hoàn toàn. Đời sống của cụ đóng băng vào khoảng thời gian năm bẩy năm trước đây. Từ khi cụ ông mất, dòng thời gian của mẹ nàng ngưng lại, không trôi về phía trước nữa, đôi khi còn chảy ngược lại về quá khứ. Lần sau cùng nàng và Vũ vào thăm cụ, cụ hỏi "Bố ăn cơm chưa? Nhớ dọn cơm cho bố ăn." Cụ không hiểu những chuyện đang xẩy ra. Một lúc sau cụ lại dặn "Nhớ thay tã cho con Lin. Đừng để tã lâu quá, con nó ngứa đấy." (cụ không thể

gọi tên cháu bằng tiếng Mỹ "Katleen", chỉ gọi là Lin, rồi cả nhà gọi theo — cụ vẫn có khả năng lãnh đạo gia đình, cả trong ngôn ngữ.)

Thúy quay điện thoại cho con gái. "Helô Lin, how are you, con? OK? Mẹ cũng OK. Christmas này con đi thăm ngoại với mẹ nghe. Ngoại, ngoại vẫn nhớ con lắm. Ngoại vẫn tưởng như con còn bé, dặn mẹ phải thay tã cho con đấy. Is she crazy? Sure she is, con, nhưng con không được nói ngoại crazy như vậy Lin. Thì đúng là ngoại crazy, rồi mai mốt mẹ cũng crazy, rồi con cũng crazy. Người già dễ bị bệnh vậy đó con. Bố muốn đón con ở phi trường rồi đi shopping ngay, được, con về nhà bố trước rồi về mẹ sau. Mẹ sẽ đón Tony, thứ Sáu nó thi xong rồi. Con cứ đi mua với bố và cô Liên. Bố trả tiền hay cô Liên trả cũng được, rồi mẹ sẽ tặng quà cô Liên sau. Không, năm nay mẹ ăn Christmas một mình, không có ai cả. Không, chú Tuấn có cô khác rồi, chú không về thăm các con được, cô ấy ghen lắm. Tại sao? Con không hiểu được, nhiều người hay ghen lắm. Con khỏi lo cho mẹ, mấy năm tới có thể mẹ cũng có người khác. Cũng chưa chắc lắm, để mẹ coi sao. Bao giờ có mẹ sẽ nói con biết trước. Thôi, bye con, có đường dây khác gọi mẹ. I love you too."

Thúy bấm đường dây thứ hai."Alô, yes, oh yes Vũ. Đang tính gọi cho anh. Fine, and you? Thúy mới nói chuyện với Kathleen. OK, Anh đi đón nó. Thúy sẽ đến trường rước Tony sau, không sao, thứ Bẩy này Thúy rảnh. Thứ Bẩy? Anh muốn đi chiều thứ Bẩy, OK luôn, nếu anh không có ngày khác. Đi thăm mẹ Thúy mà. Thank you. Thúy sẽ bảo Tony ở lại trường, đợi sáng Chủ nhật Thúy tới đón. How is Liên? Liên vẫn đánh tennis ở Club Soleil? Good for her. I love her,

TRẦN MỘNG TÚ

QUÀ TẶNG

Anh mở bàn tay ra
Anh nhắm hai mắt lại
Em đặt vào viên sỏi
Mở mắt nhìn đi anh

Viên sỏi nhỏ đen nhánh
Có trạm một chữ *An*
Sao lòng anh vẫn động
Cho nước mắt em tràn

Anh nắm bàn tay lại
Thinh lặng trong một giây
Da chạm vào mặt chữ
Gờn gợn đường chỉ tay

Tình hai ta như nước
Chẩy dưới mạch ngầm sâu
Em cúi hôn mặt đất
Chữ *An* trong đời nhau

Tình hai ta như sóng
Cuồn cuộn ngoài biển đông
Em thả xuống sợi tóc
Chữ *An* trôi vào lòng

Tình hai ta như gió
Buộc trên lưng cánh chim
Em khép vạt áo lại
Chữ *An* nằm trong tim

Em tặng anh viên sỏi
Em tặng anh tình yêu
Em tặng anh ngày tháng
Có triệu triệu vì sao
Có nguyên mặt trời mọc
Hương thơm trên thảo nguyên
Mây trôi vào trong mắt
Em tặng anh bình yên

Em tặng anh sinh tử
Của một đời rất hiền

30/7/2000

she's a jewell, really! Thúy đã mua một món quà này chắc Liên sẽ thích. Bye."

Xong hai cú điện thoại, Thúy nằm xuống ghế xa lông, duỗi chân, vuốt bụng, nhìn lên trần nhà. Từ khi li dị chỉ có nàng hỏi thăm Vũ về các người yêu hay vợ mới của chàng, và nàng quan tâm đến họ thật, còn Vũ không hỏi thăm về nàng một câu nào, cũng không hỏi đến ai, ngoài mẹ nàng. Vũ quý mẹ nàng đặc biệt, mà bà cũng coi ông con rể như con trai. Sau khi Tuấn dọn ra, và các con đi học xa, lúc đầu Thúy thấy đời sống một mình rất dễ chịu, nhưng những tháng gần đây nàng mới thấy ngôi nhà mình thật trống trải. Mỗi tuần nàng chỉ gặp chị Elisa có một lần. Nàng yêu cầu chị ta đến dọn dẹp vào chiều chủ nhật, để có dịp gặp một con người quen thuộc, trong ngôi nhà của mình. Nàng bắt đầu cảm thấy Elisa là một người trong gia đình, thay thế cho chồng và con. Nàng cần một liên hệ giữa nàng với một người khác trong ngôi nhà này để mỗi lần trở về, nàng thấy đó là nhà mình. Mỗi tuần nàng nghe Elisa kể chuyện chồng, chuyện con cô ta, nàng gửi thuốc cảm Tầu cho con cô ta khi nó bệnh, tặng quà Giáng sinh cho cả hai đứa.

Khi Tuấn chưa ra khỏi nhà thì Elisa thường đến dọn dẹp hai lần trong tuần, vào những giờ hai người đi làm vắng, để tránh gặp mặt nhau. Sáng thứ Sáu, trước khi đi làm, Thúy để lại một bao thư đựng tiền cho chị ta. Khi hai người ở chung với nhau thì một tuần Thúy trả tiền chị Elisa, tuần sau Tuấn trả, cũng như họ chia đôi tiền điện, nước, tê lê phôn, và Tuấn cũng đưa nàng một tháng 800 đồng tiền nhà, chỉ bằng một phần ba số tiền nàng phải trả ngân hàng. Nhưng Thúy chịu vì biết Tuấn nghèo hơn nàng. Chàng vẫn phải gửi tiền cho Vân và con gái sau khi li dị. Tuấn kém nàng năm tuổi. Nàng yêu cái tánh đùa cợt, lơ là như trẻ thơ, vẻ đẹp trai mảnh dẻ của chàng, cái vẻ yếu đuối khiến cho nhiều phụ nữ muốn bao bọc, chiều chuộng.

Nàng gặp Tuấn từ khi chưa li dị với Vũ. Tuấn làm sổ sách kế toán cho công ty của Vũ. Trong một bữa tiệc cuối năm ở sở, Tuấn đem vợ con tới dự. Đó cũng là lần duy nhất Thúy tới dự tiệc ở công ty của chồng. Trông Tuấn thấy ngay anh chàng rất nể vợ. Vân trông xinh xắn, ngực nổi lên hấp dẫn, nhưng có đôi lông mày của một người chỉ huy, một người làm cho chồng phải nể. Loại người không nhìn người khác bằng mắt mà bằng đôi lông mày. Thân hình nàng thon nhỏ mà mềm mại, trông đáng thèm, nhưng lúc đi có cái dáng hùng dũng của một nữ quân nhân lúc duyệt binh ra trường. Bữa đó Thúy không để ý gì đến Tuấn, ngoài vẻ đẹp trai và hình ảnh khiêm tốn của người chồng bên cạnh người vợ rất sắc sảo, hoạt bát.

Sau khi li dị Vũ cả năm, nàng mới gặp lại Tuấn một bữa đi chợ. Lúc đầu chàng đến chào, nàng không nhận ra anh chàng này là ai, có lẽ nếu có Vân đứng bên cạnh thì nàng nhận ra ngay vì con người Vân dễ nhớ hơn. Tuấn tiến đến trước mặt Thúy, nói ấp úng "Thưa, chị không nhớ tôi à? Tôi là Tuấn." "Tuấn, có phải anh Tuấn ngày xưa học với anh Linh tôi không? À không phải, đúng rồi, trông anh trẻ hơn anh Linh tôi nhiều. Thế thì gặp nhau ở đâu nhỉ, xin lỗi anh tôi không nhớ."

Khi Tuấn kể rõ lai lịch, nhắc lại lần gặp gỡ ở tiệc Giáng Sinh thì Thúy nhớ. Không những thế, nàng còn nhớ lại các câu chuyện mới nghe đồn về cặp vợ chồng này. Người ta kể rằng Tuấn đi chơi với một cô Mỹ tóc vàng cùng sở. Hai người đi tận Hawaii, Tuấn nói dối Vân là đi làm âu đít, kiểm tra kế toán cho một công ty ngoài đó. Lần thứ hai lại đi Hawaii nữa thì gặp một người bạn học cũ của Vân đi nghỉ mát, cô ta về tìm gặp Vân kê khai hết, có cả hình ảnh. Vì chính cô ta vẫn ghen tức chuyện Vân hồi đi học vẫn dốt hơn cô, sắc đẹp cũng không hơn mà lại lấy được anh chồng điển trai, hiền lành, có việc làm tốt, còn cô ta vẫn chưa có đám nào hết. Chính cô ta gặp ai cũng kể rằng Tuấn bị Vân đánh một trận thừa sống thiếu chết — "Tôi không hiểu làm sao một thằng đàn ông lại để con đàn bà nó đánh mà không chống cự, cũng không biết bỏ chạy như thế nhỉ?" Có người kể rằng Vân đã đánh lừa trói chồng lại ở chân giường trước khi rút thắt lưng của chồng ra quất, vừa đánh vừa quát "Này âu đít này, âu đít cái con đĩ nào, để tao cho biết tay tao!" Đó là câu chuyện được kể đi kể lại nhiều lần trong các bữa tiệc khắp vùng Nam California trong gần một năm, nghe đâu câu chuyện đã được truyền sang đến cả Âu và Úc châu, vì trong thời đại tin học này tin gì truyền đi cũng nhanh. Hồi đó nghe mấy người khảo chuyện, Thúy bàn rằng chắc hai vợ chồng Tuấn phải có gì trục trặc ngay ở trên giường, chứ một người đàn bà thật sự yêu chồng trong việc chăn gối thì cũng rất dễ tha thứ, mà cũng không thể nào nỡ giang tay ra đánh lên thân thể chồng được.

Khi gặp Tuấn ở trong chợ, Thúy nhớ lại,

nàng tủm tỉm cười, nhìn kỹ xem trên mặt Tuấn có nét gì là một người đàn ông nhu nhược đáng bị vợ đánh không. Nàng thấy là từ lần gặp đầu tiên đến giờ tóc chàng đã rụng nhiều. Hai người đứng nói chuyện xã giao dăm phút rồi Thúy xin kiếu. Nhưng bữa đó Tuấn nói một câu làm nàng cảm động. Đôi mắt chàng lộ vẻ khẩn khoản, nói với giọng rất thành thật, như chàng vẫn chờ để nói câu đó từ lâu: "Chị không thay đổi gì cả, tôi không bao giờ quên một khuôn mặt đẹp. Tôi nhìn chị nhớ ra ngay vì khuôn mặt chị vừa đẹp lại vừa sang. Tôi chưa thấy ai có dáng đi quí phái như chị."

Cho đến lần thứ ba gặp lại Tuấn mời nàng đi ăn tối, sau món tráng miệng Thúy mới hỏi chuyện vợ chồng của Tuấn. Nàng hỏi thẳng: "Tuấn với Vân có tính li dị không?" "Đang làm thủ tục. Bà ấy có lỗi, chứng cớ rõ ràng không luật sư nào cãi nổi, nhưng tôi nhường hết, bà ấy được giữ con Lisa. Con gái, tôi biết để mẹ nó nuôi thì tốt hơn. Tôi nhường luôn căn nhà, cho nó có chỗ ở gần trường quen và tốt." Thúy hỏi lại Tuấn chứng cớ rõ ràng là gì, "Vì bà ấy la hét như người điên, trong lúc cào cấu tôi. Lần này không phải là lần đầu bà ấy cào cấu tôi, nhưng chưa bao giờ la hét trước mặt con bé như vậy. Con Lisa nó sợ quá, không hiểu gì cả, nó bấm gọi số cấp cứu 911. Cảnh sát tới thì trên mặt tôi còn mang đầy dấu vết bị bà ấy cào cấu. Nhưng tôi nghĩ thương con nhỏ. Tôi chỉ mong sau này bà ấy lấy được người khá hơn, một võ sĩ karate chẳng hạn, lúc Lisa nó đủ lớn tôi sẽ đón về nuôi. Con gái cần mẹ, nó còn bé, chẳng có tội tình gì."

Nói đến đó Tuấn cúi xuống, quay mặt đi chùi nước mắt. Thúy vô tình đưa hai tay qua nắm lấy tay Tuấn, thế là nàng để cho mọi chuyện đi quá cái giới hạn mà nàng vẫn định giữ. Cũng vì thứ bản năng của người đàn bà đa cảm, dễ xúc động, dễ thương hại, mà một người đàn ông như Tuấn cũng có cái bản năng tự nhiên là khêu gợi lòng thương hại của phụ nữ. Về sau, lúc thân mật, nàng nghịch ngợm xoa trên lưng Tuấn hỏi "Bà Vân đánh bằng thắt lưng da phải không? Đánh vào chỗ nào? Bộ bà ấy không thích cái lưng nhẵn nhụi này của Tuấn hay sao mà lại đánh nó?" "Bà ấy chẳng nhìn đến lưng Tuấn bao giờ cả, mà cũng không thích cái gì cả, chỉ thích có quyền thôi. Ở sở bà ấy hất hai thằng 'bốt' để chiếm chỗ của chúng nó, về nhà cũng vậy. Tuấn vẫn nhịn suốt mười năm, tưởng có con thì bà ấy thay đổi, nhưng không ăn thua gì." "Sao những lúc bà ấy giận không tìm cách làm lành? Vợ chồng cũng có nhiều cách chứ? Cứ ôm lấy xin đền thì bà ấy cũng bớt giận, có phải không nào? Tôi thấy người ngợm bà ấy chỗ nào ra chỗ đó, đàn ông nhìn cũng phải thấy ham đấy chứ? Hay là bữa đó mới đi Hawaii, hết sức rồi?" Tuấn lắc đầu, không cười: "Khi bà ấy quắc đôi lông mày lên thì có khỏe như hải cẩu cũng hết cả hứng thú, cái đó người ngoài không hiểu được. Cái chuyện vợ chồng đâu phải cứ nhìn thấy thích là làm được đâu." "Với người ngoài thì sao?" "Người ngoài lại khác. Thích nhau thì làm ngay, không ai bận tâm về những ràng buộc lâu dài, không có quá khứ cũng không cần tương lai, nó khác. Lúc đó mình cư sử như các con thú cô đơn, hai bên không đầu tư nhiều thứ tình cảm vào nhau, như với vợ chồng hay người yêu. Người ngoài thì mình chỉ nhìn vào cái balance sheet coi những cái tangible assets là đủ, còn vợ chồng hay người mình yêu thì phải có những cái intangible, cái good will nữa mới được!" Chàng chỉ lên Thúy, nói nhỏ: "Thúy có đủ cả. Current assets dồi dào này, chỗ fixed assets này thì tuyệt vời này, mà trên này lại rất nhiều good will nữa. Chung quanh Thúy Tuấn nhìn thấy bao nhiêu vầng hào quang, Thúy biết không?" Nàng cảm thấy thích hợp với Tuấn vì hai người là đồng nghiệp, như khi dùng ngôn ngữ kế toán đùa với nhau, chưa kể óc thông minh, tài nói chuyện và óc hài hước của chàng. Nhưng lí do chính khiến cho nàng, sau những ngày đắn đo suy tính, cuối cùng chịu cho Tuấn về ở chung, là vì chàng rất yêu trẻ, chàng săn sóc Kathleen và Tony như con chàng. Đứa trẻ thơ ở trong chàng rất dễ hòa hợp với những trẻ khác. Không như Vũ, một người không biết bày tỏ tình cảm với con cách nào ngoài cách hỏi con muốn gì, con muốn bố mua cho con đồ chơi nào, Tuấn có thể đùa nghịch với hai đứa trẻ mà không cần món đồ chơi nào cả, chàng có thể vui đùa với chúng bằng một sợi giây, một cái gối bông, một cái bút chì và tờ giấy, mà không bao giờ thấy chán. Hai đứa trẻ mê chú Tuấn. Kathleen cứ hỏi "Hôm nào chú Tuấn lại đến nhà mình, Mom?" Đến bữa Tony nói "Chú Tuấn ở đây luôn đi, chú đừng về nữa! Chú Tuấn ở phòng Mom còn rộng mà!" Tuấn nhìn Thúy hất đầu hỏi, nháy mắt, trong khi Thúy lườm và lắc đầu. Sau nửa năm thì Tuấn treo bảng cho thuê nhà, dọn đến ở với Thúy.●

THƠ THƯƠNG QUÊ NGƯỜI NHỚ NƯỚC

Tùy Bút của
NGUYỄN HỮU NHẬT

Thương Quê, thi phẩm đầu tay của Nguyễn Văn Cường, 192 trang khổ 14cm x 21 cm, Trung tâm Văn hóa Xã hội Phật giáo Việt Nam tại Đức quốc xuất bản năm 2000. Tùy Anh viết tựa, Đan Hà đề bạt và trình bày. Bìa của Lê Tú. Phụ bản: Các ảnh của Mai Ngôn, Huỳnh Nam và Vũ Dũng. Giá 10 Mỹ kim. Liên lạc: Nguyễn Văn Cường, Olsvikaasen 144 - 5183 Olsvik - Bergen - Norway. Tel: 55 26 53 20.

Đan Hà, trong bài viết cuối sách gọi là Bạt, đã nói về thơ Nguyễn Văn Cường: "Thầm cảm ơn anh đã san sẻ cho tôi chút tình quê hương, để nhớ nhung, để yêu mến. Nhớ câu nói của Pierre Emmanuel - Ai chưa cảm thấy trong lòng mình ru khẽ lên những chiếc lá đầu mùa thì không hiểu chút gì về vĩnh cửu." Khi viết tựa, bàn về thơ Nguyễn Văn Cường, Tùy Anh nói một câu nghe mà cảm động: "Tôi tưởng như tìm lại được nhân diện của mình còn ẩn hiện trong những hàng cây thân quen, quanh lũy tre làng yêu dấu; ngửi được mùi nồng ải của đất quê, mùi thơm của hoa đồng cỏ nội..." Người viết, vì thương quê mà viết, lại khiến cho người đọc cũng viết ra được nỗi nhớ nhà của mình. Nguyễn Văn Cường thương quê tới nỗi bạn bè gọi anh là Nguyễn Thương Quê. Ở đây, tôi xin mạn phép anh Cường và bạn đọc, được gọi anh là Nguyễn. Bởi bài viết nhỏ nhoi này chỉ mong ghi lại được đôi nét về tình và tâm cảnh, của thơ Thương Quê, như một tùy bút...

*

Nguyễn leo dốc trăng, đêm rằm, lên chùa núi. Tiếng chim khuya rơi trên giòng suối kinh cùng tiếng chuông. Nguyễn không đi tìm "âm thanh của một bàn tay" hay "có gì phía sau mặt trăng". Bởi tiếng thơ và nguồn sáng, của đời Nguyễn, không ở bàn tay hay vầng trăng. Mà ở ánh trăng chiếu xuống, màu áo nhà sư hắt lên, màu vàng nọ chìm trong màu vàng kia. Bước chân Nguyễn muốn nối tiếp dấu chân người xưa. Thuở bông lau trắng phất cờ dựng nghiệp nhà Đinh. Thời rồng bay lên ngàn năm trước rời đô, đất Thăng Long, nước đã yên nên rùa thần đòi lại gươm thiêng binh lửa nhà Lý. Ở giữa gió và hoa là mùi hương. Nguyễn làm thơ nên nhớ hăm tám vì sao, nhị thập bát tú, Tao Đàn triều Lê, nơi mà luật Hồng Đức sáng soi trước cả phương Tây: "kẻ nào chỉ nói điều làm xấu hổ đàn bà, con gái sẽ bị đánh roi trăm trượng". Trên tầng bậc đá dẫn lên tam-quan, ba cửa Phật, Pháp, Tăng, Nguyễn chạm trán với một trời hương thoảng. Gió mát và người bừng tỉnh. Nguyễn đã tự gọi hồn mình về, ngay lúc sống, từ nơi đất khách trở lại quê nhà. Mỗi bước hồn đi. Một bông sen nở. Nguyễn giờ không sống tại quê nhà nhưng quê nhà vẫn sống trong lòng Nguyễn. Ôi những mùi hương:

Thơ Tôi
Hương thơ không chỉ tước ra
từ ngoài da thịt con gái
cũng không riêng gì những đóa hoa tươi,
mà cũng có thể từ mùi phân trâu bò
mùi bùn non nước đọng, cỏ úa
mùi của ruộng muối, xác mắm, cá khô
hay mùi son phấn đàn bà nằm ngủ

Nếu anh chị có hương thơm
trong hộp đêm, phòng trà...
Tôi cũng có
những mùi thơm đậm đà
trong dòng chảy khắp
quê hương.
(Thương Quê, trang 41.)

Nhà tu khó có thể làm thơ đời nhưng nhà thơ, khá dễ dàng, làm thơ đạo. Thơ Nguyễn

dường như là cái gạch nối giữa đạo và đời. Nguyễn nhớ từng tiếng chuông chùa lan trên sông cho tới tiếng gà gáy rộn canh khuya xóm núi. Núi Chúa trầm hương. Nếp chùa cổ trên Dốc Lầu. Bàn chân Nguyễn đã từng bao lần in dấu trên bãi cát trắng giòng Bàu Xoi. Trăng sông thường làm cho người ta muốn đi xa. Trong khi lần nào nhìn trăng núi, bên bờ Suối Tiên, Nguyễn cũng chỉ muốn trở về. Nhà xưa ở thôn Mỹ Thanh những ngày còn cha mẹ. Những đêm trăng Bảy Núi ở Bergen, Na Uy những đêm hồn mộng, Nguyễn lại trở về với ánh trăng soi lòng Giếng Đá. Nằm mơ thấy mình được ăn dứa, no, tới rát lưỡi. Những ngọn khói lò than Đèo Quýt đã bay lên trời, lẫn với mây, chạm vào các ngọn lá dừa Trầm Thủy xòe đuôi công. Những ngọn khói ấy như kiếp người đã mất. Ngày, thật sự đổi đời của mỗi con người, là ngày mất cha. Là ngày mất mẹ. Những ai mồ côi từ tấm bé hay sinh ra, bất hạnh thay, không biết cha mẹ là ai, không thể hiểu được nỗi trống vắng rộng và sâu của đau đớn. Nguyễn nghiệm ra rằng người nào không yêu thương cha mẹ, người ấy khó lòng thương yêu nơi chôn nhau, cắt rốn. Cách gọi làng-tôi hay quê-tôi hoàn toàn khác với nơi sinh-quán. Nguyễn nhớ ngôi nhà thời thơ ấu, nơi sinh ra và lớn lên, với những hàng cây keo mọc bên bờ sông thời ông bà, mẹ cha đi đẩy "rừng lùi vào chân núi," đắp nền dựng nhà, vỡ đất trồng khoai, cấy lúa, mở trường. Dẫu không như Tổ tiên ngày xưa Nam tiến, máu chộn với đất, mà thời sau đất cũng chộn với mồ hôi. Nguyễn biết thương những người yêu nước từ những bài sử học vỡ lòng: Ba Miền, một quê chung, với Nguyễn thì Trung Nam Bắc không chỉ Một Nhà, mà còn là Tri Kỷ. Lớn lên Nguyễn cứ đoan chắc như vậy. Trên con đường Nam tiến, người miền Trung là người xa đất Bắc sớm hơn người miền Nam. Ở lại quê nhà cũ thời trước hay đi dựng quê nhà mới ngày sau, trước hay sau, vẫn chỉ là một: Người Việt Nam. Lối "chia để trị," tách bó đũa ra làm ba cho dễ bẻ của giặc Pháp, tuy tệ hại nhưng chưa tàn hại bằng cách Người Việt mình nhìn nhau bằng con mắt giai cấp nọ, quyết liệt, tiêu diệt giai cấp kia. Bắc Trung Nam đều khổ. Việc ấy cũng lại chưa tàn tệ bằng "xây dựng xã hội mới, cần có con người mới." Con người mới trở thành con người máy. Người máy không có linh hồn. Nên đình chùa chỉ là kho chứa thóc của Nông hội. Hồn đâu cho người máy:

Có Chiều Sâu
Tôi không là huyễn hoặc
Trong tình yêu chung thủy
Yêu không có chiều dài
Cũng không có chiều rộng
Nhưng tình Trung Nam Bắc
Có chiều sâu tri kỷ.
Quê hương tôi thâm thúy
Dòng sông như khúc ruột
Hoa vườn như lông, tóc
Đình chùa... mảng linh hồn
Lũy tre là da thịt
Cổng làng hệt cửa miệng
Trăng làng là đôi mắt
Đường làng ví xương sống
Khói làng giống hơi thở...

Việt Nam của thương nhớ
Ta yêu dấu muôn đời.
(Thương Quê, trang 52.)

Nguyễn sống nhiều năm trên quê hương mà một ngày trên quê hương cũng đủ nhớ suốt đời. Một ngày dài nhung nhớ. Gió tung những xác trấu bờ đê chiều đón mẹ về. Tiếng hát mừng được mùa ngô đêm ngồi lẩy hạt đầy nia. Bóng cò trắng buổi sáng in trên sóng mạ xanh. Đi trên mặt đất, mà mình biết chắc ở dưới, xương thịt những người đi trước đã tan ra, hòa cùng nhựa sống của lòng đất nuôi người. Gìn giữ tình người. Trong những dấu chân của người làng, có dấu chân bà ngoại của Nguyễn, tựa hồ bao cánh lá rơi. Mỗi cánh lá góp phần nuôi cây, ra hoa, kết trái. Nuôi người. Con người nợ nần từng chiếc lá. Nói chi tới con trâu, giòng sông, lũy tre. Nói chi tới vầng trăng ngả xuống mạn núi phía tây, cuối đường từ biển chạy vào, Nguyễn đứng chờ ai đó tóc bồng sóng biển. Trăm muôn giọt nước trong mỗi lượn sóng, đáng bầy chim sẻ bay, Nguyễn chỉ ước sao:

Gạn Mỗi Giọt Thương
Em có gặp bầy chim sẻ
ríu ra theo mẹ
ngậm hạt thóc trên môi
Em có thấy mồ hôi
thấm áo cha
từ nương đồng tha thiết cuộc đời
Em có yêu dấu chân người làng
qua buồn vui năm tháng
Em có còn thương bóng mình
xưa hẹn buổi trăng thề?
Và bây giờ

em chắc gặp bầy chim sẻ
ngậm trời chiều
viếng những thân mộ chân quê...
Mai anh về
tóc chúng mình
đã bông bưởi bông chanh
hương nhà quê thơm nỗi nhớ đời anh.
(Thương Quê, trang 86.)

Người đi, trên con đường ấy, chắc giờ này bóng vẫn còn in nhưng người đợi nay chỉ còn chờ trong giấc mộng? Những tóc hoa chanh, những đầu hoa bưởi, trắng như mây lòng vịnh Cam Ranh lặng gió. Những con thuyền nằm xát bên nhau, sóng làm rung rinh, nhìn xa như chúng đang thở. Bao đời người đã sang kiếp khác ngay ở kiếp này. Nguyễn thấy vậy. Cả tới bếp lửa, bông hoa, ngọn đèn dầu cũng có hơi thở. Nguyễn muốn ra đi và mong trở về. Giữa đó, tất nhiên, phải có bi kịch. Nguyễn đã mất quê hương ngay trên quê hương. Cây lê, mẹ trồng, khác với cây lê trong truyện Kiều. Hương cau với mùi cơm mới. Nguyễn phác thảo:

Nét Vẽ
Thơ tôi
Thơm hồn em
lúc tim em hồng
là họa sĩ
em vẽ tôi
từ hồn em
qua đôi mắt
xanh
giọt lệ.
(Thương Quê, trang 88.)

Mắt xanh, tim hồng, giọt lệ, hồn thơm. Những chất liệu rút ra từ cuộc sống. Thoáng cánh chim đêm rơi trên giòng nước. Nhà tranh khuya thiếu dầu đốt đèn, ngày mẹ về với cha, ánh lửa củi đước bập bùng cố xua đi hơi núi lạnh. Sương tan. Mặt trời lên. Bắp trổ cờ những tua hồng nâu bay trong gió sớm. Hạt ngô lại gieo xuống lòng đất. Hoa bắp lay. Nhưng con người đứng khá vững. Người nuôi cây và cây nuôi người. Người hát khi trồng cây. Hoa nở. Con cháu lớn lên và làm thơ lục bát. Thơ lục bát của Nguyễn, không ở trong "phòng văn hơi lạnh như đồng," nó bắt nguồn từ những cánh đồng thơ ăm ắp những câu chuyện kể giữa sương mù, như "cọp Khánh Hòa, ma Bình Thuận." Nguyễn hẹn "mai về sống lại thương yêu, tình Trung Nam Bắc nhiễu điều giá gương" thì Nguyễn cứ hẹn. Trăm năm nữa, sau ngày cầu Hiền Lương thông suốt, chắc gì cái lòng phân biệt Bắc Nam đã phai? Phủ nhiễu, lên những tấm gương hầu như bị đập vỡ hết, nên chăng và để làm gì? Nguyễn yêu ca dao. Người ta làm ra bao câu dao mới.

Mỗi câu là một miếng sắt, chờ tôi máu người, để trở thành thép. Cha mất bên ngoài nhà tù. Con sống trong trại giam. Vợ chôn chồng sau đó mỗi năm làm giỗ mái tóc lại thêm bạc. Mẹ trông con về, đêm nghe tiếng vạc, bật dậy. Thắp nhang. Khóc. Nguyễn mang theo những giọt nước mắt ấy sang tận vương quốc Na Uy, nơi mà từ nửa thế kỷ qua, những bà mẹ không còn phải chờ các con về từ mặt trận hay nhà tù chính trị. Chiến tranh súng đạn chỉ như bụi bám lòng gương. Tấm nhiễu Tình Người còn ngăn được. Trận giặc văn hóa, búa liềm, không bao giờ là những hạt bụi phủ mờ. Người ta đạy nhau, đừng nhìn nhau là "người trong một nước," mà hãy nhìn nhau xem giai cấp nào. Nguyễn không ở giai cấp nào hết. Yêu cây lúa vì lúa nuôi người. Yêu cây bút vì cây bút dạy người cách làm ra nhiều lúa. Dạy cách nhường cơm, xẻ áo, để con người không cần phải tranh nhau như thú giành mồi. Cắn xé, giằng co. Gầm gừ và rú rợn. Những người xưa "rửa ốc, gùi măng," ngày mới lấy nhau đèn không đủ sáng, sao con cháu tới nay vẫn được đi học, trí tuệ trăng rằm ngời sáng? Vác cày. Cầm bút. Cách nào cũng đáng quý bởi người biết yêu người:

Sâu Lắng
Có những chiều
hồn trống trải
bơ vơ
Tôi ngồi bên bờ sông
Viết tên em
trên mặt cát
Gió qua sông
rủ rê làn cát
mang hồn tôi
trôi theo tên em.
Rồi những chiều
mặt sông êm đềm
Mất tôi vẽ tên em
lên trên mặt nước
Gió qua sông
rủ rê làn nước
xóa hồn tôi
tan theo tên em.
Cũng có chiều
gió lặng sông êm
tên em gợi nhớ

ngọn mềm hồn tôi.
(Thương Quê, trang 99.)

Không yêu người, chẳng tin đời, mất niềm tin yêu vào cuộc sống và con người thì xã hội là cánh rừng với luật "mạnh được, yếu thua." Là vũng ao tù "cá lớn nuốt cá bé." Thấm được cái mênh mông của biển. Hiểu được cái diệu vợi của tiếng chuông chùa. Nguyễn mới biết "cái chân quê rất gần với chân thật." Khởi từ chính lòng mình không chân thật thì làm sao mà thấu được lẽ Chân Như. Khi người lính miền Nam phải bước chân xuống ruộng, giẫm lên thân mạ, mới thấy cái cảm giác xót xa cho cây lúa non oằn mình. Đi trên bờ ruộng thì gặp mìn hay lựu đạn. Nguyễn kêu lên: "Đẹp nào hơn cái hiện thực quê hương!" Dẫu hiện thực nào, ngoài quê hương, cũng chỉ là trường phái. Còn hiện thực quê hương là:

Theo Trái Tim
Em cứ trao trái tim
cho tôi
Để tôi kịp ghép nhịp
trình lên Thượng Đế
Đó cũng là cách
ta hiến kế
Để sớm nhận lấy tình thương
Vì hạnh phúc đời thường
Chỉ cần trái tim chân thật
Ngài không thể gật
qua chót lưỡi đầu môi

Ta đã ghép nhịp tim rồi
Đất trời
đâu cũng một đời vì nhau.
(Thương Quê, trang 103.)

Nguyễn tin. Tin là không sai. "Có thuộc ca dao mới thấm lòng cọng rau, tấc đất." Nguyễn biết chắc là đúng. Nhà nông thuộc câu "ăn mày là ai, ăn mày là ta; đói cơm, rách áo nên ra ăn mày," nên họ không chỉ thương những người lỡ bước, mà còn nhớ rằng: Con người sinh ra phải có ăn. Muốn có ăn phải trồng lúa. Muốn lúa nhiều phải chăm bón đất. Dẫu "đói ăn rau, đau uống thuốc," chẳng vì chủ nghĩa trọng nông, cũng phải yêu đất. Đất là Mẹ. Trời là Cha. Người là Con. Ba ngôi ấy kết một vòng thiên, nhân, địa. Như Tổ tiên, Cha mẹ và Con cháu. Người đã khuất, đang sống và sẽ sinh ra cùng gắn bó với nhau trong lẽ Đạo Thờ cúng Ông bà. Thơ Nguyễn, như quá khứ, hiện tại và tương lai trong cùng ngôi nhà, chộn lấy nhau giữa ngày xưa, hôm nay và mai này những hẹn ước, đinh ninh, một đêm nào đó:

Sân Sẽ Đầy Trăng
Nếu mai này
Anh khô ng cò n trở lạEm có buồ n
từ thuở khóc chia tay?
Anh cứ mãi ươm xuân
vườn kỷ niệm
Cho suối hồn em
còn chảy ánh trăng đầy.

Mái tóc sương yêu
hương trời xanh cũ
Tình vấn vương thôi thúc
cứ hẹn về
Nên dòng sông bên bồi vẫn thương bên lở
Dấu yêu nào
chẳng sâu lắng tình quê!

Sẽ bên nhau
Yêu mưa nguồn chớp bể
Chuyện hàn huyên
ta kể mãi không vơi.
(Thương Quê, trang 113.)

"Khóc chia tay" là buồn đơn. "Từ thuở khóc chia tay" là buồn kép. Buồn nối tiếp buồn. Buồn chồng chất buồn. Buồn như trăng, trong thơ Nguyễn, vàng chanh soi trên bờ lúa, vàng lá trong vườn trầu, vàng vụn ngoài ao sen, màu đồng teng trên núi. Nguyễn chưa về. Nhưng trong hồn mộng những đêm nơi quê người, Nguyễn thấy mình đứng giữa hai hàng cau, hương hoa thơm ngọt, nằm chơi ở chái nhà nghe tiếng mái chèo khua nước. Trên những lượn sóng thuyền thúng xoáy tròn, dập dờn các bè xanh hoa rau muống trắng hình loa kèn tõe cánh run lên trước gió. Cơn mưa hoa phượng sân trường thời người cắp sách và sách cắp người bay bổng lên những vòm mơ mộng tuổi học trò. Bạn bè chen nhau trong sổ điểm học hành. Rồi chia tay. Ra đời. Mỗi người sống sót một phương trời, thoảng hoặc lòng canh cánh nhớ về lớp cũ, cửa sổ hướng ra khu vườn chim hót. Chia nhau từng quả ổi vàng ruột đỏ. Cắn răng vào những con nhộng tằm chiên hành mỡ, nghe bùi cả dạ. Màu hành lá xanh. Sắc nhộng nâu.

Nguyễn yêu và Nguyễn thương từng kén tằm vàng trên nong biếc lá dâu. Gió và sóng đã xóa hết vết chân Nguyễn in dấu ngoài bãi cát làng. Nguyễn xót cho những người làng sinh ra, lớn lên và chết đi trong luỹ tre xanh

ngăn tầm chân trời. Nhưng Nguyễn tôn kính những tấm lòng ở lại, vì đất, đất càng đầy ải, người càng đầu tắt mặt tối, rơi nước mắt vì đất. Bởi đất không chỉ chứa niềm hy vọng năm sau được mùa, hơn thế, còn là nơi ông bà, cha mẹ gửi nắm xương tàn. Nguyễn xót. Được mùa lúa, cơm vẫn chẳng đầy nồi, thuế đánh cả vào niềm hy vọng của dân cầy, thợ cấy. Độc quyền mua lúa mà lại ép giá. Nguyễn hiểu quê hương mình tới nỗi nhìn mỗi mái nhà tranh thở khói, Nguyễn biết tình cảnh chủ nhà cùng khốn hay phong lưu. Khói lam khác khói trắng. Khói nào của rơm rạ. Khói nào của trấu, lá khô, cành vụn, bởi Nguyễn thở cái hơi thở làng quê từ những năm thả diều trên đồi. Nguyễn thuộc phong thổ bên này bên kia giòng Bàu Xoi như người đi cấy áng chừng số mạ non cho ruộng. Chiều tắt nắng bờ sông hay khuya sương rơi tàu lá chuối gắn bó với Nguyễn như món nợ lâu đời từ ngày:

Có Nhau
Đi cấy
em biết
mạ thiếu
mạ thừa...
lòng thì mơ
ngày lúa trổ.
Với em
tôi mãi đều hòa
phong thổ
Để chúng mình
luôn nặng nợ
quê hương.
(Thương Quê, trang 123.)

Tới ngày xa nhau, nợ chồng chất nợ, nơi mỗi câu ca dao lẫn tiếng ngâm Kiều. Lời mẹ mắng yêu. Giọng cha quở con có lần trốn học chìm dần vào tiếng ếch nhái, bên kia khóm tre, những vạt nắng tàn loang mương nước. Lớn lên Nguyễn mới thấy đau cái đau của người nhà nông, thời binh lửa, chạy giặc, phải bán ruộng, lìa đất. Xa nhà. Nguyễn không phải là một người làm thơ về nhà quê. Cũng không phải là một người nhà quê làm thơ. Quê nhà, qua thơ Nguyễn, tự nó sống lại. Đúng hơn, nơi nào Nguyễn đã sống, qua thơ, sẽ được tái tạo với một tấm lòng chan chứa yêu thương. Như ở Na Uy:

Em Đi Giữa Lòng Hè Thành Phố Bergen
Sáng nay em về Ô-san
hay Net-tun với má
Em đi xe buýt hay xe nhà
Qua ngã phố rẽ ngoại ô
Con đường ngày hè nắng rải lưa thưa
Hoa nở gọi mùa hương thơm lúm má
Nếu em có thời gian thong thả
Ghé cà phê Kim
Vào thư viện
Vô bến xe
Sang ga xe lửa
Em gửi lòng ở đây một nửa
Nửa tặng anh và người làm thơ.

Em có mộng mơ
Nhìn giữa lòng hồ bông nước xõa
Như tóc em dài thuở mới đến Bergen!
(Thương Quê, trang 105.)

Nếu nhạc là những giòng thơ có ký âm, tiếng nhịp tim đập, thì Bergen, cố đô Na Uy, nơi Nguyễn đang ở, là nhạc. Tiếng mưa rơi trên ô dù. Mưa quanh năm. Nếu thơ, một thứ nhạc, được ký âm bằng những dấu ấn của kỷ niệm, thì thơ Nguyễn ướt sũng những hồi ức đẹp. Từ ánh trăng hiên tới lá vàng rơi trên tóc. Cành khế ngọt. Đọt dừa. Thơ thiên nhiên, một thứ thiên nhiên còn nguyên vẹn hoặc ước mơ nguyên vẹn, nên thiếu tự nhiên như cảnh quê hương một thời dài chinh chiến, mười ngọn dừa thì cụt mất chín. Cây cối cũng thương phế. Cỏ thơm, hoa quý từng phải chết tàn cho rau muống, lá khoai sống mạnh. Bao cô thôn nữ bỏ đồng, lao vào thị xã Cam Ranh thời binh lửa và cả bây giờ, hăm nhăm năm sau cuộc chiến, sợ mà không tránh được con đường bán thân, nuôi miệng. Quê nhà oan khuất nhuốm cả vào bày chim sẻ. Điện về nông thôn nhưng con người đói quá, đánh bắt cá bằng điện, tới con tôm, cái tép cũng không yên. Tắc kè phơi khô, đóng từng bành, gửi vào Chợ Lớn bán cho người Tàu. Cõi sống, môi sinh, bị tàn phá thẳng tay. Bao cánh cửa nhà người đêm không khép. Chẳng vì thời thái bình để canh khuya gió vào nhà mang theo hương bưởi và mùi lúa chín. Mất mồ hôi vẫn còn có máu. Máu bị vắt kiệt. Người dân quê không còn gì để mất nữa. Mang đi bán cả đồ thờ Tổ Tiên. Mọi thiêng liêng đều đã bị xúc phạm. Nhưng thiên nhiên còn đó. Cái hồn của mùa thu trong xanh hay chính là sắc biếc của hồn thơ nhìn ra:

Cửa Đêm Thu
Ráng chiều ấp
tổ trên ngọn đa
Con chim non hé mỏ vàng

Như đuôi lá
Mặt trời đi ngủ
Gió ru hoàng hôn đong
đưa
Và từ bộng cây
Tiếng tắc kè gọi trong vắt
Hồn thu trong
Xanh.
(Thương Quê, trang 152.)

Nguyễn thấy. Tôi tin rằng Nguyễn đã thấy, nơi ngọn cao ước mơ tụt xuống đáy hiện thực, hụt một giòng đời:

Chảy Ngược
Trụt xuống vực
Ngoái cổ
Tìm thiên đàng
Chỉ có búp mây
phơi!
Cúi xuống hóa thân
sặc nồng kinh dị!
Nhắm mắt
thấy
trăng đi vào
cổ sử!
và
một dòng sông
khát
sữa
của thơ
chảy ngược vào linh hồn
mắc cạn.
(Thương Quê, trang 143.)

Mở mắt để nhìn đời. Nhắm mắt sẽ nhìn ra mình. Khi mang hình dáng miệng cười, hẳn vầng trăng phải khuyết, nếu trăng đầy, chắc chắn là một cái miệng đang kêu. Quê hương chúng ta có nhiều vầng trăng tròn. Lạy Trời, khấn Phật, xin Chúa cho tai qua, nạn khỏi. Đá in kinh có đến tự ngàn năm rồi chỉ gợn hình mây nổi dấu chân người xưa đi thỉnh kinh Cứu Khổ. Chữ nghĩa đã giết nhiều người hơn dao nhọn, súng dài, gươm bén. Pho kinh lớn, cuộc đời, không phải là những tập giấy dầy, kín mít chữ và nghĩa thì tùy thuộc người nói khéo mà ra khôn. Nếu cứu khổ là cứu khổ ngay cuộc sống này, thời nghĩa của chữ, ý của kinh phải đi vào lòng người. An Lạc. Yên và vui. Như "già được bát canh, trẻ được manh áo," không ai cao vợi nghĩ tới "thoát vòng sinh tử" ngay trong cõi tử sinh này. Dường như Nguyễn đi tìm giòng "suối chảy trong câu kệ"? Nguyễn không cần kệ, dù của bậc cao tăng, tuôn ra như suối mà cuộc nhân sinh vẫn chưa có dấu hiệu nhắm tới lẽ Cứu Khổ?

Lời Kinh Qua Suối
Trăng cười
Lùa mây
Xua gió gõ mõ...

Sư cụ xuống bến
Gỡ lời kinh trên đá
Chữ nhập tâm.

Sen ngó cửa am
Suối chảy trong câu kệ
Dấu chân ngài Huyền Trang.
(Thương Quê, trang 156.)

Lịch sử, chính là những trang kinh của đời, được in bằng dấu chân người nhà nông trên bờ ruộng. Bao ngàn năm vẫn dấu chân đất. Nhìn vết hõm nông sâu mà biết được bàn chân của người da bọc xương hay no đủ. Tới bao giờ nông dân, được mang ủng, khi ra thăm đồng? Lội ruộng, trồng lúa nước, nước không thấm vào chân những ngày rét cắt ruột, đỉa đói bu đầy. Tới bao giờ mới chấm dứt tình cảnh những kẻ không tự giải thoát mình khỏi tham, sân, si lại đòi giải phóng cuộc đời tăm tối cho bao người khác? "Nguyễn là người làm thơ. Không phải là người đi tu. Nên đã viết - vòng tục lụy bỏ ngoài tay nải - trong lúc chính cái - tay nải , chứa kinh, y bát và đôi khi cả lễ vật thập phương cúng dường cũng là một - vòng tục lụy." Một trong những bạn đọc thơ Nguyễn đã nói với tôi như thế. Nhưng toàn bộ bài Giải Thoát, với ý nghĩa tột cùng, lại là "mùi đời không tới tâm," điều mà Nguyễn Gia Thiều gọi là "mùi tục lụy." Song hệ lụy, rốt ráo và cuối cùng của đạo Phật, chính là Cứu Khổ. Nhân gian, người trần có được miếng ăn, "vào giờ thọ trai," đạo sĩ mới chết yên được.

Giải Thoát
Đạo sĩ hóa, mặt áp vào vách núi
Sau lưng cửa động khép
Mùi đời không tới tâm
Vòng tục lụy bỏ ngoài tay nải

Tâm sáng
Thuyền đi lên
Thoang thoảng hương...
Thần thức xuất
Lúc nhân gian
Vào giờ thọ trai.

(Thương Quê, trang 164.)

Nguyễn, theo tôi trộm nghĩ, là một trong những người làm thơ hiểu được lẽ Đạo. Với nhất nguyên, Tất Cả là Một và Một là Tất Cả, thời còn biện biệt thân, ý với tâm mà chi. Nói hóa thân, là nói tới cái thường chuyển của thân, ắt hẳn tâm cũng "tâm viên" và ý cũng "ý mã". Tâm cũng "hóa thân như vạn vật," tức vạn pháp, hỏi còn cái gì không chuyển trong cõi Lý Bạch "xử thế nhược đại mộng" này? Nếu không là Thiện Căn, gốc tốt, mà Nguyễn kêu bằng Hạt Lành thì là gì? Tâm hóa nhưng Chân Tâm "định", nên Thiền dẫu là con đường ngắn nhất và khó nhất, cũng phải hướng về Thiện Căn của nhà Phật: Trừ ác nghiệp. Nếu không, hạt chẳng lành, tất trái cũng không tốt. Khép trọn một vòng luân hồi "Nhân Quả", từ chỗ trời đất "dấy lên một Niệm" nuôi người, hạt thóc chuyển hóa thành mạ non, bông lúa, tới hạt gạo rồi hạt cơm. Người ta xay gạo làm bột, tráng bánh, Nguyễn biết, cả đến hạt bột cũng thường chuyển. Nhưng Chân Tâm nuôi người mãi nguyên vẹn:

Hạt Lành
Linh hồn mang
cuộc đời
rao giảng
Và cứ đêm
hóa thân
Như vạn vật
vô thường
Song
Chân tâm vốn là cốt lõi
trừ ác nghiệp
u mê!
Và thiện căn
luôn là quả tốt
vô thủy
vô chung.
(Thương Quê, trang 169.)

Thơ Nguyễn, hẳn thế, không muốn nhắc đến những đám mây đen đang giăng kín bầu trời quê hương? Không chắc thế! Nguyễn chỉ muốn thoát ra khỏi chính mình. Lá tre khô rụng xuống giòng sông mưa, cuồn cuộn như phận người trôi mãi, không biết giạt về đâu. Chẳng tự ngừng lại được. Con người, không phải khi hạnh phúc, chính lúc đau khổ tận cùng mới ngưng vọng động, thoát khỏi chính cái-tưởng-là-mình. Trái Từ Bi không ở bên ngoài tiềm thức. Alaya, tâm linh, alaya: Thoát

Vết chân chim
mọc ở đuôi mắt

nốt đồi mồi
thức trên làn da dùn

Môi run
theo đầu đuôi gậy

và tóc phơi sương...

trái từ bi,
chín trong tiềm thức

xe luân hồi
rẽ về nẻo ý

hào quang
xanh niết mùa xuân.
(Thương Quê, trang 174.)

Câu thơ "xanh niết mùa xuân", nghe lạ tai khiến một số bạn đọc ngỡ là "xanh miết mùa xuân." Hoặc "xanh mướt mùa xuân." Tôi nghĩ là Nguyễn viết đúng: Niết (Nir), một trong hai chữ ghép của Niết Bàn (Nirvâna). Vâna, chính là Bàn hay Bàn Na có nghĩa là khu rừng. Niết là ra khỏi. Niết Bàn, cõi tâm cảnh, nơi Alaya, a-lại-da-thức, tâm linh sáng suốt của con người tự vượt ra khỏi khu rừng tăm tối. Dứt sạch lòng muốn, sợ, lo buồn, tiếc, nhớ. Thơ Nguyễn, qua tập Thương Quê, càng về sau càng chứng thực cái Tâm "ra khỏi" bóng tối của cánh rừng tiếc nhớ. Chốn lìa khỏi khổ đau ấy, Nirvâna, như các mặt của một viên kim cương tỏa sáng, hào quang, mà mặt chói lọi nhất vẫn là Yên Vui, yên thân và vui lòng. Người ta cung kính chắp tay, chúc nhau thân tâm an lạc, chính là cách Chúc Phúc tận cùng. Sau cái chớp mắt vô tình nghe được tiếng chim hót, vô tình như "nước xô trăng tan vào bè hoa bèo", và chim cũng cũng vô tình hót. Như nhân gian "hữu tâm," nhìn thấy bình bát, còn nhà tu thì "vô tình," không thấy mình, không thấy người, không thấy bình bát. Nhà thơ không thế, ngược lại, "vô tâm" để "hữu tình." Nhiều hơn, thành ra trữ tình, quê người với quê mình như nhau, đấy cũng là cái lẽ "gồm yêu thiên hạ." Nguyễn yêu sông Hồng, sông Hương, sông Cửu. Nhưng thương thì thương sông Bàu Xoi, đấy cũng là điều làm cho người ta hiểu về sự khác biệt giữa yêu quê và thương quê. Không ai cố ý tách bạch. Tự nó vô tình như những:

Tiếng Hót Vô Tình
Tôi rửa đôi mắt
Bằng dòng nước trổ vào mảnh vườn
Cho ngõ hồn đơm hoa trái đơm hương
Tôi dựa lưng vào gốc cây
Nghe gió thì thầm nói truyện với lá
Chợt có con chim sâu chen vào
Lá lách chân chim
Rơi theo tiếng hót
vô tình
vào hồn tôi.
(Thương Quê, trang 148.)

Câu nói "không ai tắm hai lần một giòng sông," đúng, nhưng trừ những người làm thơ. Họ làm hiện lại, qua thơ, những gì đã khuất. Ai chưa từng nằm thuyền một mình, nghe mưa rơi trên sông, con sông mà chỉ có người cùng làng mình mới biết. Không thể và chẳng bao giờ nghe trời về khuya, tiếng trai gái từ một lá thuyền nào đó ở xa thật xa, lan trên mặt nước rõ từng hơi thở vội. Người ấy không thể thương được tiếng ngân chuông chùa lúc nửa đêm về sáng. Không thấy được lòng mình mất bạn, mà quá đỗi, dư buồn nghe hồi chuông báo tử từ một xóm đạo ven sông, giữa sớm mù sương. Chiều xuống, một ngày năm nào, khi đi qua Cam Ranh nằm giữa Nha trang và Phan Rang, tới Ba Ngòi tôi đứng nhìn ra vịnh biển. Mùa xuân chim yến bay về hướng núi. Tôi nghĩ tới yến sào, chim khạc dãi mình ra làm tổ, đẻ và ấp trứng, nuôi con, tới thổ huyết. Kẻ thất thế, người tù nào dù bao nhiêu tuổi cũng nhớ mẹ. Mẹ một đời như chim yến. Con lớn lên hết đi lính lại đi tù. Chưa một ngày phụng dưỡng cha mẹ chu đáo. Vịnh biển phía đông. Núi phía tây. Tôi ngồi bó gối ở Ba Ngòi thương mình mà cảm thấy xấu hổ cho mình. Không bằng một em bé đang bán nước trà dạo. Một chồng năm, bảy chiếc ly với cái ấm nhôm nặng trĩu tay gầy, em đang giúp mẹ một tay kiếm sống qua ngày. Tôi muốn mua nước giúp em nhưng tôi không có đồng nào trong túi. Tôi cúi đầu. Thấy bóng em trên cát đổ dần về chỗ tôi ngồi. Em hỏi tôi: "Chú ở tù về phải không?" Tôi không dám nhìn em. Trông ra biển, tôi rụt rè, hỏi lại: "Sao cháu biết?" Em im lặng rót nước rồi bảo: "Chú uống đi!" Tôi không biết nói gì dù một câu rất dễ: "Tôi không có tiền!" Em cười, da mặt cháy nắng, nên hai hàm răng thêm trắng. Tôi nhớ giọng em lúc đó buồn lắm: "Ba cháu cũng đi tù! Uống đi. Cháu không lấy tiền của chú đâu!" Cơn khát cháy cổ trong tôi dịu dần. Tôi nhìn theo em. Gió chiều ở Ba Ngòi lẫn mùi biển có cả mùi khét nắng của em bé bán trà dạo. Bóng người ngả dài trên cát. Nhưng cánh lưng thì ngắn và hẹp lắm. Giờ đây, lúc đọc thơ Nguyễn, dẫu không một bằng cớ nào, sao tôi cứ nghĩ em bé kia ở một vùng quê đâu đó quanh quê Nguyễn. Hay chính em là người ở Mỹ Thanh? Mười tám năm rồi. Thỉnh thoảng tôi vẫn ngửi thấy mùi hoa nhài trong ly trà đá ở Ba Ngòi. Như đốm than tắt dần trong bếp lửa khoai lùi ngày xưa, hồi ức về quê nhà của Nguyễn tới nay còn làm sáng lên ngọn lửa nến, cháy mãi nỗi Thương Quê, từ Bergen:

Đêm Với Ngọn Nến
Nến như cũng có linh hồn
Đêm khuya chia sớt vui buồn với tôi
Mỗi lần tôi nở nụ cười
Tim lung linh tỏ ra người được yêu
Những đêm tôi nét đăm chiêu
Tim im lặng thể nén nhiều cơn đau
Cám ơn ngọn nến nhiệm màu
Đêm tôi nến đã chia sầu cố hương.
(Thương Quê, trang 54).

Oslo, 22 tháng 6 năm 2000.

Lần đầu tiên phát hành

MÙI HƯƠNG QUÊ

Tập truyện của
DƯƠNG NHƯ NGUYỆN

Cây bút nữ nóng bỏng và xao xuyến thường trực, đứng giữa hai nền văn hóa Việt Nam và Hoa Kỳ

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
9351 Bolsa Avenue
Westminster, CA 92683 - USA

QUẬN CAM

Đài Phát Thanh Việt Nam Cali Radio kỷ niệm đệ ngũ chu niên ngày thành lập

Tối ngày 30/6, đài phát thanh Việt Nam California Radio (VNCR) đã tổ chức trọng thể sinh nhật lần thứ năm tại nhà hàng Seafood Paracel, Little Saigon, với sự tham dự của 600 quan khách và thân hữu. Cách đây năm năm, đài này được mở ra với một ban điều hành gồm những người làm truyền thanh chuyên nghiệp và có kinh nghiệm từ những năm tháng trước 30/4/75.

Ban nhạc Latin / Jazz Bayadera với vũ công Jindra Payne đang trình diễn

Trong bài diễn văn ngắn khai mạc, ông Hoàng Ngọc Tuệ, chủ tịch công ty VNCR đã cho biết rằng tình hình cạnh tranh tại quận Cam nay đã trở nên hết sức gay gắt. Nhưng VNCR đứng vững được cũng nhờ một phần vào tính chất chuyên nghiệp của các chương trình phát thanh, một hệ thống quản lý được tổ chức hoàn toàn theo kiểu Mỹ và một khối thính giả ủng hộ nhiệt tình đường lối hoạt động của đài. Ông nhấn mạnh, tuy là một đài nhỏ với sáu giờ phát thanh mỗi ngày, nhưng VNCR đã điều hành để sao cho có thể góp phần tối đa vào việc thông tin cũng như công cuộc tranh đấu cho Tự Do, Dân Chủ và Nhân Quyền cho quê nhà qua hệ thống phát thanh của VNCR trên internet.

Cũng vào dịp này, những nhân viên của VNCR gồm cả xướng ngôn viên, biên tập viên và hội đồng quản trị đã được giới thiệu: Hoàng Trọng Thụy, Thành Thảo, Ngọc Chiệu, Nguyễn Trường, Bích Khuê, Y Sa, Ngô Mạnh Thu, Hoàng Ngọc Tuệ, Đỗ Việt Anh, Vũ Ánh, Phạm Phú Minh và Phan Mỹ Sương.

Đặc biệt trong ngày sinh nhật lần thứ năm này, ông Nguyễn Văn Chuyên, đại diện Thượng Nghị Sĩ tiểu bang Joe Dunn đã trao tặng VNCR bằng tưởng lục vì những đóng góp của đài vào công cuộc tranh đấu cho tự do, dân chủ và nhân quyền cho đồng hương Việt Nam ở trong nước.

Khi hai cô Phan Mỹ Sương và Y Sa, ái nữ của cố giám đốc điều hành Lê Đình Điểu, đại diện cho VNCR cắt chiếc bánh sinh nhật, thì cũng là lúc đài VNCR cho phát cuốn Kỷ Yếu Mùa Hè 2000-2001. Nhà văn Phạm Xuân Đài, chủ bút tờ kỷ yếu mùa hè cho biết đây là tập sách đặc biệt hàng năm phát hành mỗi dịp kỷ niệm sinh nhật của VNCR. Nội dung của Kỷ yếu mùa hè VNCR là những bài viết của một số tác giả phần lớn là những chuyên viên truyền thanh kỳ cựu của Việt Nam hoặc những tác giả quan tâm hay có nhiều mối liên hệ, hoặc hiện đang làm nghề nghiệp này. Một số các bài viết rất có giá trị đóng góp vào việc làm sống lại lịch sử của ngành truyền thông VNCH cũng như để vạch ra hướng phát triển ngành truyền thông Việt ngữ tại hải ngoại.

Buổi tiệc có phần góp vui của các nghệ sĩ thân hữu của đài và nhạc sĩ Tây Ban Cầm Nguyễn Đạt cùng ban nhạc Latin/Jazz Bayadera hiện đang rất nổi tiếng tại Los Angeles.

Lễ Phát Giải Khuyến Học kỳ thứ 12

Buổi lễ phát giải Khuyến Học kỳ thứ 12 về Lịch sử Văn học Việt Nam và Học sinh Ưu tú do Viet Olympiad, Inc., tổ chức đã diễn ra trong bầu không khí vui tươi tại Forum 1 của trường Đại Học Cộng Đồng Golden West College vào chiều ngày Chủ Nhật 16 tháng Bẩy năm 2000. Tham dự lễ gồm nhiều thầy cô giáo thuộc nhiều thế hệ, một số Mạnh thường quân cùng với khoảng 500 sinh viên học sinh và phụ huynh.

Cô Nguyễn Thị Kim Ngân, trưởng ban tổ chức Giải Khuyến Học đã cho biết, một cách tổng quát, tình hình Giải Khuyến Học Kỳ XII năm nay đã diễn ra thuận lợi với sự hỗ trợ của nhiều giới trong Cộng Đồng cùng với sự tham gia đông đảo của nhiều thí sinh cho đủ các bộ môn và các cấp.

So với Giải Khuyến Học Kỳ XI năm 1999 thì số thí sinh tham dự năm nay đã vượt hơn 50 phần trăm tức là từ khoảng 400 thí sinh năm 1999 đã tăng lên đến hơn 600 thí sinh trong năm 2000. Điều này chứng tỏ là các phụ huynh đã thấy rõ nhu cầu cần bảo tồn và phát huy văn hóa, lịch sử và ngôn ngữ Việt Nam tại hải ngoại. Cũng chính vì thế ban tổ chức Giải năm nay đã tăng giải thưởng lên đến 140 giải cho đủ các bộ môn.

Được biết ngân khoản dành cho Giải Khuyến Học Kỳ XII cũng đã lên đến 30,000 đô la cho các giải. Ngân khoản trên có được là nhờ sự hỗ trợ thường xuyên của một số Mạnh Thường Quân cùng với chương trình đi rửa xe gây quỹ vào những ngày cuối tuần của ban tổ chức.

Cuối cùng cô Kim Ngân cũng cho biết ban tổ chức vẫn nỗ lực không ngừng phát triển Giải Khuyến Học trong các năm sắp tới như điều chỉnh lại nội dung các cuộc thi sao cho vừa nâng cao kiến thức, vừa có nội dung thích hợp với hoàn cảnh hiện tại. Chương trình cụ thể là sẽ xuất bản cuốn Vần Việt Ngữ của nhà giáo Nguyễn Hữu Bào, xuất bản tập nhạc của các nhạc sĩ Nguyễn Đức Quang, Ngô Mạnh Thu, Trầm Tử Thiêng... nhằm mục đích giúp cho các em học tiếng Việt bằng lời ca. Ngoài ra, một chương trình Đại Nhạc Hội dành cho tất cả giới trẻ Việt Nam từ cấp tiểu học lên đến Đại Học sẽ được tổ chức.

Các thí sinh tham dự Giải Khuyến Học phần lớn đến từ 22 Trung Tâm Việt Ngữ ở Quận Cam, San Bernardino, Los Angeles...

Giải Khuyến Học Kỳ XII năm nay gồm có các giải "Đố vui để học" các cấp Đại Học, Trung và Tiểu Học; các giải thi viết về văn học, lịch sử; các giải về học sinh ưu tú và cá nhân xuất sắc; năm nay còn có thêm giải sáng tác. Lại có giải tưởng lệ đặc biệt như giải Việt Dã ở nơi xa nhất về dự thi là TTGL/VN Thánh Tâm từ North Hills; giải Măng Non dành cho thí sinh trẻ tuổi nhất: Nguyễn Jhonny, bảy tuổi; giải Cổ Thụ, dành cho thí sinh lớn tuổi nhất là Nguyễn Ngọc Anh Minh.

Ca sĩ Sĩ Phú đã qua đời tại Quận Cam

Vào lúc 0 giờ 55 phút sáng ngày 19-7-00, tại bệnh viện UCI thành phố Orange, ca sĩ Sĩ Phú đã trút hơi thở cuối cùng vì chứ ung thư phổi.

Gia nhập Không quân Việt Nam Cộng Hòa từ 1962, ông đã được gửi đi du học tại Hoa Kỳ trong những năm từ 1963 đến 1965. Sau khi về nước năm 1965 ông tiếp tục phục vụ trong Không quân, cấp bậc Thiếu tá, lái trực thăng chiến đấu. Nhờ vào khả năng âm nhạc và tiếng hát trữ tình được nhiều người mến mộ, Sĩ Phú đã được cử làm Cục trưởng cục Tâm lý chiến của Không quân. Trong vai trò này, ông rất thành công trong việc kêu gọi những người trẻ tuổi gia nhập ngành Không quân, cùng lúc ông cũng nổi tiếng với tiếng hát trầm ấm thiên phú của ông. Ông trở thành nam ca sĩ thượng thặng của thế giới ca hát miền Nam.

Sĩ Phú định cư tại Hoa Kỳ từ năm 1975. Ông đi học lại và tốt nghiệp kỹ sư ngành viễn thông, làm việc cho hãng Mỹ và dần dần tạo cho bản thân một đời sống ổn định. Như những nghệ sĩ lưu vong khác, đời sống nghệ thuật của Sĩ Phú chậm hẳn lại, chỉ thỉnh thoảng ca hát giúp vui trong những chương trình thân hữu. Mãi đến năm 1995 Sĩ Phú mới trở lại hoạt động âm nhạc.

Vào mùa thu năm 1999, trong một lần đi khám sức khỏe tổng quát, ông được bác sĩ cho biết đã mắc bệnh ung thư phổi. Đĩa hát cuối cùng ông thực hiện sau khi biết mình bị bạo bệnh mang tên Còn Chút Gì Để Nhớ, theo ông, như một lời cảm tạ đến những người yêu mến ông trong cuộc đời nghệ thuật, và như một lời giã biệt.

Hội Ảnh Nghệ Thuật VN tổ chức lễ vinh danh và triển lãm

Gần 300 khách thưởng ngoạn, thân hữu và nhiếp ảnh gia Việt Nam đã tham dự lễ khai mạc phòng triển lãm và dự lễ vinh danh một số nhiếp ảnh gia Việt Nam được phong tước hiệu về nhiếp ảnh tại Phòng Sinh Hoạt Nhật Báo Người Việt tại thành phố Westminster vào sáng ngày thứ Bẩy 15 tháng Bẩy năm 2000.

Ông Frank Fry, Thị Trưởng của thành phố Westminster đã cắt băng khánh thành phòng triển lãm nhiếp ảnh, rồi cùng với khách tham dự đi xem khoảng gần 50 tác phẩm nhiếp ảnh mầu và đen trắng của nhiều nhiếp ảnh gia thuộc nhiều thế hệ.

Ông Lê Văn Khoa, Chủ tịch Hội Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam đã ngỏ lời chào mừng quan khách và thân hữu hiện diện cũng như nói lý do của buổi lễ hôm nay là buổi lễ đầu tiên của Hội Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam (The Vietnamese Artistic Photography Association),

Thị trưởng Westminster (trái) đang cùng nhiếp ảnh gia Lê Văn Khoa cắt băng khánh thành phòng triển lãm

viết tắt là APA, nhằm vinh danh một số các nhiếp ảnh gia từ nhiều thế hệ đã hoạt động tích cực và có nhiều tác phẩm được đánh giá cao về nghệ thuật.

Nhân dịp này, nhiếp ảnh gia Lê Văn Khoa cũng nhắc sơ đến những hoạt động của APA từ những ngày thành lập đầu tiên năm 1969 tại Việt Nam với những lớp nhiếp ảnh, các sinh hoạt săn ảnh, tổ chức triển lãm ở trong nước... từ đó đưa đến kết quả một số các nhà nhiếp ảnh do hội đào tạo đã đoạt được nhiều giải thưởng cao quí quốc tế.

Năm 1977, APA được phục hoạt lại tại miền Nam Hoa Kỳ và dần dần phát triển và củng cố. Đến nay, APA có có nhiều chi hội ở các nơi như miền Bắc California, miền đông Hoa Kỳ và ngay ngày hôm nay, một chi hội mới nữa ở Oregon cũng gia nhập vào gia đình nhiếp ảnh APA. Ngoài ra, APA cũng có những trao đổi với các hội ảnh bạn thuộc các sắc dân khác tại Hoa Kỳ.

Ông Thị Trưởng Frank Fry đã ngỏ lời chào mừng Hội APA đã có những đóng góp về văn hóa Việt Nam cho thị xã Westminster cũng như cho nước Mỹ. Ông đã trao bằng tưởng lệ và chìa khóa của thành phố Westminster cho ông Lê Văn Khoa.

Ông Thị Trưởng Frank Fry cũng đã trao bằng vinh danh các nhiếp ảnh gia Việt Nam được phong tước hiệu theo đẳng cấp nhiếp ảnh tùy theo sự đóng góp của các nhiếp ảnh gia trong lãnh vực nhiếp ảnh, với tác phẩm được giám khảo và công chúng xác nhận. Theo đẳng cấp này từ cao nhất là Honor Felloship Members (Hon. F. APA), Honor Members (Hon. APA), Fellowships members (F.APA) và Associates Members (A.APA).

Hội Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam tại Hoa Kỳ đã tổ chức nhiều lớp nhiếp ảnh tại hai miền Nam và Bắc California với hàng ngàn học viên trong đó có nhiều nhiếp ảnh gia đã nhận được những giải thưởng quốc tế. Hội cũng còn tổ chức các buổi sinh hoạt săn ảnh, các cuộc thi ảnh, các cuộc triển lãm ảnh làm phong phú cho nền nhiếp ảnh Việt Nam tại hải ngoại, đặc biệt có sự tham dự của rất nhiều nhiếp ảnh gia trẻ Việt Nam. Hội còn phụ trách trang Nhiếp Ảnh hằng tuần trên nhật báo Người Việt, tạp chí Thế Giới Nghệ Thuật để theo dõi tin tức nhiếp ảnh và cùng nhau xem ảnh nghệ thuật của những người yêu ảnh.

Nhiếp ảnh gia Lê Văn Khoa, trong dịp này còn cho biết trong thời gian gần sắp tới ngoài việc tổ chức các lớp nhiếp ảnh sẽ còn tổ chức các cuộc triển lãm rộng lớn hơn để giới thiệu bộ môn nhiếp ảnh nghệ thuật Việt Nam với khách thưởng ngoạn quốc tế. Ông Lê Văn Khoa là một nhạc sĩ, nhạc trưởng có tiếng nhưng ông cũng còn là một nhiếp ảnh gia từng đoạt nhiều huy chương quốc tế từ trước năm 1975. Ảnh của ông đã từng trưng bày tại nhiều cuộc triển lãm trên thế giới cũng như tại Hoa Kỳ.

Các bạn thích ảnh nghệ thuật có thể liên lạc với Hội Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam qua địa chỉ: 10872 Forbes Avenue, Garden Grove, CA 92843. Tel: (714)265-2878.

Cựu sinh viên Trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ họp mặt

Nhân cuộc họp mặt kỳ 2 của các cựu sinh viên trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ (Sài Gòn, Việt Nam), hơn 400 thân hữu và văn nghệ sĩ đã đến tham dự tại vũ trường Majestic vào tối thứ Sáu 30 tháng Sáu năm 2000.

Nhạc sĩ Nghiêm Phú Phi, nguyên Giám Đốc trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ trước 1975 đã lên sân khấu nói mục đích của cuộc họp mặt này, là muốn tạo cơ hội để các anh chị em nghệ sĩ, cựu sinh viên của trường họp mặt đồng thời thử vạch ra một chương trình hoạt động có tính cách vừa duy trì vừa giới thiệu những tinh hoa của văn hóa và văn nghệ Việt Nam đến với các Cộng Đồng bạn tại Hoa Kỳ trước khi có thể có những dự án lớn khác về văn nghệ.

Bác sĩ Trần Ngọc Ninh, Cựu Tổng Trưởng Giáo Dục, Văn Hóa và Thanh Niên nói từ lâu nền văn nghệ của Việt Nam không được quan

tâm đúng mức vì quan niệm của người xưa cho rằng xướng ca vô loài. Ông cho rằng ngày nay cần phải sửa đổi quan niệm ấy, xây dựng nền văn nghệ cũng là một đóng góp cho văn hóa Việt Nam. Ông hy vọng các cựu sinh viên trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ sẽ thực hiện được những ước mơ của mình trong công cuộc bảo tồn và phát huy văn hóa, văn nghệ nước nhà tại hải ngoại.

Một chương trình văn nghệ gồm một số lớn các bộ môn mà các cựu sinh viên đã học ở trường Quốc Gia Âm Nhạc tại Sài Gòn từ thập niên 1960, 1970, gồm có chương trình nhạc cổ điển Tây Phương, chương trình quốc nhạc; về kịch, nữ nghệ sĩ Dương Ngọc Bầy trong y trang hát bội đã diễn một trích đoạn trong vở hát bội Hồ Nguyệt Cô Mất Ngọc được khán giả hoan nghênh nhiệt liệt. Vở hài kịch Thôn Nữ Kén Chồng của Mai Khanh và Nguyễn Văn Tự với các diễn viên Xuân Phát, Mai Khanh, Vũ Thái Bình và Liên Hải đã giới thiệu một nét kịch lồng trong những nét văn hóa dân tộc cùng với một số ca khúc vui nhộn.

Về âm nhạc thì một số ca nhạc sĩ, cựu sinh viên trường Quốc Gia Âm Nhạc nay đã là những ca sĩ trong nền tân nhạc với Vũ Khanh, Mai Hương, Trọng Nghĩa... trước khi trình diễn có nhắc lại những kỷ niệm với trường cũ. Cũng có sự góp mặt của ban Tứ ca Ngàn Khơi, Cao Anh, Tuấn Cường, đặc biệt Bùi Thiện, Xuân Phát từng là giảng viên của trường Quốc Gia Âm Nhạc.

Đêm họp mặt của các cựu sinh viên Quốc Gia Âm Nhạc chấm dứt với một chương trình dạ vũ.

Đạo diễn trẻ Việt Nam: Lộ Chí Mười ra mắt phim Catfish In Black Bean Sauce

Cuối tuần qua, cuốn phim Catfish In Black Bean Sauce của nhà đạo diễn trẻ Việt Nam Lộ Chí Mười đã ra mắt tại rạp Edwards Theater trong Westminster Mall được sự hưởng ứng nồng nhiệt của một số khán giả Việt Mỹ.

Vào chiều thứ Bẩy, đạo diễn Lộ Chí Mười đã hiện diện trước phòng bán vé của rạp Edward tại Westminster Mall để gặp gỡ khán giả, báo chí và ký lưu niệm các poster của cuốn phim nói trên.

Cuốn phim Catfish In Black Bean Sauce tạm dịch là Cá Chưng Tương là một cuốn phim chủ đề nói về nhiều sự xung đột giữa các thế hệ, các chủng tộc và các nền văn hóa. Nhưng Lộ Chí Mười vừa viết chuyện phim, vừa đạo diễn vừa thủ vai chánh đã lồng chuyện phim dưới dạng thức khôi hài để diễn tả những xung đột kể trên qua câu chuyện bi hài của hai chị em tỵ nạn Việt Nam đến Hoa Kỳ lúc còn nhỏ và bơ vơ giữa xứ lạ.

Mai do nữ tài tử Lauren Tom thủ diễn cùng với em là Sap do Lộ Chí Mười, đang bơ vơ tại trại tỵ nạn và có nguy cơ phải chia rẽ nhưng nhờ vợ chồng một gia đình da đen bảo trợ và nuôi nấng cả hai thành người. Mai lấy chồng một thương gia và Sap có người yêu là một người da đen. Những xung đột diễn ra bắt đầu từ một cuộc đoàn tụ của hai chị em Mai với mẹ là bà Thanh do Kiều Chinh đóng, từ Việt Nam sang. Những cảnh cười ra nước mắt do trở ngại từ ngôn ngữ, đến chủng tộc, đến thế hệ trẻ già được xoay quanh các nhân vật. Nhưng rồi sau đó những khác biệt đều được sắp xếp ổn thỏa trong tinh thần hiểu biết, thương yêu và chia xẻ.

Lộ Chí Mười sanh ở Việt Nam nhưng lớn lên tại tiểu bang Philadelphia được báo chí Hoa Kỳ khen ngợi như là một nhà sản xuất giỏi và cũng là một diễn viên có khả năng. Anh đã gây được nhiều tràng cười thích thú cho khán giả.

Phim của một số đạo diễn trẻ Việt Nam như Trần Anh Hùng với Mùi Đu Đủ Xanh, Xích Lô, Tony Bùi với Ba Mùa, và bây giờ Cá Chưng Tương của Lộ Chí Mười đã cho thấy triển vọng của thế hệ thứ hai di dân Việt Nam trong ngành nghệ thuật thứ bảy.

Sinh hoạt VAALA: Giáo sư Nguyễn Văn Châu nói chuyện về cây đàn nguyệt

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) trong chương trình sinh hoạt mùa hè năm 2000, đã mời giáo sư Nguyễn Văn Châu nói về cây đàn nguyệt, một nhạc cụ căn bản trong cổ nhạc Việt Nam, vào chiều Chủ nhật 23/7/00 tại Hội trường của nhật báo Người Việt.

Ông Hoàng Ngọc Tuệ, Chủ Tịch Hội VAALA đã giới thiệu giáo sư âm nhạc Nguyễn Văn Châu là một nhạc sĩ mê nhạc cổ truyền từ lúc còn trẻ, sau này ông đã theo học và tốt nghiệp trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ Việt Nam tại Saigon vào khoảng thập niên 1960. Sau khi tốt nghiệp ông Châu đã trở thành giáo sư tại trường cũ.

Giới thiệu cây đàn nguyệt cổ truyền Việt Nam, giáo sư Châu đã so sánh nó với cây đàn nguyệt của Trung Hoa: cây đàn tàu có bốn giây, bảy phím, năm trục trong khi cây đàn nguyệt Việt Nam (miền Nam còn gọi là đàn kìm, do phải kẹp chặt vào người khi chơi đàn) chỉ có hai giây, năm phím và bốn trục. Vì tiếng

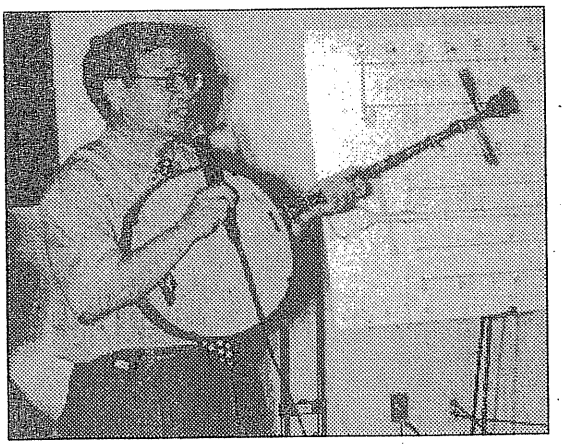

Giáo sư Nguyễn Văn Châu đang giảng giải về cây đàn nguyệt

Việt đa âm nên cây đàn nguyệt Việt Nam cũng phải đóng vai trò diễn đạt những luyến láy rất tế nhị theo cách phát âm của người Việt.

Kế đến giáo sư Châu nói về vị trí cây đàn nguyệt qua nền âm nhạc cổ truyền của ba miền Nam Trung Bắc Việt Nam. Trong dàn nhạc Việt Nam cây đàn nguyệt là một cây đàn chánh không thể thiếu. Cây đàn nguyệt còn là cây đàn căn bản với một hệ thống âm thanh ổn định, vững chãi, các nghệ sĩ muốn sáng tác thường phải dùng đàn này.

Xen kẽ trong buổi nói chuyện là những bản hòa tấu cổ nhạc như Kim Tiền, Bình Bán, Lý Con Sáo, Huê Tình do nhạc sinh của ban Lạc Hồng trình diễn. Một số minh họa khác, như các bài ca trù, hát chầu văn thì được phát từ băng ghi âm.

Kết thúc buổi nói chuyện, giáo sư Châu đã giải đáp một số thắc mắc của khán giả về cây đàn nguyệt.

Nhà văn Trần Thy Vân ra mắt tác phẩm Tiếng Hờn Chân Mây

Hơn 300 người đã tham dự buổi ta mắt tác phẩm thứ hai, Tiếng Hờn Chân Mây, của nhà văn Trần Thy Vân, tại Trung Tâm Công Giáo, giáo phận Orange County vào chiều ngày Chủ Nhật 16 tháng Bẩy năm 2000.

Sau nghi thức thường lệ, nữ sĩ Nhất Phương, MC của chương trình ra mắt tác phẩm đã giới thiệu nhà văn Thảo Trường lên nói về tác phẩm Tiếng Hờn Chân Mây của tác giả Trần Thy Vân. Theo ông Thảo Trường thì bút pháp của tác giả có một sức lôi cuốn độc giả đặc biệt. Tiếng Hờn Chân Mây được mô tả như là một cuốn hồi ký sống động với những nhân vật có thật, những sự kiện có thật trong một bối cảnh lịch sử có thật mà tác giả đã chứng kiến đã trải qua.

Giáo sư Trần Đức Thanh Phong đã nói về những nhân vật trong tác phẩm Tiếng Hờn Chân Mây. Theo ông, Trần Thy Vân chỉ sử dụng những lời văn nhẹ nhàng, bình dân hợp với lời lẽ của các nhân vật. Trần Thy Vân nói về tâm trạng của những người lính chiến đấu cũng như tâm trạng của chính ông khi nhìn đồng đội ngã gục tại chiến trường trước mắt ông. Một điều có thể gây xúc động cho bạn đọc khi ông viết về chính chuyện của ông đã bị một quả mìn cắt đứt đôi chân ông ngay tại chiến trường.

Trong lời nói đầu của tác phẩm thứ hai Tiếng Hờn Chân Mây, Trần Thy Vân đã viết rằng "Tiếp theo truyện dài Anh Hùng Bạt Mạng, một tác phẩm thu hút được nhiều đọc giả trong mấy năm qua, đã tái bản lần thứ hai, Tiếng Hờn Chân Mây cũng được viết lại từ hồi ký của tác giả. Bối cảnh và các nhân vật đều có thật..."

Trong tác phẩm này, bạn đọc sẽ chia xẻ những tình cảm chân thật nhất của tình đồng đội, tình người qua tâm tình của một người cầm súng gìn giữ quê hương và những đau thương chồng chất của một thương phế binh sau ngày rã ngũ.

VIRGINIA

Họa sĩ Ngọc Dũng qua đời

Họa sĩ Ngọc Dũng vừa qua đời ngày 7-7-2000 tại Virginia (Hoa Kỳ) sau một thời gian bị ung thư phổi, hưởng thọ 69 tuổi.

Ngọc Dũng là một trong những người chủ trương tạp chí văn chương Sáng Tạo bắt đầu hồi cuối thập niên 50, cùng với Mai Thảo, Duy Thanh, Nguen6 Sĩ Tế, Trần Thanh Hiệp v.v...

Ông tên thật là Nguyễn Ngọc Dũng, quê ở Hưng Yên, sinh ngày 16-10-1931, Cuộc triển lãm tranh đầu tiên của ông được tổ chức tại Hà Nội vào năm 1953, cùng với họa sĩ Duy Thanh. Di cư vào Nam, ông tiếp tục vẽ và triển lm nhiều lần, và là một trong những khuôn mặt lớn trong làng hội họa miền Nam trong hơn 20 năm.

Ông cũng còn là một họa sĩ vẽ hí họa cộng tác với nhiều báo mà nổi tiếng nhất có thể là thời gian dài ông cộng tác với nhật báo Chính Luận, ký tên Tuýt.

Sang Hoa Kỳ tị nạn từ 1975, cư trú ở tiểu bang Virginia gần thủ đô Hoa Thịnh Đốn, ông tiếp tục vẽ và cộng tác với nhiều báo ở hải ngoại, phần lớn là các báo văn học nghệ thuật. Ông là một trong những cây bút vẽ minh họa thường xuyên cho báo *Thế Kỷ 21.* ●

PHẠM XUÂN ĐÀI

Chân thành cám ơn các nhà xuất bản và tác giả trong thời gian qua đã gửi tặng *Thế Kỷ 21* những sách mới sau đây:

- **Tuyển Tập Thơ Văn Hải Ngoại Năm 2000**, nhóm Việt Thường thực hiện, Văn Mới xuất bản, 661 trang, giá US$20.00. Liên lạc: Văn Mới, 1528 South La Cienega Bl. Los Angeles, CA 90035, USA. Tel: (310) 559-0413.

- **Việt Nam Thương Khúc**, Kiệt Tấn, An Tiêm xuất bản, 144 trang, giá US$7, ngoài Hoa Kỳ US$8. Liên lạc Nhà Xuất Bản An Tiêm, 3 Vincent Van Gogh 95170 Deuil La Barre France.

- **Cõi Người Trong Văn Chương Bình Dân**, Huỳnh Văn Phú, Văn Mới xuất bản, Văn Nghệ phát hành, 114 trang. Giá US$10. Liên lạc: Nhà Xuất Bản Văn Mới 1528 South La Cienega Blvd. Los Angeles, CA 90035 USA. Tel: (310)559-0413.

- **Lời Dâng**, Rabindranath Tagore, Đỗ Khánh Hoan chuyển ngữ, Ba Vì xuất bản, 215 trang, giá US$15. Liên lạc: Đỗ Như Hằng, 27 Maitland Drive, Markham, ON. L3R 4M6 Canada.

- **Danh Mục Con Người Và Chức Vụ**, Đỗ Thông Minh, Tân Văn xuất bản, 210 trang. Giá 1400 yen. Liên lạc: Nhà Xuất Bản Văn Nghệ P.O Box 2301 - Westminster CA 92683, USA. Tel: 1-714-934-8574. Fax: 1-714-572-5761.

- **Thiên Hùng Ca Dân Tộc Việt**, Hà Thúc Như Hỷ, Khôi Việt xuất bản, giá US$20. 178 trang. Liên lạc: Khôi Việt 14922 Moran street #B, Westminster CA 92683. Tel: (909) 465-0716.

- **Tiếng Hờn Chân Mây**, Trần Thy Vân, tác giả xuất bản, 187 trang, giá US$12. Liên lạc: Trần Thy Vân P.O. Box 2085, Westminster, CA 92684.

- **Bốn Lần Leo Núi Tản**, Lưu Văn Vịnh, Hạ Long Thư Các xuất bản, 273 trang. Giá US$10. Liên lạc: e-mail vinhvanluuYjuno.com, P.O. Box 122 Elridge CA 95431.

- **Vùng Lầy Nước Mắt**, Trần Nhật Kim, tác giả xuất bản, 211 trang, giá US$10, liên lạc: Mr. Trần Nhật Kim P.O. Box 50461 Arlington VA 22205-9998. Tel: (703) 533-3079.

- **Người Lữ Hành Không Đơn Độc**, truyện dài ái tình xã hội thời đại của Văn Phan, Tú Quỳnh xuất bản, 351 trang, giá 15 Mĩ kim. Liên lạc: Văn Nguyễn 10082 Central Ave. Garden Grove CA 92843. Tel: (714) 539-4494.

- **Spring Essence: The Poetry of Hồ Xuân Hương**, thơ Hồ Xuân Hương, John Balaban chuyển ngữ, 99 trang. Copper Canyon Press xuất bản. Giá US$15.

- **Hồ Xuân Hương Nàng Là Ai?**, Nhất Uyên Phạm Trọng Chánh, Bông Sen xuất bản. 163 trang. Giá US$15. Liên lạc: TS Phạm Trọng Chánh 129 Avenue Rouget de L'Isle 94400 Vitry sur Seine - France.

- **Đại Đội Cũ Trang Sách Cũ**, Trần Hoài Thư, Thư Ấn Quán xuất bản, 188 trang. Liên lạc: Trần Hoài Thư PO Box 58 S.Bound Brook NJ 08880. E-mail: tht5Yjuno.com.

- **Thương Quê**, thơ, Nguyễn Văn Cường, Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Đức xuất bản. 193 trang. Giá US$10. Liên lạc: Nguyễn Văn Cường Olsvikasen 144 - Tlf. 55 26 53 20 5183 Olsvik - Bergen - Norway.

- **Khoảng Tối Nhìn Lên**, bút ký chiến trường Đào Đức Bảo, 266 trang. Tác giả xuất bản. Giá US$15 (ngoài Hoa Kỳ thêm US$4 cước phí). Liên lạc: Khue Vu Tel: (714) 926-9236, Pager: (714) 407-5321.

- **Sổ Tay Y Khoa**, Bác Sĩ Linh Lan, Trung tâm dinh dưỡng SNP xuất bản. Giá US$14.95. Liên lạc: Doctors' Group SNP Nutrition & Health P.O Box 225, Seal Beach CA 90740-0225. Tel: (714) 903-2225. Fax: (714) 903-5102. E-mail: snpcenterYaol.com.

- **Từ Tâm**, thơ Thế Dũng, Trilce Editionen Berlin xuất bản. 201 trang. Giá US$12. Liên lạc: Vũ Trường Giang Demminer str.35, 13059 Berlin - GER Tel: 49-30920 66 72 hoặc 0171/453 02 83.

- **Thôi Anh Vĩnh Viễn Làm Người Không Quen**, thơ Tố Anh. 133 trang, tác giả xuất bản. Liên lạc: Tố Anh 33134 Lakeshore Dr. Tavares, Florida 32778, USA Tel: (352) 343-4904.

- **Ca Dao Buồn**, thơ Hồ Việt Hùng, Antiem Studio ấn hành. 153 trang. Giá US$15 (ngoài nước Mĩ thêm US$2). Liên lạc: Hà Việt Hùng 211 S. Western Ave. #40 Anaheim CA 92804-1653. E-mail: hunghanhYjuno.com hoặc thanhthyYpost.com.

- **Thơ Tha Hương**, Tha Hương xuất bản. 116 trang. Không đề giá.

- **Hoa Ô Môi**, thơ Thảo Chi Bùi Mỹ Hoa, Cần Thơ xuất bản năm 2000. 134 trang. Giá US$15, ngoài Hoa Kỳ US$20. Liên lạc: Thảo Chi Bùi Mỹ Hoa 2723 McKee Road San Jose, CA 95127. Tel: (408) 926-7152.

MUỐN CÓ CĂN BẢN TIẾNG ANH MAU LẸ

TRAU GIỒI ĐỂ THÀNH CÔNG TRÊN ĐẤT NGƯỜI

NHỮNG PHƯƠNG PHÁP HỮU HIỆU NHẤT

MODERN ENGLISH

Kinh nghiệm hơn 40 năm của cố giáo sư Lê Bá Kông đã được tập trung để soạn bộ sách rất giá trị này, được các nhà chuyên môn ngữ học Việt và ngoại quốc khen ngợi.

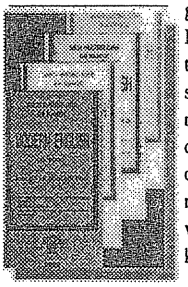

Bộ gồm 4 cuốn giáo khoa từ sơ cấp đến hoàn bị, 4 cuốn hướng dẫn để tự học, và 8 cassettes C-90, giọng cô Ruth Ascher, xướng ngôn viên New York.

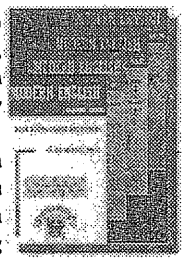

Hướng dẫn phát âm điêu luyện, hơn hẳn những phương pháp khác.

Phần văn phạm và cú pháp căn bản vững vàng, hợp với người Việt, được giảng giải cặn kẽ, mạch lạc, dễ hiểu và đầy đủ.

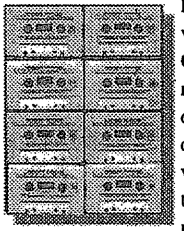

Các bài tập nhằm vừa áp dụng những điểm mới học vừa ôn lại thường xuyên những điều đã học. Bài vở nhằm giúp học viên vui học.

#ME - US$99.00 toàn bộ.

Giá đặc biệt khi mua chung bộ Modern English và bộ TỰ ĐIỂN ANH-VIỆT VIỆT-ANH, loại mới, hơn 900 trang, chữ lớn, đặc biệt có 2 lối phiên âm Quốc Tế và Ziên Hồng, bìa bọc plastic.

#METĐ - US$120.00

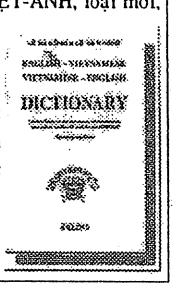

VĂN PHẠM ANH VĂN

Nói và viết sai mẹo luật ? Không làm được bài khảo sát ? Không tự tin khi làm bài ? Đầy đủ nhất, giảng giải bằng tiếng Anh và Việt rõ ràng dễ hiểu. Soạn rất công phu, dầy 310 trang, với 150 bài tập và đầy đủ các bài dẫn giải để tiện cho người tự học. Đã tái bản tới kỳ thứ 42, với ba lần hiệu đính. Đã giúp cả triệu học sinh Việt trau giồi Anh văn.

#VPAV - US$10.00

VĂN PHẠM ANH VĂN PHẦN BỔ TÚC (đặc biệt về Cú Pháp, Phân Tích Tự Loại và Mệnh Đề)

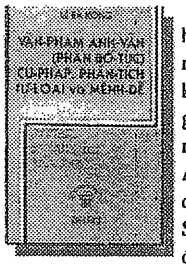

Không học phần này sẽ không bao giờ viết và nói tiếng Anh đúng qui tắc. Sách đã được tái bản tới 29 lần tại Sàigòn và Hoa Kỳ.

#VPBT - US$7.00

TỰ TRAU GIỒI NGỮ VỰNG ANH VĂN

Cần thiết để chuẩn bị thi TOEFL, SAT, và tự trau giồi ở trình độ cao hơn. Sách được soạn theo phương pháp vừa học vừa giải trí.

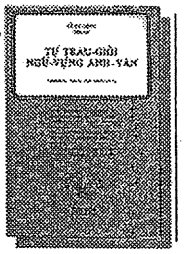

#NVAN - US$7.00

THÀNH NGỮ VIỆT ANH PHÁP

Muốn hiểu thấu các điểm tinh vi của sinh ngữ. Gồm hơn 5,000 thành ngữ xếp theo vần ABC ... rất tiện để tra cứu.

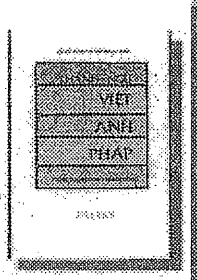

#TNVAP - US$9.50

MẪU CÂU ANH NGỮ

Soạn giả giáo sư Hà Văn Bửu. 420 trang. Muốn viết Anh Văn đúng và hay, phải có cuốn sách giáo khoa độc đáo này, soạn rất công phu và đầy đủ. Nhiều người cho rằng Anh Văn tương đối dễ, nhưng qua đây đã hơn 20 năm ai cũng phải công nhận rằng viết đúng Anh Văn đòi hỏi hiểu công phu và thực tập.

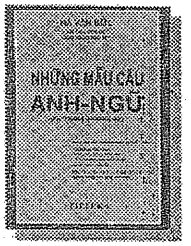

#MCAN - US$12.50

DANH TỪ BÁO CHÍ ANH MỸ - Soạn giả Võ Anh Tài.

Đã vượt qua trình độ Anh ngữ thông thường, quý độc giả cần nỗ lực thêm để đạt tới trình độ cao hơn. Như vậy mới thưởng thức được hàng ngàn nhật báo và tạp chí lý thú và ích lợi, nhằm mở mang kiến thức. Cuốn sách này sẽ nhất định đáp ứng được nhu cầu đó. Soạn rất công phu. Dày gần 400 trang.

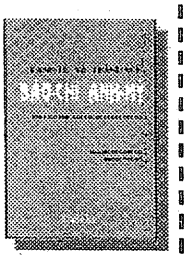

#DTBC - US$12.50

Ý nguyện của cố Giáo sư
LÊ BÁ KÔNG
là tiếp tục phụng vụ đồng bào đồng hương

Zieleks Company Inc.
(Ban Tu Thư Ziên Hồng)
2109 Kilkenny Dr. - Dept. TK
Pearland, TX 77581, USA
(281) 481-3783

Xin gửi về:
Zieleks Company Inc.
2109 Kilkenny Dr. - Dept. TK
Pearland, Texas 77581, USA
(281) 481-3783
Xin quí hãng gửi cho chúng tôi
#_____ US$_____
#_____ US$_____
#_____ US$_____
#_____ US$_____
#_____ US$_____
Cước phí (ở Mỹ xin thêm 10%, Canada 15%, các nước khác 30%) US$_____
Tổng cộng US$_____
Kèm theo đây là:
☐ check ☐ money-order
☐ chi tiết cho credit card
Tên _____
Địa chỉ _____
_____
Tỉnh _____
Tiểu bang _____ Zip _____
Nếu dùng credit Card:
Số _____
Hết hạn _____
Chữ ký _____
Điện thoại _____

Bolsa Medical Center

10362 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 - **(714) 531-2091**

AMVI, AMVI / PROSPECT SỐ 27 & BOLSA MEDICAL GROUP

in affiliation with

FOUNTAIN VALLEY REGIONAL HOSPITAL

17100 Euclid Ave., Fountain Valley, CA 92708 - **(714) 966-7250**

TRUNG TÂM Y TẾ TOÀN KHOA

TRUNG TÂM GIẢI PHẪU NGOẠI CHẨN
PHÒNG ĐIỀU TRỊ KHẨN CẤP, QUANG TUYẾN & THỬ NGHIỆM

- Trung tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất trên thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà ngay không cần ở lại đêm.
- Trung tâm có bác sĩ chuyên khoa về gây mê, bác sĩ chuyên khoa về tim thường trực để bảo đảm và theo dõi sự an toàn của quý vị.
- Trung tâm được công nhận bởi các cơ sở y tế địa phương và tiểu bang.

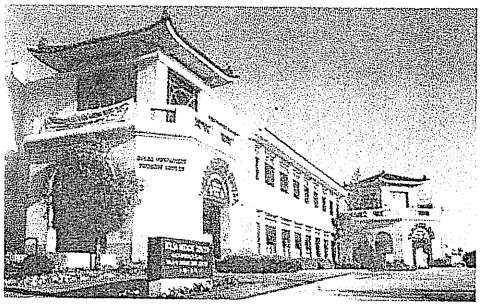

CHUYÊN TRỊ:

* Nội, Ngoại Thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Nha Khoa, Bệnh Người Già, Bệnh Đường Tiêu Hóa, Ruột....
* Các bệnh khẩn cấp, nóng sốt, tiêu chảy, ói mửa, tiểu rát, tiểu ra máu người lớn và trẻ em.
* Các tai nạn xe cộ, nghề nghiệp, ở nhà & ở sở - Khâu các vết thương.
* Các bệnh cấp tính đau nhức, đau xương, đau bụng, đau lưng, nhức đầu, đau mắt, bong gân, gẫy xương.
* Các bệnh khó thở, tức ngực, suyễn, sưng phổi, đau tim.

Xin mời quý vị đón nghe Chương trình Hội Thoại Y Khoa của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group, hàng tuần vào mỗi thứ Tư, từ 2:15 PM - 3:15 PM và sáng thứ Sáu từ 6:15 AM tới 6:30 AM trên băng tần 106.3 FM, VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

* *Nhận Medi-Cal, Cal OPTIMA, Medi-Care, HMO & PPO & hầu hết các loại bảo hiểm.*
* *Giá đặc biệt cho khách trả tiền mặt hoặc thẻ tín dụng với các dịch vụ giải phẫu & săn sóc thai nhi.*
* ***Có xe chuyên chở cho quý vị không có phương tiện di chuyển (Xin lấy hẹn)***
* *Có chỗ đậu xe rộng rãi và an toàn đằng sau Trung Tâm.*

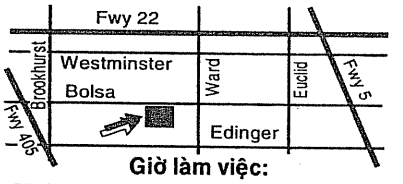

Giờ làm việc:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9 AM - 8 PM & Thứ Bảy: 9 AM - 4 PM

AMVI Medical Group, Fountain Valley Regional Hospital and Medical Center, affiliated with Telnet HealthSystem

DANH SÁCH CÁC BÁC SĨ CỦA BOLSA MEDICAL GROUP

B.S. PHẠM ĐĂNG LONG CƠ, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THỊ LÃM THÚY, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. NGUYỄN HỮU HÙNG, M.D.
Nội Khoa, Bệnh Người Già

B.S. VĂN KỲ CHƯƠNG, M.D.
Giải Phẫu Tổng Quát

B.S. NGUYỄN VĂN LỘC, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. DƯƠNG HỒNG TẠO, M.D.
Tim Mạch, Nội Thương

B.S. HOÀNG THANH VINCENT, M.D.
Nội Khoa và Y Khoa Gia Đình

B.S. HOÀNG THẢO CHRISTINE, M.D.
Sản Phụ Khoa

B.S. NGÔ NGỌC TRÂN, M.D.
Chỉnh Xương

B.S. DAVID NGUYỄN, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. PHẠM VIỆT ANH, M.D.
Gia đình, Gây mê, Đau nhức

B.S. PHAN QUỐC QUANG, M.D.
Bệnh Bao Tử, Đường Ruột

B.S. QUẢN TRỌNG THANH LAN, M.D.
Nhãn Khoa

B.S. PETER NGUYỄN, M.D.
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

B.S. VŨ QUỐC ĐỊNH, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THIỆN TRIỆU, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Trẻ Em

BS. NGUYỄN SONG ANH TÚ, M.D.
Nội Khoa, Y Khoa Gia Đình

B.S. LƯU THỊ LỢI, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. LAUREN YẾN CHÂU TRẦN, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. HOÀNG QUÝ MINH, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

B.S. NGUYỄN THANH THÙY, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

Khi quý vị chọn BOLSA MEDICAL GROUP, quý vị đã chọn một Trung Tâm Y Tế có khả năng đem lại cho quý vị những dịch vụ y tế đầy đủ và phẩm chất cao. Trung Tâm Y Tế Bolsa được trang bị bởi những dụng cụ tối tân nhất như hệ thống Laser, Video và đặt trọng tâm vào lãnh vực săn sóc sức khỏe, chẩn và trị bệnh cho cộng đồng Việt Nam. Ngoài Phòng Thử Nghiệm và Phòng Quang Tuyến tối tân đúng tiêu chuẩn của Cơ Quan Y Tế Tiểu Bang California, Trung Tâm Giải Phẫu Ngoại Chẩn của Bolsa Medical Group còn chuyên về các dịch vụ giải phẫu mà bệnh nhân không cần ở lại qua đêm, giúp quý vị tiết kiệm thời gian và tiền bạc.

PRESORTED
STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

Mới phát hành

CD và Cassette THƠ THIỀN

TRÚC LÂM THIỀN PHỔ & THƯỜNG CHIẾU THIỀN PHỔ

Thơ kệ: Thiền sư Thường Chiếu
Thiền sư Thanh Từ
Thiền sư Nhật Quang

Thi phẩm: Trần Nhân Tôn
Thiền sư Vạn Hạnh
Tuệ Trung Thượng Sĩ

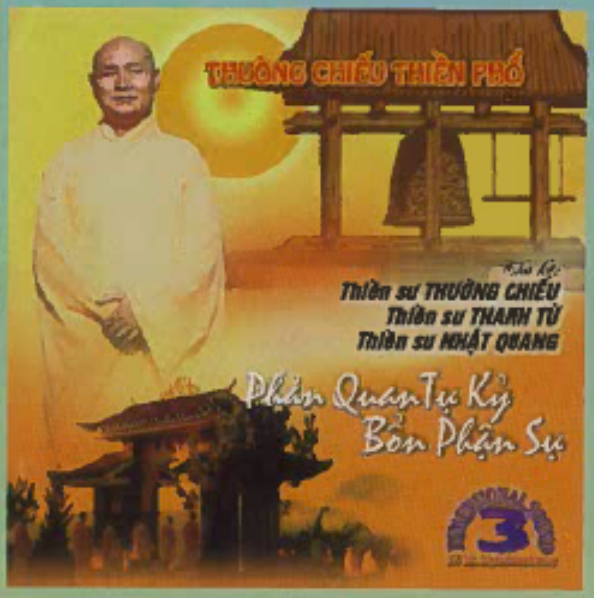

Diễn ngâm: Việt Hùng, Phương Dung, Quỳnh Hoa, Phương Hạnh, Xuân Phát.

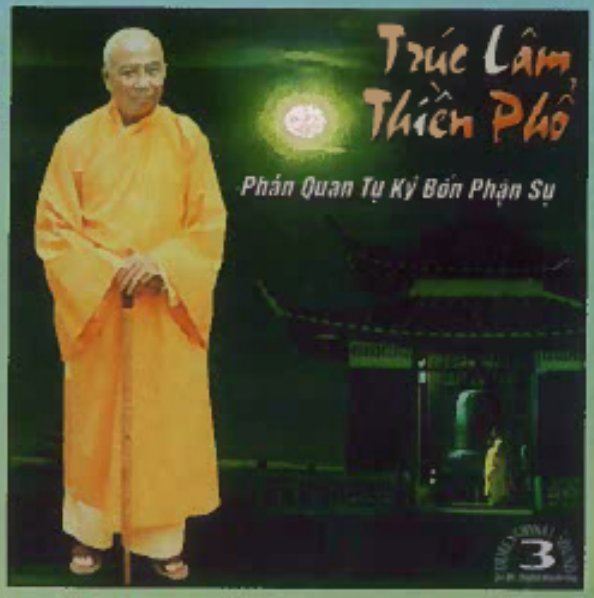

Diễn ngâm: Minh Nguyệt, Bích Thuận, Phượng Vũ, Trọng Nghĩa.

Để chào mừng Thiên niên kỷ thứ III, trong tinh thần Từ Bi, Trí Tuệ, Nhân Bản và Khai Phóng của đạo Phật, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu *CD & Cassette* **TRÚC LÂM THIỀN PHỔ và THƯỜNG CHIẾU THƯỜNG PHỔ** gồm các thi kệ bất hủ của: ***Thiền sư Thường Chiếu***, một cao tăng lỗi lạc vào cuối thế kỷ 12 đời nhà Lý; Thiền sư khả kính hiện đại ***Thích Thanh Từ,*** Viện chủ Thiền Viện Trúc Lâm; ***Thiền sư Thích Nhật Quang,*** trụ trì Thiền Viện Thường Chiếu...

Phát hành tại:

- **Hoa Phát Dịch Vụ: (714) 531-2700**
- **Saigon Pharmacy: (714) 531-1740**

hay liên lạc **Đạo hữu Mãn Tâm Anh: (714) 839-6704**

Địa chỉ: 9490 Madison Ave., Westminster, CA 92683. USA

Chúng tôi có phát hành Video và băng Cassette Học Phật

Ấn Phí: 5 Mỹ Kim